Kinh Tiểu Bộ - tập 7 [Chuyện Tiền Thân 396-473] (GS Trần Phương Lan dịch)

Kinh Tiểu Bộ (HT Thích Minh Châu & GS Trần Phương Lan dịch)

Chương VII Phẩm bảy bài kệ

396. Chuyện Ác Hạnh (Tiền thân Kukku)

Cái nóc nhà này cao thước rưỡi...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc giáo hóa một quốc vương. Hoàn cảnh này sẽ xuất hiện trong tiền thân Tesakuna, số 521.

*

Ngày xưa, khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát là quốc sư về thế sự cũng như thánh sự. Vua ấy đi theo tà đạo, cai trị bất chánh và thâu góp tài sản bằng cách đàn áp dân chúng. Bồ-tát muốn khuyến giáo vua, liền đi quanh quẩn tìm một ví dụ.

Bấy giờ, nội thất trong cung làm chưa xong, nên mái nhà trên ấy chưa hoàn chỉnh. Các cây rui chống đỡ nóc nhọn chỉ vừa mới được đặt vào đúng vị trí. Vua đã du ngoạn trong ngự viên, khi trở về cung, vua nhìn lên và thấy nóc nhà hình tròn, sợ nó sẽ rớt xuống, vua bước ra đứng bên ngoài, rồi lại nhìn lên và suy nghĩ: "Làm thế nào nóc nhà này đứng yên như vậy. Các rui này ra sao? Và vua liền ngâm vần kệ đầu hỏi Bồ-tát:

1. Cái nóc nhà này cao thước rưỡi,
Tám cây kèo lớn đỡ quây quần
Gỗ sim-sa với sà-ra thẳng,
Bởi vậy nóc nhà đứng vững chăng?

Nghe vậy, Bồ-tát suy nghĩ: "Ta đã có được một ví dụ để khuyến giáo nhà vua". Ngài liền ngâm các vần kệ sau:

2. Ba mươi rui nhỏ gỗ sa-ra
Được xếp đều quanh dưới mái nhà,
Áp sát vào nhau nâng thật vững,
Cho nên nóc đứng thẳng ngay mà.
3. Vậy người có trí được quây quần
Với quốc sư hiền, bạn tận trung,
Sẽ chẳng sa cơ lúc mạt vận,
Như rui đỡ nóc mái thăng bằng.

Trong lúc Bồ-tát đang nói, vua xem xét kỹ hành vi xử thế của mình: "Nếu không có nóc nhà thì các cây rui không đứng vững; nóc nhà cũng không đứng vững nếu không được các cây rui nâng đỡ. Nếu các cây rui gãy thì nóc nhà sụp đổ. Cũng vậy, một vị vua ác hạnh không tập hợp các thân bằng,

đại thần, quân đội, Bà-la-môn và gia chủ lại với nhau, và nếu đám quần thần tan rã vua không được nâng đỡ sẽ mất hết quyền lực, vì thế vua phải sống công chính".

Ngay lúc ấy, đám thị nữ đem dâng vua một quả bưởi. Vua bảo Bồ-tát:

- Này Hiền hữu, hãy ăn bưởi này.

Bồ-tát cầm bưởi và thưa:

- Tâu Đại vương, người nào không biết cách ăn bưởi sẽ làm cho nó đắng hoặc cay. Song người có trí biết cách lấy chất đắng ra, và không bỏ chất chua, hoặc làm hỏng hương vị của bưởi khi ăn bưởi.

Rồi dùng thí dụ này, ngài trình bày cho vua biết cách tạo tài sản chân chánh qua hai vần kệ:

4. Ăn bưởi luôn phần vỏ đắng cay,
Nếu không gọt vỏ với dao này,
Chỉ ăn phần ruột là thơm ngọt,
Nếu thêm vỏ thì hết ngọt ngay.
5. Vậy người có trí chẳng hung tàn
Thâu góp thuế trong các xóm làng,
Tăng sản nghiệp nhưng không phạm tội.
Bước đường chân chánh tạo danh vang.
Vua vừa tham vấn Bồ-tát vừa đi đến hồ sen, khi nhìn một hoa sen đang nở có màu sáng đẹp như mặt trời mới mọc, không bị nước làm ô nhiễm, nhà vua bảo:

- Này Hiền hữu, hoa sen kia mọc thẳng lên không bị nước làm ô nhiễm sắc hương.

Bồ-tát liền đáp lại:

- Tâu Đại vương, một vị vua cũng phải như vậy.

Rồi Ngài ngâm các vần kệ này để khuyến giáo:

6. Như hoa sen nở ở trong hồ
Rễ trắng, nước trong bảo dưỡng cho,
Dưới ánh mặt trời hoa nở đẹp
Không hề bụi bặm chẳng bùn nhơ.
7. Vậy người có đức hạnh đưa đường,
Khéo luyện ôn nhu, đủ thiện lương,
Như đóa sen trong hồ nước ấy,
Bùn nhơ chẳng cấu uế tâm can.
Vua nghe lời Bồ-tát khuyên giáo từ đó về sau trị nước chân chính và thực hành các thiện sự, bố thí cùng nhiều phước nghiệp khác, nên được sinh lên thiên giới.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, Bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật và nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy, vua là Ànanda và vị quốc sư có trí chính là Ta.

-ooOoo-

397. Chuyện Sư Tử Manoja (Tiền thân Manoja)

Cung nọ đã giương cong vút lên...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Trúc Lâm về một Tỷ-kheo thân cận bạn ác.

Hoàn cảnh đã được nêu đầy đủ chi tiết trong tiền thân Mahilàmukhata, số 26. Bậc Đạo Sư bảo:

- Này các Tỷ-kheo, không phải lần đầu kẻ này thân cận bạn ác.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa, khi vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là Sư tử sống với Sư tử cái và hai con, một trai một gái. Sư tử con tên là Manoja. Khi lớn lên, nó lấy một sư tử cái làm vợ. Như thế cả bầy có năm sư tử.

Manoja thường giết trâu rừng và nhiều dã thú khác, nhờ đó nó đem thịt sống về nuôi cha mẹ, em và vợ. Một hôm trong chỗ săn mồi, nó thấy một chó rừng tên Giriya không chạy được và đang nằm sấp. Nó hỏi:

- Này bạn, sao thế?

- Tâu Chúa công, tôi muốn phục vụ ngài.

- Thế thì tốt.

Sau đó, nó đem chó rừng về hang, Bồ-tát thấy vậy bảo:

- Này con Manoja, chó rừng là loại độc ác tham tàn, hay xúi giục điều xấu, đừng đưa thứ chó này về ở gần con.

Song ngài không ngăn cản được nó.

Thế rồi một hôm, chó rừng muốn ăn thịt ngựa, liền nói với Manoja:

- Tâu Chúa công, trừ thịt ngựa ra, chúng ta không có gì ăn cả. Vậy chúng ta hãy đi bắt ngựa.

- Song nơi đâu có ngựa thế, bạn?

- Tại Ba-la-nại, cạnh bờ sông.

Manoja nghe lời khuyên này và cùng đi với chó đến nơi có bầy ngựa tắm dưới sông. Nó bắt một con ngựa, mang trên lưng chạy nhanh về miệng hang. Sư tử cha ăn thịt ngựa và bảo:

- Này con, bầy ngựa là tài sản của vua, mà vua chúa thường có nhiều mưu kế, lại nhiều người thiện xạ bắn cung. Sư tử ăn thịt ngựa không sống lâu được đâu. Từ rày con đừng

bắt ngựa nữa.

Sư tử con không theo lời cha khuyên nhủ, cứ tiếp tục bắt ngựa. Vua nghe có con sư tử đến bắt ngựa, liền bảo làm một hồ nước cho ngựa ở trong kinh thành. Song sư tử vẫn đến bắt ngựa. Vua truyền làm chuồng ngựa với máng thức ăn, nước uống đem đến tận nơi cho chúng. Sư tử nhảy vượt bức tường và bắt ngựa từ chuồng ra. Vua liền truyền gọi một xạ thủ có tài bắn nhanh như chớp, hỏi anh ta có thể bắn sư tử chăng. Anh ta tâu có thể, rồi làm một tháp canh gần bức tường, nơi sư tử thường đến và đợi tại đấy.

Sư tử đến, để chó rừng ở một nghĩa địa bên ngoài, còn nó nhảy vào thành bắt ngựa. Người xạ thủ suy nghĩ: "Tốc lực của sư tử này quá nhanh khi nó đến". Cho nên anh ta chưa bắn nó, song khi nó trở về mang theo con ngựa, bị vướng víu vì gánh nặng kia, người xạ thủ liền bắn một mũi tên nhọn vào phía đùi sau của sư tử. Mũi tên đâm xuyên suốt ra phía đùi trước và bay vút lên không. Sư tử thét lên:

- Ta bị thương rồi!

Sau khi bắn sư tử xong, vị thiện xạ búng dây cung vang lên như sấm. Chó rừng nghe tiếng sư tử gầm và tiếng cung vang rền, liền suy nghĩ: "Bạn ta đã bị bắn, chắc hẳn phải chết, thôi chẳng còn tình bạn gì với vật đã chết, ta muốn đi về hang cũ trong rừng kia". Rồi nó ngâm hai vần kệ:

l. Cung nọ đã giương cao vút lên,
Dây cung phát tiếng sấm vang rền,
Ma-no-ja, chúa sơn lâm ấy,
Thân hữu của ta, bị giết liền.
2. Than ôi, ta phải kiếm khu rừng,
Cố sức hết lòng, thật gắng công,
Ta phải tìm về nơi trú ẩn,
Bỗng dưng tình bạn hóa thành không.
Sư tử con chạy vụt về ném xác ngựa trước miệng hang, rồi ngã chết liền. Thân quyến vội bước ra, thấy mình nó nhuộm đầy máu từ vết thương chảy xiết, vừa nằm chết vì đã đi theo bạn ác. Cha, mẹ, em và vợ sư tử lần lượt ngâm bốn vần kệ:

Cha:

3. Số phận con ta chẳng thịnh hưng,
Say mê, kết hợp ác thân bằng,
Nhìn Ma-no ấy đang nằm đó
Do bởi lời khuyên của chó rừng.
Mẹ:

4. Lòng mẹ chẳng vui khi thấy con
Kết giao với bọn ác thân bằng
Nhìn Ma-no ấy đang nằm đó
Máu chảy nhuộm đầy cả tấm thân.

Em:

5. Cũng vậy bước đi kẻ thấp hèn
Trong đời tăm tối phải nằm yên,
Không hề nghe được lời khuyên nhủ
Của bạn thật chân, bậc trí hiền.
Vợ:

6. Phần số tệ tàn hơn biết bao
Khi người ở địa vị trên cao
Lại tin tưởng bọn người hèn kém,
Nhìn chúa sơn lâm đã ngã nhào!
*

Và cuối cùng là vần kệ phát xuất từ Trí tuệ Tối thắng của đức Phật:

7. Ai theo bọn hạ tầng
Chính nó bị bỏ ruồng;
Ai thân người đồng đẳng
Chẳng hề bị phụ phàng;
Ai phục người tối thượng
Sẽ mau chóng thịnh hưng.
Vậy tìm người ưu việt
Để có chốn nương thân.
*

Khi Pháp thoại chấm dứt, Bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật. Lúc kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ- kheo thân cận bạn ác đã được an trú vào Sơ quả (Dự Lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Thời ấy, chó rừng là Đề-bà-đạt-đa, Manoja là vị Tỷ-kheo thân cận bạn ác, em gái là Uppalavannà (Liên Hoa Sắc), vợ của sư tử là Tỷ-kheo-ni Khemà (Thái Hòa), Sư tử mẹ là mẫu thân Ràhula và Sư tử cha chính là Ta.

-ooOoo-

398. Chuyện Hiếu Tử Sutana (Tiền thân Sutana)

Vua đã gửi ngươi một bát cơm...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo phụng dưỡng cha mẹ mình. Hoàn cảnh sẽ xuất hiện trong Tiền thân Sàma, số 540.

*

Ngày xưa, khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình nghèo, cha mẹ đặt tên ngài là Sutana. Khi lớn khôn, ngài làm việc kiếm tiền nuôi cha mẹ, đến thời cha ngài qua đời, ngài phụng dưỡng mẹ mình.

Thời ấy, vua Ba-la-nại thích săn bắn. Một hôm vua cùng quần thần đông đảo đi vào một khu rừng rộng khoảng một hai đặm, và truyền lệnh cho tất cả mọi người:

- Nếu có con nai nào chạy thoát ở điểm canh giữ của người nào thì người ấy bị phạt số tiền bằng giá con nai.

Sau khi dựng một túp lều được dấu kín bên vệ đường, quần thần dâng nó cho vua dùng. Bầy nai bị chấn động vì tiếng la hét của đám người bao vây nơi trú ẩn của chúng, rồi một con nai chạy về địa điểm vua canh giữ. Vua nghĩ thầm "Ta muốn bắn nó" rồi giương cung lên. Con vật biết mưu kế đánh lừa, thấy mũi tên sắp đến gần sườn liền ngã lăn tròn như thể trúng mũi tên. Vua nghĩ: "Ta đã bắn trúng nó và chạy lại bắt nai."

Nhưng con nai vùng lên lao vụt nhanh như gió. Quần thần và mọi người kia đều cười nhạo vua. Ông liền đuổi theo con nai cho đến khi nó mệt nhoài thì rút kiếm chặt nó làm đôi. Rồi kéo con nai lên một khúc gỗ, ông khiêng nó lên như cái đòn gánh, vừa đi vừa nói: "Ta muốn nghỉ ngơi một lát", ông đến gần cây đa bên vệ đường và nằm xuống ngủ say.

Một quỷ Dạ-xoa (Yakkha) tên là Makhadeva tái sinh ở cây đa này, được Thiên vương Vessavana (Tỳ-sa-môn) cho phép bắt mọi sinh vật nào đến gần nó để ăn thịt. Khi vua này thức dậy, Dạ-xoa bảo:

- Cứ ở lại đây, ngươi là món mồi của ta.

Rồi nó cầm lấy tay vua.

- Ngài là ai? Vua hỏi.

- Ta là Quỷ Dạ-xoa, sinh ra tại đây. Ta bắt mọi người đến nơi đây để ăn thịt.

Vua lấy hết can đảm hỏi:

- Thế ngài chỉ ăn thịt hôm nay hay ăn mãi?

- Ta sẽ còn ăn mãi mọi vật ta bắt được.

- Thế thì hãy ăn con nai này hôm nay và để ta đi về. Từ ngày mai ta sẽ gửi cho ngài một người cùng với một đĩa cơm mỗi ngày.

- Vậy hãy cẩn thận đấy. Hễ ngày nào không gởi ai đến thì ta sẽ ăn thịt ngươi.

- Ta là quốc vương ở Ba-la-nại, chẳng có việc gì ta không làm được cả.

Quỷ Dạ-xoa nhận lời hứa rồi để vua ra về. Khi vua đến kinh thành, ông đem chuyện ấy kể cho vị cận thần nghe và hỏi những gì cần phải làm.

- Tâu Đại vương, có hạn kỳ nhất định nào không?

- Không.

- Thế thì Đại vương đã tính việc sai rồi đấy. Nhưng không sao cả. Có rất nhiều tù nhân trong ngục.

- Vậy khanh cố sắp đặt việc này để cứu mạng ta.

Vị cận thần đồng ý, mỗi ngày bắt một tù nhân từ trong ngục gửi ra cho quỷ Dạ-xoa cùng với một dĩa cơm mà không nói gì với kẻ ấy cả. Quỷ Dạ-xoa ăn hết cả cơm lẫn người. Sau một thời gian các ngục thất đều trống vắng. Vua tìm không ra người đi đưa cơm, lòng run rẩy sợ chết. Vị cận thần an ủi ông và bảo:

- Tâu Đại vương, lòng tham tài sản còn mạnh hơn lòng tham sống. Ta hãy gói một ngàn đồng tiền đặt trên lưng voi, rồi lấy trống truyền lệnh: "Ai muốn đem cơm cho quỷ Dạ-xoa và lãnh số tiền bạc này?".

Vua nghe lời làm theo như vậy. Bồ-tát suy nghĩ: "Ta chỉ làm công được một xu rưỡi mỗi ngày khó lòng phụng dưỡng mẹ. Nay ta muốn lấy số tiền kia trao cho mẹ rồi đi gặp quỷ Dạ-xoa. Nếu ta thắng nó thì tốt, còn nếu không thì mẹ ta cũng sống an nhàn sung túc". Vì thế ngài nói chuyện với mẹ, song bà bảo:

- Mẹ vừa đủ rồi, mẹ không cần tiền bạc.

Rồi bà ngăn cản ngài hai lần, nhưng lần thứ ba, ngài không xin phép mẹ nữa, mà đến gặp quan quân nói:

- Thưa các quan, hãy đưa ngàn đồng tiền, tôi nhận mang cơm đi.

Rồi đưa cho mẹ ngàn đồng tiền, ngài bảo:

- Mẹ thân yêu, đừng lo buồn, con sẽ thắng quỷ Dạ-xoa và đem hạnh phúc cho mọi người. Con sẽ trở về nhà khiến cho mẹ đang khóc than phải cười to lên đấy.

Rồi chào mẹ xong, ngài cùng quan quân đi yết kiến vua, rồi kính lễ vua và đứng tại đó. Vua hỏi:

- Này, thiện nam tử, cậu muốn đem cơm à?

- Tâu Đại vương, phải.

- Thế cậu cần mang theo vật gì bên mình?

- Tâu Đại vương, đôi hài bằng vàng của ngài.

- Tại sao thế?

- Tâu Đại vương, quỷ Dạ-xoa kia chỉ ăn thịt kẻ nào đứng trên mặt đất dưới gốc cây của nó, còn tiểu tử sẽ đứng trên đôi hài, chứ không phải trên mặt đất.

- Thế còn vật gì nữa?

- Tâu Đại vương, chiếc lọng của ngài.

- Tại sao thế?

- Tâu Đại vương, quỷ Dạ-xoa kia chỉ ăn thịt kẻ nào đứng dưới bóng cây của nó, còn tiểu tử đứng dưới bóng chiếc lọng, chứ không phải bóng cây.

- Thế còn vật gì nữa?

- Tâu Đại vương, thanh kiếm của ngài.

- Để làm gì?

- Tâu Đại vương, ngay loài quỷ cũng sợ những người mang khí giới trong tay.

- Thế còn gì nữa chăng?

- Tâu Đại vương, cái bát vàng của ngài, đựng đầy ngự thiện dâng lên ngài.

- Này thiện nam tử, tại sao vậy?

- Một người có trí khôn như tiểu tử mà phải ăn cơm gạo thô trong dĩa đất thì không thích hợp chút nào.

Vua chấp thuận và sai các quan đem đủ mọi thứ ngài đã yêu cầu. Bồ-tát thưa:

- Tâu Đại vương, đừng sợ gì cả, tiểu tử nguyện sẽ trở về hôm nay sau khi chiến thắng quỷ Dạ-xoa và đem lại an lạc cho ngài.

Thế rồi ngài cầm mọi thứ cần dùng và đi đến nới ấy, ngài sắp đặt mọi người đứng không xa nơi ấy rồi mang đôi hài vàng vào chân, đeo thanh kiếm vào đai, che chiếc lọng trên đầu và cầm bát cơm bằng vàng đến gặp Dạ-xoa.

Quỷ Dạ-xoa nhìn ra đường thấy ngài liền suy nghĩ: "Người này đến đây không giống bọn người đã đến trước kia, vì duyên cớ gì vậy?".

Bồ-tát đứng gần cây, lấy mũi kiếm đẩy dĩa cơm vào dưới bóng cây rồi đứng gần bóng cây, ngâm vần kệ đầu:

1. Vua đã gửi ngài một bát cơm,
Lại thêm thịt nấu thật ngon thơm,
Ma-kha có ở nhà không đấy,
Xin hãy bước ra nhận để ăn!
Nghe vậy, quỷ Dạ-xoa suy nghĩ: "Ta muốn đánh lừa nó, rồi sẽ ăn thịt nó khi nó bước vào bóng cây". Con quỷ liền ngâm vần kệ thứ hai:

2. Hãy bước vào trong, hỡi cậu trai,
Với cao lương mỹ vị trên tay,
Cả cơm cùng với thân người nữa,
Này cậu, ta xơi tuyệt lắm thay!
Tiếp theo, Bồ-tát đáp hai vần kệ:

3. Dạ-xoa sẽ mất vật to hơn
Đổi lấy vật này bé con con.
Tất cả mọi người đều sợ chết,
Chẳng còn ai đến biếu cao lương!
4. Vậy ngài sẽ được cấp lương cao
Tinh sạch nêm gia vị ngọt ngon.
Song nếu ăn ta, thì khó kiếm
Một người nào khác đến đem cơm.

Quỷ Dạ-xoa suy nghĩ: "Cậu trai này nói có lý", rồi đầy thiện ý, nó ngâm hai vần kệ:

5. Su-ta-na, quả thật đúng thay
Mối lợi ta như cậu tỏ bày,
Hãy trở lại thăm hiền mẫu nhé,
Ta cho phép cậu bước đi ngay.
6. Lấy gươm, lọng, bát, cậu thanh niên,
Hãy nhắm đường đi, cất bước liền,
Thăm mẹ hiền trong niềm phấn khởi,
Cho bà sống hạnh phúc bình yên.
Nghe lời Dạ-xoa, Bồ-tát hoan hỷ, ngài nghĩ thầm: "Bổn phận ta đã hoàn thành, quỷ Dạ-xoa đã được chinh phục, ta được hưởng tài sản và lời hứa của vua đã được thực hiện". Ngài liền ngâm vần kệ cuối cùng:

7. Dạ-xoa cùng với mọi thân nhân, Mong ước toàn gia được phước ân,

Lệnh vua đã thực hành viên mãn, Tài sản ta nay được hưởng phần.

Ngài khuyến giáo quỷ Dạ-xoa và bảo:

- Này bạn, xưa kia bạn đã tạo ác nghiệp, bạn tham tàn độc ác, ăn thịt nhiều người nên tái sinh làm quỷ Dạ-xoa. Từ rày về sau đừng giết hại sinh mạng như vậy nữa.

Thế là ngài nêu rõ mọi công đức nhờ giữ giới hạnh và các nỗi khổ đau vì tạo ác nghiệp. Rồi an trú quỷ Dạ-xoa vào Ngũ giới, ngài bảo:

- Này, tại sao bạn ở trong rừng? Mau lên, ta sẽ để bạn cư ngụ cạnh cổng thành và bảo đem cao lương mỹ vị đến cho bạn.

Sau đó ngài ra đi cùng quỷ Dạ-xoa, bảo nó cầm kiếm cùng nhiều vật khác và đến thành Ba-la-nại. Quân sĩ báo tin Sutana đã trở về cùng quỷ Dạ-xoa. Vua cùng triều thần đi ra đón Bồ-tát và làm chỗ cư trú cho quỷ Dạ-xoa tại cổng thành, rồi sai người đem cao lương mỹ vị cho nó. Xong vua vào thành, lấy trống truyền lệnh hội họp toàn dân trong thành để tuyên dương công trạng của Bồ-tát và phong ngài chức vụ thống lãnh quân đội. Còn chính vua được an trú vào lời dạy của Bồ-tát, thực hành nhiều thiện sự, bố thí và các công đức khác nên về sau tái sinh cõi thiên.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, Bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật. Lúc kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ- kheo phụng dưỡng mẹ đã đạt Sơ quả (Dự Lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Thời ấy, quỷ Dạ-xoa là Angulimàla (Người đeo vòng ngón tay), vua là Ànanda và hiếu tử kia chính là Ta.

-ooOoo-

399. Chuyện Chim Thứu (Tiền thân Gijjha)

Làm sao thân lão biết tìm mồi...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ mình.

*

Ngày xưa, khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm chim Thứu (kên kên). Khi lớn lên, ngài đưa cha mẹ đã già và mù mắt vào ở trong hang thứu và đem thịt quạ cùng nhiều loại khác về nuôi hai vị. Thời ấy có một thợ săn đặt bẫy bắt chim thứu quanh nghĩa địa Ba-la-nại.

Một hôm Bồ-tát đi kiếm thịt đến gần nghĩa địa và sa chân vào bẫy. Ngài không nghĩ đến mình, mà chỉ nhớ đến cha mẹ già: "Giờ đây làm sao cha mẹ sống được? Ta chắc hai vị sẽ chết vì không biết

ta mắc bẫy, sẽ bơ vơ khốn khổ và héo mòn dần trong hang núi ấy". Do vậy ngài ngâm vần kệ đầu than khóc:

1. Làm sao thân lão biết tìm mồi
Trong chốn hang sâu của núi đồi?
Ta bị buộc chân vào chiếc bẫy,
Làm nô lệ của Ni-la thôi.
Con trai người thợ săn, nghe ngài than khóc, liền ngâm vần kệ thứ hai, chim Thứu ngâm vần kệ thứ ba và cứ liên tiếp xen kẽ như vậy:

Con của thợ săn:

2. Chim Thứu, sao chim khóc ỉ ôi,
Tiếng chim đưa đến tận bên tai,
Ta chưa từng thấy hay nghe được
Chim biết thốt ra tiếng giống người.
Chim Thứu:

3. Ta nuôi phụ mẫu đã già rồi
Ở trong hang nọ dưới chân đồi,
Làm sao thân lão tìm mồi được
Khi thứu trở thành nô lệ người?
Con của thợ săn:

4. Kên kên nhìn xác chết đằng xa
Hơn cả một trăm dặm vượt qua,
Vì cớ sao chim không thấy rõ
Lưới kia bẫy nọ thật gần mà?
Chim Thứu:

5. Khi đời sắp đến vận suy tàn,

Thần chết đang đòi hỏi số phần,
Dù có đứng gần bên chiếc bẫy,
Cũng không thấy bẫy đặt dây giăng!
Con của thợ săn:

6. Thôi hãy về đi với lão thân
Ở trong hang núi, hãy chăm nom,
Về thăm cha mẹ trong an lạc,
Chim được ta cho thỏa ước mong.
Chim Thứu:

7. Hỡi thợ săn cùng cả họ hàng,
Cầu mong hạnh phúc đến nhà chàng!
Ta về với mẹ cha già yếu,
Chăm sóc hai thân ở dưới hang.
Sau đó Bồ-tát được giải thoát khỏi nỗi sợ chết, vui mừng tạ ơn vừa ngâm vần kệ cuối cùng, vừa ngậm đầy thịt trong mỏ và bay về đưa mồi cho cha mẹ.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, Bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật. Lúc kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ- kheo được an trú vào Sơ quả (Dự Lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Thời ấy, người thợ săn là Channa (Xa-nặc), cha mẹ ta là thân quyến trong hoàng gia và Thứu vương là Ta.

-ooOoo-

400. Chuyện Hoa Cỏ Kusa (Biệt hiệu của Chó rừng - Tiền thân Dabbhapuppha)

Này bạn A-nu, chạy tới ngay...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về Upananda, một người của bộ tộc Thích-ca (sakya).

Vị ấy xuất gia theo Giáo-pháp, nhưng lại từ bỏ các hạnh tri túc và những đức hạnh khác nên trở thành tham lam. Đầu mùa mưa, ông đến ở thử hai ba tinh xá, để lại một cái dù hay chiếc hài ở một tinh xá, và một chiếc gậy hay bình nước ở một tinh xá khác, rồi chính ông đến an cư ở một tinh xá khác nữa. Ông bắt đầu trú mưa tại một tinh xá ở thôn quê và bảo:

- Chư Tỷ-kheo phải sống tri túc.

Rồi cố ra vẻ như đang làm cho mặt trăng xuất hiện trên trời, ông giải thích pháp môn đưa đến hạnh tri túc, tán thán đời sống tri túc với các nhu cầu tối thiểu. Nghe lời ông, Tăng chúng ném bỏ mọi y bát tốt đẹp, mang bát đất phấn tảo y (y bằng giẻ rách), ông liền đem các thứ kia về tư thất của mình. Khi mùa mưa và lễ Tự tứ (Pavàranà) đã xong,

ông chất đầy một xe chở đến Kỳ Viên.

Trên đường đi, dừng lại phía sau một tinh xá trong rừng, ông lấy dây leo quấn hai chân và nói:

- Chắc chắn có thể kiếm được vài thứ ở đây.

Rồi ông đi vào tinh xá. Có hai Tỷ-kheo già đã an cư mùa mưa ở đó, họ kiếm được hai tấm y vải thô và một chiếc mền lông mịn, rồi chẳng biết phải chia chúng ra sao, họ hoan hỷ khi thấy ông đến, nghĩ thầm: "Trưởng lão này sẽ chia các vật dụng cho hai ta", liền nói:

- Này Hiền giả, chúng tôi không thể chia các y phục dùng cho mùa mưa này được, chúng tôi có bàn cãi về việc này, xin Hiền giả chia dùm chúng tôi.

Vị ấy bằng lòng, chia hai tấm y vải thô cho họ, còn ông lấy cái mền, và bảo họ:

- Vật này dành cho tôi là người biết Giới luật.

Rồi ông bỏ đi. Hai Trưởng lão này thích chiếc mền, liền cùng đi với ông đến Kỳ Viên và kể câu chuyện với chư Tăng hiểu biết luật, rồi hỏi:

- Có đúng là những vị biết Giới luật lại cướp bóc tài sản như vậy chăng?

Tăng chúng thấy đống y bát do Tỷ-kheo Upananda đem đến, liền hỏi:

- Này Hiền giả, Hiền giả thật có đại phước đức, Hiền giả đã tạo được nhiều thực phẩm và y phục thế kia!

Ông đáp:

- Này các Hiền giả, tôi có phước đức gì đâu? Tôi chỉ lấy được các thứ này theo cách như vầy như vầy.

Rồi ông đem mọi chuyện kể ra hết cho mọi người nghe.

Tại Chánh pháp đường, Tăng chúng nêu vấn đề thảo luận, bảo nhau:

- Này các Hiền giả, Tỷ-kheo Upananda thuộc bộ tộc Thích-ca, rất tham lam tài vật.

Bậc Đạo Sư thấy đề tài của các vị, liền bảo:

- Này các Tỷ-kheo, hành vi của Upannanda không phù hợp để tinh tấn. Khi một Tỷ-kheo giảng giải hạnh tinh tấn cho người khác thì trước tiên thì tự mình phải cho phù hợp rồi mới giáo giới người khác.

Giữ mình đúng mực trước tiên, Rồi sau thuyết giảng, bậc hiền vị tha.

Bằng cách ngâm vần kệ Pháp cú này, Ngài giải bày Giáo pháp và nói:

- Này các Tỷ-kheo, không phải Upananda chỉ tham lam lần đầu, mà xưa kia kẻ ấy cũng đã cướp bóc tài vật của loài khác nữa.

Rồi ngài kể một chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa. khi vua Brahamdatta trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát làm một Thần cây bên bờ sông. Một con chó rừng tên Màyàvì, đã có vợ và sống một nơi gần bờ sông. Một ngày kia, vợ nó bảo chồng:

- Này chàng, thiếp có một niềm ao ước, thiếp muốn ăn cá hồng rohita tươi.

Chó rừng đáp:

- Cứ yên lòng, ta sẽ đem cá tươi về cho nàng.

Rồi nó ra phía con sông, quấn chân bằng dây leo đi dọc theo bờ. Lúc ấy có hai con rái cá tên Gambhìracàri và Anutìracàri đang đứng trên bờ rình bắt cá. Gambhìracàri chợt thấy một con cá hồng rohita lớn, liền nhảy xuống nước chụp lấy đuôi cá. Con cá quá mạnh vùng ra được lôi theo rái cá. Nó liền gọi bạn:

- Con cá này to lắm, vừa đủ cho hai ta.

Rồi nó ngâm vần kệ đầu:

1. Này bạn A-nu, chạy tới ngay,
Ta cầu khẩn bạn giúp ta đây,
Ta vừa bắt cá này to lớn,
Song nó kéo ta mạnh thế này!
Nghe vầy, con kia ngâm vần kệ thứ hai:

2. Gam-bhi, bạn tốt số dường nào!
Móng vuốt bạn cầm vững mạnh sao!
Chẳng khác đại bàng câu rắn nước,
Ta câu cá nọ nhấc lên cao!
Sau đó cả hai rái cá kéo con cá hồng rohita đặt xuống đất và cắn nó chết xong, lại bảo nhau:

- Bạn chia cá ra nào.

Rồi chúng cãi nhau nhưng không chia cá được phải ngồi xuống, và để cá nằm đó. Lúc ấy chó rừng vừa bước tới chỗ ấy. Thấy chó, cả hai đều chào rất lễ phép và nói:

- Thưa Tôn ông có lông màu cỏ xám, con cá này do hai chúng tôi bắt được, rồi sinh chuyện cãi nhau vì chúng tôi không biết cách chia cá. Xin Tôn ông chia cá đều hai phần dùm cho.

Rồi chúng ngâm vần kệ thứ ba:

3. Một cuộc tranh giành giữa chúng tôi
Tôn ông mang áo xám kia ôi!
Xin ông ổn định dùm tranh chấp
Cho thật công bằng giữa cả đôi.
Chó rừng nghe vậy, liền tự xưng anh hùng qua vần kệ:

4. Ta đã giải phân lắm cạnh tranh
Làm xong sứ mạng thật hòa bình,
Chư Tôn hãy để điều tranh chấp
Tại hạ công bình ổn định nhanh.
Ngâm vần kệ xong, chó chia cá và ngâm thêm vần kệ này:

5. A-nu, hãy lãnh phần đuôi,
Còn chú Gam-bhì, thủ cấp rồi,
Phần giữa dành cho ta xử kiện,
Trả công xứng đáng thế này thôi!
Như vậy, sau khi chia cá xong, chó rừng bảo:

- Các ông ăn đầu đuôi cá chứ đừng cãi nhau nữa.

Rồi ngậm khúc giữa vào mồm, nó chạy bay trước mắt cặp rái cá. Chúng ngồi ủ rũ, như thể vừa mất cả ngàn đồng tiền, rồi ngâm vần kệ thứ sáu:

6. Nếu không tranh cãi chuyện vừa rồi,
Chắc chắn là vừa đủ cá thôi,
Nay bị chó rừng mang hết thịt,
Chỉ còn để lại khúc đầu đuôi!
Chó rừng rất hài lòng, nghĩ thầm: "Nay ta đem cá hồng rohita về cho vợ ta", rồi nó đi tìm vợ. Chó cái thấy nó đến, liền đon đả chào mừng và ngâm vần kệ:

7. Như vua mãn nguyện được cầm quyền
Thâu gọn giang sơn trị nước yên,
Mãn nguyện ta nhìn chàng trở lại,
Ngậm đầy trong mỏ cá tươi nguyên!
Rồi nó hỏi chó rừng cách nào kiếm được mồi ngon qua vần kệ:

8. Chàng vốn sinh ra ở đất bằng,
Làm sao bắt cá giữa dòng sông?
Phu quân, chàng lập kỳ công ấy,
Cho biết vì sao, thiếp ước mong.
Chó rừng ngâm vần kệ giải thích phương cách ấy cho vợ nghe:

9. Vì cạnh tranh nên chúng yếu dần,
Cạnh tranh làm chúng phải suy tàn,
Cạnh tranh, rái cá mất phần hưởng,
Vì vậy Mà-yà được miếng ngon.
*

Và một vần kệ khác nữa xuất phát từ Trí tuệ Tối thắng của đức Phật:

10. Cũng vậy, tranh giành giữa thế nhân,
Tìm người xử kiện: nó chia phần,

Gia tài của chúng suy tàn hết,
Công khố nhà vua được thịnh hưng.
*

Khi Pháp thoại chấm dứt, Bậc Đạo Sư tuyên thuyết các sự thật và nhận diện tiền thân:

- Thời ấy, chó rừng là Upananda, hai con rái cá là hai người kia, và Thần cây chứng kiến câu chuyện chính là Ta.

-ooOoo-

401. Chuyện Người Nuốt Lưỡi Kiếm (Tiền thân Dasanaka)

Bảo kiếm Da-san thích máu hồng...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về âm mưu quyến rủ một Tỷ-kheo do người vợ cũ gây ra.

Tỷ-kheo ấy thú nhận đã thối thất vì lý do này. Bậc Đạo Sư bảo:

- Nữ nhân ấy đã làm hại ông. Thời xưa ông cũng đã suýt chết vì tương tư kẻ ấy. Về sau nhờ các bậc trí ông được cứu sống lại.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa, khi Đại vương Maddava trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm con một gia đình Bà-la- môn. Cha mẹ đặt tên ngài là nam tử Senaka. Khi lớn lên, ngài đi học mọi nghệ thuật tại Takkasilà, và khi về Ba-la-nại Ngài trở thành quốc sư của vua Maddava về thế sự cũng như thánh sự. Ngài được danh hiệu bậc Hiền trí Senaka và được cả kinh thành sùng kính như mặt trăng, mặt trời.

Thời ấy con trai của vị tế sư hoàng gia đến yết kiến vua, thấy bà chánh hậu trang điểm ngọc vàng cực kỳ diễm lệ, đâm ra si tình, khi về nhà chẳng chịu ăn uống gì cả, cứ nằm dài ra. Bạn hữu liền hỏi thăm và chàng trai kể hết mọi chuyện. Vua hỏi:

- Con trai của vị tế sư hoàng gia không đến, việc này là thế nào?

Khi nghe duyên cớ, vua cho gọi chàng trai vào và bảo:

- Trẫm trao hoàng hậu cho cậu trong bảy ngày, cứ ở nhà cậu bảy ngày ấy xong, qua ngày thứ tám, cậu trả lại nàng cho ta.

- Thế thì tốt lắm, tâu Đại vương.

Chàng trai đáp rồi đem hoàng hậu về nhà thọ hưởng lạc thú với nàng. Hai người đâm ra say mê nhau, và bí mật trốn khỏi nhà chạy sang một xứ khác, không ai biết họ đi đâu và đường đi của họ chẳng khác nào đường của con tàu trên biển cả.

Vua truyền đánh trống thông báo khắp kinh thành, nhưng dù đã tìm mọi nơi, họ vẫn không thấy nàng đã đến đâu cả. Sau đó nỗi đau buồn khủng khiếp vì thiếu nàng xâm chiếm trọn tâm can vua. Tim ông bừng nóng rực và trào máu ra ngoài! Tiếp theo đó,

máu từ ruột gan chảy ra khiến bệnh trầm trọng thêm. Các ngự y tài danh đều không thể chữa trị được đành bó tay.

Bồ-tát suy nghĩ: "Bệnh này không phải do nội thân vua, mà do vua mắc tương tư vì không thấy hoàng hậu. Ta thử dùng vài phương cách chữa trị xem sao. "Ngài liền gọi hai quốc sư hiền trí của vua là Àyura và Pukkusa vào bảo:

- Đức vua không có bệnh gì, ngoại trừ tâm bệnh chỉ vì ngài không thấy hoàng hậu đó thôi. Giờ đây ngài là bậc cứu hộ cao cả đối với thần dân. Ta quyết tìm mọi cách trị bệnh ngài. Ta muốn triệu tập một đám quần chúng vào sân chầu và bảo một người biết xảo thuật nuốt lưỡi kiếm sắc biểu diễn việc này. Ta sẽ đưa Hoàng thượng ra cửa sổ nhìn xuống đám đông. Ngài sẽ nhìn người nuốt lưỡi kiếm và hỏi: "Có việc gì khó hơn thế chăng?". Lúc ấy, này Tôn giả Àyura, xin hãy đáp: "Nói: Ta sẽ từ bỏ vật này vật kia, còn khó hơn nữa". Sau đó ngài sẽ hỏi Tôn giả Pukkusa, và Tôn giả cần phải trả lời: Tâu Đại vương, nếu một người nói: "Ta từ bỏ vật này vật kia", rồi lại không bỏ nó được, thì lời nói đó sẽ vô ích thôi. Không ai sống hay uống ăn bằng những lời như vậy, nhưng người nào hành động theo lời nói và đem cho một vật đúng theo lời hứa thì chính họ làm được một việc khó hơn việc kia nữa đấy". Sau đó ta sẽ tìm cách tiến hành mọi sự tiếp theo.

Thế là ngài bảo tập họp một đám đông. Rồi ba bậc trí nhân ấy vào trình vua:

- Tâu Đại vương, có đám đông trong sân chầu. Nếu ai nhìn xuống đó đổi sầu làm vui. Vậy xin Đại vương hãy cùng chúng thần đến đó xem sao.

Ba vị rước vua đến hé mở cửa sổ cho vua nhìn thấy đám đông. Nhiều người lần lượt biểu diễn các xảo thuật mà mình biết. Sau cùng có một người nuốt lưỡi kiếm sắc cạnh dài ba mươi ba phân (33 phân Anh: khoảng 80 cm).

Vua thấy vậy suy nghĩ: "Người này đang nuốt lưỡi kiếm, ta muốn hỏi các bậc trí nhân này xem có việc gì khó hơn không?"

Rồi vua ngâm vần kệ đầu hỏi Àyura:

1. Bảo kiếm Da-san thích máu hồng,
Cạnh đều sắc nhọn thật hoàn toàn,
Giữa đông người, nó ăn thanh kiếm,
Chẳng có việc nào khó nữa chăng?
Ta hỏi có gì đem sánh được
Nhờ khanh giải đáp, hởi hiền nhân.
Àyura ngâm vần kệ thứ hai đáp lời:
2. Lòng tham dụ kẻ nuốt thanh gươm,
Cho dẫu lưỡi gươm bén thập toàn,
Song nói: "Ta cho, lòng tự nguyện"
Là điều khó thực hiện vô cùng,
Mọi điều gì khác đều không khó,

Đại đế Kiệt-đà, tôi giải phân.
Khi vua nghe lời Àyura, ông liền suy nghĩ: "Thế thì bảo: "Ta cho vật này" còn khó hơn nuốt thanh kiếm. Vậy ta đã nói: "Ta ban hoàng hậu cho con trai tế sư", tức là ta đã làm một việc rất khó". Nhờ thế nỗi đau buồn trong tâm vua lắng dịu được một chút. Rồi suy nghĩ: "Có gì khó hơn nói: "Ta cho người khác vật này" chăng?", ông lại ngâm vần kệ thứ ba nói chuyện với Trí giả Pukkusa:

3. Ày-ra đã giải đáp lời ta,
Trí tuệ cao siêu quả thật là,
Ta hỏi giờ đây câu nữa nhé:
Còn gì khó nữa hỡi, Pusk-sa,
Nếu đem so sánh điều trên ấy,
Hiền giả, xin mời giải đáp ta.
Trí giả Pukkusa ngâm vần kệ thứ tư đáp lại:

4. Người ta không sống được bằng lời,
Lời nói thốt ra uổng phí thôi,
Song nếu đem cho không tiếc nuối,
Việc này còn khó bội hơn rồi.
Mọi điều gì khác đều không khó,
Đại đế, đây lời đáp của tôi.
Vua nghe vầy, suy nghĩ: "Trước tiên ta nói: "Ta sẽ đem hoàng hậu ban cho con trai tế sư", rồi ta đã làm theo lời hứa và đem cho nàng. Hiển nhiên ta đã làm một việc rất khó". Do vậy, nỗi sầu của vua giảm bớt phần nào. Rồi ông chợt nghĩ: "Không có ai thông thái hơn Trí giả Senaka. Ta muốn hỏi vị ấy câu này".

Ông liền ngâm vần kệ thứ năm hỏi ngài:

5. Puk-sa đã giải đáp lời ta,
Trí tuệ cao siêu quả thật là.
Ta hỏi giờ đây câu nữa nhé:
Còn gì khó nữa, hỡi Sen-ka,
Nếu đem so sánh điều trên ấy,
Hiền giả xin mời giải đáp ta.
Senaka ngâm vần kệ thứ sáu đáp lời vua:

6. Nếu người có của đã đem cho Bất luận là gì, dẫu nhỏ to,

Đừng tiếc nuối sau khi bố thí,
Việc này quả thật khó hơn mà,
Mọi điều gì khác đều không khó,
Xin đáp Đại vương Ma-kiệt-đà.
Vua nghe lời Bồ-tát, lại suy nghĩ: "Ta đã đem hoàng hậu ban cho con trai tế sư do ta tự nguyện, nay ta lại không kiềm nỗi ưu tư, ta sinh phiền não, héo mòn: thật không xứng

đáng với ta. Nếu nàng thương yêu ta thì nàng đã không bỏ vương quốc mà chạy trốn như vậy. Ta còn phải liên hệ gì với nàng đã không yêu thương ta và bỏ trốn đi?".

Trong lúc vua suy nghĩ như vậy, mọi sầu não đều rơi rụng hết như giọt nước đổ trên lá sen, lập tức tâm vua được bình an. Ông hồi phục sức khỏe và an lạc ngâm vần kệ cuối cùng tán thán Bồ-tát:

7. Ày-ra giải đáp lời ta,
Thế rồi Hiền giả Puk-sa cũng vầy,
Lời Sen-ka quả thật hay,
Trong ba lời giải lời này tối ưu.
Sau khi tán thán, vua hoan hỷ ban thưởng ngài nhiều vàng bạc châu báu.

*

Khi pháp thoại chấm dứt, Bậc Đạo Sư tuyên thuyết các sự thật. Khi các sự thật kết thúc, vị Tỷ-kheo thối thất đã được an trú vào Sơ quả (Dự Lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Thời ấy, hoàng hậu là người vợ cũ, vua là là Tỷ-kheo thối thất, Àyura là Moggallàna, Pukkusa là Sàriputta và Hiền giả Senaka chính là Ta.

-ooOoo-

402. Chuyện Túi Da Đựng Bánh (Tiền thân Sattubhasta)

Tâm tư lão rối loạn, ưu phiền...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về sự Viên mãn của Trí tuệ Tối thắng. Hoàn cảnh chuyện này sẽ xuất hiện trong tiền thân Mahà-Ummagga, số 546.

*

Ngày xưa có vị vua tên là Janaka trị vì ở Ba-la-nại. Thời ấy Bồ-tát được sinh vào một gia đình Bà- la-môn, cha mẹ đặt tên ngài là nam tử Senaka. Khi lớn lên, ngài theo học các nghệ thuật tại Takkasilà rồi trở về Ba-la-nại yết kiến vua. Vua phong cho ngài chức vụ đại thần và ban cho ngài đại vinh hiển.

Ngài dạy vua về thế sự lẫn thánh sự. Là người thuyết Pháp khả ái, ngài an trú vua vào Ngũ giới, bố thí và hành trì trai giới và Thập thiện đạo, như vậy tức là an trú vua vào chánh hạnh. Toàn quốc độ được ở cảnh như thời có chư Phật xuất hiện. Vào các ngày trai giới nửa tháng một lần, nhà vua, các phó vương, cận thần đều tụ tập và trang hoàng phòng họp.

Bồ-tát thuyết Pháp trong một giảng đường tôn nghiêm trên bảo tọa bọc da nai, với uy lực của một vị Phật, lời ngài dạy chẳng khác gì lời dạy của chư Phật.

Thời ấy có một Bà-la-môn già nua, xin tiền bố thí được một ngàn đồng, để dành trong một giađình Bà-la-môn, rồi lại làm hành khất thêm nữa. Khi ông ra đi, gia đình nọ tiêu hết cả tiền. Sau đó ông trở lại đòi số tiền. Vì gia chủ không có tiền trả, nên gả con gái

cho ông làm vợ. Vị Bà-la-môn già đem nàng về cư ngụ trong một làng Bà-la-môn không xa Ba-la-nại. Vì cô vợ còn trẻ nên không thỏa mãn- tham dục và phạm tà hạnh với một Bà-la-môn trẻ.

Ở đời có mười sáu việc không thể nào thỏa mãn. Đó là mười sáu việc gì? - Biển không thỏa mãn với các dòng sông, lửa không thỏa mãn với nhiên liệu, vua không thỏa mãn với quốc độ, kẻ ngu không thỏa mãn với ác nghiệp, nữ nhân không thỏa mãn với ba việc ân ái, nữ trang và sinh con, Bà- la-môn không thỏa mãn với thánh kinh, bậc trí không thỏa mãn với Thiền định, bậc hữu học không thỏa mãn với danh vọng, người ly tham không thỏa mãn với khổ hạnh, người tinh tấn không thỏa mãn với nỗ lực, người hay nói không thỏa mãn với chuyện trò, nhà chính trị không thỏa mãn với hội nghị, người mộ đạo không thỏa mãn với việc phục vụ Giáo hội, người thích bố thí không thỏa mãn với việc bố thí, người đa văn không thỏa mãn với việc nghe Pháp, tứ chúng không thỏa mãn với việc yết kiến đức Phật.

Vì thế nữ nhân Bà-la-môn này không thỏa mãn việc ân ái, muốn đẩy chồng đi xa và phạm tà dục một cách táo bạo. Một ngày kia, cô ả nằm dài theo gian kế đã dự trù. Khi ông chồng hỏi:

- Nàng ơi, nàng làm sao thế?

Cô ả đáp:

- Chàng Bà-la-môn ơi, thiếp không thể làm việc nhà chàng được nữa, phải kiếm một nữ tỳ.

- Nàng ơi, ta không có tiền, vậy ta sẽ lấy gì để mua nữ tỳ chứ?

- Chàng hãy làm hành khất kiếm tiền mà thuê nữ tỳ.

- Thế nàng hãy sắp đặt vài vật để ta lên đường.

Cô ả đặt vào túi da đủ các thứ bột bánh đã nướng và chưa nướng xong trao cho lão. Lão Bà-la- môn đi qua mọi thôn làng thành thị, kiếm được bảy trăm đồng, nghĩ thầm: "Số tiền này đủ để mua gia nô nữ tỳ rồi", lão liền trở về làng.

Đến một địa điểm thuận tiện, để uống nước, lão mở túi xách ăn một ít bánh nướng, rồi đi uống nước mà không buộc miệng túi. Lúc ấy một con rắn hổ trong thân cây rỗng, ngửi mùi bánh bò vào túi nằm cuộn tròn ăn bánh. Lão trở lại, không nhìn vào túi, cứ buộc túi lại và vác lên vai ra đi.

Lúc ấy một vị Thần cây ngồi trên bộng thân cây ấy đến bảo cho lão biết trên đường đi:

- Này Bà-la-môn, nếu lão dừng lại trên đường, lão sẽ chết; còn nếu lão về nhà thì vợ lão sẽ chếtđấy.

Xong vị thần biến mất. Lão nhìn quanh, không thấy vị thần nên lòng kinh hoảng vì sợ chết, vừa đi đến cổng thành Ba-la-nại vừa khóc than.

Hôm ấy vào ngày rằm trai giới, ngày Bồ-tát thuyết Pháp, đang ngồi trên bảo tọa trang nghiêm và một đám đông đem hương hoa đủ loại đến từng đoàn nghe thuyết Pháp. Lão

Bà-la-môn hỏi:

- Các người đi đâu thế?

Họ đáp:

- Này lão Bà-la-môn, hôm nay bậc Trí giả Senaka thuyết Pháp với giọng êm dịu và oai lực của một vị Phật. Lão không biết ư?

Lão suy nghĩ: "Họ bảo ngài là một bậc thuyết Pháp hiền trí, còn ta đang lo âu sợ chết, các bậc trí có khả năng diệt trừ các đại phiền não, vậy ta nên đến đó nghe Pháp".

Vì thế lão cùng đi với họ; khi quần chúng và vua đã ngồi chung quanh Bồ-tát, lão đứng bên ngoài, không xa pháp tọa, với túi thức ăn trên vai và lòng sợ chết. Bồ-tát thuyết giảng chẳng khác nào ngài đang đưa cả dải thiên hà xuống trần giới hay đổ trận mưa đầy thực phẩm thiên giới cho đời.

Quần chúng vô cùng hoan hỷ tán thưởng, lắng tai nghe Pháp. Các bậc trí thường nhìn xa thấy rộng. Vào lúc ấy Bồ-tát mở đôi mắt có đủ năm vẻ đẹp nhìn khắp Hội chúng, thấy vị Bà-la-môn, liền nghĩ: "Cả Hội chúng đông đảo này tràn ngập hân hoan nghe Pháp và tán thưởng, chỉ trừ một Bà-la-môn ủ rũ khóc lóc. Chắc hẳn phải có nỗi sầu tư nào trong lòng khiến lão tuôn lệ. Cũng giống như tẩy rỉ sét với chất chua, hay làm một giọt nước rơi khỏi lá sen, ta sẽ thuyết Pháp cho lão giải sầu và an vui tâm trí". Vì thế ngài gọi lão:

- Này lão Bà-la-môn, ta là trí giả Senaka, nay ta muốn giải mối sầu cho lão, hãy bạo dạn nói ra đi.

Ngài ngâm vần kệ đầu hỏi lão:

1. Tâm tư lão rối loạn, ưu phiền,
Nước mắt chảy là cớ hiển nhiên,
Lão mất gì, vào đây muốn kiếm
Thứ gì? Hãy nói rõ ngay liền.

Sau đó, Bà-la-môn ngâm vần kệ bày tỏ duyên cớ nỗi sầu:

2. Vợ chết, nếu tôi trở lại nhà,
Còn không, tôi sẽ hóa ra ma,
Điều này làm trái tim đau nhói,
Xin giải vấn đề, hỡi Sen-ka.

Nghe vị Bà-la-môn nói, Bồ-tát bủa giăng tấm lưới tri kiến như ném lưới vào biển cả, và suy nghĩ: "Có nhiều nguyên nhân gây tử vong ở đời này: một số chết chìm ngoài biển, hoặc bị loài cá dữ ăn thịt, một số rơi xuống sông Hằng, hay bị cá sấu vồ, một số khác rơi từ cây xuống hay bị gai nhọn đâm, một số bị khí giới loại đánh vào người, một số khác ăn nhằm chất độc, bị treo cổ hay rớt xuống vực sâu, chết cóng vì giá buốt, hay các loại bệnh tấn công. Nay giữa mọi duyên cớ ấy, lão Bà-la-môn này phải chết vì cớ nào nếu lão ở nán lại trên đường đi hôm nay, hoặc vợ lão phải chết nếu lão về nhà?".

Trong lúc suy xét, ngài thấy cái túi trên vai lão và nghĩ: "Chắc hẳn có con rắn chui vào túi, có lẽ vì nó đã nghe mùi bánh khi lão ăn sáng và đi uống nước mà quên buộc miệng túi xách. Sau khi uống nước xong, lão Bà-la-môn trở lại và có lẽ đã tiếp tục lên đường sau khi buộc túi và cầm túi lên mà không thấy con rắn bò vào. Nếu lão ở nán lại trên đường, đến tối lão sẽ tự nhủ lúc dừng chân: "Ta muốn ăn bánh". Rồi mở túi ra, lão sẽ đặt tay vào, con rắn sẽ cắn tay lão gây tử vong. Đây chính là nguyên nhân lão sẽ chết nếu ở lại trên đường. Nhưng nếu lão về nhà, túi ấy sẽ đến tay vợ lão, bà ta sẽ nói: "Ta muốn xem đồ đạc bên trong", rồi bà ta mở túi ra và đặt tay vào, con rắn sẽ cắn bà ta bỏ mạng. Đây chính là nguyên nhân vợ lão chết nếu lão về nhà hôm nay". Ngài biết được điều này do trí của ngài tinh xảo về mọi phương tiện.

Lúc ấy ngài lại suy nghĩ: "Đây chắc hẳn là con rắn hổ đen, táo bạo, không hề biết sợ, nên khi cái túi da đập vào sườn lão Bà-la-môn, nó chẳng nhúc nhích hay run rẩy gì cả. Nó cũng không tỏ dấu hiệu là nó đang có mặt tại Hội chúng đông đảo này, do đó nó phải là con rắn hổ đen bạo dạn, không biết sợ".

Từ tri kiến tinh xảo các phương tiện, ngài biết điều này như thể ngài chứng kiến với thiên nhãn. Như vậy Ngài chẳng khác nào một người đứng gần đó nhìn con rắn bò vào túi, rồi quyết định sự việc bằng trí kiến tinh xảo của ngài. Bồ-tát ngâm vần kệ thứ ba đáp câu hỏi của vị Bà-la-môn ngay giữa hội chúng triều đình:

3. Suy xét mọi nghi hoặc trước tiên,
Nay ta tuyên bố sự đương nhiên:
La-môn, trong túi đồ ăn ấy
Đã lẻn chui vào rắn hổ đen!
Nói vậy xong, Ngài hỏi:

- Này lão Bà-la-môn, có thứ bánh nào trong túi xách của lão chăng?

- Thưa Trí giả, có.

- Thế lão có ăn bánh lúc điểm tâm sáng nay chăng?

- Thưa Trí giả, có.

- Thế lão đã ngồi đâu?

- Ở trong rừng, dưới một gốc cây.

- Thế khi lão ăn bánh xong và đi uống nước, lão có buộc miệng túi lại hay không?

- Thưa Trí giả, tôi không buộc.

- Khi lão đã uống nước và trở về, lão có buộc miệng túi sau khi nhìn vào trong không?

- Thưa Trí giả, tôi buộc miệng túi mà không nhìn vào trong.

- Này lão Bà-la-môn, khi lão đi uống nước, ta chắc là con rắn đã lẻn vào túi do ngửi mùi bánh mà lão không biết: đấy là trường hợp này. Vậy lão mau đặt túi xuống, để ngay giữa Hội chúng và mở miệng túi ra. Lấy gậy đập vào túi, rồi lão sẽ thấy con rắn hổ đen

bò ra với chiếc mào giương rộng và rít lên. Lão sẽ hết hồ nghi. Ngài lại ngâm vần kệ thứ tư:

4. Cầm gậy đập lên chiếc túi dày,
Im hơi, hai lưỡi chính con này,
Trí ông hết rối vì nghi hoặc,
Mở túi, rồi ông thấy rắn ngay!
Vị Bà-la-môn làm theo lời Bồ-tát bảo, mặc dù lão hết sức kinh hoàng chấn động. Con rắn bò ra khỏi túi khi đầu nó bị chiếc gậy đánh trúng, và nó dừng lại nhìn mọi người.

*

Bậc Đạo Sư ngâm vần kệ thứ năm giải thích vấn đề:

5. Kinh hãi, lão ra giữa đám đông,
Mở dây chiếc túi đựng đồ ăn,
Một con rắn hổ bò hung dữ,
Kiêu hãnh giương cao cả chiếc mồng!
Khi con rắn bò ra với chiếc mồng giương cao, đó là điềm báo hiệu Bồ-tát sẽ là vị Phật Chánh Đẳng Giác. Đám đông bắt đầu vẫy khăn và búng tay hàng ngàn người, bảy báu vật được ném tung ra như thể mưa rào, hàng ngàn tiếng hô: "Tốt lành thay!" vang dậy, ồn ào như đất lỡ.

Lời giải đáp một câu hỏi như vậy do uy lực của một bậc Giác Ngộ chứ không phải nhờ nguồn gốc sinh trưởng, cũng không phải uy lực của người giàu sang danh vọng. Vậy đó là uy lực gì?- Chính là uy lực của tri kiến. Người có tri kiến làm trí tuệ tăng trưởng, mở rộng cánh cửa đi vào các Thánh đạo, chứng đắc Niết-bàn bất tử tối thượng và thành tựu viên mãn các quả vị Thanh văn,Độc giác và Chánh Đẳng Giác: Tri kiến là điều tối thắng giữa các đức tính đưa đến Niết-bàn bất tử tối thượng. Mọi thành phần khác đều là phụ thuộc.

Do vậy có câu tục ngữ:

6. Người thiện bảo tri kiến tối ưu
Như trăng đi giữa các vì sao,
Tiền tài, đức hạnh, lòng công chánh,
Là các nô tỳ bậc trí cao.
*

Khi câu hỏi đã được Bồ-tát giải đáp xong, một người nhử rắn làm một chiếc khăn bịt miệng rắn rồi đến chụp lấy nó và đem thả vào rừng.

Vị Bà-la-môn đi đến yết kiến vua, kính chào xong, lại ngâm nửa vần kệ tán tụng vua:

7. Chúa thượng Jan-ka, lợi lạc thay, Đại vương có bậc trí nhân này.

Sau khi ca tụng vua, lão cầm bảy trăm đồng tiền trong túi ra, vừa tán thán Bồ-tát, vừa ngâm một vần kệ rưới bày tỏ ước muốn bố thí trong niềm hoan hỷ:

Trí ngài đáng sợ, hồ nghi biến, Trước mắt ngài nhìn thấu suốt ngay.

8. Này đây có cả bảy trăm đồng,
Xin nhận lấy ngay vật hiến dâng,
Vì chính nhờ ngài, tôi được sống
Cùng nguồn an lạc của thân nhân.
Nghe vầy, Bồ-tát ngâm vần kệ thứ chín:

9. Bậc trí không dùng vật cúng dâng
Chỉ vì các khúc kệ ca ngâm,
Tốt hơn, ta tặng luôn tiền ấy
Trước lúc lão về lại cố hương.
Nói vậy xong, Bồ-tát đưa trọn số tiền trả lại vị Bà-la-môn và hỏi:

- Ai bảo lão đi kiếm số tiền này?

- Thưa Trí giả, chính tiện nội.

- Thế hiền nội già hay trẻ?

- Thưa Trí giả, tiện nội còn trẻ.

- Thế thì cô ả đang phạm tà hạnh với kẻ khác, nên đã bảo lão đi xa vì nghĩ cần phải hành động như thế cho an toàn. Nếu lão đem số tiền này về nhà, cô ả sẽ đem cho tình nhân số tiền do lão khổ công kiếm được. Vậy lão không nên về nhà ngay, mà phải để số tiền ngoài thành phố, dưới gốc cây đâu đó.

Nói xong ngài bảo lão ra đi.

Khi lão đến gần làng, lão chôn tiền vào một gốc cây, và về đến nhà lúc chiều tối. Lúc ấy vợ lão đang ngồi với tình nhân. Vị Bà-la-môn đứng ở cửa gọi to:

- Nàng ôi!.

Cô ả nhận ra tiếng lão, vội tắt đèn và ra mở cửa. Khi lão đã vào trong, cô ả dẫn kẻ kia ra cửa, rồi trở vào nhà, chẳng thấy món gì trong túi, liền hỏi:

- Này chàng Bà-la-môn, chàng kiếm được của bố thí gì trên đường đi thế?

- Một ngàn đồng tiền.

- Thế tiền đâu rồi?

- Nó được chôn ở chốn nọ, nhưng đừng lo, ngày mai ta sẽ đi lấy nó.

Cô ả liền đi báo cho tình nhân biết. Hắn đến đó lấy tiền ngay như thể tài sản của hắn vậy. Hôm sau, vị Bà-la-môn đến nhưng không thấy tiền đâu, liền đi tìm Bồ-tát, ngài hỏi:

- Này lão Bà-la-môn, có việc gì thế?

- Thưa Trí giả, tôi không thấy tiền đâu cả.

- Thế lão có nói cho vợ biết chăng?

- Thưa Trí giả, có.

Biết là cô vợ đã báo cho tình nhân rõ, Bồ-tát bảo:

- Này lão Bà-la-môn, thế có vị Bà-la-môn nào là bạn của vợ lão không?

- Thưa Trí giả, có.

Lúc ấy bậc Đại Sĩ truyền người đem đến một số tiền đủ chi phí trong bảy ngày để cho lão và dặn:

- Hãy ra về, và hai vợ chồng lão hãy đãi tiệc mời mười bốn vị Bà-la-môn đầu tiên, gồm bảy người bạn lão và bảy người bạn của vợ lão. Rồi từ đó về sau cứ mỗi ngày bớt một vị khách cho đến ngày thứ bảy, lão chỉ mời một Bà-la-môn và vợ lão mời một. Khi ấy nếu lão thấy vị Bà-la-môn được vợ lão mời vào ngày thứ bảy ấy đã đến các lần trước, thì hãy báo cho ta.

Lão Bà-la-môn làm theo lời ngài, rồi đến trình Bồ-tát:

- Thưa Trí giả, tôi đã nhận thấy vị Bà-la-môn luôn luôn đến làm thực khách của nhà tôi.

Bồ-tát sai người đi theo lão, đem vị Bà-la-môn ấy đến và hỏi:

- Có phải anh lấy một ngàn đồng tiền của lão này dấu ở dưới gốc cây nọ chăng?

- Thưa Trí giả, tôi không lấy.

- Thế anh biết ta là Trí giả Senaka ư? Ta muốn bảo anh đem số tiền ấy về đây.

Hắn sợ hãi thú nhận:

- Tôi đã lấy số tiền ấy.

- Thế anh đã làm gì?

- Thưa Trí giả, tôi cất ở chỗ nọ.

Bồ-tát lại hỏi vị Bà-la-môn già kia:

- Này lão Bà-la-môn, lão muốn giữ vợ lại hay lấy vợ khác?

- Thưa Trí giả, cho lão được phép giữ vợ lại.

Bồ-tát sai người đi lấy số tiền và đem cô vợ lão đến, trao số tiền từ tay kẻ trộm ấy lại cho lão Bà-la- môn, rồi ngài trừng phạt kẻ trộm, đuổi hắn ra khỏi tỉnh và trừng phạt luôn cô vợ. Về sau ngài ban lão Bà-la-môn đại vinh dự bằng cách cho phép lão sống ở gần ngài.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, Bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật. Lúc kết thúc các Sự Thật, nhiều Tỷ-kheo đạt Sơ quả (Dự Lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Thời ấy vị Bà-la-môn là Ànanda, vị Thần cây là Sàriputta, hội chúng là Tăng chúng của đức Phật và Trí giả Senaka chính là Ta.

-ooOoo-

403. Chuyện Trí Giả Atthisena (Tiền thân Atthisena)

At-thi, lắm kẻ đến mong cầu...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại đền Aggàlava gần Àlavi, về các điều lệ xây tịnh thất.

Hoàn cảnh đã được nêu trong tiền thân Manikantha số 253. Bậc Đạo Sư bảo Tăng chúng:

- Này các Tỷ-kheo, ngày xưa trước khi đức Phật ra đời, các ẩn sĩ ngoại đạo dù được vua ban đặc ân, cũng không bao giờ cầu xin điều gì cả, vì thấy rằng cầu xin kẻ khác không đem lại an lạc thư thái.

Nói vậy xong Ngài kể câu chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa, khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình Bà-la-môn và được đặt tên là Nam tử Atthisena. Khi lớn lên, ngài học các nghệ thuật ở Takkasilà, và về sau,

nhận thấy nỗi đau khổ của tham dục, ngài xuất gia tu tập và thành đạt các Thắng trí cùng các Thiền chứng, ngài sống ở vùng Tuyết Sơn. Sau đó xuống vùng dân cư tìm muối và dấm, ngài đến Ba-la- nại. Sau khi ở trong một lâm viên, hôm sau ngài đi khất thực tại cung đình.

Vua hài lòng trước phong cách oai nghi của ngài, liền cho người mời ngài vào, đặt ngài ngồi lên sàng tọa trên sân thượng và cúng dường thực phẩm. Khi ngài nói lời tùy hỷ công đức, vua rất hân hoan, và nhận được lời ngài hứa hẹn cư ngụ trong ngự viên, vua đến tham kiến Bồ-tát mỗi ngày hai ba lần. Một hôm vua hoan hỷ nghe ngài thuyết Pháp xong, liền ban cho ngài một điều ước:

- Xin ngài hãy nói cho trẫm biết bất cứ điều gì ngài ước nguyện, từ quốc độ của trẫm trở xuống.

Bồ-tát không đáp: "Hãy cho ta vật này vật nọ", nhiều kẻ khác đòi hỏi những vật nào họ mong ước, thường bảo: "Cho tôi vật này", và vua ban vật đó, nếu không ham thích nó nữa.

Một hôm vua suy nghĩ: "Nhiều người mong cầu đặc ân hoặc các khất sĩ thường xin ta vật này vật nọ, nhưng Hiền giả Atthisena cao quý này, từ khi ta ban điều ước, vẫn không xin gì cả. Ngài thật là bậc có trí tuệ và thiện xảo các phương tiện. Ta muốn hỏi ngài".

Thế rồi, một hôm sau buổi điểm tâm, nhà vua ngồi một bên, hỏi ngài lý do vì sao nhiều người khác cầu xin ân huệ còn ngài thì không, và vua ngâm vần kệ đầu:

1. At-thi, lắm kẻ đến mong cầu,
Cho dẫu họ xa lạ biết bao,
Lũ lượt xin ta ban thỉnh nguyện,
Còn ngài, không ước vọng, vì sao?
Nghe vầy, Bồ-tát ngâm vần kệ thứ hai:

2. Hai kẻ cầu ân, hoặc chối từ,
Thảy đều không đẹp ý bao giờ,
Đấy là duyên cớ, xin đừng giận,
Khiến tiểu thần không thỉnh nguyện vua.
Nghe lời ngài, vua ngâm tiếp ba vần kệ nữa:

3. Người nào kiếm sống khẩn cầu hoài,
Chẳng đến cầu ân lúc hợp thời,
Làm kẻ khác suy tàn đức độ,
Chính mình chẳng có kế sinh nhai.
4. Người nào kiếm sống, khẩn cầu hoài,
Thường đến cầu ân lúc hợp thời,
Làm kẻ khác tăng dần đức độ,
Chính mình cũng được kế sinh nhai.
5. Bậc có trí không thấy hận sân, Khi người lũ lượt đến cầu ân,

Nói đi, Thánh giả là thân hữu, Điều ước ngài không thể lỗi lầm.

Như vậy, dù được ban tặng cả vương quốc, Bồ-tát cũng không cầu mong gì. Khi nguyện vọng của nhà vua đã được phát biểu như vậy, Bồ-tát liền bày tỏ đường lối của ẩn sĩ:

- Thưa Đại vương, người thế tục và gia chủ thường thích thỉnh nguyện, chứ không phải người xuất thế, vì từ khi phát nguyện xuất gia, ẩn sĩ phải sống đời thanh tịnh khác với gia chủ. Rồi ngài ngâm vần kệ thứ sáu bày tỏ nếp sống ẩn sĩ:

6. Bậc trí không hề thỉnh nguyện đâu,
Thế nhân phải biết rõ như sau:
Trí nhân thỉnh nguyện ngồi im lặng,
Như thế là người trí thỉnh cầu.
Vua nghe lời Bồ-tát liền nói:

- Bạch Tôn giả, nếu một người phục vụ có trí tự nguyện cống hiến thân hữu mình những gì cần được cống hiến, thì trẫm xin tặng Tôn giả những vật như vầy:

7. Ngàn bò trẫm tặng Bà-la-môn,
Bó đỏ, thêm người hướng dẫn đường,
Nghe các nghiệp ngài đầy thánh thiện,

Trẫm nay phát khởi nghiệp hiền lương.
Khi vua nói vậy, Bồ-tát từ chối, bảo:

- Thưa Đại vương, ta đã sống đời tu tập xa lìa cấu uế, ta không cần đàn bò.

Vua tuân thủ lời khuyến giáo của ngài, chuyên tâm bố thí và làm nhiều thiện sự khác nên được sinh lên thiên giới.

Còn Bồ-tát không hề gián đoạn Thiền định, nên tái sinh lên cõi Phạm thiên.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, Bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật. Lúc kết thúc các Sự Thật, nhiều Tỷ-kheo được an trú vào Sơ quả (Dự Lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Thời ấy, vua là Ánanda và Atthisena chính là Ta.

-ooOoo-

404. Chuyện Hầu Vương (Tiền thân Kapi)

Người trí không nên ở chốn nào...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) bị quả đất nuốt sống.

Thấy Tăng chúng đang bàn luận việc này tại Chánh pháp đường. Ngài bảo:

- Đây không phải lần đầu Devadatta và hội chúng của kẻ ấy bị tiêu diệt, mà xưa kia cũng vậy.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa khi vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát nhập thai vào loài khỉ sống trong ngự viên cùng cả đàn tùy tùng năm trăm con khỉ. Devadatta cũng được sinh làm khỉ, cùng sống tại đó với một bầy năm trăm khỉ khác.

Một hôm vị tế sư của nhà vua đi ra vườn tắm rửa, trang hoàng thân thể xong, một con khỉ tinh nghịch leo lên ngồi trên cổng vòng cung của ngự viên, thả cục phân rơi trên đầu vị ấy lúc ông đi qua cổng. Khi tế sư nhìn lên, nó lại thả thêm một cục phân vào miệng ông. Vị tế sư quay lại, hăm dọa bầy khỉ:

- Được lắm, ta sẽ biết cách trừng trị bây.

Rồi ông lại tắm rửa và ra về.

Bầy khỉ trình lại với Bồ-tát rằng vị tế sư giận và hăm dọa chúng như vậy.

Ngài thông báo cho cả bầy ngàn con khỉ:

- Ở gần nơi cư trú của kẻ sân hận là không an toàn, vậy cả đàn khỉ nên chạy trốn đi nơi khác.

Một con khỉ không vâng lệnh, giữ bầy khỉ của nó lại, không chạy trốn và bảo:

- Ta sẽ xét lại việc ấy sau.

Bồ-tát đem bầy khỉ đi vào rừng.

Một hôm, có một nữ tỳ giã gạo và phơi nắng một ít gạo, một con dê đến ăn gạo đã bị một cây đuốc đập vào mình, nó chạy trốn, mình cháy đỏ rực, vội chà mình vào vách lều cỏ gần chuồng voi. Ngọn lửa bắt vào lều cỏ lan qua chuồng voi, làm các lưng voi bị phỏng, các thú y được mời đến chăm sóc bầy voi.

Vị tế sư hoàng gia vẫn luôn tìm cơ hội bắt bầy khỉ. Lúc vị tế sư đang ngồi chầu nhà vua, nhà vua bảo:

- Này tế sư, nhiều con voi của ta bị thương và các thú y chuyên về voi lại không biết cách chữa trị, vậy khanh có biết chữa không?

- Tâu Đại vương, thần biết.

- Cách gì thế?

- Tâu Đại vương, mỡ khỉ.

- Làm sao có được thứ ấy?

- Có rất nhiều khỉ trong ngự viên.

Vua phán:

- Giết bầy khỉ để lấy mỡ.

Các xạ thủ đem cung tên đi giết cả năm trăm con khỉ. Một con khỉ già trốn thoát được dù nó bị thương do mũi tên, và chưa ngã ngay tại chỗ, nó chỉ ngã xuống khi đến nơi ở của Bồ-tát. Bầy khỉ bảo nhau:

- Nó đã chết khi vừa đến chỗ ở của ta.

Và chúng kể lại với Bồ-tát rằng con khỉ kia chết do vết thương ấy. Ngài bước ra ngồi giữa bầy khỉ, ngâm các vần kệ này để khuyến giáo chúng với lời khuyên của bậc trí, đó là: "Người nào ở gần kẻ thù đều phải chết như vậy".

1. Người trí không nên ở chốn nào
Cừu nhân cư trú, dẫu dài lâu,
Hay chỉ một, hai đêm cũng vậy,
Đến gần sẽ gặp nỗi sầu đau.
2. Kẻ ngu là địch thủ cho ai
Vẫn trót tin lời nó nói sai:
Con khỉ ngu si đem đại họa
Cho bầy của nó thế mà thôi.

3. Một kẻ ngu si đứng trưởng đoàn,
Vì kiêu căng muốn tỏ khôn ngoan,
Sẽ không khác khỉ này gây họa,
Mãi mãi đưa đường đến bại vong.
4. Kẻ mạnh ngu si chẳng tốt lành,
Lãnh phần bảo vệ cả đàn mình,
Nó là tai họa cho đồng loại,
Chẳng khác chim mồi đáng hãi kinh.
5. Trưởng đoàn hùng dũng trí khôn ngoan
Làm tốt để canh giữ cả đoàn,
Chẳng khác Ind-ra bên Hội chúng,
Là phần thưởng của các thân bằng.
6. Người nào đủ giới hạnh hoàn toàn,
Trí tuệ tinh thông, học tập luôn,
Hành động người này đem phước lạc
Cho mình cùng với các tha nhân.
7. Vậy thì giới hạnh lẫn đa văn,
Tri kiến học hành, luyện bản thân,
Như thể vị hiền nhân độc trú,
Hoặc lo bảo vệ đám thân bằng.
Như vậy Bồ-tát trở thành Hầu vương, và giảng giải đường lối học tập Giới luật.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, Bậc Đạo Sư nhận diện tiền thân:

- Thời ấy con khỉ không tuân lệnh là Devadatta, bầy khỉ của nó là Hội chúng của Devadatta, và Hầu vương có trí là Ta.

-ooOoo-

405. Chuyện Phạm Thiên Baka (Tiền thân Bakabrahma)

Chúng tôi tất cả bảy mươi hai...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này khi trú tại Kỳ Viên về Phạm thiên Baka.

Một tà kiến sinh khởi trong tâm vị Phạm thiên này, đó là: "Cõi sinh hữu này là trường tồn, thường hằng, vĩnh cửu, bất biến; ngoài nơi này ra không có sự cứu độ hay giải thoát gì nữa...".

Trong một đời trước, vị Phạm thiên này đã thực hành Thiền định, vì thế được tái sinh vào cõi trời Quảng Quả (Vehapphala). Sau khi đã trải qua đời sống ở đó trong năm trăm kiếp (Kappa), vị ấy tái sinh vào cõi trời Biến Tịnh (Subhakinna). Sau khi đã trải qua sáu mươi bốn kiếp tại đó, vị ấy mạng chung và tái sinh vào cõi trời Quang Âm (Àbhassara), nơi đời sống kéo dài trong tám kiếp. Và chính tại đó, tà kiến này khởi lên

trong tâm vị ấy.

Vị Phạm thiên này quên rằng mình đã từng sống ở các cõi Phạm thiên giới cao hơn và đã tái sinh vào cảnh giới này. Do nhận thức các điều trên, vị ấy chấp thủ tà kiến. Bậc Đạo Sư thấu hiểu các tư tưởng của vị ấy và thật dễ dàng như một lực sĩ duỗi cánh tay cho thẳng ra hay cong cánh tay trở lại, Ngài biến mất ở Kỳ Viên và xuất hiện ở Phạm thiên giới ấy. Vị Phạm thiên thấy ngài liền thưa:

- Thiện lai Thế Tôn, xin Thế Tôn đến đây. Bạch Thế Tôn, thế giới này là trường tồn, thường hằng, vĩnh cửu, tuyệt đối, bất biến; thế giới này không sinh, không già, không chết, không biến hoại, không tái sinh. Ngoài thế giới này, không có sự cứu độ nào cao hơn nữa.

Khi lời này được vị Phạm thiên Baka nói ra, Thế Tôn bảo:

- Phạm thiên Baka đã si mê, đã lầm lạc khi nói rằng một vật không thường hằng là thường hằng, một vật không vĩnh cửu là vĩnh cửu, cùng những điều tương tự, như ngoài thế giới này không có sự cứu độ nào cao hơn nữa trong khi vẫn có sự cứu độ khác.

Nghe lời này, vị Phạm thiên suy nghĩ: "Thế Tôn đang khuyến giáo ta khi nhận ra chính xác những lời ta nói".

Rồi như một kẻ trộm rụt rè sau khi bị đấm vài cái, vị ấy đáp:

- Đệ tử đâu phải là tên trộm duy nhất? Còn nhiều vị này vị nọ cũng đều là các tên trộm khác nữa.

Rồi vị ấy nêu tên các vị Thiên cùng một hội chúng; như vậy vị Phạm thiên lo sợ đức Phật chất vấn, nên đã ngâm vần kệ đầu tiên nói lên các vị Thiên cùng hội chúng của mình:

1. Chúng tôi tất cả bảy mươi hai,
Chân chánh và cao cả tuyệt vời,
Sanh, lão chúng tôi đà giải thoát,
Cõi này là trí tuệ nhà trời,
Không Thiên giới khác cao hơn nữa,
Nhiều kẻ tán đồng quan điểm tôi.
Nghe lời này, Bậc Đạo Sư ngâm vần kệ thứ hai:

2. Đời ngài ngắn ngủi ở thiên đàng,
Tưởng đời trường thọ quả sai lầm,
Một trăm ngàn kiếp trôi qua mất,
Ta biết đời ngài quá rõ ràng.
Nghe vầy, Baka ngâm vần kệ thứ ba:

3. Thế Tôn, trí tuệ tử vô cùng,
Sanh, lão, sầu nằm ở dưới chân:

Xưa đã tạo nên bao thiện nghiệp,
Thế Tôn cho đệ tử hay chăng?
Sau đó đức Thế Tôn ngâm bốn vần kệ kể cho vị ấy nghe những chuyện quá khứ:

4. Xưa lấy nước ban phát những người
Lúc đang cơn khát sắp tàn hơi,
Dưới trời hạn hán như thiêu đốt,
Thiện nghiệp ngài qua đã mấy đời,
Ta biết là ta đều nhớ rõ,
Như vừa tỉnh giấc mộng mà thôi.
5. Sông E-ni, thuở nọ bên bờ, Ngài thả nhiều người được tự do, Trong lúc bị giam cầm chặt chẽ,

Việc lành ngài tạo dẫu xa xưa, Song ta biết rõ ta còn nhớ Như thể mới vừa tỉnh giấc mơ.

6. Ngày xưa trên bến nước sông Hằng,
Ngài cứu thuyền người nọ thoát thân,
Khi bị ác xà kia chụp lấy
Vì thèm thịt sống, khỏi tai ương,
Việc lành ngài tạo dầu xa lắc,
Ta nhớ rõ như tỉnh giấc nồng.
7. Ta chính Kap-pa, đệ tử ngài,
Trí đức ngài, ta biết rõ mười,
Thiện nghiệp ngài làm, ta nhớ kỹ.
Như là mới tỉnh giấc mơ thôi.
Khi nghe các nghiệp quá khứ của mình do Bậc Đạo Sư thuyết giảng, Baka cảm tạ và ngâm vần kệ cuối cùng:

8. Thế Tôn biết mọi kiếp xưa xa,
Tuệ giác toàn tri quả Phật-đà,
Uy lực hào quang vinh hiển thực,
Sáng ngời khắp cõi Phạm thiên ta.
*

Như vậy Bậc Đạo Sư vừa tỏ bày uy lực của một đức Phật, vừa thuyết Pháp khai thị các Sự thật. Lúc kết thúc Pháp thoại, tâm của mười ngàn vị Phạm thiên được giải thoát khỏi các ô nhiễm cấu uế. Do đó, đức Thế Tôn trở thành nơi an trú của các vị Phạm thiên, rồi trở về Kỳ Viên từ cõi Phạm thiên, Ngài thuyết Pháp như trên và nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy Phạm thiên Baka là nhà khổ hạnh Kesava và đệ tử Kappa chính là Ta.

-ooOoo-

406. Chuyện Quốc Vương Gandhàra (Tiền thân Gandhàra)

Làng phố, vũ công mười sáu ngàn...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên, liên hệ giới điều về việc "tích trữ dược liệu". Tuy nhiên, hoàn cảnh chuyện này đã xảy ra ở Vương Xá.

Khi Tỷ-kheo Pilindiyavaccha đến cung vua để giải thoát gia đình người giữ ngự viên, ông dùng thần thông lực biến cung vua thành tòa nhà bằng vàng, quần chúng hoan hỷ đến tặng ông năm thứ dược liệu. Ông đem phân phát khắp Tăng chúng. Do đó Tăng chúng có nhiều dược liệu và khi nhận được các dược liệu, họ chứa đầy các chai, hủ, bình, túi... và cất để dành. Dân chúng thấy vậy thì thầm bảo nhau: "Các Tỷ-kheo tham lam kia đang tích trữ đồ đạc trong tinh xá".

Bậc Đạo Sư nghe vậy liền công bố giới điều:

- Bất cứ dược liệu trị bệnh nào khi nhận được, phải được dùng trong vòng bảy ngày.

Và bảo:

- Này các Tỷ-kheo, các bậc trí nhân thuở xưa, trước khi đức Phật ra đời, dẫu xuất gia theo ngoại đạo và chỉ giữ Ngũ giới, cũng đã khiển trách những ai tích trữ muối và đường cho ngày hôm sau; còn các ông ngày nay dẫu đã được xuất gia theo Giáo pháp giải thoát, lại tích trữ đồ đạc đến hai ba ngày ư?

Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa Bồ-tát là vương tử của xứ Gandhàra. Khi vua cha băng hà, ngài lên ngôi vua trị nước chân chánh. Đồng thời ở vùng Trung thổ, tại vương quốc Videha, có vị vua mệnh danh Videha cai trị. Hai quốc vương này chưa hề gặp nhau, nhưng lại là thân hữu và tin cậy lẫn nhau.

Thời ấy, loài người trường thọ: đời sống dài ba mươi ngàn năm. Một hôm, vào ngày trai giới trăng tròn, vua Gandhàra đã phát nguyện giữ giới và ngự trên bảo tọa giữa ngai vàng dành cho ngài, nhìn ra một cửa sổ rộng mở ở góc hướng Đông, ngài ngồi thuyết giảng cho quần thần về bản chất giáo lý. Lúc ấy, thần Ràhu (La-hầu: Vua các Thần A-tu-la) đã che hết mặt trăng tròn đầy đang tỏa sáng cả bầu trời. Ánh trăng biến mất. Triều thần không thấy ánh trăng, liền tâu vua rằng thần Ràhu đã chụp lấy mặt trăng.

Vua quan sát mặt trăng, nghĩ thầm "Mặt trăng đã mất ánh sáng vì bị một biến động bên ngoài làm hỏng. Nay triều thần chính là mối phiền lụy của ta. Ta không nên để mất ánh sáng như mặt trăng bị thần Ràhu chụp lấy. Ta muốn rời quốc độ như mặt trăng chiếu trên bầu trời trong sáng và trở thành ẩn sĩ. Tại sao ta lại giáo giới người khác? Ta muốn ra đi, từ giã thân quyến, thần dân và giáo giới bản thân ta mà thôi: điều ấy mới thích hợp với ta". Vì vậy ngài phán:

- Các khanh cứ làm gì tùy ý.

Rồi ngài trao quốc độ cho triều thần. Khi ngài đã từ bỏ vương quốc ở hai xứ Kashmir và Gandhàra, ngài sống đời tu hành. Khi chứng đắc các Thắng trí, ngài an cư mùa mưa ở

vùng Tuyết Sơn, chuyên tâm vào sự an lạc của Thiền định.

Khi hỏi thăm các thương nhân, vua Videha bảo:

- Hiền hữu của ta có được khang an chăng?

Và được tin ngài đã ra đi đời sống tu hành, vua suy nghĩ: "Hiền hữu ta đã xuất gia tu tập, ta còn phải làm gì với quốc độ này?"

Vì thế ngài thoái vị ở kinh thành Mithilà dài bảy dặm, và vương quốc Videha rộng ba trăm dặm gồm mười sáu ngàn làng với các cửa hiệu đầy hàng hóa, mười sáu ngàn nữ vũ công, rồi cũng không

nghĩ đến các hoàng tử và công chúa, vua lên vùng Tuyết Sơn sống đời tu hành. Tại đó ngài chỉ sống bằng quả rừng trong đời độc cư thanh tịnh. Cả hai vị vua an tịnh độc cư như vậy, sau đó gặp nhau; tuy thế hai vị vẫn sống cùng nhau trong cảnh đời an tịnh với tình thân hữu.

Ẩn sĩ xứ Videha phục vụ ẩn sĩ xứ Gandhàra. Vào một đêm đầy trăng, trong lúc hai vị ngồi dưới gốc cây đàm luận đạo lý, thần Ràhu che khuất mặt trăng đang sáng tỏa khắp bầu trời.

Ẩn sĩ xứ Videha nhìn lên, hỏi:

- Tại sao ánh trăng bị mất?

Và khi thấy trăng bị thần Ràhu chụp, vị ấy hỏi:

- Bạch Tôn sư, tại sao nó che khuất mặt trăng làm cho tối tăm vậy?

- Này đồ đệ, đó là do duyên quấy nhiễu mặt trăng tên gọi là Ràhu, nó ngăn cản mặt trăng chiếu sáng. Chính ta khi thấy mặt trăng bị thần Ràhu che khuất, đã suy nghĩ: "Mặt trăng sáng trở nên tối vì bị quấy nhiễu từ bên ngoài. Nay quốc độ là mối phiến nhiễu đối với ta, ta muốn theo đời tu hành để quốc độ không làm ta đen tối như thần Ràhu làm tối mặt trăng kia. Như vậy, lấy chuyện mặt trăng bị thần Ràhu che khuất làm chủ đề của ta, ta từ giã vương quốc và sống đời tu hành".

- Bạch Tôn sư, thế ngài là cựu vương nước Gandhàra ư?

- Chính phải.

- Bạch Tôn sư chính đệ tử là cựu vương Videha, trong quốc độ Videha và kinh thành Mithila, dù chúng ta chưa từng thấy nhau, chúng ta chẳng phải đã làm bạn với nhau đó sao?

- Thế chủ đề của Hiền hữu là gì?

- Đệ tử nghe Tôn sư đã xuất gia tu tập nên suy nghĩ: "Chắc chắn ngài đã tìm thấy lợi ích của nếp sống ấy, đệ tử xem ngài là chủ đề của mình, nên từ giã quốc độ và xuất gia".

Từ đấy trở đi, hai vị trở nên hết sức thân thiết, quý mến nhau và chỉ sống bằng quả rừng. Sau một thời gian an trú tại đó, hai vị từ Tuyết Sơn đi xuống tìm muối và dấm,

dần dần đến một làng ở biên địa.

Dân chúng hoan hỷ vì phong cách hai vị, đã cúng dường và khi nhận được lời hứa, họ dựng thảo am để hai vị trú ban đêm và ở cả trong rừng nữa, rồi mời hai vị ở lại đó; bên vệ đường họ còn dựng một phòng ăn ở một nơi đẹp có nước chảy.

Sau khi đi khất thực từ làng biên địa, hai vị ngồi dùng món ăn trong thảo am kia rồi trở về chỗ cư trú của mình. Dân chúng cúng dường thực phẩm có hôm để muối lên một lá rồi đem đến cho hai vị, hôm khác lại đem thức ăn không có muối.

Một hôm họ cúng dường hai vị rất nhiều muối trong một cái rổ bằng lá. Ẩn sĩ xứ Videha lấy muối đem vừa đủ phần Bồ-tát lúc dùng thức ăn, và cũng lấy phần vừa đủ cho mình, sau đó cất phần còn lại trong rổ lá đặt vào một cuộn cỏ, tự nhủ: "Cái này sẽ có ích cho ngày không có muối".

Rồi một hôm nhận được thức ăn không có muối, ẩn sĩ xứ Videha đem món khất thực đến ẩn sĩ Gandhàra, lấy muối trong cuộn cỏ ấy ra và bảo:

- Bạch Tôn sư, hãy lấy muối.

- Dân chúng hôm nay không cho ta muối, vậy đồ đệ lấy đâu ra muối?

- Bạch Tôn sư, hôm kia dân chúng cho nhiều muối, nên đệ tử cất phần dư và bảo: "Cái này sẽ có ích cho ngày không muối".

Bồ-tát liền quở trách vị này, bảo:

- Này kẻ ngu si kia, ông đã từ bỏ vương quốc Videha rộng ba trăm dặm, đã xuất gia tu hành và chứng đạt tâm ly dục, nay ông lại khởi lòng ham thích muối và đường!

Khuyến giáo như vậy xong, ngài ngâm vần kệ đầu:

1. Phố xá, thôn trang mười sáu ngàn,
Ông từ bỏ hết mọi giàu sang,
Kho tàng của cải nhiều vô tận,
Nay tích trữ gì đấy phải chăng?
Ẩn sĩ Videha bị khiển trách như vậy, không kham nhẫn lời khiển trách mà trở nên lạnh lùng bảo:

- Bạch Tôn sư, ngài không thấy lỗi của ngài, mặc dù ngài thấy lỗi của tôi. Ngài đã chẳng rời bỏ vương quốc và xuất gia, tự bảo: "Tại sao ta phải khuyến giáo kẻ khác? Ta muốn khuyến giáo bản thân ta mà thôi" ư? Thế sao nay ngài lại đang khuyến giáo tôi đấy?

Rồi vị ấy ngâm vần kệ thứ hai:

2. Ngài bỏ Gan-dha, mọi phố phường,
Biết bao châu báu ở kho tàng,
Không còn ban lệnh cho ai nữa,
Nay lại truyền tôi lệnh ấy chăng?
Nghe vậy Bồ-tát ngâm vần kệ thứ ba:

3. Chính vì chân chánh, ta khuyên răn,
Vì ghét những gì chẳng chánh chân,
Khi nói cho ông điều chánh hạnh,
Lỗi lầm ta chẳng phạm vào thân.
Ẩn sĩ xứ Videha nghe Bồ-tát nói, đáp lại:

- Bạch Tôn sư, thuyết giảng cho người khác sau khi đã làm kẻ ấy đau buồn giận dỗi là điều không thích hợp, dầu có thuyết giảng đúng vấn đề đi nữa. Tôn sư đang nặng lời gay gắt với tôi như thể cạo đầu tôi với con dao cùn!

Rồi vị ấy ngâm vần kệ thứ tư:

4. Bất cứ lời nào, nếu nói ra,
Sẽ gây thương tổn đến người ta,
Trí nhân không nói ra lời ấy,
Cho dẫu tạo nên quá lớn mà!
Bồ-tát liền đáp vần kệ thứ năm:

5. Người nghe ta rắc trấu hay không,
Hay dẫu người kia bị tổn thương,
Khi nói ra điều gì chánh hạnh,
Lỗi lầm ta chẳng phạm vào thân.
Nói vậy xong, ngài tiếp tục bảo:

- Này Ànanda, ta không cư xử với ông như người thợ gốm cư xử với đám nồi đất chưa nung đâu. Ta sẽ còn khiển trách nhiều lần nữa, vì "Cái gì là cốt lõi, cái ấy sẽ tồn tại".

Do vậy, ngài cương quyết giữ cách xử sự phù hợp với lời giáo huấn của đức Thế Tôn. Ví như người thợ gốm giữa đám đồ gốm, sau một thời gian thường xuyên đập gõ lên chúng, chỉ chọn cái nồi đã nung kỹ, chứ không chọn cái nồi đất chưa nung, ngài cũng chọn người tốt như chiếc nồi được nung kỹ kia bằng cách khuyến giáo và khiển trách nhiều lần như thế. Rồi muốn thuyết giảng để nêu rõ cho vị ấy hiểu điều này, ngài ngâm vần kệ:

6. Nếu trí đức không được luyện rèn
Trong đời sống để mãi tăng thêm,
Nhiều người phiêu bạt chân buông thả,
Như thể trâu mù cứ bước lên.
7. Song các trí nhân khéo luyện rèn
Để cho thiện hạnh mãi tăng thêm,
Chính nhờ đạo hạnh này thuần thục
Nên các tha nhân bước tiếp liền.
Nghe lời này, ẩn sĩ xứ Videha nói:

- Bạch Tôn sư, từ nay về sau xin cứ giáo huấn đệ tử . Đệ tử trót lỡ nói lời bất nhã với ngài, xin tha thứ cho đệ tử.

Rồi cúi đầu đảnh lễ cung kính, vị ấy được Bồ-tát thứ lỗi.

Như vậy hai vị đã sống hòa hợp với nhau và trở về Tuyết Sơn. Sau đó Bồ-tát dạy ẩn sĩ xứ Videha cách chứng đắc Thiền định. Vị ấy tuân thủ và thành tựu các Thắng trí cùng các Thiền chứng. Hai vị không bao giờ gián đoạn Thiền định nên về sau tái sinh lên cõi Phạm thiên.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, Bậc Đạo Sư nhận diện tiền thân:

- Vào thời ấy ẩn sĩ xứ Videha là Ànanda và quốc vương Gandhàra chính là Ta.

-ooOoo-

407. Chuyện Đại Hầu Vương (Tiền thân Mahàkapi)

Chính thân ngài đã bắt ngang cầu khỉ...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về các thiện nghiệp đối với thân quyến. Hoàn cảnh chuyện này sẽ xuất hiện trong tiền thân Bhaddasàla, số 444.

Tăng chúng bắt đầu bàn luận trong Chánh pháp đường, bảo nhau:

- Đức Phật Toàn Giác đã làm nhiều thiện sự đối với thân quyến.

Khi Bậc Đạo Sư hỏi Tăng chúng và được trình bày đề tài trên, Ngài đáp:

- Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu Như Lai làm thiện nghiệp đối với thân quyến.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa khi vua Brahmadatta trị vì ở Ba-la-nại, Bồ-tát nhập mẫu thai loài khỉ. Khi lớn lên, ngài có vóc dáng oai nghi lực lưỡng và cường tráng, cùng sống với một đàn tám mươi ngàn con khỉ ở Tuyết Sơn.

Gần bờ sông Hằng có một cây xoài (nhiều người khác bảo là cây đa) với nhánh chồi tỏa bóng mát và lá rậm rạp như một đỉnh núi. Trái xoài ngọt có mùi hương và vị tuyệt diệu, to bằng các bình nước. Trái từ một cành rơi xuống đất, từ một nhánh khác rơi xuống sông Hồng, từ hai nhánh khác rơi vào gốc cây.

Trong lúc ăn xoài cùng với loài khỉ, Bồ-tát nghĩ thầm: "Một ngày kia tai họa sẽ xảy đến cho ta do trái xoài rơi xuống nước".

Vì thế không để lại trái xoài nào trên cành cây mọc trên bờ sông, ngài bảo bọn chúng ăn hết hoặc ném bỏ hoa đúng mùa ngay từ khi nụ hoa mới nhú bằng hột đậu.

Tuy thế, một xoài chín nằm kín trong một tổ kiến, nên cả tám mươi ngàn con khỉ không trông thấy, rớt xuống dòng sông và mắc vào cái lưới ở phía trên vua Ba-la-nại lúc ấy đang tắm sông vui đùa với một tấm lưới ở trên và một tấm ở dưới.

Khi vua đã vui đùa suốt ngày và sắp ra về lúc chiều tối, bọn người đánh cá đang kéo lưới lên, trông thấy trái cây, nhưng không biết loại gì, liền đem dâng vua, vua hỏi:

- Trái gì thế?

- Tâu Đại vương, chúng thần không biết.

- Thế ai biết?

- Tâu Đại vương, các người kiểm lâm.

Vua truyền gọi bọn người kiểm lâm và khi nghe họ bảo đó là trái xoài, vua lấy dao cắt nó ra, rồi trước hết bảo bọn kiểm lâm ăn xoài, sau đó chính nhà vua cũng ăn xoài. Hương vị xoài chín thấm nhuần khắp toàn thân vua. Do lòng ham muốn hương vị câu thúc, vua hỏi bọn kiểm lâm cây ấy ở đâu, và khi nghe rằng cây ấy ở trên bờ sông về hướng Tuyết Sơn, vua truyền ráp các chiếc bè lại và chèo ngược lên thượng nguồn của sông theo lộ trình được đám kiểm lâm hướng dẫn. Số ngày đi đường chính xác là bao nhiêu không được nêu ra.

Theo thời gian, họ đến nơi ấy, và bọn kiểm lâm trình vua:

- Tâu Đại vương đó là cây xoài.

Vua dừng bè lại và cùng đám quần thần đông đảo đi bộ đến nơi, rồi truyền trải sàng tọa ngay dưới gốc cây, vua nằm ngủ sau khi đã ăn xoài và hưởng đủ mọi thứ hương vị tuyệt hảo. Khắp mọi phía quân lính canh gác cẩn thận và nhóm lửa lên. Khi mọi người đã ngủ yên, Bồ-tát cùng bầy khỉ đến đó lúc nửa đêm.

Tám mươi ngàn con khỉ chuyền từ cành nọ sang cành kia ăn xoài. Vua tỉnh giấc thấy bầy khỉ, liền đánh thức quân hầu và gọi đám xạ thủ đến bảo:

- Hãy bao vây loài khỉ đang ăn xoài để chúng không thoát được, rồi bắn cả đi. Ngày mai ta muốn ăn xoài với thịt khỉ.

Đám xạ thủ tuân lệnh, đồng đáp:

- Muôn tâu, được lắm.

Rồi họ bao vây cả cây với cung tên sẵn sàng.

Bầy khỉ thấy họ, sợ chết vì chúng không thể trốn được, liền nhảy đến Bồ-tát và thưa:

- Tâu Đại vương, các xạ thủ đang vây quanh cây và bảo: "Ta sẽ bắn chết loài khỉ lang thang trộm cắp này". Chúng con phải làm gì bây giờ?

Chúng vừa đứng vừa run rẩy.

Bồ-tát bảo:

- Đừng sợ, ta sẽ cứu mạng các con.

Vừa an ủi bầy khỉ như vậy xong, ngài leo lên một cành mọc thẳng đứng, rồi đi qua một cành khác dài về phía sông Hằng, xong lại nhảy vọt về cuối cành ấy, vượt qua một trăm tầm cung và hạ xuống một bụi cây trên bờ.

Khi xuống đến nơi, ngài đánh dấu khoảng cách và nói: "Đó là khoảng cách ta đã vượt qua". Rồi cắt một đọt tre sát gốc, lột vỏ và nói:

- Phần này sẽ được buộc vào cây ấy, và phần kia sẽ ở trên không.

Khi tính hai chiều dài như vậy, ngài quên phần buộc vào thắt lưng mình. Ngài cầm đọt tre buộc một đầu vào thân cây trên bờ sông Hằng và phần kia vào thắt lưng, sau đó nhảy vọt qua khoảng cách một trăm tầm cung ấy với tốc độ của mây bay theo gió cuốn.

Do không tính phần tre buộc vào thân mình, ngài không tới tận cây ấy. Vì vậy ngài lấy hai tay nắm chặt cành cây và ra hiệu cho cả đàn khỉ:

- Cầu chúc các con may mắn, qua nhanh lên, bước trên lưng ta mà đi dọc theo cây tre.

Cả tám mươi ngàn con khỉ trốn thoát được theo cách ấy, sau khi cung kính đảnh lễ Bồ-tát, xin phép ngài ra đi.

Thời ấy Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) là một con khỉ trong đàn kia tự nhủ: "Đây là cơ hội để ta thanh toán kẻ thù".

Vì thế vừa trèo lên cây, nó nhảy vọt và ngã trên lưng Bồ-tát. Tim Bồ-tát như muốn vỡ nát, vô cùng đau đớn. Sau khi gây ra nỗi đau khổ thống thiết cho ngài như vậy, nó liền bỏ đi, chỉ còn Bồ- tát một mình.

Lúc ấy vua tỉnh giấc thấy rõ mọi việc bầy khỉ đã làm cùng Bồ-tát, vua lại nằm xuống suy nghĩ: "Con vật này không kể đến tính mạng mình, đã cứu thoát cho cả đàn bình an".

Khi trời sáng, vua hoan hỷ về Bồ-tát, lại suy nghĩ: "Giết hại chúa khỉ này thật không phải đạo, ta muốn đem nó xuống và săn sóc nó". Vì vậy vua quay bè xuống sông Hằng và dựng một cầu cao ở đó để Bồ-tát nhảy xuống nhẹ nhàng, truyền đem tấm y vàng phủ trên lưng ngài và tắm rửa ngài trên sông, cho ngài uống nước đường, lau thân thể ngài thật sạch và tẩm dầu thơm đã lọc kỹ cả ngàn lần, sau đó trải một tấm da đã được thoa dầu lên sàng tọa và đặt ngài nằm ở đó, còn vua ngồi ở một chỗ thấp hơn.

Và vua ngâm vần kệ đầu:

1. Chính thân ngài đã bắt ngang cầu khỉ
Cho cả đàn trốn thoát được bình an,
Này khỉ kia, ngài với chúng họ hàng,
Hay bọn chúng là gì ngài đó vậy?
Nghe lời này, Bồ-tát ngâm các vần kệ khuyến giáo vua:

2. Tâu Đại vương, tôi trông nom bọn ấy,
Là Hầu vương, tôi làm chủ cả đàn,
Khi bọn kia đầy rẫy nỗi kinh hoàng

Vì các vị, lòng lo buồn đau đớn.
3. Tôi nhảy qua một trăm tầm cung lớn
Được trải dài trên vị trí nằm ngang,
Rồi khi tôi đã buộc khúc tre non
Thật vững chắc ở quanh sườn tôi đó,
4. Muốn đến cây như vầng mây bão tố
Được cuồng phong thổi bạt cực kỳ nhanh,
Song mất đà, tôi chỉ đến đầu cành,
Cầm lấy nó, bàn tay tôi thật vững.
5. Khi tôi nằm trên cây treo lơ lửng
Buộc chặt vào cành với khúc tre non,
Bầy khỉ kia đã bước cả lưng còm,
Giờ đây chúng được an toàn thoát nạn.
6. Tôi không sợ nỗi đau vì thiệt mạng,
Dẫu giam cầm tôi cũng chẳng đau buồn.
Khi bình an hạnh phúc với cả đàn,
Xưa bọn chúng, tôi đã từng cai trị.
7. Một ví dụ dành cho ngài, Đại đế,
Nếu ngài mong học Đạo lý Chánh chân:
Niềm an vui hạnh phúc của toàn dân,
Cùng quân đội, và kinh thành, chiến mã,
Đối với ngài đều thiết thân tất cả,
Nếu ngài mong trị nước thật an bình.

Bồ-tát giáo huấn vua như thế xong liền từ trần. Vua gọi các đại thần đến truyền lệnh cho Hầu vương được thọ hưởng tang lễ như một quốc vương. Rồi vua truyền bảo đám phi tần:

- Các nàng hãy đưa Hầu vương ra tận nghĩa địa với tư cách là đoàn tùy tùng của Hầu vương, mặc y đỏ, xõa tóc xuống và cầm đuốc trong tay.

Các đại thần làm dàn hỏa táng với một trăm xe củi.

Sau khi đã chuẩn bị tang lễ của Bồ-tát theo nghi thức vua chúa, họ đem xương sọ của ngài đến trình vua. Vua truyền xây một đền thờ ở tại địa điểm hỏa táng Bồ-tát, làm lễ đốt đuốc và dâng hương hoa cúng dường. Vua lại truyền khảm vàng vào xương sọ, nâng nó lên cao trên đầu ngọn giáo và đặt tại cổng thành rồi cúng dường hương hoa khi vua đến Ba-la-nại. Sau đó truyền lệnh cho cả kinh thành trang hoàng thật trang nghiêm, nhà vua làm lễ suy tôn-xá lợi suốt bảy ngày.

Khi đã nhận phần xá-lợi và dựng đền thờ trong thành, vua đến đó cúng dường hương hoa suốt đời. Được an trú vào lời dạy của Bồ-tát, vua chuyên tâm bố thí cùng làm nhiều thiện sự khác và cai trị chân chánh nên về sau tái sinh thiên giới.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, Bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự thật và nhận diện tiền thân:

- Thời ấy vua là Ànanda, đàn khỉ là Hội chúng này và Hầu vương chính là Ta.

-ooOoo-

408. Chuyện Người Thợ Gốm (Tiền thân Kumbhakàra)

Cây xoài ta thấy ở rừng xanh...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc khiển trách lỗi lầm. Hoàn cảnh câu chuyện xuất hiện trong tiền thân Pàniya, số 459.

Thời ấy tại Xá-vệ có năm trăm người bạn cùng xuất gia tụ tập, an trú tại Tinh xá trên con Đường Lát Vàng (tức Kỳ Viên), lại khởi lên dục tưởng lúc nửa đêm. Bậc Đạo Sư quan sát các đệ tử ba lần ban đêm và ba lần ban ngày, tức sáu lần suốt ngày đêm, như chim dẻ cùi ấp trứng, như bò yak gìn giữ cái đuôi, như bà mẹ chăm sóc đứa con yêu quý, như người chột canh chừng con mắt còn lại. Vì vậy Ngài khiển trách ngay khi lỗi lầm vừa sinh khởi. Nửa đêm hôm ấy Ngài quan sát Kỳ Viên và biết tâm tư của chúng Tăng, Ngài suy nghĩ: "Nếu lỗi lầm này tăng trưởng giữa Tăng chúng, nó sẽ hủy hoại đời Phạm hạnh đưa đến Thánh quả. Ta muốn khiển trách lỗi lầm này ngay bây giờ và nêu rõ đời Phạm hạnh".

Thế rồi Ngài rời Hương Phòng và gọi Tôn giả Àanda, truyền Tôn giả triệu tập chư Tăng tại đó đến họp lại và Ngài ngồi xuống sàng tọa đã soạn sẵn cho đức Phật. Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, sống dưới sức chi phối của các dục tưởng là không chân chánh; nếu tham dục tăng trưởng sẽ gây họa lớn như một địch thủ. Mỗi Tỷ-kheo phải khiển trách một lỗi lầm dù nhỏ nhặt. Các trí nhân ngày xưa thấy rõ ngay cả mọi duyên cớ thật nhỏ, nên đã khiển trách mọi dục tưởng khi vừa mới khởi sinh, do vậy đã đắc quả Độc Giác Phật.

Nói xong, ngài kể một chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa khi vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình thợ gốm ở ngoại ô Ba-la-nại. Khi lớn lên, ngài thành gia chủ có một con trai, một con gái và nuôi dưỡng vợ con với nghề gốm của ngài.

Thời ấy tại vương quốc Kalinga, trong kinh thành Dantapura, quốc vương mệnh danh Karandu đang dạo chơi với quần thần đông đảo trong ngự viên, chợt thấy ở cổng vườn một cây xoài nặng trĩu quả ngọt.

Từ trên lưng voi, vua đưa tay ra hái một chùm xoài, sau đó vào ngự viên ngồi trên bảo tọa ăn xoài và ban vài trái cho những kẻ được ân sủng. Từ khi vua hái xoài, đám triều thần, Bà-la-môn, gia chủ nghĩ rằng người khác cũng nên làm như thế, họ hái xoài xuống và ăn trái cây ấy. Sau đó họ đến nhiều lần trèo cây lấy gậy đập vào làm gãy cành lá tả tơi, họ ăn xoài và cũng không chừa lại những trái chưa chín.

Vua vui chơi trong ngự viên suốt ngày mãi tận chiều, đi ngang qua trên vương tượng, ngài bước xuống khi thấy cây xoài và đến gốc cây nhìn lên, suy nghĩ: "Sáng này cây tươi đẹp với cành nặng trĩu quả, nhưng đám người ngắm cảnh không thỏa mãn; nay, nó đứng kia không còn tươi đẹp nữa vì trái cây đã bị phá nát và rớt xuống hết rồi".

Vua lại nhìn sang một cây kia không có trái và suy nghĩ: "Cây xoài này tươi tốt vì không sinh trái khác nào núi trọc chứa đầy châu báu. Cây kia vì sinh trái nên đã gặp tai họa: Đời sống tại gia cũng giống như cây có trái, đời xuất gia giống như cây không trái, người giàu tiền hay sợ hãi, người nghèo khó chẳng sợ gì. Ta cũng chỉ muốn như cây không trái kia".

Như vậy lấy cây sinh trái làm chủ đề, ngài đứng dưới gốc cây, quan sát Ba đặc tính: Vô thường, Khổ, Vô ngã và đạt Tuệ giác; ngài đắc quả Độc Giác Phật, liền suy nghĩ: "Từ nay thai tạng đã xa rời ta, tái sinh trong Ba cõi đã đoạn tận, các cấu uế của vòng luân hồi sinh tử đã được thanh tịnh, biển nước mắt đã khô cạn, thành xương khô đã sụp đổ, ta không còn tái sinh nữa". Ngài đứng uy nghi như thể được trang điểm mọi thứ ngọc vàng.

Sau đó các đại thần bảo:

- Tâu Đại vương, ngài đứng đã quá lâu.

- Ta không phải Đại vương, ta là Độc Giác Phật.

- Tâu Đại vương, các Độc Giác Phật không giống ngài.

- Thế thì các vị ấy ra sao?

- Râu tóc các ngài được cạo sạch, các Ngài khoác y vàng, không còn lưu luyến gia đình bộ tộc, các ngài như mây trôi theo gió cuốn hay mặt trăng thoát khỏi thần Ràhu, và các Ngài an trú trên Tuyết Sơn, ở động Nandamùla. Tâu Đại vương, các Ngài Độc Giác Phật là như vậy.

Ngay lúc ấy vua đưa tay lên sờ đầu lập tức các dấu hiệu của một gia chủ biến mất, và các dấu hiệu của một Sa-môn xuất hiện:

Bộ ba y, bình bát, với kim may, Lưỡi dao cạo, đồ lọc nước, dây đai Là tám món một Sa-môn cần có.

Tám món cần thiết của một Sa-môn như chúng vẫn thường được gọi, đã dính chặt vào thân Ngài. Đương trên không, Ngài thuyết Pháp cho quần thần rồi bay qua bầu trời đến sơn động Nandamùla trên miền thượng Tuyết Sơn.

Trong quốc độ Candahar ở kinh thành Takkasilà, vị vua mệnh danh Naggaji ngự trên thượng lầu, giữa vương sàng, thấy một nữ nhân đeo vòng ngọc trên một tay, đang xay hương liệu gần đó, vua suy nghĩ: "Các vòng ngọc này không cọ xát hoặc kêu leng keng khi rời nhau", và cứ ngắm nghía nàng ấy mãi. Sau đó, nàng ấy đặt chiếc vòng từ tay phải sang tay trái và dùng tay phải thu góp hương liệu rồi bắt đầu xay tiếp. Chiếc vòng trên tay trái chạm vào chiếc vòng kia gây tiếng động.

Vua quan sát hai chiếc vòng cọ xát vào nhau, gây âm thanh, liền suy nghĩ: "Vòng ấy khi để riêng không chạm vào vật gì cả, nay đụng vào vòng thứ hai gây tiếng động, khi hai ba chiếc vòng chạm nhau tạo thành tiếng ồn lớn. Nay ta trị thần dân ở hai quốc độ Cashmere và Candahar, ta cũng cần phải ở riêng như chiếc vòng độc nhất để tự trị chứ không trị kẻ khác nữa". Như vậy lấy việc cọ xát hai chiếc vòng làm chủ đề, trong lúc ngồi đó, vua nhận thức Ba đặc tính trên và đạt Tuệ giác, đắc quả Độc Giác Phật. Phần cuối câu chuyện cũng như trên.

Trong quốc độ Videha, tại thành Mithilà, quốc vương mệnh danh Nimi, sau buổi điểm tâm, được các triều thần chầu quanh mình, đứng nhìn xuống đường phố qua cửa sổ hoàng cung mở rộng. Một con diều hâu sau khi chụp được miếng thịt từ chợ, đang bay vụt trên không. Một vài con kên kên và các thứ chim khác, vây lấy diều hâu mọi phía, liên tiếp lấy mỏ mổ vào, lấy cánh đập và lấy chân đạp con kia để dành miếng thịt. Không chịu để cho chúng giết, diều hâu đành thả miếng thịt, một chim khác chụp ngay lấy, và bọn chúng lại mổ con kia như trước. Vua thấy bầy chim, suy nghĩ: "Ai lấy miếng thịt, khổ đau đến với kẻ ấy; ai bỏ miếng thịt, hạnh phúc đến với kẻ ấy. Ai hưởng năm dục lạc, khổ đau đến với kẻ ấy; ai bỏ năm dục lạc, hạnh phúc đến với kẻ ấy. Nay ta có mười sáu ngàn cung nữ, ta cần phải sống trong hạnh phúc sau khi từ bỏ năm dục lạc như diều hâu bỏ miếng thịt".

Quan sát việc này với trí tuệ, ngay khi đứng tại đó, vua nhận thức ba đặc tính trên, chứng đắc Tuệ giác và thành đạt viên trí của quả Độc Giác Phật. Phần cuối cũng như trên.

Trong vương quốc Uttarapãncàla, tại kinh thành Kampilla, vị vua mệnh danh Dummukha, sau buổi điểm tâm, được trang điểm các món châu báu và quần thần vây quanh, đứng nhìn xuống sân chầu qua cửa sổ. Vào lúc ấy, có người mở cửa chuồng bò. Các bò đực từ trong chuồng đang chạy theo một con bò cái, một con bò đực lớn với cái sừng nhọn chợt thấy một con đực khác chạy đến, liền ghen tức lấy sừng nhọn đâm vào hông con kia. Do bị húc quá mạnh, nó đổ ruột ra ngoài chết ngay tại chỗ. Vua thấy cảnh này, suy nghĩ: "Mọi loài từ súc vật trở lên đều chịu khổ đau vì lòng dục, con bò này vì lòng dục phải chịu chết. Mọi loài khác đều bị tham dục gây phiền lụy. Ta cần bỏ hết mọi tham dục làm phiền lụy mọi loài".

Như vậy trong lúc đang đứng, vua nhận thức Ba đặc tính trên, chứng đắc Tuệ giác và thành đạt Viên trí của quả Độc Giác Phật. Phần cuối cũng như trên.

Sau đó, một hôm, bốn vị Độc Giác Phật, xét thấy đến thời đi khất thực liền rời động Nandamùla, sau khi chùi sạch răng bằng cách nhai cau tại hồ Anotatta, và sau khi đã hoàn tất mọi nhu cầu vệ sinh xong, các vị mang y bát dùng thần thông bay lên không, lướt qua các đám mây ngũ sắc, rồi hạ xuống không xa một ngoại ô của Ba-la-nại.

Tại một địa điểm tiện lợi, các vị khoác y, cầm bình bát đi vào vùng ngoại ô khất thực cho đến khi dừng lại trước cửa nhà Bồ-tát. Bồ-tát thấy các vị lòng hoan hỷ mời vào nhà ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, ngài rót nước cung nghênh và đãi các món thượng vị đủ loại cứng và mềm. Sau đó ngồi một bên, ngài kính chào vị trưởng thượng và nói:

- Thưa Tôn giả, đời tu hành của ngài quả thật tốt đẹp, các căn của Ngài thật an tịnh, làn da của Ngài thật trong sáng. Chủ đề suy tư gì đã khiến Ngài khởi đầu đời sống tu hành và xuất gia?

Cả bốn vị liền đáp:

- Tôi trước kia có tên như vậy, làm vua ở tại kinh thành nọ trong quốc độ kia...

Đại khái như thế và theo cách này mỗi vị lần lượt ngâm vần kệ nêu nguyên nhân giã từ thế tục của mình:

1. Cây xoài ta thấy ở rừng xanh,
Đen rậm, cao to, trái trĩu cành,
Vì trái, con người đà phá gãy,
Lòng ta chính thế muốn cầm bình.
2. Vòng sáng nhờ tay thợ nổi danh,
Người đeo một chiếc chẳng âm thanh,
Chiếc kia va chạm gây huyên náo,
Vì thế lòng ta muốn chiếc bình.
3. Đàn chim xâu xé vật cô thân,
Đơn độc mang theo miếng thịt ăn,
Chim bị đánh đau vì miếng thịt,
Lòng ta chính thế muốn ly trần.
4. Bò đực kiêu căng giữa đám bò
Vươn lưng, khỏe đẹp, bước chân ra,
Chết vì lòng dục: sườn đâm mạnh,
Do vậy lòng ta muốn xuất gia.
Bồ-tát nghe mỗi vần kệ đều nói:

- Tốt lành thay, thưa Tôn giả, chủ đề của Ngài thật thích hợp.

Và như vậy ngài tán thán mỗi vị Độc Giác Phật. Sau khi nghe các vị thuyết Pháp, ngài trở nên chán ngán đời sống tại gia.

Khi các vị ra đi, sau buổi điểm tâm, ngài ngồi thư thái, gọi vợ lại bảo:

- Này hiền thê, bốn vị Độc Giác Phật rời bỏ vương quốc trở thành Sa-môn nay sống không lỗi lầm, không chướng ngại, hưởng niềm cực lạc của đời tu hành. Trong lúc ấy ta phải tìm kế sinh nhai qua ngày. Ta còn phải làm gì với đời gia chủ nữa? Xin nàng nuôi các con và ở lại nhà.

Rồi ngài ngâm hai vần kệ:

5. Vua Ka-ran-du xứ Ka-lin-ga,
Vua Nag-gà-ji xứ Gan-dhà-ra,
Vua Dum-mu-kha xứ Pan-cà-la,
Đại đế Ni-mi xứ Vi-de-ha,

Tất cả các ngài rời bảo tọa,
Sống không lầm lỗi, giã từ nhà.
6. Các ngài trông dáng tựa Thiên thần,
Chẳng khác nào vầng lửa sáng bừng,
Ta cũng muốn ra đi tiến bước
Xa lìa mọi vật thế nhân mong.
Nghe lời ngài, bà vợ đáp:

- Này phu quân, từ khi thiếp nghe Giáo pháp của các vị Độc Giác Phật, thiếp cũng không muốn ở trong nhà nữa.

Và bà ngâm kệ:

7. Thời cơ thiếp biết chính là đây,
Chẳng có Đạo Sư hơn các ngài,
Chàng hỡi, thiếp mong xuất thế nữa,
Như con chim được thoát bàn tay.
Bồ-tát nghe lời bà nói liền yên lặng, Bà vợ nôn nóng xuất gia tu hành trước ngài, và đang muốn đánh lừa ngài, liền giả vờ nói:

- Này phu quân, thiếp sắp ra hồ nước, chàng hãy chăm nom các con.

Rồi bà cầm chiếc bình như thể đi đến đó và bà đi thẳng đến các vị ẩn sĩ ngoại thành xin truyền giới xuất gia. Bồ-tát không thấy bà trở về, đành phải tự tay chăm sóc các con.

Về sau chúng lớn khôn hơn một chút và tự chúng có thể hiểu biết đôi chút, ngài muốn dạy chúng nấu cơm, nên ngài thường nấu một ngày cơm hơi cứng và sống, một ngày cơm hơi sống, một ngày cơm chín, một ngày cơm nhão, một ngày không có muối, một ngày quá nhiều muối. Bầy trẻ nói:

- Cha ơi, hôm nay cơm chưa chín, hôm nay cơm nhão, hôm nay không có muối, hôm nay quá nhiều muối.

Bồ-tát đáp:

- Đúng vậy, các con thân yêu.

Rồi Ngài suy nghĩ: "Các con nay đã biết cơm nào sống, cơm nào chín, cơm nào có muối, cơm nào không: thế là chúng có thể sống riêng đời chúng rồi. Ta cần phải xuất gia". Sau đó, ngài đưa chúng đến gặp đám thân quyến xong, ngài liền xuất gia tu hành, cư trú ở ngoại thành. Một hôm vị nữ tu khổ hạnh đi khất thực ở Ba-la-nại thấy ngài, liền kính chào và nói:

- Thưa Tôn giả, tôi chắc tôn giả đã giết bầy trẻ rồi.

Bồ-tát đáp:

- Ta không giết bầy trẻ, khi chúng có thể tự mình biết việc, ta mới xuất gia. Còn bà đã không quan tâm đến chúng và vui lòng với việc xuất gia trước ta.

Rồi ngài ngâm vần kệ cuối cùng:

8. Thấy con biết mặn, nhạt khi ăn,
Cơm sống, chín, ta đã bước chân,
Nay để yên ta, người một nẻo,
Ta cùng theo Giáo pháp chân nhân.
Khuyến giáo vị nữ tu khổ hạnh như vậy xong, ngài từ giã bà. Bà nhận lời khuyến giáo ấy, kính bái Bồ-tát và đi đến một nơi vừa ý.

Sau ngày ấy, hai vị không bao giờ gặp lại nhau. Bồ-tát chứng đắc Thắng trí được tái sinh lên Phạm thiên giới.

*

Sau Pháp thoại, Bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự thật. Khi các Sự thật kết thúc, năm trăm Tỷ-kheo đắc Thánh quả (A-la-hán.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Thời ấy con gái là Uppalavannà (Liên Hoa Sắc), con trai là Ràhula (La-hầu-la), nữ tu sĩ là mẫu thân Rahula và nhà khổ hạnh ấy chính là Ta.

-ooOoo-

409. Chuyện Vua Dalhadhamma (Tiền thân Dalhadhamma)

Chính con khuân vác tự ngày xanh...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại rừng Ghosita (Cù-sư-la) gần Kosambi (Kiều-thưởng-di) về Bhaddavatika, con voi cái của vua Udena.

Bấy giờ cách con voi này được trang điểm vàng ngọc và dòng họ vua Udena sẽ xuất hiện trong tiền thân Màtanga, số 497. Một hôm con voi này ra ngoại thành sáng sớm gặp đức Phật được Thánh chúng vây quanh, trong vẻ oai nghi tối thượng của một bậc Giác Ngộ, đang vào thành khất thực, nó quỳ xuống chân đức Như Lai, than khóc và cầu khẩn Ngài:

- Bạch Thế Tôn, bậc toàn tri kiến, vị cứu khổ toàn thế giới, khi con còn trẻ và có khả năng làm việc, vua Udena, một vị minh quân đã thương yêu con và bảo: "Đời sống của ta cùng vương quốc và Hoàng hậu đều nhờ nó tất cả". Rồi ngài ban cho con đại vinh hiển bằng cách trang điểm mọi thứ vàng ngọc, ngài truyền trát chuồng voi với đất trộn hương liệu, treo các đồ vật có màu sắc rực rỡ chung quanh, thắp đèn với dầu thơm, đặt dĩa trầm xông tại đó, ngài lại truyền đặt một chậu bằng vàng tại chỗ con đại tiện, cho con đứng trên thảm màu và cho con ăn toàn cao lương thượng vị của vua. Nay con đã già và không làm việc được nữa, nên ngài tước bỏ mọi đặc ân ấy, con sống bơ vơ khốn khổ không ai bảo vệ chăm sóc, chỉ ăn toàn quả ketaka trong rừng, con chẳng có nơi nương tựa nào nữa. Xin Thế Tôn nói cho vua Udena nghĩ lại các công đức của con và phục hồi mọi vinh quang cũ cho con".

Bậc Đạo Sư bảo:

- Con hãy đi về, rồi ta sẽ nói với vua phục hồi mọi vinh quang cũ cho con.

Sau đó ngài đi đến cửa hoàng cung.

Vua mời đức Phật vào, thiết đãi trọng thể tất cả hội chúng theo hầu đức Phật.

Khi buổi thọ thực đã xong, Bậc Đạo Sư nói lời tùy hỷ công đức và hỏi:

- Thưa Đại vương, con voi Bhaddavatikà đâu rồi?

- Bạch Thế Tôn, trẫm không biết.

- Thưa Đại vương, sau khi ban vinh hiển cho đám nô tỳ, ngài tước bỏ mọi ân huệ lúc chúng già là không phải đạo, vậy cần tỏ lòng biết ân chúng. Bhaddavatikà nay đã già, mòn mỏi vì tuổi tác và không được ai bảo vệ, chỉ sống bằng trái cây ketaka trong rừng. Đại vương để cho nó bơ vơ như vậy lúc già yếu là không hợp lý.

Rồi kể các công đức của con voi Bhaddavatikà, Ngài bảo:

- Đại vương hãy phục hồi mọi vinh quang cũ của nó.

Xong Ngài ra đi. Vua làm theo lời Ngài. Cả kinh thành truyền tin rằng vinh quang cũ của con voi đã được phục hồi nhờ đức Phật kể lại mọi công đức của nó.

Việc này được Tăng chúng biết và chư vị bàn luận trong lúc hội họp. Bậc Đạo Sư bước vào và khi nghe đây là đề tài của các vị, Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu Như Lai làm cho nó được phục hồi mọi vinh quang cũ bằng cách kể các công đức của nó.

Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa có một vị vua mệnh danh Dalhadhamma cai trị tại Ba-la-nại. Thời ấy Bồ-tát thọ sanh vào gia đình một đại thần, khi lớn lên, ngài phục vụ nhà vua.

Ngài được vua ban nhiều vinh hiển và đứng địa vị một đại thần quan trọng nhất trong triều. Vua có một con voi cái rất dũng mãnh lực lưỡng. Nó đi một trăm dặm một ngày, làm mọi phận sự sứ thần của vua, khi ra trận nó chiến đấu oanh liệt, dẫm nát quân thù. Vua bảo:

- Con voi này thật hữu ích đối với ta.

Rồi vua ban cho nó mọi thứ trang điểm và vinh quang giống như vua Udena ban cho Bhaddavatikà ngày nay. Sau đó khi nó già yếu, vua tước hết mọi đặc ân trên.

Từ đó nó không được ai bảo vệ và chỉ sống bằng các thứ cỏ lá trong rừng. Một hôm các loại đồ gốm sứ trong cung vua không đủ dùng, vua truyền thợ gốm lại và phán:

- Đồ gốm không đủ dùng.

- Tâu Đại vương, tiểu thần không có bò kéo xe để mang phân bò về nung đất sét.

Vua nghe chuyện, liền phán:

- Con voi cái của ta đâu rồi?

- Tâu Đại vương, nó đang phiêu bạt tùy ý.

Vua bảo đem nó cho người thợ gốm:

- Từ nay ngươi buộc nó vào xe rồi đưa đi chở phân.

Người thợ gốm đáp:

- Tâu Đại vương, tốt quá.

Rồi gã làm theo lời dặn. Một hôm ra ngoại thành, voi cái chợt thấy Bồ-tát đi đến, liền quỳ xuống chân ngài vừa than khóc vừa nói:

- Thưa Tể tướng, thời con còn trẻ, đức vua xem con rất hữu dụng và ban con đại vinh hiển, nay con già yếu, ngài tước bỏ mọi đặc ân và không còn nghĩ đến con nữa, con không được ai bảo vệ và chỉ sống bằng cỏ lá trong rừng, gặp cảnh khốn cùng thế này ngài lại đem con cho người thợ gốm buộc vào xe chở phân; trừ Tể tướng ra, con không còn nơi nương tựa nào cả, chính Tể tướng đã biết mọi công lao con phục vụ đức vua, xin ngài cho con được phục hồi mọi vinh hiển đã mất.

Rồi voi cái ngâm ba vần kệ:

1. Chính con khuân vác tự ngày xanh,
Như vậy đức vua đã thỏa tình?
Vũ khí con mang đầy trước ngực
Xông pha chiến trận, bước hùng anh.
2. Con đã lập nên lắm chiến công,
Đức vua giờ hẳn có quên chăng
Bao lần phục vụ nhiều công trạng
Như đã định cho các sứ thần?
3. Nay con cô độc, quá bơ vơ,
Chắc chắn mạng chung đã đến giờ,
Phục vụ cho nhà người thợ gốm,
Con đành làm vật kéo phân dơ!
Bồ-tát nghe chuyện, liền an ủi nó và bảo:

- Thôi đừng buồn khổ nữa, ta sẽ đi trình đức vua và phục hồi vinh dự cho con.

Vì thế khi vào thành, ngài đi đến chầu vua sau buổi điểm tâm và bắt đầu câu chuyện, ngài bảo:

- Tâu Đại vương, có phải con voi cái mang tên kia đã ra trận chiến tại những nơi nọ với các vũ khí buộc đầy ngực; rồi ngày khác nó lại mang quốc thư ở cổ đi cả trăm dặm làm sứ giả cho Đại vương, và Đại vương ban cho nó nhiều vinh hiển chăng, nay nó đâu rồi?

- Trẫm đã giao nó cho người thợ gốm chở phân bò.

Bồ-tát liền đáp:

- Có hợp đạo lý chăng, tâu Đại vương, khi giao nó cho người thợ gốm buộc vào xe chở phân?

Rồi để khuyến giáo, ngài ngâm bốn vần kệ:

4. Do ích kỷ tham vọng cá nhân,
Người ta ban phát mọi vinh quang,
Như ngài đối với con voi nọ,
Ném bỏ như nô lệ yếu tàn.
5. Khi người quên hết các huân công.
Thiện sự ngày xưa hưởng trọn phần,
Mọi việc mà lòng đang dự tính
Ngày sau chắc hẳn phải suy vong.
6. Khi người ghi nhớ các công ơn
Thiện sự ngày xưa hưởng trọn phần,
Mọi việc mà lòng đang dự tính
Ngày sau chắc hẳn sẽ thành công.
7. Ta nói điều chân lý trọn lành,
Cho thần dân tụ tập chung quanh:
Phải luôn ghi nhớ công ơn cũ,
Thiên giới dành phần sống hiển vinh.
Với lời khởi đầu này, Bồ-tát giáo hóa toàn thể dân chúng đang tụ tập ở đó. Nghe vậy vua ban cho con voi già mọi hiển vinh cũ, và về sau được an trú vào lời dạy của Bồ-tát, vua bố thí cùng thực hành nhiều thiện sự khác nên được sinh lên cõi thiên.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, Bậc Đạo Sư nhận diện tiền thân:

- Thời ấy, voi cái là Bhaddavatikà, vua là Ànanda, vị đại thần chính là Ta.

-ooOoo-

410. Chuyện Voi Con Somadatta (Tiền thân Somadatta)

Bước sâu vào tận trong rừng...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên, về một Trưởng lão già cả.

Chuyện kể rằng vị Trưởng lão này truyền giới cho một Sa-di làm đệ tử, phụng sự vị ấy nhưng chẳng bao lâu lâm bệnh nặng qua đời. Trưởng lão đi quanh quẩn khóc than kêu gào vì cái chết của đệ tử.

Thấy vậy Tăng chúng bắt đầu bàn tán trong Chánh pháp đường:

- Này các Hiền giả, vị Trưởng lão già cả này cứ lang thang kêu khóc vì một Sa-di chết, chắc hẳn vị ấy đã quên pháp môn quán tưởng về mạng chung.

Bậc Đạo Sư bước vào và khi nghe đề tài câu chuyện, Ngài bảo:

- Náy các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu người này khóc người kia chết.

Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa, khi vua Brahmadatta trị vị ở Ba-la-nại, Bồ-tát là Sakka Thiên chủ. Một Bà-la-môn giàu tiền của, trước sống ở Ba-la-nại, sau giã từ thế tục và trở thành ẩn sĩ khổ hạnh ở vùng Tuyết Sơn, nhặt củ quả rừng để ăn.

Một hôm đi tìm quả rừng, ông thấy một chú voi con, liền đem về thảo am. Ông xem nó như thể con mình gọi tên nó là Somadatta, nuôi nấng chăm sóc nó và cho nó ăn cỏ lá. Con voi lớn dần trở thành to lớn, song một hôm nó ăn quá nhiều nên phát bệnh vì bội thực. Vị khổ hạnh đem nó vào thảo am

và đi tìm quả rừng. Song trước khi ông trở về, con voi đã chết. Khi đem về mớ quả, vị khổ hạnh suy nghĩ: "Các ngày khác con ta vẫn đón ta, sao không thấy hôm nay? Con ta bị việc gì chăng?". Thế là ông than khóc và ngâm vần kệ đầu:

1. Bước sâu vào tận trong rừng,
Nó thường vẫn đến đón mừng ta ngay,
Nhưng sao chẳng thấy hôm nay,
Voi con đi lạc chẳng hay lối về?
Cùng với lời than khóc này, ông thấy con voi nằm cuối lối đi có mái che, liền ôm ngang cổ nó và ngâm vần kệ thứ hai tiếc thương nó:

2. Chính voi vừa chết nằm kia
Như búp măng bị cắt lìa nát thân,
Voi nằm dưới đất ngã lăn,
Con voi ta đã lìa trần, than ôi!
Ngay lúc ấy Sakka Thiên chủ quan sát cõi trần, suy nghĩ: "Vị khổ hạnh này từ giã vợ con để tu hành, nay lại than khóc con voi mà ông gọi là con, ta muốn đến thức tỉnh ông và làm cho ông suy nghĩ lại".

Vì thế ngài xuất hiện trước thảo am, đứng trên không và ngâm vần kệ thứ ba:

3. Sầu thương vật đã chết rồi,
Hỡi người khổ hạnh sống đời độc cư,
Thoát dây tục lụy, xuất gia,
Giờ đây phát bệnh tâm tư buồn phiền!
Nghe lời này, vị khổ hạnh ngâm vần kệ thứ tư:

4. Nếu người bầu bạn thú hiền,
Thưa ngài Đế Thích ở trên cõi trời,
Buồn phiền vì mất bạn chơi,
Tuôn dòng nước mắt sẽ vơi nỗi sầu!
Thiên chủ Sakka liền ngâm vần kệ khuyến giáo ông.

5. Người đời lắm kẻ ước ao
Mỗi khi vật mất, kêu gào tiếc thương,
Thôi đừng khóc nữa, trí nhân,
Thánh hiền vẫn bảo hoài công thôi mà.
6. Nếu nhờ nước mắt tuôn ra
Chúng ta có thể vượt qua tử thần,
Thì ta quyết phải hợp quần
Để mà cứu mọi vật thân nhất đời!
Nghe lời Thiên chủ nói, vị khổ hạnh nghĩ lại và được an ủi, bèn lau nước mắt và ngâm các vần kệ cuối cùng tán thán Thiên chủ:

7. Ví như ngọn lửa sáng ngời
Đổ thêm bỏ sữa cháy hoài thật cao,
Được vòi nước lạnh tưới vào,
Ngài vừa dập tắt nỗi sầu của ta.
8. Lòng ta nhức nhối xót xa
Vì tên sầu não xuyên qua kinh hoàng,
Ngài đà chữa trị vết thương,
Và ngài hồi phục đời thường cho ta.
9. Mũi tên vừa được nhổ ra,
Lòng ta tràn ngập an hòa vui tươi
Lắng nghe Thiên chủ nhủ lời,
Ta không còn phải chơi vơi khổ sầu.
Các vần kệ này đã được ngâm ở tiền thân Migapotaka, số 372.

Sau khi khuyến giáo vị khổ hạnh, Sakka trở lại cõi của ngài.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư nhận diện tiền thân:

- Thời ấy, voi con là Sa-di, vị khổ hạnh là Trưởng lão già cả này và Sakka Thiên chủ chính là Ta.

-ooOoo-

411. Chuyện Vua Susìma (Tiền thân Susìma)

Tóc ta đen nhánh từ ngày xưa...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về Đại sự Xuất thế.

Tăng chúng lúc ấy đang ngồi trong Chánh pháp đường tán thán Đại sự Xuất thế của đức Phật. Khi thấy đây là chủ đề của các vị, Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, không lạ gì ngày nay ta lại làm Đại sự Xuất thế và giã từ thế tục, khi Ta đã thực hành các công hạnh viên mãn (Ba-la-mật) trong hàng trăm ngàn kiếp, mà

ngày xưa Ta cũng từ bỏ ngai vàng tại quốc độ Kàsi rộng ba trăm dặm và làm Đại sự Xuất thế.

Và vì vậy Ngài kể câu chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa khi vua Brahmadatta trị vì ở Ba-la-nại, Bồ-tát nhập mẫu thai của bà vợ vị tế sư hoàng gia. Trong ngày sinh ra ngài, hoàng hậu cũng sinh một con trai.

Vào ngày lễ đặt tên, bậc Đại Sĩ được gọi là Nam tử Susìma, và hoàng nam được đặt tên Vương tử Brahmadatta.

Vua thấy đôi trẻ cùng sinh ra một ngày nên truyền đưa Bồ-tát giao cho nhũ mẫu cùng nuôi chung với vương tử. Cả hai trẻ lớn lên tươi đẹp như các Thiên tử trên trời.

Cả hai đều học đủ mọi ngành nghệ thuật ở Takkasilà và trở về nhà. Vương tử trở thành phó vương, cùng ăn uống, sống chung với Bồ-tát. Lúc vua cha băng hà, hoàng tử lên làm vua, ban cho Bồ-tát mọi vinh hiển và phong chức tế sư hoàng gia.

Một hôm tân vương truyền trang hoàng cả kinh thành, rồi được tô điểm rực rỡ như Sakka Thiên chủ, vua tham dự đám rước quanh kinh thành, ngự trên vai vương tượng chẳng khác nào bảo tượng Eràvana của Thiên chủ, trong niềm tự hào cùng với Bồ-tát ngồi phía sau trên lưng voi. Mẫu hậu nhìn ra từ cửa sổ trông thấy hoàng nam và chợt thấy vị tế sư sau lưng vua khi ngài từ đám rước trở về. Bà đâm ra si tình ngài, liền đi vào hậu cung nghĩ thầm: "Nếu ta không chiếm được chàng, ta sẽ chết tại đây". Vì thế bà bỏ ăn uống và cứ nằm tại đó.

Vua không thấy mẹ liền hỏi thăm, khi nghe bà bị bệnh, vua đến hỏi thăm và cung kính hỏi bà bị bệnh gì. Bà không nói vì hổ thẹn. Vua liền ngự lên ngai, truyền chánh cung hoàng hậu đi tìm hiểu xem thái hậu bị bệnh gì.

Hoàng hậu đến, vừa hỏi thăm, vừa vuốt ve lưng mẫu hậu. Nữ nhân thường không dấu nhau các chuyện bí mật, vì thế chuyện bí mật kia được tiết lộ. Hoàng hậu liền đi trình vua. Vua bảo:

- Được rồi, ái khanh đi an ủi mẫu hậu, ta sẽ tôn vị tế sư lên làm vua và mẫu hậu lên làm chánh hậu của ngài.

Hoàng hậu liền đến an ủi thái hậu. Vua truyền mời vị tế sư đến kể lại vấn đề:

- Này Hiền hữu, hãy cứu mạng mẹ ta, khanh sẽ làm vua và mẹ ta sẽ lên làm chánh hậu, còn ta sẽ làm phó vương.

Vị tế sư đáp:

- Không thể được.

Song cứ bị khẩn cầu mãi, ngài bằng lòng và vua tôn ngài lên làm vua, mẫu hậu làm chánh hậu và chính mình làm phó vương. Tất cả mọi người đều sống hòa hợp, song Bồ-tát khô héo dần giữa cuộc sống tại gia. Ngài từ bỏ mọi dục lạc và hướng về đời tu

hành.

Chẳng còn màng các lạc thú trần gian, ngài đi đứng nằm ngồi như tù nhân bị giam lỏng hay con gà trống trong lòng son. Chánh hậu suy nghĩ: "Hoàng thượng tránh mặt ta, ngài đi đứng nằm ngồi một mình, giờ đây ngài vẫn tươi trẻ, còn ta đã già và có tóc bạc. Giả sử ta kể cho ngài nghe chuyện ngài đã có tóc bạc, khiến cho ngài tin chuyện ấy và đến bầu bạn với ta chăng?"

Một hôm, làm như thể lau đầu vua, bà nói:

- Hoàng thượng sắp già rồi đấy, có sợi tóc bạc trên đầu hoàng thượng!

- Hãy nhổ nó ra và đặt vào tay trẫm.

Hoàng hậu nhổ một sợi tóc, nhưng lại ném nó đi và đặt vào tay ngài một sợi tóc bạc của bà. Khi thấy nó, nỗi sợ chết khiến mồ hôi đổ ra chảy xuống trán ngài, dù vầng trán bóng láng như một phiến vàng, ngài tự nhủ mình: "Này Susìma, ngươi đã già cỗi ngay tuổi thanh xuân, suốt bấy lâu nay ngươi chìm sâu vào vũng bùn dục lạc như thể con heo vùng quê lặn lội trong đầm lầy dơ bẩn, ngươi không thể xa rời bùn nhơ được. Hãy rời bỏ tham dục, và sống đời khổ hạnh ở vùng Tuyết Sơn. Nay đã đến thời xuất gia rồi". Cùng với ý tưởng này, ngài ngâm vần kệ đầu:

1. Tóc ta đen nhánh tự ngày xưa
Vẫn mọc quanh vầng trán của ta,
Bạc trắng giờ đây, lưu ý nhé:
Đến thời tu tập giã từ nhà.

Như thế Bồ-tát ca tụng đời tu hành, nhưng hoàng hậu thấy bà đã làm cho ngài rời bỏ bà chứ không phải yêu thương bà, nên lòng sợ hãi, bà muốn cản trở ngài sống đời xuất gia, bằng cách ngâm hai vần kệ ca tụng dung sắc ngài:

2. Tóc bạc thiếp đây, chẳng phải chàng,
Từ trên đầu thiếp mới đưa sang,
Vì chàng, thiếp nói điều hư vọng,
Xin lượng thứ cho lỗi thiếp làm.
3. Trông chàng tươi đẹp, dáng thanh tân
Như một cây non trẻ giữa xuân,
Hãy trị nước nhà, cười với thiếp,
Đừng tìm việc của tuổi thu đông!

Nhưng Bồ-tát đáp:

- Này hoàng hậu, bà đang nói đến những việc phải xảy đến: Khi tuổi tác chín muồi, tóc đen này phải ngã màu bạc như vôi, ta thấy sự biến hoại của xác thân theo năm tháng lúc đến tuổi lão thành, từ công nương cho đến mọi người khác, dù có dịu mềm như tràng hoa sen xanh, sáng đẹp như vàng ròng, và say sưa với niềm kiêu hãnh về tuổi xuân rực rỡ của mình. Này hoàng hậu, đó là kết thúc đáng sợ của mọi loài hữu tình.

Hơn nữa, muốn trình bày chân lý với oai lực của một vị Phật, ngài ngâm hai vần kệ:

4. Ta thường trông thiếu nữ xuân thì,
Uyển chuyển như cành lả lướt kia,
Kiêu mạn vì hình dung diễm lệ,
Mọi người say ngắm bước chân đi.
5. Cũng chính nàng kia, ta ngắm trông
(Trải qua đã tám, chín mươi năm)
Run run chân bước, tay cầm gậy,
Thân thể còng như ngọn liễu rung.
Trong vần kệ này bậc Đại Sĩ nêu rõ nỗi khổ đau của dung sắc và giờ đây ngài tuyên bố nỗi bất mãn của ngài với đời tại gia:

6. Những ý tưởng này ta xét luôn,
Tư duy vẫn đến giữa đêm đơn,
Đời người thế tục ta không chuộng,
Đúng lúc tu hành phải bước chân.
7. Dục lạc trong đời sống thế nhân
Là nơi hèn yếu để nương thân,
Trí nhân cắt đứt, theo đường khác,
Bỏ dục lạc đầy đủ lực hùng.
Như vậy trong khi tuyên bố các lạc thú lẫn khổ đau của tham dục, ngài giảng bày chân lý với vẻ kỳ diệu của bậc Giác Ngộ, rồi ngài truyền đi mời thân hữu của ngài đến nhận lại vương quốc: ngài từ giã vinh quang và quyền lực giữa tiếng than khóc vang rền của thân bằng quyến thuộc, rồi trở thành bậc hiền nhân khổ hạnh ở vùng Tuyết Sơn, và về sau chứng đắc Thiên định, ngài được tái sinh lên cõi Phạm thiên.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự thật và đem lại nguồn nước bất tử cho nhiều người, rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Thời ấy, chánh hậu là mẫu thân Ràhula, vua là Ánanda và vua Susìma chính là Ta.

-ooOoo-

412. Chuyện Thần Cây Bông Vải (Tiền thân Kotisimbalì)

Ta mang thân xác của xà vương...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc khiển trách lỗi lầm. Hoàn cảnh đưa đến chuyện này sẽ xuất hiện trong tiền thân Pannna (không tìm được).

Vào dịp này Bậc Đạo Sư nhận thấy năm trăm Tỷ-kheo sống trong Tinh xá trên Con Đường Lát Vàng (Kỳ Viên) đang bị dục tưởng chi phối, liền tập hợp Tăng chúng lại và bảo:

- Này các Tỷ-kheo, cần phải hoài nghi nơi nào đáng hoài nghi, lỗi lầm vây phủ con người như rễ cây đa hay những cây tương tự mọc quanh các cây khác. Cũng vậy, ngày

xưa một vị thần trú trênđỉnh cây bông vải thấy một con chim thả phân có các hột cây đa nằm giữa các cành cây bông vải, sinh lòng lo sợ rằng nơi trú ẩn của mình sẽ bị tàn phá vì chúng.

Và do vậy Ngài kể một chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát là Thần cây trú trên ngọn cây bông vải. Một chúa chim thần cánh vàng, Kim sí điểu vương, biến hình dài một trăm năm mươi dặm, rồi rẽ nước đại dương bằng trận cuồng phong do đôi cánh đập mạnh, nó chụp lấy đuôi một vua rắn thần Nàga dài một ngàn trượng, khiến cho xà vương phải nhả hết mọi vật đã ngậm trong miệng, xong nó liền bay lên theo các ngọn cây về phía cây bông vải.

Xà vương suy nghĩ: "Ta sẽ làm cho nó thả ta ra để ta đi". Vì vậy rắn thành dán sát đầu vào cây đa và quấn quanh cây thật chặt. Do sức mạnh của chú chim thần và thân xác khổng lồ của xà vương, cây đa bị bật gốc. Song xà vương vẫn không rời cây đa. Chúa chim thần mang cả xà vương lẫn cây đa đến cây bông vải kia, đặt rắn thần lên thân cây, mổ bụng ra ăn thịt mỡ. Sau đó nó ném xác rắn xuống biển.

Bấy giờ trên cây đa có con chim nhỏ bay lên khi cây đa bị ném bỏ, rồi đậu trên một cành cây cao gần cây bông vải. Thấy con chim, Thần cây liền run rẩy toàn thân vì sợ hãi, và suy nghĩ: "Con chim này sẽ thả phân nó rơi trên thân ta, rồi một cây đa hay cây sung sẽ mọc lên và lan tràn khắp thân cây, thế là nơi trú ẩn của ta sẽ bị phá hoại". Lúc ấy cây bông vải rung chuyển tận gốc vì cơn kinh hãi của Thần cây. Kim sí điểu vương thấy cây rung chuyển như vầy, liền ngâm đôi vần kệ hỏi lý do:

1. Ta mang thân xác của xà vương
Cùng với thân ta lớn dị thường,
Thân rắn kia dài ngàn trượng chẵn,
Song cây không chuyển động kinh hoàng.
2. Nay mang chim nhỏ bé ti ti
So với ta đây chẳng sá chi,
Cây lại run hoài vì sợ hãi,
Hỡi cây bông vải, lý do gì?
Sau đó Thần cây ngâm bốn vần kệ giải thích lý do:

3. Thịt mỡ ngài xơi, hỡi Điểu vương,
Trái cây là thức của chim muông,
Hạt đa, sung, với bồ-đề nữa,
Nếu mọc, toàn thân ta chết luôn!
4. Hạt ấy về sau sẽ mọc cây,
Rồi che phủ cả hết thân này,
Ta không còn có cây nào nữa

Vì bị chúng che kín phủ đầy.
5. Một khi cây đã lớn lên nhanh,
Rễ mạnh quanh thân, rậm rạp cành,
Chứng tỏ hạt do chim tích trữ
Mang mầm hủy hoại đến cho mình.
6. Loại cây mọc bám sẽ chôn thây
Ngay cả cây rừng vĩ đại này,
Vì vậy, Điểu vương, ta rúng động
Khi ta lo sợ thấy như vầy.
Nghe lời thần cây, điểu vương ngâm vần kệ cuối cùng:

7. Phải kinh hãi việc đáng kinh hoàng,
Hiểm họa đến thân phải hộ phòng,
Bậc trí lặng nhìn hai thế giới,
Nếu gây kinh hãi, phải rời chân.
Nói vậy xong, điểu vương dùng sức mạnh đẩy con chim nhỏ ra khỏi cây ấy.

*

Sau Pháp thoại, Bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự thật bắt đầu bằng những lời: "Cần phải hoài nghi nơi nào đáng hoài nghi". Khi các Sự thật kết thúc, năm trăm vị Tỷ-kheo được an trú vào Thánh quả (A-la-hán).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Thời ấy, Sàriputta là Điểu vương và Ta chính là Thần cây.

-ooOoo-

413. Chuyện Người Chăn Dê Dhùmakàri (Tiền thân Dhùmakàri)

Một hôm minh đế Yu-dhi-la...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về đặc ân của Đại vương Kosala đối với một người khách lạ.

Chuyện kể rằng có thời vua không dành đặc ân cho các võ tướng cũ vẫn đến chầu vua như thường lệ, mà lại ban vinh dự và tỏ lòng hiếu khách đối với những người mới yết kiến lần đầu. Thời ấy vua đi chinh chiến ở một tỉnh biên địa bị quấy phá. Nhưng các võ tướng cũ của vua không muốn giao chiến vì nghĩ rằng những võ tướng mới được hưởng đặc ân sẽ chiến đấu và đám người mới này cũng không muốn chiến đấu vì nghĩ rằng những vị tướng cũ sẽ làm việc ấy. Do vậy quân phiến loạn thắng trận.

Vua biết thất bại của mình là do sai lầm mình đã mắc phải khi ban ân huệ cho bọn người mới, liền trở về thành Xá-vệ. Vua quyết định hỏi đức Thế Tôn Đại Trí xem mình có phải là ông vua duy nhất chịu thất bại vì lý do kia chăng. Bậc Đạo Sư đáp:

- Thưa Đại vương, Đại vương không phải là trường hợp duy nhất, vua chúa ngày xưa cũng bị bại trận vì đã ban đặc ân cho đám người mới.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa tại thành Indapattana, ở quốc độ Kuru, có vị vua ngự trị mệnh danh là Dhananjaya, thuộc dòng họ Yudhithila. Bồ-tát được sinh vào gia đình vị tế sư của vua. Khi lớn lên, ngài học tập mọi nghệ thuật ở Takkasilà. Sau ngài trở về Indapattana và khi thân phụ từ trần, ngài trở thành vị tế sư hoàng gia kiêm cố vấn của vua về thế sự cũng như thánh sự. Danh hiệu của ngài là bậc Trí nhân Vidhùra.

Vua Dhananjaya coi thường các võ tướng cũ của mình và ban đặc ân cho các người mới. Sau đó vua đi chinh chiến ở một tỉnh biên thùy có loạn; nhưng cả đám võ tướng cũ lẫn võ tướng mới đều không muốn giao chiến, mỗi phe đều nghĩ rằng phe kia sẽ chăm lo việc ấy. Do đó vua bại trận.

Khi trở về Indàpattana, vua nhận xét rằng sự thất bại ấy là do đặc ân mà mình đã dành cho đám người mới. Một hôm vua suy nghĩ: "Có phải ta là vị vua duy nhất từng bại trận vì ban ân huệ cho đám người mới, hay cũng có nhiều kẻ khác cùng chung số phận này trước kia? Ta muốn hỏi bậc Trí nhân Vidhùra". Vì thế vua đưa lời chất vấn Trí nhân Vidhùra khi ngài đến yết kiến vua tại triều đình.

Bậc Đạo Sư ngâm kệ nêu rõ lý do lời chất vấn của vua:

1. Một hôm minh đế Yu-dhi-la,
Hỏi bậc Trí nhân Vi-dhù-ra:
"Hiền hữu Bà-la-môn có biết
Tim ai sầu thống thiết hơn ta?"
*

Nghe vậy, Bồ-tát đáp:

- Tâu Đại vương, nỗi sầu của ngài chỉ là điều nhỏ nhặt. Ngày xưa, một Bà-la-môn chăn dê tên gọi Dhùmakàri nuôi một đàn dê lớn, và làm chuồng cho chúng ở trong rừng. Vị ấy đốt lửa xông khói và sống bằng sữa dê tại đó để chăm sóc đàn dê.

Khi thấy một bầy nai da vàng óng ả chợt đến, ông lại sinh lòng thương mến chúng và xao lãng bầy dê, ông tỏ hết lòng quý trọng bầy nai. Vào mùa thu, bầy nai lại di chuyển về vùng Tuyết Sơn. Trong lúc bầy dê chết dần như thế, bầy nai cũng khuất dạng sau rặng núi. Do quá khổ não, ông mắc bệnh xanh xao võ vàng và từ trần. Ông đã bày tỏ đặc ân với đám nai mới và phải chết vì chịu buồn khổ thống thiết hơn Đại vương cả trăm ngàn lần.

Ngài liền ngâm vần kệ nêu rõ trường hợp này:

2. Bà-la-môn có một bầy dê,
Dòng họ Va-si sang trọng kia,

Đốt lửa ngày đêm luôn bốc khói,
Sống đời an lạc chốn sơn khê.
3. Ngửi mùi khói bốc, một bầy nai
Do bị nhặng đeo quấy rối hoài,
Tìm chỗ trú khi mưa gió đến,
Gần nhà mục tử Dhu-ma-kai.
4. Bầy nai giờ được mọi yêu thương,
Dê chẳng được ai thiết ngó ngàng,
Đi lại tự do không bảo hộ,
Cho nên chúng phải bị suy tàn.
5. Song nay nhặng đã bỏ khu rừng,
Thu đến, mùa mưa chấm dứt luôn,
Nai phải đi tìm bao đỉnh núi,
Cùng khe suối chảy ở trên nguồn.
6. Mục tử thấy nai đã bỏ đi,
Cả bầy dê cũng chết nằm kia,
Bệnh sầu não đến làm mòn mỏi
Da dẻ ngày thêm một tái tê.
7. Vậy người nào bỏ mặc thân bằng,
Lại gọi người xa lạ thân thiết
Như lão Dhu-ma-kai mục tử,
Một mình, dòng lệ đắng cay tuôn.
Đấy là câu chuyện do bậc Đại Sĩ kể lại để an ủi vua. Vua được an ủi, lòng rất hoan hỷ liền ban tặng ngài nhiều châu báu. Từ đó trở đi, vua bày tỏ ân sủng đối với toàn dân, làm nhiều thiện sự công đức nên được sinh lên cõi Thiên.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư nhận diện tiền thân:

- Thời ấy, vua xứ Kuru là Ànanda, Bà-la-môn Dhùmakàri là vua Pasenadi (Ba-tư-nặc), nước Kosala, và bậc Trí nhân Vidhùra là Ta.

-ooOoo-

414. Chuyện Người Tỉnh Thức (Tiền thân Jàgara)

Ai thức tỉnh khi nhiều người đang ngủ...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một cư sĩ. Đó là một đệ tử đã đắc Nhập lưu Đạo.

Một hôm ông khởi hành từ Xá-vệ cùng với một đoàn xe đi theo đường rừng. Đến một nơi có cảnh đẹp và nước chảy, người trưởng đoàn buộc xe ngựa lại, sửa soạn thức ăn đủ loại cứng mềm và tạm ở lại đó. Mọi người nằm xuống ngủ rải rác khắp nơi. Còn vị

cư sĩ cứ đi vòng quanh gốc thân cây cạnh người trưởng đoàn. Lúc ấy năm trăm tên cướp dự định cướp đoàn xe. Cầm đủ mọi khí giới trong tay, chúng bao vây đoàn xe và chờ đợi. Khi thấy người cư sĩ đang đi dạo, chúng đứng đợi để bắt đầu đánh phá lúc ông đi ngủ. Nhưng ông cứ đi lại suốt đêm. Đến tảng sáng, bọn cướp ném vũ khí cùng gậy đá chúng đã lượm, rồi bỏ đi và bảo:

- Này ông trưởng đoàn lữ khách, ông làm chủ tài sản này vì ông đã được cứu mạng nhờ người kia tỉnh thức thật tinh chuyên: Ông cần phải suy tôn ông ấy.

Mọi lữ khách thức dậy đúng giờ, thấy đám khí giới gậy đá do bọn cướp ném bỏ, liền bày tỏ lòng cung kính, biết ơn vị cư sĩ vì hiểu rằng họ sống được là nhờ ông.

Vị cư sĩ ấy đến nơi đã định, làm công việc xong, trở về Xá-vệ và đến Kỳ Viên: tại đó ông đến yết kiến và đảnh lễ đức Như Lai cung kính và ngồi dưới chân Ngài, rồi do lời Ngài yêu cầu, ông kể mọi chuyện cũ. Bậc Đạo Sư bảo:

- Này cư sĩ, không phải chỉ riêng ông tạo được công đức đặc biệt lớn nhờ tỉnh thức và hộ phòng, mà các bậc trí ngày xưa cũng đã làm như vậy.

Và theo lời thỉnh cầu của vị cư sĩ. Ngài kể một chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình Bà-la-môn . Khi lớn lên ngài học tập đủ mọi nghệ thuật ở Takkasilà và trở về nhà sống đời gia chủ.

Sau một thời gian, ngài rời bỏ nhà và trở thành ẩn sĩ. Chẳng bao lâu ngài đắc các Thiền chứng và sống tại vùng Tuyết Sơn, ngài chuyên tâm đi và đứng, ngài chỉ kinh hành suốt đêm chứ không ngủ.

Một vị Thần cây ở cuối lối đi của ngài hoan hỷ nhìn thấy ngài như vậy và ngâm vần kệ đầu:

1. Ai thức tỉnh khi nhiều người đang ngủ?
Ai ngủ khi bao người khác dậy rồi?
Ai là người hiểu câu đố của tôi?
Ai có thể giải đáp tôi điều đó?
Bồ-tát nghe lời vị Thần cây, liền ngâm vần kệ này:

2. Ta thức tỉnh khi nhiều người đang ngủ,
Ta ngủ khi bao người khác dậy rồi,
Ta là người hiểu câu đố của ngài,
Ta có thể giải đáp ngài điều đó.
Vị Thần cây ngâm vần kệ hỏi lại câu này:

3. Sao ngài thức khi nhiều người đang ngủ?
Và ngủ khi bao kẻ khác dậy rồi?
Làm sao ngài hiểu câu đố của tôi?

Và giải đáp điều này ngay lập tức?
Bồ-tát giải thích vấn đề này:

4. Có nhiều kẻ vẫn quên rằng giới đức
Nằm ở trong sự tiết dục điều thân,
Vậy bao người đang ngủ giấc mơ màng,
Còn ta thức, hỡi Thần cây cổ thụ.
5. Tham, sân, si của số người nào đó
Đã không còn hiện hữu ở trong lòng,
Vậy các người kia đã tỉnh giấc nồng,
Ta còn ngủ, hỡi Thần cây cổ thụ!
6. Vậy ta thức khi nhiều người đang ngủ,
Và ngủ khi bao kẻ khác tỉnh rồi,
Vậy là ta hiểu câu đố của ngài,
Và giải đáp lại lời ngài rồi đó.
Khi Bậc Đại Sĩ đã giải đáp lời này, vị Thần rất hoan hỷ và ngâm vần kệ tán thán:

7. Lành thay ngài tỉnh thức khi người ngủ,
Và ngủ khi bao người khác tỉnh rồi!
Lành thay ngài hiểu câu đố của tôi,
Lời giải đáp của ngài bao tốt đẹp!
Như vậy sau khi tán thán Bồ-tát, vị Thần cây trở vào nơi an trú của mình trên cây.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, Bậc Đạo Sư nhận diện tiền thân:

- Thời ấy, vị thần cây là Uppalavannà (Liên Hoa Sắc) và nhà khổ hạnh chính là Ta.

-ooOoo-

415. Chuyện Phần Cháo Cúng Dường (Tiền thân Kummasàpinda)

Cúng dường chư Phật quý cao thay...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về Hoàng hậu Mallikà (Mạt-lợi).

Nàng nguyên là con gái của vị trưởng nghiệp đoàn bán vòng hoa, cực kỳ diễm lệ và hiền thục. Khi nàng được mười sáu tuổi, trong lúc đi đến vườn hoa cùng các thiếu nữ khác, nàng mang theo ba

phần cháo sữa chua trong giỏ hoa. Khi nàng rời thành phố, nàng trông thấy đức Thế Tôn vào thành, tỏa hào quang rực rỡ và được Tăng chúng vây quanh, nàng đem cúng dường Ngài ba phần cháo ấy.

Bậc Đạo Sư đưa bát của ngài ra nhận cháo. Nàng đảnh lễ chân đức Như Lai và lấy niềm hoan hỷ ấy làm chủ đề Thiền quán, nàng đứng sang một bên. Bậc Đạo Sư mỉm cười, nhìn nàng. Tôn giả Ànanda tự hỏi tại sao đức Như Lai mỉm cười và hỏi Ngài vấn đề

này. Bậc Đạo Sư nói lý do:

- Này Ànanda, cô gái này hôm nay sẽ trở thành chánh hậu của vua Kosala do phước báo ba phần cháo này.

Còn cô gái tiếp tục bước đến vườn hoa. Ngay chính hôm ấy vua Kosala giao chiến với vua Ajàtasattu (A-xà-thế) và thất bại phải đào tẩu. Trong khi đang đi ngựa, vua nghe tiếng nàng hát rất hấp dẫn liền thúc ngựa vào khu vườn. Công đức của cô gái đã đến thời chín muồi, vì thế khi thấy vua, nàng không chạy trốn mà đi đến cầm lấy dây cương nơi mũi ngựa. Vua ngồi trên lưng ngựa hỏi nàng đã có chồng chưa. Khi nghe nàng đáp chưa, ông xuống ngựa và đang mệt mỏi vì nắng gió, ông nằm nghĩ chốc lát trên đùi nàng. Sau đó ông đưa nàng lên ngựa, cùng đạo quân hùng hậu đi vào thành, đưa nàng đến tận nhà riêng.

Chiều hôm ấy vua phái một vương xa trong cảnh vô cùng vinh quang lộng lẫy đến rước nàng từ nhà nàng về đặt lên một bảo tọa đầy châu báu, làm lễ quán đảnh (rảy nước thánh lên đầu) cho nàng và phong nàng làm chánh hậu. Từ đó trở đi, nàng trở thành hoàng hậu thân thiết tận tụy được vua sủng ái, nàng có đầy đủ năm vẻ yêu kiều của nữ nhi, lại có đủ đám nô tỳ trung thành và nàng lại là một tín nữ được nhiều hồng ân của chư Phật. Cả kinh thành loan tin rằng nàng được mọi vinh hoa ấy là vì nàng cúng dường Bậc Đạo Sư ba phần cháo.

Một hôm Tăng chúng bắt đầu thảo luận trong Chánh pháp đường:

- Này các Hiền giả, Hoàng hậu Mallikà cúng dường đức Phật ba phần cháo, và do phước báo này, ngay chính hôm ấy bà được làm lễ quán đảnh phong ngôi hoàng hậu: Công đức chư Phật thật vĩ đại dường nào.

Bậc Đạo Sư bước vào, hỏi chuyện và khi được biết đề tài thảo luận của Tăng chúng, Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, không lạ gì nàng Mallikà trở thành chánh hậu của vua Kosala nhờ cúng dường đức Phật Chánh Đẳng Giác ba phần cháo mà thôi, vì cớ sao? Đó là nhờ đại hồng ân của chư Phật: Các trí nhân ngày xưa cúng dường các vị Độc Giác Phật cháo không có muối hay dầu nữa, song nhờ thế trong đời sau đạt được vinh quang của đế vương tại Kàsi rộng ba trăm dặm.

Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một nhà nghèo. Khi lớn lên ngài tìm kế sinh nhai bằng cách làm công cho một nhà giàu. Một hôm ngài mua bốn phần cháo ở cửa tiệm và suy nghĩ: "Cái này vừa đủ để ta ăn sáng". Rồi ngài ra làm việc ngoài đồng. Khi thấy bốn vị Độc Giác Phật đang vào Ba-la-nại khất thực, ngài suy nghĩ: "Ta có bốn phần cháo này, giả

sử ta đem cúng dường các vị đang đến Ba-la-nại khất thực?". Vì thế ngài đi đến đảnh lễ các vị và nói:

- Thưa các tôn giả, con hiện đang cầm bốn phần cháo, con xin cúng dường các vị, mong các vị nhận lấy để cho con được phước đức đem lại an lạc lâu dài về sau.

Thấy các vị nhận lời, ngài liền rải cát và sắp đặt bốn chỗ ngồi, đặt các cành khô lên đó và mời chư vị Độc Giác Phật ngồi theo thứ tự. Ngài lấy rổ lá đem nước đến, rót nước cúng dường, và đặt bốn phần cháo vào bốn bình bát vừa đảnh lễ cung kính vừa thưa:

- Thưa các tôn giả, ước mong nhờ phước báo này con sẽ không sinh vào nhà nghèo nữa, ước mong đây sẽ làm nhân duyên cho con đắc quả vị Chánh Giác.

Các vị Độc Giác Phật dùng cháo xong, nói lời tùy hỷ công đức và trở về động Nandamùla. Khi kính chào các vị, Bồ-tát cảm thấy niềm hoan hỷ được tiếp xúc các Độc Giác Phật, và sau khi các vị đã khuất dạng, ngài đã đi làm công việc, ngài vẫn nhớ các vị mãi cho đến lúc mạng chung. Nhờ phước báo này, ngài tái sinh vào mẫu thai của chánh hậu thành Ba-la-nại. Ngài được đặt tên Vương tử Brahmadatta.

Từ lúc mới biết đi chập chững, nhờ năng lực nhớ lại những việc làm trong đời trước, ngài thấy rõ như thể soi bóng mình vào tấm gương sáng, rằng ngài tái sinh vào hoàn cảnh này do ngài đã cúng dường bốn phần cháo lên các vị Độc Giác Phật khi ngài là một tôi tớ đi làm thuê tại chính kinh thành này. Khi lớn lên, ngài học tập mọi môn nghệ thuật ở Takkasilà. Khi ngài trở về nhà, vua cha vô cùng hoan hỷ về các thành tựu của ngài nên phong ngài làm phó vương. Sau đó khi vua cha băng hà, ngài lên ngự trị quốc độ. Rồi kết hôn với công chúa tuyệt sắc của vua Kosala và phong nàng ngôi chánh hậu.

Vào ngày đại hội giương chiếc Lọng trắng che lên ngài, quần thần trang hoàng kinh thành như thể một kinh thành thiên giới. Ngài dự đám rước quanh thành phố rồi ngự lên thượng lầu được trang hoàng lộng lẫy, sau đó bước đến đài cao an tọa trên ngai vàng có lọng trắng giương phía trên.

Khi ngồi đó, ngài nhìn xuống nhìn thần dân đang đứng chầu, một phía là triều thần, phía kia là các Bà-la-môn và gia chủ sáng rực trong vẻ đẹp muôn màu sắc, một phía khác nữa là quần chúng cầm tặng vật đủ loại trong tay, kế đến là đoàn nữ nhạc vũ công gồm cả mười sáu ngàn nàng chẳng khác đoàn tiên tụ tập đông đủ trên Thiên đình.

Nhìn mọi vẻ huy hoàng làm say mê lòng người như thế, ngài nhớ lại đời trước của mình và suy nghĩ: "Chiếc lọng trắng kết tràng hoa bằng vàng và chân trụ bằng vàng khối này, bằng ngàn con voi và cỗ xe này, và cả lãnh thổ rộng lớn của ta đầy ngọc vàng châu báu, tài sản, mễ cốc đủ loại, các nữ nhân như tiên nữ trên trời, mọi cảnh vinh quang này đều thuộc riêng về phần ta thôi, đó là do công đức cúng dường bốn vị Độc Giác Phật bốn phần cháo: Ta hưởng được tất cả mọi sự này nhờ đó".

Như vậy trong khi nhớ lại hồng ân của chư Độc Giác Phật, rõ ràng ngài đã tuyên dương công đức của ngài trong đời trước. Ý tưởng ấy làm toàn thân ngài tràn ngập hoan lạc. Niềm hoan lạc thấm tận tâm can khiến ngài ngâm vang hai vần kệ đầy cảm hứng ngay giữa quần thần:

1. Cúng dường chư Phật quý cao thay,
Người bảo đừng xem rẻ việc này,

Đem tặng cháo dù không có muối
Cho ta phước báo lớn như vầy.
2. Ngựa, voi cùng với đám trâu bò,
Vàng, bạc, thóc ngô, cả nước nhà,
Đám mỹ nữ hình dung yểu điệu,
Cúng dường đem quả đến tay ta.
Như vậy trong niềm hỷ lạc, Bồ-tát ngâm khúc hoan ca gồm hai vần kệ nhân ngày lễ giương chiếc Lọng trắng. Từ đó về sau, chúng được xem là khúc ca được quốc vương ái mộ và mọi người đều hát điệu ấy, từ các vũ nữ, vũ công, nhạc sĩ, cung nhân, thị vệ, cho đến dân chúng và ngay cả đám quần thần trong triều.

Sau một thời gian, chánh hậu mong muốn biết ý nghĩa bài hát, song bà không dám hỏi bậc Đại Sĩ. Một hôm nhà vua đẹp ý vì một đức tính của bà, liền phán:

- Này ái hậu, ta muốn ban cho nàng một điều ước, hãy nhận đặc ân ấy.

- Tâu hoàng thượng, tốt lành thay thiếp xin nhận đặc ân ấy.

- Ái hậu muốn ta ban gì, voi ngựa hay thứ nào khác?

- Tâu hoàng thượng, nhờ ân sủng của hoàng thượng, thiếp không thiếu gì cả, thiếp không cần các thứ ấy. Song nếu hoàng thương ban cho thiếp một đặc ân, xin hãy nói cho thiếp biết ý nghĩa khúc ca của ngài.

- Này ái hậu, nàng cần gì đặc ân ấy? Hãy nhận thứ khác đi.

- Tâu hoàng thượng, thiếp không cần một thứ nào khác cả. Đó là đặc ân thiếp muốn nhận.

- Được rồi, này ái hậu, ta sẽ nói điều ấy, nhưng không phải đó là điều bí mật nói riêng với nàng, mà ta muốn gióng tiếng trống khắp kinh thành Ba-la-nại rộng mười hai dặm này, ta muốn dựng ngôi đình bằng ngọc ngay tại cung môn và đặt một chiếc ngai bằng ngọc tại đó, rồi ta sẽ ngồi đó giữa quần thần, Bà-la-môn, cùng mọi người khác gồm cả mười sáu ngàn nữ nhân, và kể chuyện ấy.

Bà tuân lệnh. Vua truyền làm mọi việc như trên, rồi ngự lên ngai giữa đại chúng như Sakka Thiên chủ giữa chư Thiên. Hoàng hậu phục sức đủ mọi thứ nữ trang ngọc vàng, đặt một kim đôn, ngồi bên cạnh ở một vị trí thích hợp, rồi đưa mắt nhìn vua, bà thưa:

- Tâu hoàng thượng, xin hãy giảng giải cho thiếp biết ý nghĩa khúc hoan ca mà ngài thường hát trong niềm hỷ lạc, như thể làm cho mặt trăng xuất hiện trên bầu trời.

Rồi bà ngâm vần kệ thứ ba:

3. Hoàng thượng đầy vinh hiển, chánh chân,
Khúc ca ngài hát đã bao lần,
Trong niềm hoan lạc đầy tâm trí,
Cho thiếp đặc ân biết ngọn nguồn.
Bậc Đại Sĩ ngâm bốn vần kệ nêu rõ ý nghĩa khúc ca:

4. Chính tại thành này, kiếp trước đây,
Ở trong hoàn cảnh khác ngày nay,
Ta là tôi tớ cho người khác,
Làm mướn, song đức hạnh thẳng ngay.
5. Một hôm rời tỉnh để làm công,
Bốn Đạo Sư kia, ta chợt trông
Dáng điệu ly tham và tĩnh lặng,
Thiện toàn trong Giới luật tu thân.
6. Tư tưởng ta quy ngưỡng Phật-đà,
Khi chư vị nghỉ dưới cây già,
Chấp tay đảnh lễ, ta đem đến
Thành kính cúng dường món cháo hoa.
7. Thiện nghiệp tạo nên phước đức dày,
Quả thành ta gặt được giờ đây:
Vinh hoa phú quý đời vương giả,
Quốc độ do ta cai trị này.
Khi hoàng hậu nghe bậc Đại Sĩ giảng giải đầy đủ thành quả của thiện nghiệp ngài, bà hân hoanđáp:

- Tâu Đại vương, nếu ngài nhận thấy rõ các thành quả của bố thí như vậy, từ nay về sau xin ngài nhận một phần cơm và đừng ăn cho đến khi nào chính ngài đã cúng dường thực phẩm lên các vị Sa-môn Bà-la-môn chân chánh.

Rồi hoàng hậu ngâm vần kệ tán thán Bồ-tát:

8. Hãy ăn, khi nhớ cúng dường rồi,
Chuyển bánh xe chân chánh khắp nơi:
Hoàng thượng tránh xa điều bất chánh,
Cầm quyền chân chánh nước non ngài.
Bậc Đạo Sĩ ngâm vần kệ chấp nhận lời hoàng hậu:

9. Ta vẫn tạo riêng một lối đường,
Bước theo đạo lộ chánh chân luôn,
Nơi người hiền thiện thường đi đến,
Đẹp mắt ta nhìn các Thánh nhân.
Sau khi nói xong, ngài nhìn dung sắc Hoàng hậu và bảo:

- Này mỹ hậu, ta đã kể đủ mọi thiện nghiệp ta làm đời trước, song giữa đám nữ nhân này không ai sánh kịp nàng về dung sắc và vẻ kiều diễm khả ái0

- Này các Hiền giả, Tỷ-kheo Devadatta dự định giết đức Như Lai, vị ấy đã thuê bọn xạ thủ, némđá trên núi xuống, thả voi say Nàgàgiri và dùng nhiều phương tiện diệt đức Như Lai.

Bậc Đạo Sư bước vào hỏi đề tài thảo luận của các vị lúc ngồi đây. Khi các vị trình bày xong, Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu các kẻ ấy dự định mưu sát ta. Song kẻ ấy không đủ khả năng thậm chí làm ta lo sợ, mà chỉ tạo khổ đau cho bản thân mình thôi.

Và do vậy Ngài kể câu chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm vương tử của chánh hậu. Khi lớn lên, ngài học tập đủ mọi nghệ thuật ở Takkasilà và biết được thần chú hiểu tiếng kêu của súa vật. Sau khi lời thầy dạy đầy đủ, ngài trở về Ba-la-nại. Phụ vương phong ngài chức phó vương, nhưng dù vua đã làm như vậy, vua lại mong mỏi giết hại ngài và thậm chí không muốn nhìn thấy ngài nữa.

Thời ấy, một chó rừng cái đem hai chó con vào kinh thành theo một đường cống ban đêm, lúc mọi người đều nghỉ ngơi. Trong cung của Bồ Tát cạnh tư thất ngài, có căn phòng dành cho một người khách, kẻ ấy đã cởi giầy ra và đặt trên sàn nhà bên chân mình rồi nằm trên tấm ván, nhưng chưa ngủ.

Bầy chó con đói và kêu khóc. Mẹ chúng bảo theo giọng chó rừng:

- Này các con đừng làm ồn, có một người trong phòng kia, có một người trong phòng kia đã cởi giầy ra và đặt trên sàn nhà. Ông ta đang nằm trên tấm ván nhưng chưa ngủ. Khi ông ta ngủ rồi, mẹ sẽ đến lấy đôi giầy cho các con ăn.

Nhờ thần chú, Bồ-tát hiểu tiếng chó rừng và rời phòng mình, mở cửa sổ gọi:

- Ai ở trên đó?

- Tâu Điện hạ, thần là một lữ khách.

- Thế giày của ông đâu?

- Tâu, ở trên sàn.

- Hãy lấy giày treo lên.

Nghe lời này, chó mẹ nổi giận với Bồ-tát. Một hôm nó lại vào thành theo cách trên. Hôm ấy có kẻ say rượu bước xuống nước trong một hồ sen, rồi té vào đó chết chìm. Kẻ ấy có hai chiếc áo đang mặc trên người, một ngàn đồng tiền để ở áo trong và một chiếc nhẫn trên ngón tay.

Bầy chó con lại kêu khóc đòi ăn. Mẹ chúng bảo:

- Im đi các con, có một người chết trong hồ sen này, ông ta có nhiều của cải như vậy mà đang nằm trong hồ sen, mẹ sẽ cho các con ăn thịt ông ta.

Bồ-tát nghe tiếng chó, mở cửa sổ ra hỏi:

- Ai trong phòng kia?

Một người thức dậy thưa:

- Chính tiểu thần.

- Hãy đi lấy bộ áo, ngàn đồng tiền và chiếc nhẫn trên người đang nằm chết ở hồ sen đằng kia và làm cho xác chìm xuống để nó khỏi nổi lên mặt nước.

Người kia tuân lệnh làm theo. Chó rừng liền tức giận ngài:

- Hôm trước ngài cản trở các con tôi ăn đôi giày, hôm nay ngài lại cản chúng tôi ăn xác chết. Được lắm, vào ngày thứ ba kể từ đây, một địch vương sẽ đến bao vây kinh thành, phụ vương ngài sẽ truyền ngài ra trận, họ sẽ chặt đầu ngài. Tôi sẽ uống máu từ cổ ngài cho hả giận: ngài tự biến mình thành kẻ thù của tôi, vậy tôi quyết chí trả thù.

Như vậy chó cái vừa sủa vừa nhục mạ Bồ-tát. Rồi nó đem các con đi.

Vào ngày thứ ba, vị địch vương đến bao vây kinh thành. Vua bảo Bồ-tát:

- Này con thân yêu, hãy ra trận.

- Tâu phụ vương, con đã thấy trước một điềm báo hiệu. Con không thể đi vì sợ rằng con sẽ mất mạng.

- Ngươi sống chết có nghĩa gì đối với ta? Đi ngay!

Bậc Đại Sĩ tuân lệnh. Cùng đem đám gia nhân theo, ngài tránh cổng thành nơi địch vương đang đón quân và đi ra bằng một cổng khác ngài đã mở sẵn. Khi ngài ra đi, cả kinh thành như thể bị bỏ trống vì mọi người cùng theo ngài. Ngài đóng quân ở một khoảng đất rộng và chờ đợi.

Vua suy nghĩ: "Phó vương của ta đã bỏ trống kinh thành và chạy trốn với tất cả quân sĩ của ta, còn kẻ thù đang nằm quanh kinh thành. Ta chỉ là kẻ chết rồi".

Nghe vua cha đã đào tẩu, Bồ-tát vào thành, đánh bại địch vương và chiếm lại quốc độ. Vua cha lúc ấy dựng lều lá bên bờ sông, sống bằng củ quả rừng. Vua và tế sư thường đi tìm trái cây. Còn cận thần Parantapa ở lại với hoàng hậu trong lều. Hoàng hậu lúc ấy đang có thai với vua, nhưng vì thường sống chung với Parantapa nên bà phạm tà hạnh với y.

Một hôm bà bảo với y:

- Nếu đức vua biết, chàng và thiếp đều không sống được đâu. Vậy hãy giết ngài đi.

- Bằng cách nào chứ?

- Ngài thường bảo chàng mang kiếm và áo tắm lúc ngài đi tắm, vậy hãy đem ngài đi xa người hộ vệ tại nơi tắm, rồi chặt đầu ngài và lấy kiếm chặt thân ngài thành nhiều khúc xong chôn xuống đất.

Y đồng ý. Một hôm vị tế sư đã đi ra tìm quả rừng, ông đã trèo lên một cây to gần nơi vua tắm và đang hái trái. Còn vua muốn tắm nên ra bờ suối cùng Parantapa mang thanh kiếm và áo tắm của vua.

Lúc vua sắp tắm, Parantapa muốn giết vua nhân dịp vua không có người hộ vệ, liền nắm cổ vua và nhấc kiếm lên. Vua sợ chết thét lớn. Vị tế sư nghe tiếng kêu và từ trên cây ông thấy rõ Parantapa đang ám sát vua, nhưng ông cũng quá kinh hoàng vội từ cành cây trụt xuống ẩn mình vào bụi rậm.

Parantapa nghe tiếng sột soạt lúc ông trụt xuống, nên sau khi giết vua và chôn xác xong, y suy nghĩ: "Có tiếng gì sột soạt từ cành cây trụt xuống gần đây, kẻ nào vậy?". Nhưng không thấy ai, y tắm rửa và ra về.

Sau đó vị tế sư bước ra khỏi chỗ ẩn. Nay biết vua đã bị chặt khúc và chôn trong cái hố, ông tắm rửa và vì lo cho sinh mạng của mình, ông giả mù khi trở về lều.

Parantapa thấy ông, liền hỏi việc gì đã xảy ra cho ông. Ông giả vờ không nhận biết y và nói:

- Tâu Đại vương, tiểu thần trở về với đôi mắt đã mù. Tiểu nhân đã đứng cạnh một tổ kiến trong rừng đầy rắn và hơi thở của một con rắn độc nào đó đã xông vào người tiểu thần.

Parantapa nghĩ vị tế sư đang nói chuyện với y như thể nói với vua vì ông không biết gì nữa, nên yên tâm bảo:

- Này vị Bà-la-môn, đừng lo, ta sẽ chăm sóc ngài.

Rồi y vừa an ủi ông vừa cho ông nhiều quả rừng.

Từ đó chính Parantapa đi kiếm trái cây. Về sau hoàng hậu sinh được một hoàng tử. Khi hoàng tử lớn lên, một hôm bà nói chuyện với Parantapa vào lúc tảng sáng nhân dịp ngồi nhàn nhã:

- Có ai thấy chàng lúc giết vua chăng?

- Không ai thấy ta cả, nhưng ta nghe tiếng động của vật gì trụt xuống từ bụi cây nọ, ta không biếtđó là người hay vật. Tuy thế, bất cứ lúc nào trong lòng ta nổi lên mối lo sợ cũng đều do duyên cớ bụi cây sột soạt kia.

Rồi y ngâm vần kệ đầu nói chuyện với bà:

1. Lo sợ, kinh hoàng trong trí ta Phát sinh ngay cả chính bây giờ

Đều do thuở ấy người hay vật Lay động bụi cây ở chốn kia.

Hai người ấy tưởng vị tế sư đã ngủ, nhưng ông đang thức và nghe họ nói chuyện.

Một hôm, khi Parantapa đã đi vào rừng hái trái, vị tế sư nhớ đến bà vợ Bà-la-môn của mình, lại ngâm vần kệ thứ hai để than thân:

2. Nhà vợ thân yêu ở cạnh đây,
Nhớ thương làm dạ tái tê thay,
Như Pa-ran hiện đang gầy ốm
Vì sợ lá cành rung động cây.
Hoàng hậu hỏi ông đang nói gì thế. Ông đáp:

- Thần chỉ suy nghĩ trong dạ mà thôi.

Nhưng một ngày khác, ông lại ngâm vần kệ thứ ba:

3. Nhà vợ ở Ba-la-nại thành,
Thiếu nàng, ta héo hắt thân mình,
Như Pa-ran hiện đang xanh tái
Vì sợ bụi cây rúng rẩy cành.
Một ngày khác nữa ông lại ngâm vần kệ thứ tư:

4. Mắt nàng đen nhánh sáng long lanh,
Giọng nói, nụ cười mỉm tuyệt xinh,
Hồi tưởng làm ta tê tái dạ
Như Pa-ran sợ động cây cành.
Theo thời gian, hoàng tử ấu thơ lớn dần đến mười sáu tuổi. Lúc ấy vị Bà-la-môn làm một cây gậy, cùng đi với cậu đến chỗ tắm và mở mắt ra nhìn. Hoàng tử hỏi:

- Này vị Bà-la-môn, ông không mù à?

- Ta không mù, nhưng nhờ cách này ta đã cứu mạng mình. Thế cậu có biết ai là thân phụ cậu không?

- Ta biết chứ.

- Người kia không phải là cha cậu đâu. Cha cậu là vua ở Ba-la-nại, người kia chỉ là kẻ hầu cận của hoàng gia, y đã thông gian với mẹ cậu và giết cha cậu tại chỗ này, rồi chôn xác đây.

Nói vậy xong, ông kéo bộ xương lên chỉ cho hoàng tử thấy. Hoàng tử tức giận hỏi:

- Thế ta phải làm gì bây giờ?

- Cứ đối xử với kẻ kia như cách y đối xử với cha cậu.

Rồi ông trình bày mọi việc cho hoàng tử và trong vài ngày, dạy cho hoàng tử cách dùng kiếm. Sau đó, một hôm hoàng tử cầm kiếm và áo tắm, rồi bảo:

- Cha ơi, chúng ta đi tắm nhé.

Parantapa đồng ý ra đi với cậu. Khi y bước xuống nước, hoàng tử cầm chỏm tóc y bằng tay trái và kiếm trong tay phải, bảo:

- Ngay tại đây, ngươi đã nắm chỏm tóc cha ta và giết ngài trong lúc ngài thét lên. Vậy ta cũng sẽ làm thế với ngươi.

Parantapa sợ chết, gào thét lên và ngâm hai vần kệ:

5. Chắc tiếng động kia đến với ngươi
Kể cho ngươi những chuyện xưa rồi:
Chắc người thuở nọ rung cành lá
Đã đến kể ngươi chuyện thiếu thời.

6. Ý tưởng điên rồ đến với ta
Đã cho ngươi biết chuyện bây giờ:
Ngày xưa làm chứng, người hay vật,
Ở đó và rung cổ thụ mà.
Kế tiếp, hoàng tử ngâm vần kệ cuối cùng:
7. Chính ngươi đã giết phụ vương thân
Cùng với lời lừa phản dối gian,
Ngươi dấu thây ngài trong bụi ấy,
Giờ đây ngươi phải chịu kinh hoàng.
Nói vậy xong, cậu đâm y chết tại chỗ, vùi thây vào đó và lấy cành cây phủ lên. Sau đó rửa sạch kiếm và tắm xong, cậu trở lại lều lá. Cậu kể cho vị tế sư nghe cách cậu đã giết Parantapa và khiển trách mẹ cậu xong, cậu lại hỏi khi cả ba trở về Ba-la-nại:

- Chúng ta sẽ phải làm gì bây giờ?

Bồ-tát phong hoàng đệ làm phó vương, rồi thực hành bố thí và nhiều thiện sự khác, về sau mạng chung ngài tái sinh lên Thiên giới.

*

Khi pháp thoại chấm dứt, Bậc Đạo sư nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy, Devadatta là vua cha và Ta chính là vua con.

-ooOoo-

Chương VIII Phẩm Tám Bài Kệ

417. Chuyện Hiền Mẫu Kaccàni (Tiền thân Kaccàni)

Mặc áo trắng và tóc xõa vai...,

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một người phụng dưỡng mẹ mình.

Chuyện kể rằng đó là một thiện gia nam tử ở Savatthì (Xá-vệ). Khi cha mất, chàng chuyên tâm săn sóc mẹ, hầu hạ mẹ các công việc súc miệng đánh răng, tắm rửa v.v... và đem cháo cơm thức ăn cho mẹ. Bà mẹ bảo: "Này con, có nhiều phận sự khác trong đời gia chủ, con phải cưới một cô gái nhà đàng hoàng, cô ấy sẽ săn sóc mẹ, để rồi con đi làm công việc khác thích hợp hơn". - "Mẹ ơi, chính vì lợi ích và niềm vui của con mà con hầu hạ mẹ, chứ ai khác có thể hầu để tăng gia sản của ta chứ". - "Con không màng đến đời sống gia đình. Con muốn phụng sự mẹ, sau khi mẹ qua đời, con sẽ làm ẩn sĩ khổ hạnh."

Bà mẹ cố nài ép con mãi, và cuối cùng không cần thuyết phục con hay được con chấp thuận, bà cứ đưa về một cô gái con nhà tử tế. Chàng cưới vợ và sống với nàng vì chàng không muốn trái ý mẹ, nên muốn bắt chước, nàng cũng chăm nom mẹ chồng chu đáo. Nhận thấy lòng tận tụy của vợ, chàng đem về cho nàng mọi thức ăn ngon lành mà vị ấy có thể kiếm được.

Theo thời gian, nàng dâu suy nghĩ ngu xuẩn theo kiểu kiêu hãnh của nàng: "Chàng cho ta mọi thức ăn ngon lành chàng kiếm được, chắc hẳn chàng mong muốn tống mẹ đi cho rảnh, vậy ta sẽ tìm cách làm việc đó". Một hôm nàng bảo:

- Chàng ơi, mẹ mắng tôi lúc chàng đi vắng.

Người chồng không nói gì. Nàng suy nghĩ: "Ta sẽ chọc tức bà già và làm cho con trai bà ấy không chịu nổi mẹ nữa".

Từ đó nàng đem cháo cho bà hoặc quá nóng hoặc quá lạnh, hoặc quá mặn hoặc quá nhạt. Khi bà lão than phiền cháo quá nóng hay quá mặn, nàng đổ thêm nước lạnh đầy dĩa, rồi khi nghe cháo quá lạnh hoặc quá nhạt, nàng thường kêu to:

- Mới đây mẹ bảo quá nóng và quá mặn, ai chiều chuộng bà cho được.

Lúc tắm rửa, nàng thường dội nước quá nóng lên lưng bà già, nghe bà bảo:

- Con ơi, lưng mẹ bỏng rồi đấy!

Nàng liền dội nước thật lạnh lên bà mẹ, rồi khi nghe bà than phiền, nàng bịa chuyện với hàng xóm:

- Bà già này khi thì bảo nước quá nóng, khi thì bảo nước quá lạnh, ai còn chịu đựng được sự trơ tráo của bà ấy nữa?

Nếu bà già than phiền giường bà đầy rệp, nàng sẽ đem giường ấy ra, và giũ mạnh vạt giường của nàng lên đó rồi mang nó về chỗ cũ, bảo bà:

- Tôi đã giũ nó rồi.

Bà già hiền lành lại bị rận rệp cắn nhiều gấp đôi trước kia, nên phải ngồi suốt đêm và than phiền bị rệp cắn suốt đêm, nàng đáp lại:

- Giường mẹ mới được giũ hôm qua và hôm kia nữa, ai có thể chiều chuộng mọi yêu sách của bà già này chứ?

Muốn làm cho con trai bà phản đối mẹ, nàng lại rải đờm dãi, tóc bạc khắp nơi, rồi khi chàng hỏi ai làm cho nhà cửa bừa bãi dơ bẩn như vậy, nàng thường bảo:

- Mẹ chàng làm đấy, nhưng nếu tôi bảo mẹ đừng làm vậy, thì mẹ lại la lối lên. Tôi không thể ở chung nhà với một bà chằn như vậy, chàng phải quyết định hoặc mẹ hoặc tôi ở lại đây thôi.

Chàng nghe nàng nói vậy liền bảo vợ:

- Nàng ơi, nàng còn trẻ và có thể ở nơi nào tùy ý, muốn đi đâu thì đi nhưng mẹ tôi già yếu, tôi là chỗ tựa của bà. Vậy nàng hãy đi về với người thân thuộc.

Khi nghe vậy nàng sợ hãi nghĩ thầm: "Chàng không thể xa cách người mẹ rất thân yêu đối với chàng. Còn nếu ta về nhà cũ, ta sẽ sống cuộc đời cô đơn khổ sở. Vậy ta muốn hòa giải với chồng và chăm sóc bà như xưa". Từ đó nàng làm đúng như thời trước.

Một hôm vị cư sĩ này đến Kỳ Viên nghe Pháp, đảnh lễ bậc Đạo Sư xong, chàng đứng một bên. Bậc Đạo Sư hỏi xem có phải chàng vẫn không xao nhãng bổn phận cũ, và vẫn tận tụy chăm sóc mẹ già chăng.

Chàng đáp:

- Thưa vâng, Bạch Thế Tôn. Mẹ con đem về cho con một cô gái để làm vợ trái ý con, nàng ấy đã làm nhiều việc không xứng đáng như vậy.

Rồi chàng kể hết mọi việc cho Ngài nghe:

- Song nàng ấy không thể ly gián mẹ con với con được, nên bây giờ nàng ấy lại chăm sóc bà hết sức cung kính.

Bậc Đạo Sư nghe chuyện và bảo:

- Ngày nay ông không nghe theo lời vợ, nhưng ngày xưa ông đã bỏ mẹ vì nghe lời vợ xúi giục và nhờ ta đưa bà ấy về lại cho ông chăm nom.

Rồi theo lời thỉnh cầu của chàng, Ngài kể câu chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa khi vua Brahmadatta trị vì ở Ba-la-nại, có một thanh niên trong gia đình nọ hết lòng chăm sóc mẹ già khi cha cậu từ trần, giống như phần duyên khởi chuyện này, các chi tiết cũng được nêu ra đầy đủ như trên. Nhưng trong trường hợp này, khi người vợ bảo nàng không thể sống với bà chằn kia và chàng phải quyết định một trong hai người phải ra đi, thì chàng theo lời vợ cho rằng mẹ mình có lỗi và bảo:

- Mẹ ơi, mẹ luôn gây chiến trong nhà này, từ nay mẹ đi sống nơi khác tùy ý mẹ.

Bà mẹ nghe vậy, vừa khóc vừa đi đến nhà bạn đâu đó, làm thuê chật vật để sống qua ngày. Sau khi bà ra đi, con dâu bà mang thai sinh con trai, nên thường rêu rao với chồng và hàng xóm rằng việc sinh con ấy chưa hề xảy ra trước kia, khi còn có bà chằn ở trong nhà.

Sau khi sinh con, nàng bảo chồng:

- Tôi chưa bao giờ sinh con lúc mẹ chàng còn ở trong nhà, nay tôi đã có con: như thế chàng có thể thấy rõ bà ấy đúng là bà già chằn thuở trước rồi đó.

Bà già nghe chuyện sinh con trai được dâu bà xem là do bà ra khỏi nhà, liền suy nghĩ: "Chắc chắn thần Công chánh đã chết trên đời này, vì nếu không phải như vậy, những kẻ này đã không sinh con trai và sống sung sướng sau khi đánh đuổi mẹ mình: Ta muốn làm lễ cúng tế thần Công chánh đã chết".

Vì vậy một ngày kia, bà đem mè xay, gạo cùng một cái nồi và muỗng nhỏ, bà ra nghĩa địa đốt lửa trong cái lò làm bằng ba sọ người, rồi bà xuống suối tắm rửa đầu mình, giặt áo quần xong trở lại nơi lò lửa, xõa tóc ra và bắt đầu vo gạo.

Thuở ấy Bồ-tát là Thiên chủ Sakka, và các Bồ-tát luôn chú tâm cảnh giác. Ngay lúc ấy ngài nhìn xuống trần gian và thấy bà già khốn khổ kia đang làm lễ tống táng thần Công

chánh như thể thần Công chánh đã chết. Muốn chứng tỏ uy lực của ngài trong sự cứu giúp bà, ngài giáng trần giả dạng một Bà-la-môn du hành trên đường, khi nhìn thấy bà, ngài rời đường cái đến đứng bên bà, bắt đầu câu chuyện bằng cách hỏi:

- Mẹ ơi, người ta thường không nấu cơm trong nghĩa địa. Mẹ định làm gì với cơm và mè này khi nấu xong?

Rồi ngài ngâm vần kệ đầu:

1. Mặc áo trắng và tóc xõa vai,
Kac-cà-ni lại nấu nồi sôi,
Gạo mè bà rửa đằng kia đó,
Bà có dùng không lúc chín rồi?
Bà ngâm vần kệ thứ hai nói cho ngài biết:

2. Đạo sĩ ơi, tôi chẳng muốn ăn Mè xay và cả món cơm hầm:

Giờ đây đã chết thần Công chánh, Tôi muốn cúng dâng lễ tế thần.

Thiên chủ, hiện thân của thần Công chánh, đáp vần kệ thứ ba:

3. Khi quyết định, bà phải nghĩ suy:
Bà nghe ai nói vọng ngôn kia?
Ngài ngàn mắt ấy đầy uy lực,
Công chánh Thần không thể chết đi.
Nghe ngài nói, bà già ngâm đôi vần kệ tiếp theo:

4. La-môn, tôi chứng kiến rành rành,
"Công lý chết rồi." Tôi phải tin:
Tất cả kẻ nào theo ác hạnh
Hiện giờ hưởng đại phồn vinh.
5. Dâu của tôi ngày trước hiếm hoi,
Đánh tôi, rồi lại đẻ con trai,
Nó thành bà chủ trong nhà ấy,
Tôi bị lãng quên, bị bỏ rơi.
Thiên chủ Sakka liền ngâm vần kệ thứ sáu:
6. Không phải đâu, ta sống mãi mà,
Nay ta giáng thế, chính vì bà,
Dâu bà đánh mẹ, song dâu cháu,
Sẽ hóa tro trong lửa của ta.
Nghe thể bà lão kêu to:

- Than ôi, ngài vừa nói gì thế? Tôi sẽ cố sức giúp cháu tôi khỏi chết.

Rồi bà ngâm vần kệ thứ bảy:

7. Thiên chủ, mong sao hợp ý ngài,

Vì tôi, ngài đến tự trên trời,
Ước mong đôi trẻ và thằng cháu
Được sống đời hòa thuận với tôi.
Sau đó Thiên chủ Sakka ngâm vần kệ thứ tám:

8. Ka-ti sẽ mãn nguyện, vì bà
Bị đánh, song bà tin tưởng ta
Công chánh, vậy cùng con, cháu nội
Sống đời hòa thuận ở trong nhà.
Bấy giờ sau khi nói xong, Sakka Thiên chủ hiện ra đủ mọi vẻ uy nghi của ngài, dùng thần lực đứng trên không và nói:

- Kaccàni, bà đừng sợ, thần lực của ta, con và dâu bà sẽ đến đây đem bà về nhà, hãy sống hòa thuận với chúng.

Rồi ngài trở về cõi của ngài.

Nhờ uy lực của Thiên chủ, con và dâu bà nghĩ đến mọi tính tốt của bà trước kia và đi tìm khắp thôn làng, họ thấy bà đã đi về phía nghĩa địa. Họ theo con đường ấy và gọi bà, khi gặp lại bà, họ quỳ xuống chân bà xin lỗi và được bà tha thứ lỗi lầm cũ.

Bà vui mừng chào đón cháu nội. Vì vậy cả bọn họ cũng hoan hỷ trở về nhà và từ đó sống chung với nhau.

9. Với con dâu thảo lại vui mừng
Bà lão Ka-ti đã sống chung,
Thiên chủ giải hòa xung đột cũ,
Cháu con săn sóc thật ân cần.
Vần kệ này được cảm tác do Trí tuệ Tối thắng của đức Phật.

*

Sau pháp thoại, bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật. Khi kết thúc các Sự Thật, vị cư sĩ được an trú vào Sơ quả (Dự Lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Thời ấy, người cư sĩ phụng dưỡng mẹ mình là người đang phụng dưỡng mẹ ngày nay, người vợ thời ấy là người vợ thời nay và Sakka Thiên chủ chính là Ta.

-ooOoo-

418. Chuyện Tám Tiếng Kêu (Tiền thân Atthasadda)

Ngày xưa thường gọi chốn này...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một tiếng động kinh hoàng không phân biệt được mà vua xứ Kosala đã nghe lúc nửa đêm. Hoàn cảnh này đã được tả trong Tiền Thân Lohakumbhi, số 314.

Tuy nhiên lần này, khi vua hỏi:

- Bạch Thế Tôn, việc trẫm nghe tám tiếng kêu ấy có mang lại điều gì chăng?

Bậc Đạo Sư đáp:

- Thưa Đại vương đừng sợ hãi: không có mối nguy gì xảy ra cho Đại vương do các tiếng kêu ấy. Những âm thanh kinh hoàng khó phân biệt như thế không chỉ một mình Đại vương nghe được, mà các đế vương ngày xưa cũng đã từng nghe những âm thanh tương tự và dự định theo lời khuyên của các Bà-la-môn dâng tế lễ bốn loại sinh vật, nhưng sau khi nghe các bậc hiền trí khuyên nhủ, các vua ấy đã thả tự do cho bầy súc vật được thâu góp để tế đàn và truyền đánh trống ra lệnh cấm mọi việc sát sinh.

Rồi theo lời thỉnh cầu của vua, Ngài kể câu chuyện đời xưa

*

Ngày xưa khi vua Brahmadatta trị vì ở Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình Bà-la-môn có gia sản đến tám trăm triệu đồng tiền.

Khi lớn lên, ngài học mọi ngành nghệ thuật tại Takkasilà. Sau khi cha mẹ qua đời, ngài xem xét tất cả các kho tàng, rồi từ bỏ mọi của cải bằng cách bố thí, đoạn trừ tham dục và đến vùng Tuyết Sơn trở thành một vị khổ hạnh chuyên tâm nhập định.

Sau một thời gian, ngài trở về chốn cư trú của quần chúng để tìm muối và dấm, đến tận Ba-la-nại, nghĩ ngơi trong ngự viên. Thời ấy vua Ba-la-nại nghe tám tiếng kêu lớn trong lúc đang ngủ trên vương sàng khoảng nửa đêm: đầu tiên, một con Hạc kêu trong vườn gần hoàng cung ; thứ hai, ngay sau khi Hạc kêu, một con quạ cái kêu từ cổng chuồng voi ; thứ ba, một con mọt kêu ở nóc hoàng cung ; thứ tư, chim Sơn ca thuần dưỡng kêu trong hoàng cung ; thứ năm, một con Nai thuần dưỡng cũng kêu tại chỗ ấy; thứ sáu, một con Khỉ thuần dưỡng cũng kêu tại đó ; thứ bảy, một vị tiểu Thần sống trong hoàng cung cất tiếng kêu than ; và thứ tám, ngay sau khi tiếng kêu cuối cùng ấy, một vị Độc Giác Phật thốt ra một âm thanh đầy hoan lạc khi bay qua mái hoàng cung tiến về phía ngự viên.

Vua rất kinh hãi khi nghe tám tiếng kêu trên, hôm sau liền tham vấn các Bà-la-môn. Họ đồng đáp:

- Tâu Đại vương, tai họa sắp xảy ra với Đại vương, hãy cho phép chúng thần dâng lễ tế đàng ngoài hoàng cung.

Rồi khi được vua cho phép họ làm điều sở thích, họ hoan hỷ đến và bắt đầu chuẩn bị tế đàn. Bầy giờ, một đệ tử trẻ tuổi của vị tế sư Bà-la-môn trưởng thượng rất thông thái đa văn, chàng thưa với thầy:

- Bạch Tôn sư, không nên gây nhiều việc sát hại sinh vật độc ác và thô bạo như vậy.

- Này đệ tử, con biết gì về việc này chứ? Cho dẫu chẳng có gì khác xảy ra, chúng ta cũng được ăn một mẻ cá thịt no nê thỏa thích!

- Bạch Tôn sư, đừng vì cái bụng mà tạo ác nghiệp đưa đến tái sinh trong địa ngục.

Nghe vậy, các Bà-la-môn kia tức giận vị đệ tử muốn làm hỏng các mối lợi của họ.

Vị đệ tử sợ hãi đáp:

- Thôi được, xin cứ tìm cách lấy thật nhiều cá thịt để ăn.

Rồi chàng rời kinh thành đi tìm một vị khổ hạnh thuần thành có khả năng ngăn cản vua việc tế đàn kia. Chàng vào ngự viên và thấy Bồ-tát, liền kính chào ngài và hỏi:

- Tôn giả không có lòng bi mẫn các sinh vật sao? Vua đã ra lệnh làm tế đàn gây chết chóc cho nhiều sinh vật, Tôn giả không muốn giải thoát cho cả đám sinh linh ấy sao?

Này thanh niên Bà-la-môn, ta không biết vua nước này, vua cũng không biết ta.

- Bạch Tôn giả, Tôn giả có biết hậu quả của các âm thanh mà nhà vua đã nghe sẽ ra sao chăng?

- Ta biết chứ.

- Nếu Tôn giả biết, tại sao Tôn giả không bảo cho vua?

- Này thanh niên Bà-la-môn, làm sao ta có thể kiêu hãnh đến bảo vua: "Ta biết!" đã chứ? Nếu vuađến hỏi ta, ta sẽ báo cho ngài.

Vị Bà-la-môn trẻ tuổi vội vàng đến cung đình, và khi được hỏi có việc gì, chàng bảo:

- Tâu Đại vương, có một vị khổ hạnh biết nguyên nhân các âm thanh mà Đại vương đã nghe. Vị ấy đang ngồi trên vương tọa trong ngự viên và bảo vị ấy sẽ trình bày với Đại vương nếu Đại vương hỏi. Xin Đại vương hãy làm như vậy.

Vua vội vàng đến kính lễ vị khổ hạnh và sau khi ân cần chào nhau, vua ngồi xuống và hỏi:

- Có thật Tôn giả biết nguyên nhân tám tiếng kêu mà trẫm đã nghe chăng?

- Tâu Đại vương, phải.

- Vậy xin Tôn giả nói cho trẫm.

- Tâu Đại vương, không có gì nguy hiểm liên hệ đến các âm thanh kia. Trước hết, có một con Hạc trong ngự viên cũ của Đại vương thiếu thức ăn nên đói lả gần chết và thốt tiếng kêu ấy.

Như thế, do tri kiến của ngài, ngài vừa nêu rõ ý nghĩa tiếng kêu của con Hạc, vừa ngâm vần kệ đầu:

Tiếng Hạc:

1. Ngày xưa thường gọi chốn này
Ao sâu, tôm cá lội đầy tung tăng,
Là nơi cư trú Hạc vương,
Tổ tiên ta cũng sống thường trước kia.
Dẫu ăn ếch nhái bây giờ,

Chúng ta không thể xa bờ ao xưa.
- Tâu Đại vương, đó là tiếng kêu của con Hạc trong cơn đói lả, nếu Đại vương muốn nó khỏi đói, xin hãy ra lệnh dọn vườn sạch sẽ và đổ nước đầy ao.

Vua liền bảo một vị triều thần sai người làm việc này.

Rồi Ngài ngâm vần kệ thứ hai:

Tiếng Quạ:

2. Anh chàng một mắt Ban-ra
Là ai mà cứ phá nhà của tôi?
Bầy chim mới nở, than ôi!
Ai người thân thiện cứu tôi khốn cùng?
Rồi ngài hỏi vua về tên của người trưởng đám quản tượng ở chuồng voi.

- Thưa Tôn giả, tên y là Bandhura.

- Tâu Đại vương, y chỉ có một mắt ư?

- Thưa Tôn giả, phải.

- Tâu Đại vương, có một con Quạ làm tổ trên cổng chuồng voi, nó đẻ trứng tại đó và đúng kỳ hạn trứng đã nở thành chim non. Mỗi khi người quản tượng ra vào chuồng voi để chăm sóc voi, y hay lấy cái móc đập vào con Quạ và tổ chim non để phá tổ. Con Quạ trong lúc nguy khốn chỉ muốn mổ mắt y nên thốt ra tiếng kêu ấy. Nếu Đại vương có thiện ý với nó, xin hãy truyền Bandhura vào chầu và cấm y phá tổ quạ.

Vua truyền gọi Bandhura vào, khiển trách y và giao chuồng voi cho kẻ khác.

- Tâu Đại vương, trên nóc hoàng cung có một con Mọt gỗ, nó đã ăn hết gỗ sung tại đó và không thể ăn thứ gỗ cứng hơn. Vì thiếu thức ăn và không thể bò ra ngoài, nên nó thốt tiếng kêu thứ ba để than vãn. Đại vương không cần sợ nó.

Rồi nhờ tri kiến của ngài, ngài vừa nêu rõ ý nghĩa tiếng Mọt gỗ kêu vừa ngâm vần kệ thứ ba:

- Tiếng Mọt gỗ:

3. Ta vừa ăn hết gỗ sung,
Mọi nơi ta đã đi vòng quanh co,
Gỗ nào cứng, mọt khó ưa,
Còn thức ăn khác ở xa dưới mình!
Vua bảo một cung nhân tìm cách giải thoát con mọt.

- Tâu Đại vương, trong cung thất có con chim Sơn ca thuần dưỡng nào chăng?

- Thưa Tôn giả, có chứ.

Tâu Đại vương, con Sơn ca ấy héo mòn vì mong mỏi về rừng mỗi khi nó nhớ lại quãng đời cũ:

"Làm sao rời khỏi lồng này, Làm sao trở lại rừng ấy thân tình?"

Vì thế nó thốt lên tiếng kêu thứ tư, xin Đại vương chớ lo sợ việc ấy.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ tư:

Tiếng Sơn ca:

4. Ước gì rời chốn cung đình!
Ước gì giải thoát thân mình tự do!
Hân hoan bay lượn rừng già,
Rồi ta xây tổ của ta trên cành.
Ngâm kệ xong, ngài thêm:

- Tâu Đại vương, chim Sơn ca ấy đang mòn mỏi đợi chờ, xin Đại vương thả nó ra.

Vua nghe theo lời ngài.

- Tâu Đại vương, trong cung thất có con Nai thuần dưỡng nào chăng?

- Thưa Tôn giả, có chứ.

- Tâu Đại vương, con Nai ấy là trưởng đoàn, nó nhớ nai cái và mòn mỏi vì nặng tình thương nai cái nên nó thốt tiếng kêu thứ năm. Đại vương không nên sợ hãi chuyện ấy.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ năm:

Tiếng Nai:

5. Ước gì rời chốn cung đình!
Ước gì giải thoát thân mình vui sao!
Uống dòng nước suối trong veo,
Dẫn đàn nai vẫn bước theo sau mình!
Bậc Đại Sĩ làm cho con Nai được giải thoát và nói tiếp:

- Tâu Đại vương, có con Khỉ thuần dưỡng nào ở trong cung chăng?

- Thưa Tôn giả, có chứ.

Con Khỉ ấy là chúa đàn khi ở vùng Tuyết Sơn, nó thích thú bầu bạn với đám khỉ cái. Trước kia nó được một thợ săn tên Bharata đem về đây. Nay nó đang mòn mỏi mong ước trở về chốn cư ngụ xưa nên nó thốt tiếng kêu ấy. Xin Đại vương đừng sợ chuyện này.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ sáu:

Tiếng Khỉ:

6. Lòng ta nặng trĩu dục tình,
Với bao ước vọng thân mình nhiễm ô,
Bha-ta, lạp hộ bắt ta,
Ước mong phước phận lão gia tràn trề!

Bậc Đại Sĩ bảo thả con Khỉ ra và tiếp tục nói:

- Tâu Đại vương, có vị tiểu Thần nào giữ kho báu ở trong cung chăng?

- Thưa Tôn giả, có chứ.

- Tâu Đại vương, vị ấy nhớ lại đời sống cũ với một nữ thần, vợ vị ấy, nên trong lúc đau khổ vì dục vọng đã thốt lên tiếng kêu thứ bảy. Một hôm vị ấy cùng vợ trèo lên đỉnh non cao. Hai vị lượm hoa và tô điểm cho nhau nhiều loại hoa đủ màu sắc hương vị đặc biệt, nên không hề lưu ý rằng mặt trời đang lặn và bóng đêm bao trùm trong khi họ leo xuống. Nữ thần bảo: "Này chàng, trời tối rồi, chàng hãy xuống cẩn thận kẻo ngã". Và vừa nắm tay chồng, nàng vừa đưa chồng xuống. Chính vì nhớ lại các lời nói của vợ mà vị Thần này thốt tiếng kêu, Đại vương không cần phải sợ chuyện ấy.

Do tri kiến của ngài, ngài vừa giải thích trường hợp này một cách chính xác vừa ngâm vần kệ thứ bảy:

Tiếng vị Thần:

7. Bóng đêm dày đặc kéo về
Trên non cao nọ tứ bề cô đơn,
"Xin chàng đừng ngã trượt chơn",
Nàng khe khẽ nhắc bên sườn đá xưa.
Như vậy Bậc Đại Sĩ giải thích tại sao vị Thần thốt tiếng kêu và ngài bảo thả vị ấy ra, rồi nói tiếp:

- Tâu Đại vương, còn âm thanh thứ tám là tiếng reo cực lạc. Một vị Độc Giác Phật ở động Nandamùla biết rằng các hành (các điều kiện tái sinh) sắp đoạn tận đốc với vị ấy, liền đến nơi cư trú của quần chúng, và suy nghĩ: "Ta muốn chứng đắc Niết-bàn vô dư y trong ngự viên của Ba-la- nại. Quân hầu của vua sẽ chôn cất ta, làm lễ cúng dường và cung kính xá lợi của ta, nhờ vậy sẽ sinh lên cõi thiên".

Vị ấy dùng thần lực bay đến đây và ngay khi chạm mái hoàng cung, vị ấy liền buông xả gánh nặng sinh tử và ca khúc hoan lạc làm chói sáng lối vào cảnh giới Niết-bàn.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ tám do vị Độc Giác Phật cảm tác:

Tiếng vị Độc Giác:

8. Tái sinh đã tận với ta,
Không vào thai mẹ từ giờ về sau,
Đây đời cuối ở địa cầu
Sắp tàn cùng mọi khổ đau phàm trần.
Cùng với những lời cực lạc này, vị ấy đến ngự viên và đắc Niết-bàn vô dư y dưới gốc cây Sàla đang nở rộ hoa.

Rồi Bậc Đại Sĩ đưa vua đến nơi vị Độc Giác Phật đắc Niết-bàn và chỉ cho vua phần nhục thân của Ngài. Thấy vậy, vua cùng đoàn quân đông đảo đem hương hoa đến cung kính làm lễ cúng dường.

Theo lời khuyên của Bồ-tát, vua đình chỉ việc tế đàn, cho mọi sinh vật được sống, truyền rao trống lệnh khắp kinh thành cấm sát sinh, cử hành đại lễ suốt bảy ngày, rồi làm lễ hỏa táng thân vị Độc Giác Phật rất trọng thể trên hỏa đài chất đầy hương liệu và xây tháp ở ngã tư đường.

Bồ-tát thuyết giảng Chánh pháp cho vua và khuyên nhủ vua tinh cần. Sau đó ngài trở về Tuyết Sơn, thực hành Tứ vô lượng tâm (Từ, Bi, Hỷ, Xả) và không hề gián đoạn Thiền định nên được sinh vào cõi Phạm thiên.

*

Sau Pháp thoại, bậc Đạo Sư bảo:

- Thưa Đại vương, không có gì nguy hiểm cho Đại vương do các tiếng kêu ấy, vậy hãy đình chỉ tếđàn và ban sự sống cho các sinh vật này.

Rồi vua bảo truyền trống lệnh đi khắp kinh thành tha mạng các súc vật.

Xong, Ngài nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy nhà vua là Ànanda, vị đệ tử Bà-la-môn là Sàriputta và nhà khổ hạnh chính là Ta.

-ooOoo-

419. Chuyện Kiều Nữ Sulasà (Tiền thân Sulasà)

Này đây là chiếc vòng vàng...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một nữ tỳ của ông Cấp Cô Độc.

Chuyện kể rằng vào một ngày lễ hội, khi nàng sắp đi cùng đám gia nhân đến một lạc viên, nàng xin nữ chủ nhân Punnalakkhanadevì (Phước Tướng) cho nàng một món nữ trang để đeo. Bà chủ cho nàng một món tư trang của bà trị giá một trăm ngàn đồng tiền. Nàng đeo vào cổ và cùng đám gia nhân đi đến chỗ vui chơi. Một tên trộm thèm món nữ trang kia, với dự định giết nàng để đoạt của, hắn lân la đến nói chuyện với nàng và tại khu vườn kia, hắn cho nàng ăn cá thịt và uống rượu mạnh. Nàng suy nghĩ: "Ta chắc chàng làm vậy vì chàng thích ta". Vào buổi chiều tối khi mọi người nằm xuống nghỉ ngơi sau các cuộc chơi, nàng đứng dậy đi tìm hắn. Hắn bảo:

- Này cô nương, chỗ này không kín đáo, ta hãy đi xa hơn một chút.

Nàng suy nghĩ: "Bất cứ việc gì thầm kín đều có thể xảy ra tại nơi này. Chắc chắn anh chàng muốn giết ta và đoạt món nữ trang ta đang đeo. Vậy ta sẽ dạy anh chàng một bài học". Vì thế nàng bảo:

- Thưa Tôn ông, em đang khát nước khô cổ họng vì uống rượu mạnh. Xin hãy kiếm cho em một ít nước.

Rồi đưa hắn đến giếng, nàng vừa bảo hắn kéo nước vừa chỉ cho hắn sợi dây thừng và chiếc gàu. Tên trộm thả gàu xuống. Rồi ngay khi hắn cúi mình để kéo nước lên, cô nữ tỳ, vốn rất lực lưỡng, liền đẩy mạnh hắn với đôi bàn tay và hất hắn xuống giếng. Nàng

bảo:

- Mi chẳng chết vì cách này đâu.

Rồi ném một cục gạch lớn trên đầu hắn. Hắn chết liền tại chỗ. Khi nàng trở về thành và trả lại bà chủ món nữ trang, nàng bảo:

- Con suýt bị giết hôm nay vì món nữ trang ấy,

Rồi nàng kể toàn thể câu chuyện. Bà chủ kể chuyện với ông Cấp Cô Độc và ông trình với đức Như Lai. Bậc Đạo Sư bảo:

- Này gia chủ, đây không phải là lần đầu người nữ tỳ có trí thông minh phát xuất kịp thời, mà ngày xưa cũng vậy. Đây không phải lần đầu giết kẻ ấy, mà trước kia cũng có lần giết nó.

Và theo lời của ông Cấp Cô Độc, ngài kể một chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, có một kiều nữ của kinh thành tên gọi là Sulasà, làm chủ một đoàn năm trăm kỹ nữ sang trọng, giá mỗi đêm hưởng lạc với nàng là một ngàn đồng tiền.

Cũng trong kinh thành này có một tướng cướp tên Sattuka, khỏe mạnh như voi, vẫn thường đột nhập các nhà giàu vào ban đêm để cướp của thỏa thích. Dân trong thành tụ tập lại lập cáo trạng tâu với vua.

Vua ra lệnh quân lính canh đóng rải rác khắp nơi để bắt tướng cướp và xử trảm. Họ trói tay hắn rađằng sau và vừa dẫn hắn ra pháp trường, vừa đánh roi khắp mình mẩy. Lúc ấy nàng Sulasà đứng bên cửa sổ nhìn xuống đường, thấy tướng cướp bỗng nhiên đâm ra si tình hắn và suy nghĩ: "Nếu ta có thể giải nguy cho chàng chiến sĩ lực lưỡng này, ta sẽ từ bỏ cuộc đời xấu xa hiện nay của ta và sống chân chánh với chàng".

Theo cách được tả trong Tiền thân Kanavera, số 318, nàng lấy lại tự do cho hắn bằng cách gởi một ngàn đồng tiền vàng và đến tặng viên thị trưởng rồi sau đó sống hạnh phúc hòa hợp với hắn. Sau chừng ba bốn tháng, tướng cướp suy nghĩ: "Ta sẽ chẳng bao giờ có thể ở một nơi như vầy, nhưng ta

không thể ra đi tay không. Nữ trang của Sulasà trị giá một trăm ngàn đồng tiền. Ta muốn giết nàng và lấy của".

Vì vậy một hôm hắn bảo nàng:

- Ái nương ơi, khi ta đang bị quân lính nhà vua kéo đi, ta hứa cúng lễ vật cho một vị thần cây trên đỉnh núi, nay vị ấy đang đe dọa ta vì ta không trả lễ. Vậy chúng ta hãy đi dâng lễ thần.

- Thưa lang quân, tốt lắm, chúng ta hãy chuẩn bị lễ vật gửi đi cúng thần.

- Này ái nương, gửi lễ vật cúng thần không công hiệu gì đâu. Chúng ta hãy cùng đi dâng lễ mang theo một món tư trang và đám hầu cận.

- Thưa lang quân, được rồi, chúng ta cùng làm vậy.

Hắn bảo nàng chuẩn bị lễ vật và khi họ đến chân núi, hắn bảo:

- Này ái nương, vị thần này thấy đông người sẽ không nhận lễ vật, vậy hai ta cùng đi lên núi dâng lễ.

Nàng thỏa thuận và hắn bảo nàng mang chiếc bình. Phần hắn đã chuẩn bị hết sức chu đáo. Khi cả hai đến đỉnh núi, hắn đặt lễ vật xuống gốc cây mọc cạnh bờ vực cao gấp trăm lần một người thường, và bảo:

- Này ái nương, ta không đến đây để dâng lễ vật, mà ta đến với ý định giết nàng rồi trốn đi với mọi tư trang của nàng, vậy hãy cởi ra hết và góp thành một bó trong áo khoác của nàng kia.

- Này lang quân tại sao chàng muốn giết thiếp?

- Vì tiền của nàng đấy.

- Lang quân ơi, hãy nhớ lại mọi việc tốt lành mà thiếp đã làm cho chàng. Khi chàng bị xiềng tay chân và kéo đi xử trảm, thiếp đã bỏ một anh chàng nhà giàu chỉ vì chàng và trả một số tiền lớn để cứu chuộc chàng. Dù thiếp có kiếm được một ngàn đồng tiền mỗi ngày, thiếp cũng không nhìn đến một nam nhân nào khác. Thiếp đã làm ân nhân của chàng như vậy. Xin chàng đừng giết thiếp. Thiếp nguyện trao cho chàng thật nhiều tiền và làm nô tỳ cho chàng.

Cùng với lời khẩn cầu này, nàng ngâm vần kệ đầu:

1. Này đây là chiếc vòng vàng,
Này đây ngọc bích cùng tràng hạt trai,
Lấy đi tất cả chàng ôi,
Xin chàng cho thiếp làm tôi tớ chàng!
Khi ấy Sattuka ngâm vần kệ thứ hai phù hợp với mục đích của hắn, đó là:

2. Để vàng ngọc xuống, kiều nương,
Và nàng đừng có khóc thương buồn phiền,
Ta nay muốn giết nàng liền
Vì ta không chắc hưởng tiền hồi môn!
Trí khôn của Sulasà xuất hiện kịp thời, nàng suy nghĩ: "Tên cướp này không muốn cho ta sống, vậy ta sẽ đoạt mạng hắn trước bằng cách ném hắn xuống vực sâu", và nàng ngâm hai vần kệ tiếp:

3. Suốt bao năm tháng lớn khôn,
Với bao hồi tưởng trong hồn thật chân,
Thiếp thề giữa cõi phàm trần
Không người nào đã thiết thân hơn chàng.
4. Đến đây lần nữa cuối cùng,
Thiếp xin kính lễ trong vòng bàn tay,

Chẳng bao giờ ở đời này
Đôi ta gặp mặt từ đây hỡi chàng!
Sattuka không thể hiểu được mục đích của nàng, liền nói:

- Tốt lắm, này ái nương, hãy đến ôm ta trong tay nàng.

Salasà đi vòng quanh hắn cung kính cuối chào ba lần, vừa hôn hắn vừa bảo:

- Này lang quân, bây giờ thiếp sắp đảnh lễ chàng tứ phía.

Nàng đặt đầu nàng lên chân hắn, vái chào hai bên, xong đi vòng ra phía sau hắn như thể sắp vái chào hắn tại đó, rồi với sức mạnh như voi, nàng nắm hai cẳng hắn ném hắn lộn ngược đầu xuống dưới vực thẳm của tử thần cao gấp trăm ngàn lần một người thường. Hắn tan thân và chết tại chỗ.

Thấy việc này, vị thần trên đỉnh núi ngâm các vền kệ sau:

5. Trí tuệ khôn ngoan cũng lắm khi
Không dành riêng với bọn nam nhi,
Nữ nhi có thể nhiều minh trí
Xuất hiện trong tình thế hiểm nguy.
6. Trí tuệ khôn ngoan cũng lắm khi
Không dành riêng với bọn nam nhi,
Nữ nhi nhanh trí nhiều mưu kế
Dự định làm công việc kịp thì.
7. Cô nàng bày tỏ trí khôn ngoan
Hiểu biết tinh thông mọi lối đường,
Đã giết anh chàng này chẳng khác
Giết con nai với chiếc cung giương.
8. Người nào khi gặp cảnh cùng đường,
Không thể vươn lên để thoát thân
Sẽ ngã nhào như tên trộm ngốc
Ngã vào trong vực thẳm tan xương.
9. Còn kẻ tinh nhanh ấy sự tình
Hiểm nguy đến với số phần mình,
Như nàng được thoát thân ra khỏi
Cừu địch bên mình đáng hãi kinh.
Như vậy Sulasà đã giết tên cướp nọ. Khi nàng xuống núi và đứng giữa đám hầu cận, họ hỏi chồng nàng đâu. Nàng bảo:

- Đừng hỏi ta nữa!

Rồi leo lên xe, nàng đi thẳng về kinh thành.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy hai kẻ ấy chính là hai người bây giờ, và vị Thần núi ấy chính là Ta.

-ooOoo-

420. Chuyện Người Giữ Ngự Viên Sumangala (Tiền thân Sumangala)

Ý thức giận hờn, nét mặt cau...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc khuyến giáo một vị vua. Trong dịp này, theo lời yêu cầu của vua, Bậc Đạo Sư kể câu chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa khi vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bố-tát được sinh làm hoàng tử của một chánh hậu. Khi lớn lên, vua cha băng hà, ngài lên làm vua và thực hành đại bố thí. Ngài có một người giữ ngự viên tên là Sumangala.

Thuở ấy một vị Độc Giáo Phật rời động Nandamùla để du hành khất thực, và khi đến Ba-la-nại, Ngài ở lại trong ngự viên. Hôm sau Ngài vào thành Khất thực. Vua đón Ngài với vẻ ân cần đặc biệt, mời Ngài vào cung ngồi trên bảo tọa, thiết đãi đủ món ăn thượng vị, loại cứng loại mềm, và nhận lời tùy hỷ công đức của Ngài xong, liền khẩn cầu Ngài hứa một lời rồi truyền đưa Ngài trở lại ngự viên.

Sau bữa điểm tâm, vua thân hành đền sắp đặt nơi cư trú để Ngài ở suốt ngày đêm và cho người giữ ngự viên Sumangala đến hầu cận Ngài xong, mới thở về thành. Sau đó vị Độc Giác Phật thường ăn uống tại cung vua và ở lại ngự viên một thời gian dài, còn Sumangala vẫn cung kính hầu hạ Ngài.

Một hôm Ngài ra đi, bảo Sumangala:

- Ta sắp đi đến làng kia vài ngày, song ta sẽ trở lại đây. Hãy trình với đức vua.

Sumangala liền trình lên vua việc này. Sau vài ngày ở tại làng kia,vị Độc Giác Phật trở lại ngự viên vào buổi chiều tối.

Sumangala không biết Ngài trở lại, nên cũng đã đi về nhà. Vị Độc Giác Phật cất y bát, và sau khi dạo chơi giây lát, Ngài ngồi xuống một phiến đá.

Hôm ấy có vài người khách lạ đến nhà người giữ ngự viên. Muốn nấu món súp và cà-ri đãi khách, y cầm cung đi giết một con nai nuôi trong ngự viên. Y đang tìm nai thì chợt thấy vị Độc Giác Phật, tưởng đó là một con nai lớn, y nhắm một mũi tên và bắn Ngài. Vị Độc Giác Phật mở khăn trùm đầu ra và gọi:

- Sumangala!

Vô cùng xúc động, Sumangala đáp:

- Thưa Tôn giả, con không biết Tôn giả đã về nên bắn Tôn giả vì tưởng là nai. Xin Tôn giả tha thứ cho con.

- Được lắm, nhưng ông sẽ làm gì bây giờ? Này, hãy rút mũi tên ra mau!

Y đảnh lễ rồi rút mũi tên ra. Vị Độc Giác Phật cảm thấy vô cùng đau đớn và đắc Niết-bàn vô dư y ngay tại đó. Người giữ vườn nghĩ rằng vua sẽ không tha thứ nếu biết chuyện này, y liền đem vợ con trốn đi.

Nhờ thần lực, cả kinh thành đều biết tin vị Độc Giác Phật đã đắc Niết-bàn và mọi người vô cùng xúc động. Hôm sau một số người vào ngự viên, thấy di hài của Ngài liền tâu trình vua rằng người giữ ngự viên đã chạy trốn sau khi giết vị Độc Giác Phật.

Vua cùng đông đảo tùy tùng đến lễ bái di hài ấy suốt bảy ngày, rồi hỏa táng trọng thể xong, lấy xá- lợi và xây tháp thờ. Sau đó vua vẫn thường cúng dường tháp xá-lợi và cai trị đúng Pháp.

Năm sau, Sumangala quyết đi tìm hiểu xem vua nghĩ về việc này ra sao, y đến yết kiến và hỏi một vị triều thần để xem vua nghĩ gì về y. Vị triều thần ca ngợi Sumangala trước mặt vua, nhưng vua làm như thể không nghe gì cả. Ông không nói thêm nữa, nhưng sau báo cho Sumangala biết vua không hài lòng về y.

Một năm sau nữa, y lại đến và năm thứ ba, y đem vợ con đến. Vị triều thần biết vua đã nguôi giận nên bảo Sumangala ở cung môn và tâu vua rằng Sumangala đã đến chầu. Vua truyền y vào, sau nghi thức chào mừng, vua hỏi:

- Này Sumangala, tại sao ngươi giết vị Độc Giác Phật là người mà ta đang cúng dường để tạo công đức?

- Tâu Đại vương, tiểu thần không cố ý giết Ngài, nhưng chỉ vì duyên cớ này mà tiểu thần phạm tội.

Rồi y kể lại chuyện cũ. Vua bảo y đừng sợ, và vừa trấn an y vừa cho y giữ chức ngự viên như cũ.

Sau đó triều thần hỏi:

- Tâu Đại vương, tại sao Đại vương không trả lời khi nghe những lời ca ngợi Sumangala hai lần trước và lần thứ ba nghe chuyện, Đại vương lại truyền y vào chầu và tha thứ cho y?

Vua phán:

- Này Hiền khanh, một vị vua hành động vội vã lúc nóng giận là điều sai lầm, vì vậy trẫm im lặng lần đầu, và lần thứ ba khi trẫm hiểu mình đã nguôi giận, mới truyền gọi Sumangala.

Về việc này ngài ngâm các vần kệ nêu rõ phận quân vương:

1. Ý thức giận hờn, nét mặt cau,
Quân vương đừng giáng trận đòn đau,
Những điều bất xứng ngôi Thiên tử
Sẽ tiếp theo sau cái gật đầu.
2. Ý thức tính tình bớt khắt khe,
Quân vương ban pháp lệnh ra uy,

Khi nào vụ án đà thông hiểu,
Hãy xác định các hình phạt thích nghi.
3. Không giận mình và chẳng giận ai,
Biết phân biệt rõ đúng và sai,
Dù vua ngự trị trên quần chúng,
Đức hạnh khiến vua vĩ đại hoài.
4. Vua chúa buông lung các việc công,
Thực hành roi trượng chẳng bao dung,
Ô danh dưới thế phần vua hưởng,
Địa ngục đợi chờ lúc mạng chung.
5. Người nào yêu đạo đức hiền nhân,
Trong sạch vẹn toàn khẩu, ý, thân,
Đầy đủ từ tâm, an tịnh quý,
Vượt qua hai thế giới phàm trần.
6. Trẫm là vua chúa của thần dân,
Sân hận không ngăn cản ý tâm,
Khi trẫm cầm gương đi trị tội,
Từ tâm thúc đẩy phạt công bằng.
Như vậy vua đã nêu rõ mọi đức tính của mình qua sáu vần kệ, tất cả triều thần đều hoan hỷ và tán thán các công hạnh vua qua lời tung hô:

- Các pháp thực hành đức hạnh ưu thắng như vậy thật xứng với Đại vương!

Sau khi cả triều đình tán thán xong, Sumangala cung kính đảnh lễ vua và sau đó ngâm ba vần kệ ca ngợi ngài:

7. Uy lực vinh quang của Đại vương,
Đừng bao giờ bỏ đạo luân thường,
Thoát ly sân hận và kinh hãi,
Trị nước trăm năm mãi lạc an.
8. Vương tử có đầy đức tính trên
Nhân từ, song đạo hạnh trung kiên,
Trị toàn dân với lòng công chánh,
Khi bỏ cõi đời, đến cõi thiên.
9. Lời nói thật chân với thiện hành,
Dùng phương tiện tốt đạt công thành,
Trấn an quần chúng còn dao động,
Như đám mây mưa thật mát lành.
*

Sau bài Pháp thoại liên hệ việc giáo hóa vua Kosala, bậc Đạo Sư nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy vị Độc Giác Phật đắc Niết-bàn vô dư y, Sumangala là Ànanda và vua chính là Ta.

-ooOoo-

421. Chuyện Người Hớt Tóc Gangamàla (Tiền thân Gangamàla)

Địa cầu nòng rực như than..,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc thực hành các ngày trai giới.

Một hôm bậc Đạo Sư dạy các cư sĩ đang giữ ngày trai giới và bảo:

Này các cư sĩ, giới hạnh của các ông thật tốt lành, khi giữ ngày trai giới, các vị phải bố thí, trì giới không sân hận, khởi tâm từ và thực hành mọi phận sự trong ngày ấy. Các bậc trí nhân ngày xưa đạt đại vinh hiển dầu chỉ nhờ giữ được một phần các ngày trai giới.

Và theo lời thỉnh cầu của họ, Ngài kể câu chuyện đời xưa

*

Ngày xưa khi vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có một phú thương trong kinh thành tên là Suciparivàra, gia sản lên tới tám trăm triệu đồng, chuyên tâm bố thí và làm các thiện sự khác. Vợ con, toàn thể gia nhân của ông cho đến bọn chăn trâu bò đều giữ sáu ngày trai giới mỗi tháng.

Thời ấy Bồ-tát được sinh vào một nhà nghèo kiếm kế sinh nhai chật vật bằng cách làm thuê. Vì mong có việc làm, ngài đến nhà phú thương Suciparivàra, khi chào chủ xong, ngồi xuống một bên, và được hỏi đến đây có việc gì, ngài đáp:

- Tôi đến để xin việc làm công trong nhà ông.

Thời ấy, khi những người làm công đến, vị phú thương thường bảo họ:

- Trong nhà này mọi công nhân đều giữ ngày trai giới, nếu chú có thể giữ giới thì chú mới có thể làm việc cho ta.

Song đối với Bồ-tát, vị ấy không tỏ vẻ muốn nói đến chuyện giữ giới mà chỉ bảo:

- Tốt lắm, này thiện nam, chú có thể làm việc cho ta và trù liệu tiền lương của chú.

Từ đó Bồ-tát làm mọi công việc của phú thương một cách nhẫn nại nhiệt tình, không hề nghĩ đến nỗi mệt nhọc riêng mình, ngài đi làm từ sáng sớm đến chiều tối trở về.

Một hôm dân chúng làm lễ hội ở kinh thành, vị phú thương bảo người tỳ nữ:

- Hôm nay là ngày hội, cô phải nấu cơm cho công nhân thật sớm. Họ sẽ ăn sớm và giữ giới kiêngăn từ đó đến hết ngày.

Bồ-tát dậy sớm và đi làm việc. Trước đó không ai bảo ngài phải giữ giới kiêng ăn hôm ấy. Các công nhân kia ăn từ sớm và kiêng ăn. Vị phú thương cùng vợ con, gia nhân đều giữ giới kiêng ăn, mọi người đều trở về nhà riêng ngồi suy tư về các giới điều. Bồ-tát làm việc suốt ngày xong trở về nhà lúc trời tối. Người nữ tỳ đầu bếp đưa cho ngài nước

rửa tay và một dĩa cơm lấy từ trong nồi. Bồ-tát bảo:

- Vào giờ này ngày thường rất ồn ào, thế mọi người đi đâu cả hôm nay?

- Họ đang giữ giới kiêng ăn và mỗi người đều về nhà riêng rồi.

Ngài suy nghĩ: "Ta không muốn làm người duy nhất phạm giới giữa nhiều người giữ giới như vậy". Vì thế ngài đi hỏi vị phú thương xem có thể giữ giới kiêng ăn bằng cách thi hành mọi phận sự vào giờ đó không. Ông bảo ngài không thể thực hành mọi phận sự, bởi vì việc đó đã không được làm từ sáng sớm nhưng một nửa phận sự thì có thể làm được. Ngài đáp:

- Mong được như vậy.

Và thực hành phận sự ngay trước mặt chủ nhân, ngài bắt đầu giữ giới kiêng ăn, rồi về nhà nằm suy nghĩ về các giới điều. Vì ngài không ăn gì suốt ngày, nên vào canh cuối ngài cảm thấy đau nhói như dao đâm.

Vị phú thương mang cho ngài một số thuốc giảm đói và bảo ngài dùng chúng, nhưng ngài bảo:

- Tôi sẽ quyết không phá giới kiêng ăn, tôi đã nguyện trì giới dù phải thiệt mạng.

Cơn đau đớn trở nên mãnh liệt và đến tảng sáng ngài bất tỉnh. Họ bảo ngài sắp chết nên đem ngài ra ngoài, đặt vào một nơi an nghỉ. Ngay lúc lấy, vua Ba-la-nại trên chiếc vương xa cùng đoàn hộ tống đông đảo đến nơi ấy trong lúc diễu quanh kinh thành. Bồ-tát thấy vẻ huy hoàng của vua, sinh lòng ao ước làm vua và cầu nguyện điều ấy. Khi mạng chung, do kết quả việc giữ nửa ngày trai giới trên, ngài được nhập mẫu thai vị chánh hậu.

Bà trải qua đủ mọi nghi lễ của thời kỳ thụ thai rồi sinh một hoàng nam sau mười tháng. Hài nhiđược đặt tên là Udaya. Khi lớn lên, vương tử trở nên hoàn hảo trong mọi ngành học thuật, nhờ trí hồi tưởng các đời trước, ngài nhớ lại các công hạnh thuở xưa và nghĩ rằng chính nhờ một thiện nghiệp nhỏ tạo nên một phước báo lớn, ngài thường hát khúc ca hoan lạc nhiều lần. Khi vua cha băng hà, ngài được trao cả vương quốc và nhận thấy cảnh đại vinh quang của mình, ngài lại hát khúc ca hoan lạc cũ.

Một hôm dân chúng chuẩn bị lễ hội trong kinh thành. Một đám đông định tụ tập nhau định bày trò vui chơi giải trí. Một người gánh nước sống gần cổng Bắc thành Ba-la-nại đã dấu nửa đồng xu trong viên gạch ở bức tường bao quanh thành. Y sống chung với một người đàn bà nghèo khổ cũng làm nghề gánh nước. Vợ y bảo:

- Chàng ơi, hôm nay có lễ hội trong thành phố, nếu chàng có tiền, ta hãy đi vui chơi nhé.

- Nàng ơi, ta có tiền đấy.

- Bao nhiêu?

- Nửa xu.

- Ở đâu?

- Trong viên gạch bên cổng Bắc, cách đây mười hai do-tuần (dặm), ta chôn tiền tại đó. Song nàng có gì trong tay chăng?

- Thiếp có đấy.

- Bao nhiêu?

- Nửa xu.

- Vậy nửa xu của nàng và của ta hợp thành một xu. Ta sẽ đi mua một tràng hoa với một phần ba số tiền ấy, hương liệu với một phần ba và rượu nồng với một phần ba. Nàng hãy đi tìm nửa xu ở nơi cất tiền đem đến đây.

Y thích thú với ý tưởng do lời vợ gợi lên, liền bảo:

- Nàng ơi, đừng lo gì, ta sẽ đi tìm nửa xu về đây.

Rồi y ra đi. Y mạnh như voi, vừa đi khoảng hơn sáu dặm, và mặc dù trời giữa trưa, y vẫn rảo bước trên cát nóng như thể được rải than vừa tắt lửa vì y rất thích thú với nỗi ham muốn được bạc. Trong bộ y phục cũ màu vàng điểm thêm lá thốt nốt giắt bên tai, y vừa đi ngang sân chầu để theo đuổi mục đích của mình vừa ca hát.

Vua Udaya đứng bên cửa sổ mở, thấy y đi đến, không biết y là ai mà lại coi thường nắng gió như vầy, vừa đi vừa hát, liền bảo nô tỳ đi gọi y vào.

Y được lệnh:

- Hoàng thượng truyền gọi chú vào.

Nhưng y đáp:

- Hoàng thượng có nghĩa gì với ta chứ? Ta không biết hoàng thượng!

Y liền bị lôi vào và đứng chầu một bên.

Sau đó, vua ngâm hai vần kệ hỏi y:

1. Địa cầu nóng rực như than,
Đất đai như đống tro than nóng bừng,
Song ngươi ca hát vang lừng,
Khí trời gay gắt chẳng nung ngươi nào!
2. Mặt trời kia ở trên cao,
Dưới này cát nóng khác nào lò than,
Song ngươi ca hát lừng vang,
Khí trời nắng gắt chẳng làm cháy ngươi.
Nghe lời vua, y liền ngâm vần kệ thứ ba:

3. Chính vì tham dục đốt tôi,
Chứ không phải ánh mặt trời nấu nung,
Chính vì phận sự trong lòng

Thúc tôi vội vã làm xong mọi phần.
Vua hỏi y có việc gì. Y đáp:

- Tâu Đại vương, hạ thần sống gần cổng Nam với một người vợ nghèo. Vợ thần tỏ ý muốn chúng thần cùng vui chơi lễ hội nên hỏi thử thần có gì trong tay không. Thần bảo thần có tiền của chôn dấu trong bức tường cạnh cổng Bắc. Vợ thần bảo thần đi lầy tiền về để vui chơi . Những lời nói của vợ thần không rời tâm hồn thần và trong khi thần suy nghĩ mãi về chúng, tham dục cứ đốt cháy lòng thần. Công việc của thần là thế đấy.

- Vậy điều gì khiến ngươi thích thú nhiều đến độ ngươi xem thường nắng gió và vừa đi vừa hát?

- Tâu Đại vương, thần hát vì nghĩ rằng khi tìm được của chôn dấu, thần sẽ vui chơi thích thú với vợ.

- Này thiện nam, thế của ngươi chôn dấu bên cổng Bắc được một trăm ngàn đồng tiền chăng?

- Tâu Đại vương, không phải.

Sau đó vua hỏi liên tiếp có phải năm mươi ngàn, bốn mươi, ba mươi, hai mươi, mười, năm, bốn ba, hai, một đồng tiền, nửa đồng tiền, bốn xu, ba xu, hai xu, một xu. Chàng trai đều đáp: "Không" trước các câu hỏi trên và nói:

- Chỉ nửa xu. Quả thực, tâu Đại vương, đó là tất cả gia sản của thần. Nhưng thần đang hy vọng tìm ra nó rồi đi vui chơi với vợ, và trong niềm ước vọng thích thú kia, nắng gió không làm thần khó chịu.

Vua bảo:

- Này thiện nam, thôi đừng đi đến đó dưới nắng gắt này nữa. Ta sẽ cho ngươi nửa xu.

- Tâu Đại vương, thần sẽ nhận lời hứa của Đại vương và lấy tiền, nhưng thần sẽ không bỏ nửa xu kia đâu. Thần không bỏ việc đi đến đó đem nó về đâu.

- Này thiện nam, hãy ở lại đây. Trẫm sẽ cho ngươi một xu, hai xu.

Rồi cứ đề nghị thêm nữa, vua tiếp tục nói mười triệu, một ngàn triệu, vô số vàng bạc, nếu chàng trai chịu ở lại. Nhưng y vẫn đáp:

- Tâu Đại vương, thần sẽ nhận tiền của, nhưng thần vẫn đi kiếm nửa xu kia!

Sau đó y được chiêu dụ bằng những lời vua hứa ban chức thủ kho, và nhiều chức vụ khác nữa, và cả chức vị phó vương. Cuối cùng y được đề nghị chia nửa vương quốc nếu y chịu ở lại. Khi ấy y mới chấp thuận! Vua bảo các Đại thần:

- Này các khanh, hãy đưa hiền hữu của trẫm đi cạo râu, tắm rửa và trang điểm rồi đem người trở lại đây.

Họ tuân lệnh. Vua chia đôi giang sơn và tặng chàng trai một nửa. Song chuyện kể rằng y chọn phần nửa ở phía Bắc do lòng yêu thích nửa đồng xu cũ! Y được gọi là vua Nửa Xu. Hai vị vua đồng cai trị đất nước trong tình thân hữu hòa hợp.

Một hôm, hai vị cùng đi đến ngự viên. Sau khi vui chơi, vua Udaya nằm xuống kề đầu vào lòng vua Nửa Xu. Ngài ngủ thiếp, trong lúc đám hầu cận đi quanh quẩn vui chơi. Vua Nửa Xu suy nghĩ: "Tại sao ta chỉ được nửa vương quốc mãi thôi? Ta muốn giết vua này và làm vị vua độc nhất."

Vì thế Vua Nửa Xu rút kiếm ra, nhưng khi nghĩ đến việc đâm vua này, vua Nửa Xu nhớ lại ngài đã đưa bạn mình từ chỗ nghèo hèn thành người đồng trị nước với ngài và ban cho bạn đại

quyền lực. Nhận thức tư tưởng vừa khởi lên trong trí dự định giết một ân nhân như thế là vô cùng độc ác, vua Nửa Xu liền tra kiếm vào bao.

Lần thứ hai, rồi lần thứ ba, ý tưởng lại khởi lên. Cảm thấy tư tưởng này khởi lên mãi sẽ đưa mìnhđến cái ác nghiệp, vua Nửa Xu vứt kiếm xuống đất và thức vua kia dậy, vừa nói vừa quỳ xuống chân ngài:

- Tâu Đại vương, xin hãy tha tội cho tôi.

- Này Hiền hữu, bạn có làm gì sai trái với ta đâu.

- Tâu Đại vương, tôi đã làm một việc như vậy.

- Này Hiền hữu, thế thì ta tha thứ cho bạn. Nếu như bạn muốn thì cứ làm vua một mình và ta sẽ làm phó vương phụng sự bạn.

Vua Nửa Xu đáp:

- Tâu Đại vương, tôi không cần vương quốc, tham vọng ấy sẽ khiến tôi tái sinh vào cõi dữ. Quốc độ này của Đại vương, xin nhận lấy nó, tôi muốn trở thành người khổ hạnh. Tôi đã lấy gốc rễ của dục tham, nó phát xuất từ ước vọng của con người. Vậy từ nay tôi không còn ước vọng như thế nữa.

Rồi ông ngâm vần kệ thứ tư trong niềm hoan lạc:

4. Nhận ra tham dục, nguồn căn
Ở trong ước vọng tiềm tàng khắp nơi,
Ta không muốn nữa vì ngươi,
Vậy ngươi, Tham dục, phải rời xa đi!
Nói vậy xong, ông ngâm vần kệ thứ năm thuyết Pháp cho quần chúng đang đắm say tham dục:

5. Dục tham ít ỏi chẳng vừa,
Dục tham nhiều chỉ mang ta khổ buồn.
Này, luôn thiếu, ngu nhân,
Nếu ngươi muốn đắc trí thông, bạn hiền!
Thuyết Pháp như vậy với quần chúng xong, ông giao quốc độ cho vua Udaya. Rời bỏ quần chúng đang khóc than với nước mắt đầm đìa, ông đến vùng Tuyết Sơn, trở thành ẩn sĩ khổ hạnh và đạt Thắng trí. Trong thời gian vị ấy làm nhà khổ hạnh, vua Udaya ngâm vần kệ thứ sáu bày tỏ nỗi hoan lạc trọn vẹn:

6. Thiểu dục đem ta mọi quả thành,
U-da-ya đạt đại quang vinh,
Người tinh cần được nhiều an lạc,
Làm ẩn sĩ, buông bỏ dục tình.
Không ai biết ý nghĩa vần kệ này. Một hôm, chánh hậu hỏi ngài ý nghĩa trên. Vua không muốn nói. Thời ấy có người thợ hớt tóc trong triều tên là Gangamàla mỗi khi vào chầu vua thường dùng dao cạo trước, rồi sau kẹp tóc vua bằng cái nhíp. Vua thích việc trước, nhưng việc thứ hai làm vuađau. Về việc đầu, vua muốn thưởng cho y một đặc ân. Còn việc thứ hai, vua chỉ muốn chém đầu y thôi!

Một hôm vua nói chuyện với hoàng hậu, ngài bảo rằng người thợ hớt tóc trong triều là một tên ngu xuẩn. Khi hoàng hậu hỏi y phải làm gì trước, ngài bảo:

- Hãy dùng nhíp trước, rồi dùng dao cạo sau.

Hoàng hậu truyền gọi thợ hớt tóc vào và bảo:

- Này thiện nam, khi người tỉa râu đức vua, ngươi nên dùng cái nhíp kẹp râu tóc ngài trước, rồi dùng dao cạo sau. Nếu đức vua ban cho ngươi một điều ước, ngươi phải tâu rằng ngươi không cần gì cả, mà ngươi chỉ muốn biết ý nghĩa khúc ca của ngài thôi. Nếu ngươi làm vậy, ta sẽ cho ngươi nhiều tiền.

Y đồng ý ngay.

Hôm sau, khi y tỉa râu vua, y cầm cái nhíp trước. Vua hỏi:

- Gangamàla, đây là kiểu mới của ngươi ư?

- Tâu Đại vương, phải - y đáp - thợ hớt tóc thường có kiểu mới.

Rồi y kẹp tóc vua với cái nhíp trước và dùng dao cạo sau. Vua liền ban cho y một điều ước.

- Tâu Đại vương, thần không muốn gì cả. Xin Đại vương cho thần biết ý nghĩ khúc ca ấy.

Vua hổ thẹn khi phải nói đến nghề nghiệp của mình trong thuở hàn vi đời trước, liền bảo:

- Này thiện nam, điều ước kia có ích lợi gì cho ngươi đâu? Hãy chọn điều khác.

Nhưng người hớt tóc cứ van xin điều ấy. Vua sợ thất hứa nên đồng ý. Như đã tả trong Tiền thân Kummàsapinda, số 415, vua truyền chuẩn bị mọi sự rất trọng thể rồi ngồi trên bảo tọa bằng ngọc, kể tất cả chuyện công đức trong đời vừa qua tại kinh thành này. Rồi ngài bảo:

- Điều ấy giải thích nửa vần kệ, còn nửa vần kia kể chuyện hiền hữu ta trở thành nhà khổ hạnh trong lúc ta làm vị vua độc nhất trong niềm tự hào, điều ấy giải thích phần thứ hai của ca khúc hoan lạc ấy.

Nghe vậy, người hớt tóc suy nghĩ: "Như vậy, đức vua được hưởng cả vinh quang này vì đã giữ nửa ngày trai giới. Đức hạnh quả thật là chánh đạo. Giả sử ta cũng trở thành nhà

khổ hạnh và tìm đường giải thoát cho ta được chăng?"

Người hớt tóc liền từ giã đám thân thuộc, tài vật thế gian, rồi xin phép vua trở thành nhà tu hànhđi về vùng Tuyết Sơn làm vị khổ hạnh. Khi nhận thức được ba đặc tính của các pháp hữu hình (vô

thường, khổ, vô ngã), vị ấy đạt Thắng trí và trở thành vị Độc Giác Phật. Vị ấy có đủ các y bát nhờ thần lực.

Sau độ năm sáu năm ở trên núi Gandhamàdana (Hương Sơn), vị ấy muốn về thăm vua Ba-la-nại, liền bay qua không trung đến ngự viên, rồi ngồi trên vương tọa. Người giữ vườn trình nhà vua rằng Gangamàla nay là vị Độc Giác Phật, đã phi hành trên không và đang ngồi trong ngự viên.

Vua lập tức đến chào vị Độc Giác Phật và hoàng thái hậu cũng ra đi với con. Vua vào ngự viên, kính chào vị ấy và ngồi xuống một bên cùng đoàn tùy tùng. Vị Độc Giác Phật thân mật đàm đạo với vua và gọi ngài bằng tộc tánh:

- Này Brahmadatta, Hiền hữu có chuyên tâm tinh cầu, cai trị nước nhà đúng Pháp, thực hành bố thí cùng các thiện sự khác chăng?

Hoàng thái hậu liền nổi giận:

- Đứa con nhà hớt tóc hạ tiện này không biết phận mình. Nó dám gọi hoàng nhi quý tộc của ta là "Brahmadatta".

Rồi bà ngâm vần kệ thứ bảy:

7. Khổ hạnh xả ly hết lỗi lầm,
Thợ ghè, hớt tóc, mọi phàm nhân,
Gan-ga nhờ đó thành vinh hiển,
Liền gọi "Brah-ma" đấng quốc vương!
Vua vội ngăn cản mẫu hậu và tuyên bố mọi đặc tính của vị Độc Giác Phật, ngài ngâm vần kệ thứ tám:

8. Nhìn xem! Vào lúc phải vong thân,
Khổ hạnh cho ta hưởng phước phần,
Người lễ bái ta trong kiếp trước,
Giờ đây vua chúa phải chào mừng.
Mặc dù vua đã ngăn cản thái hậu, cả đám quần thần đều đứng lên bảo:

Một người hạ tiện thế này dám xưng hô với Hoàng thượng bằng tên tộc như vậy là không đúng phép tắc.

Vua lại quở trách quần thần và ngâm vần kệ cuối tuyên bố các đức tính cuả vị Độc Giác Phật:

9. Chớ trách Gan-ga nói thế này
Bước đường đạo hạnh thiện toàn thay!

Ngài đà vượt đại dương phiền não,
Giải thoát khổ sầu chính tại đây.
Nói vậy xong, vua vái chào vị Độc Giác Phật và xin ngài tha lỗi cho thái hậu. Vị Độc Giác Phật đồng ý và đám quần thần của vua cũng được tha thứ luôn. Vua ước mong Ngài hứa về sau sẽ ở lại trong vùng lân cận, nhưng Ngài từ chối, rồi đứng trên không trước mắt đám triều thần, Ngài khuyến giáo vua xong trở về Hương Sơn.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư bảo:

- Này các cư sĩ, các vị ấy giữ trai giới là việc cần phải làm.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy, vị Độc Giác Phật đắc Niết-bàn vô dư y, vua Nửa Xu là Ànanda, chánh hậu là mẫu thân Ràhula và vua Udaya chính là Ta.

-ooOoo-

422. Chuyện Quốc Vương Ceti (Tiền thân Cetiya)

Công lý tổn thương gây hiểm họa...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc Tỷ-keo Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) bị quả đất nuốt sống.

Một ngày kia, Tăng chúng bàn luận trong Chánh Pháp đường về cách Devadatta nói dối như thế nào rồi bị chìm sâu vào lòng đất và đọa vào ngục Avìci (Vô gián). Bậc Đạo Sư bước vào và khi nghe đề tài thảo luận ấy, Ngài bảo:

- Đây không phải lần đầu kẻ ấy chìm sâu vào lòng đất.

Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa khi trong thời tối sơ khai, có vị vua mệnh danh Mahàsamata với thọ mạng kéo dài một a- tăng-kỳ (asnkheyya) kiếp. Vị vương tử tên Roja, vị này lại sinh con trai là Vararoja và kế tiếp đó là Kalyàna, Varakalyàna, Uposatha, Mandhàtà, Varamandhàtà, Cara, Upacara, còn được gọi là Apacara.

Vua này trị vì quốc độ Ceti, ở kinh đô Sotthivati, có đấy đủ tứ thần thông: vua có thể đi trên trời, hoặc bay qua không gain, có bốn Thiên thần ở bốn phương bảo vệ vua với kiếm tuốt trần, thân hình vua tỏa mùi hương chiên-đàn, và miệng vua tỏa mùi hương sen.

Thời ấy vị tế sư hoàng gia tên là Kapila. Em trai của vị Bà-la-môn này là Korakalamba, được học chung thầy với vua. Thời Apacara còn là vương tử, đã hứa sẽ phong Korakalamba làm tế sư hoàng gia khi nào mình lên ngôi.

Khi vua cha băng hà, vương tử lên ngôi song không thể đưa Kapila ra khỏi chức vụ tế sư hoàng gia được, và khi tế sư Kapila đến chầu vua, vua vẫn bày tỏ nhiều đặc ân đối với vị ấy. Vị Bà-la- môn ấy quan sát điều này và nhận xét rằng một vị vua thường trị nước hoàn hảo nhất cùng với các quần thần đồng tuổi tác, còn chính ông có thể xin cáo quan về làm ẩn sĩ, nên đã trình:

- Tâu Đại vương, nay lão thần đã già cả, lão thần có một con trai ở nhà, xin Đại vương phong cho nó làm tế sư hoàng gia và lão thần sẽ trở thành ẩn sĩ.

Ông được vua chấp thuận phong con trai mình làm tế sư hoàng gia, sau đó ông đến ngự viên sống đời ẩn sĩ, đạt được các Thắng trí và ở gần con trai.

Còn Koralambaka cảm thấy căm hận anh mình vì ông đã không trao cho mình chức vị tế sư khi trở thành ẩn sĩ. Một hôm, vua nói chuyện thân mật với Koralambaka:

- Này Koralambaka, Hiền hữu không làm tế sư hoàng gia ư?

- Tâu Đại vương không, huynh trưởng của thần xếp đặt việc ấy.

- Thế lệnh huynh chẳng trở thành ẩn sĩ rồi sao?

- Tâu vâng, song gia huynh đã để chức vụ ấy cho con mình.

- Thế thì hiền hữu hãy lo sắp xếp việc ấy.

- Tâu Đại vương, thần không thể đặt gia huynh qua một bên rồi nhận lấy chức vụ do cha truyền con nối ấy.

- Nếu vậy, ta sẽ làm hiền hữu thành vị trưởng tế sư và vị kia làm phụ tá cho hiền hữu.

- Tâu Đại vương, bằng cách nào?

- Bằng cách nói dối.

- Tâu Đại vương, thế Đại vương không biết gia huynh là pháp thuật sư cao cường có đại thần lực ư? Gia huynh sẽ dùng huyễn thuật đánh lừa Đại vương, làm cho bốn vị Thiên thần biến mất, rồi làm cho một mùi hôi thối xông ra từ thân thể và miệng Đại vương, lại làm cho Đại vương rơi từ trời xuống đất và Đại vương sẽ bị quả đất nuốt sống, vì thế Đại vương không thể hành động theo lời nói dối kia được đâu.

- Đừng lo gì, ta sẽ sắp xếp việc này.

- Tâu Đại vương, khi nào Đại vương thực hiện điều này?

- Vào thứ bảy kể từ đây.

Chuyện này lan truyền khắp kinh thành:

- Hoàng thượng sắp nói dối để làm vị trưởng thành phó và sẽ giao chức vụ cho vị phó. Lời nói dối là vật gì nhỉ, nó màu xanh, vàng hay màu khác nữa?

Quần chúng suy nghĩ rất nhiều về việc này. Tương truyền đó là thời mọi người thế gian đều nói thật, người ta không biết từ "nói dối" nghĩa là gì cả.

Con trai vị tế sư nghe chuyện này liền nói với cha:

- Thưa cha, dân chúng bảo đức vua sắp nói dối để làm cha thành con thứ rồi giao chức vụ của cha cho chú con.

- Này con, đức vua sẽ không thể nói dối để tước đoạt địa vị này của ta đâu. Đức vua sắp thực hiện điều này vào ngày nào?

Họ bảo ngày thứ bảy kể từ đây. Hãy báo cho cha biết khi đến thời điểm ấy.

Vào ngày thứ bảy, một đám đông tụ tập trong sân chầu ngồi theo hàng hàng lớp lớp hy vọng thấy lời nói dối. Vị tế sư trẻ đi báo tin cho cha. Vua chuẩn bị lễ phục đầy đủ xong, xuất hiện ở khoảng không trên sân chầu giữa đám đông.

Vị ẩn sĩ bay qua không gian, trải tọa cụ bằng da trước mặt vua, ngồi trên đó giữa không gian và hỏi:

- Tâu Đại vương, có thật là Đại vương muốn nói dối làm người em thứ thành anh trưởng và giao chức vụ cho người ấy?

- Thưa Tôn sư, trẫm đã làm như vậy.

Sau đó, vị ẩn sĩ khuyến giáo vua:

- Tâu Đại vương, lời nói dối là một cách phá hoại tàn khốc các đức tính tốt đẹp, nó tạo tái sinh vào bốn ác đạo, một vị vua nói dối sẽ tiêu diệt công lý, và vì phá hủy công lý, chính vua ấy cũng bị tiêu diệt.

Rồi ngài ngâm vần kệ đầu:

1. Công lý tổn thương gây hiểm họa,
Sẽ đền bù với giá tai ương,
Vậy đừng làm tổn thương công lý,
Sợ hiểm nguy ào đến Đại vương.
Ngài lại khuyến giáo vua nhiều hơn nữa:

- Tâu Đại vương, nếu Đại vương nói dối, bốn pháp thần thông sẽ biến mất.

Rồi Ngài ngâm vần kệ thứ hai:

2. Thần lực xa lìa kẻ vọng ngôn,
Miệng mồm hôi thối đáng kinh hồn,
Bước chân không vững trong trời đất,
Bất cứ kẻ nào đáp dối gian.
Nghe vầy, vua lo sợ nhìn Korakalambaka. Vị ấy bảo:

- Tâu Đại vương đừng sợ, thần đã chẳng tâu Đại vương như vậy từ đầu sao?

Và tiếp theo những lời lẽ tương tự như vây. Mặc dù đã nghe Kapila nói như vậy, vua vẫn tuyên bố câu xác định:

- Thưa Tôn sư, ngài là em thứ, còn Korakalambaka là anh trưởng.

Ngay lúc vua vừa thốt ra lời nói dối này, bốn Thiên thần bảo các vị không muốn hộ trì một người dối trá như vậy nữa, liền ném kiếm dưới chân vua và biến mất.

Miệng vua bốc mùi thối như trứng hư vỡ tung tóe và thân thể vua như ống cống mở nắp. Rồi từ trên không rớt xuống, vua đứng trên đất, như thế cả bốn thần lực đều biến mất. Vị tế sư bảo:

- Tâu Đại vương, đừng sợ, nếu Đại vương nói thật, thần sẽ phục hồi mọi sự cho Đại vương.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ ba:

3. Lời thật cùng bao pháp thuật thần,
Đại vương hồi phục được toàn phần,
Còn lời nói dối giam ngài mãi
Tại đất Ce-ti, đến tận cùng.
Ngài lại nói:

- Tâu Đại vương, hãy xem: Bốn thần lực của Đại vương biến mất vì nói dối lần đầu, xin Đại vương suy xét lại, vì bây giờ vẫn còn có thể phục hồi chúng.

Nhưng vua đáp:

- Đại sư muốn đánh lừa trẫm về việc này.

Vừa nói dối lần thứ hai như vậy, vua liền bị lún ngay xuống đất đến mắt cá chân.

Vị Bà-la-môn một lần nữa lại nói:

- Xin Đại vương hãy suy nghĩ kỹ.

Rồi Ngài ngâm vần kệ thứ tư:

4. Hạn hán vào thời phải đổ mưa, Và mưa trút xuống lúc mùa khô,

Khi người nào cố tình gian dối, Đối đáp vọng ngôn để hại ta.

Rồi ngài lài nói thêm một lần nữa:

- Do Đại vương nói dối, Đại vương bị lún vào mặt đất đến tận mắt cá chân, vậy xin đại vương suy xét kỹ.

Rồi Ngài ngâm vần kệ thứ năm:

5. Lời thật cùng bao Pháp thuật thần,
Đại vương hồi phục được toàn phần,
Còn lời nói dối chôn ngài xuống
Tại đất Ce-ti mãi tới cùng.
Nhưng lần thứ ba, vua nói:

- Tôn giả là em thứ và Korakalambaka là anh trưởng.

Vừa nói lời dối trá này, vua lại bị lún dần vào mặt đất đến tận đầu gối. Một lần nữa, vị Bà-la-môn nói:

- Xin Đại vương suy xét lại.

Rồi Ngài ngâm vần kệ:

6. Người lưỡng thiệt này, hỡi Đại vương,
Cũng như con rắn lắm mưu gian,
Người nào vẫn cố tình lừa dối
Đối đáp những lời chẳng thật chân.
7. Lời thật cũng bao pháp thuật thần,
Đại vương hồi phục đươc toàn phần,
Còn lời nói dối chôn ngài xuống
Tại đất Ce-ti mãi chẳng ngừng.
Rồi Ngài còn nói thêm:

Ngay bây giờ mọi sự vẫn có thể được phục hồi.

Vua chẳng quan tâm đến lời ngài, vẫn lặp lại lời nói dối lần thứ tư:

- Thưa Tôn giả, ngài là em thứ, và Korakalambaka là anh trưởng.

Vừa thốt lời này, vua bị chìm ngập đến tận hông. Vị Bà-la-môn lại bảo:

- Xin Đại vương hãy suy nghĩ kỹ.

Rồi Ngài ngâm vần kệ:

8. Kẻ ấy như con cá, Đại vương,
Sẽ không có lưỡi ở trong mồm,
Người nào vẫn cố tình gian dối,
Đối đáp những lời lẽ vọng ngôn.
9. Lời thật cùng bao pháp thuật thần,
Đại vương hồi phục được toàn phần,
Còn lời nói dối chôn ngài xuống
Tại đất Ce-ti mãi chẳng ngừng.
Lần thứ năm vua lặp lại lời nói dối, và ngay đó bị chìm sâu xuống tận rốn. Vị Bà-la-môn một lần nữa kêu gọi vua xét kỹ và ngâm hai vần kệ:

10. Kẻ ấy chỉ sinh được gái thôi,
Sẽ không sinh được một con trai,
Kẻ nào vẫn cố tình gian dối
Đối đáp vọng ngôn ở giữa đời.
11. Lời thật cùng bao pháp thuật thần,
Đại vương hồi phục được toàn phần,
Còn lời nói dối chôn ngài xuống

Tại đất Ce-ti mãi chẳng ngừng.
Vua cũng không quan tâm, cứ lặp lại lời nói dối lần thứ sáu và chìm xuống tận ngực. Vị Bà-la-môn kêu gọi khẩn thiết một lần nữa và ngâm hai vần kệ:

12. Bầy con không ở với người kia,
Ở khắp mọi nơi chúng chạy xa,
Người vẫn cố tình ưa nói dối,
Đáp lời hỏi với dạ gian tà.
13. Lời thật cùng bao pháp thuật thần,
Đại vương hồi phục được toàn phần,
Còn lời nói dối chôn ngài xuống
Tại đất Ce-ti mãi chẳng ngừng.
Do thận cận ác bằng hữu, vua xem thường các lời trên và nói dối lần thứ bảy. Sau đó mặt đất há miệng ra và lửa địa ngục Avìci bùng lên kéo vua xuống.

14. Chuyện kể bị truyền bởi trí nhân,
Vị vua từng bước giữa không trung,
Chìm thân, bị nuốt vào lòng đất
Ngay đúng ngày quy định số phần.
15. Vậy trí nhân không thể tán đồng

Dục tham xuất hiện ở trong lòng, Người nào ly dục, tâm thanh tịnh, Lời nói sẽ luôn giữ vững vàng.

Đây là hai vần kệ phát xuất từ Trí tuệ Tối thắng của đức Phật.

Quần chúng kinh hãi bảo nhau:

- Quốc vương Ceti phỉ báng bậc hiền nhân và nói dối nên đã bị đọa vào ngục Avìci.

Năm vị vương tử của vua đến gặp vị Bà-la-môn và nói:

- Xin Tôn sư giúp chúng đệ tử.

Vị Bà-la-môn đáp:

- Phụ vương của các vị đã hủy diệt Chân lý, nói dối và phỉ báng hiền nhân: do vậy ngài đã vào hỏa ngục Avìci. Nếu công lý bị hủy diệt, nó sẽ hủy diệt lại ta. Các vị không được cư trú tại đây nữa.

Ngài lại bảo vị thái tử:

- Này Điện hạ thân yêu, Hãy rời kinh thành bằng cổng Đông và tiếp tục đi thẳng, chàng sẽ thấy một vương tượng toàn trắng nằm phủ phục, thân chạm vào mặt đất ở bảy chỗ: hai ngà, vòi, và bốn chân. Đó là dấu hiệu để chàng dựng kinh và cư trú tại nơi ấy. Tên kinh đô ấy sẽ là Hatthipura (Tượng Thành)

Ngài bảo vương tử thứ hai:

- Điện hạ rời đây bằng cổng Nam và đi thẳng đến khi thấy một vương mã thuần bạch, đó là dấu hiệu để chàng dựng kinh đô và cư trú tại nơi ấy. Kinh đô ấy sẽ được gọi là Assapura (Mã Thành).

Ngài bảo vương tử thứ ba:

- Điện hạ rời đây bằng cổng Tây và đi thẳng tới khi thấy một sư tử có bờm, đó là dấu hiệu để chàng dựng kinh đô và cư trú tại nơi ấy. Kinh đô ấy sẽ được gọi là Sìhapura (Sư Thành).

Ngài bảo vị vương tử thứ tư:

- Điện hạ rời đây bằng cổng Bắc và đi thẳng cho đến khi thấy một bánh xe làm toàn bằng ngọc, đó là dấu hiệu để chàng dựng kinh đô và cư trú tại nơi ấy. Kinh thành ấy sẽ được gọi là Uttarapancàla (Thượng Luân Thành).

Ngài bảo vị vương tử thứ năm:

- Điện hạ không thể ở đây. Vậy hãy xây một đền thờ lớn trong kinh thành này, rồi đi về phía Tây bắc, và đi thẳng cho đến khi thấy hai ngọn núi đập vào nhau gây tiếng động "daddara", đó sẽ là dấu hiệu để chàng dựng kinh đô và cư trú nơi ấy. Thành ấy sẽ được gọi là Daddarapura (Thành Daddara).

Cả năm vương tử đều ra đi, theo các dấu hiệu kia dựng kinh đô và an trú ở đó.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư bảo:

- Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu Devadatta nói dối và bị chìm vào lòng đất.

Rồi ngài nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy vua Ceti là Devadatta và Bà-la-môn Kapila là Ta.

-ooOoo-

423. Chuyện Uy Lực Dục Tham (Tiền thân Indriya)

Người nào tuân lệnh dục tham...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về sự quyến rủ của người vợ cũ đối với một Tỷ- kheo.

Chuyện kể rằng một thiện gia nam tử ở Sàvatthi (Xá-vệ) nghe giáo pháp của bậc Đạo Sư và nghĩ rằng thật khó cho một người tại gia có thể sống đời Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ và thanh tịnh, nên ông quyết định xuất gia tu hành theo giáo lý cứu độ để diệt tận khổ ưu. Vì thế ông để lại tài sản, nhà cửa cho vợ con, và thỉnh cầu bậc Đại Sư truyền giới xuất gia cho mình. Bậc Đạo Sư chấp thuận. Vì ông chỉ là Sa-di trẻ tuổi lúc khất thực cùng các vị giáo thọ, sư trưởng và Tăng chúng lại đông, nên ông không có được ghế ngồi trong nhà cư sĩ hoặc trong trai đường, mà chỉ có một ghế thấp nhỏ hoặc ngồi ở dãy ghế dài cuối chỗ các Sa-di.

Thức ăn chỉ được múc vội vã cho ông bằng cái muỗng lớn: ông nhận món cháo tấm, các món cứng thì hôi hám hoặc hư nát, hoặc các cọng rau đã khô héo, cháy sém và phần ăn này không đủ nuôi sống ông.

Ông liền đem các món ăn nhận được về cho người vợ cũ mà ông đã rời bỏ. Nàng cầm lấy bình bát, kính chào ông, đổ hết các thứ ấy ra và thay vào món cháo nấu thật ngon và cơm trộn sốt cà-ri. Vị Tỷ kheo bị lòng ham thích các hương vị ấy lôi cuốn nên không thể rời vợ.

Nàng suy nghĩ rằng nàng sẽ thử thách tình cảm của ông. Một hôm, nàng bảo một trai làng chải chuốt sạch sẽ và đến nhà nàng ngồi cùng một đám người nhà của y mà nàng đã mời, và nàng cho cả bọn ăn uống vài thứ . Cả bọn ngồi ăn chơi thỏa thích. Nàng lại bảo buộc đôi bò vào xe và chiếc xe đợi sẵn sàng ở cửa nhà. Còn chính nàng ngồi ở nhà sau nấu nướng bánh mứt.

Chồng nàng đi đến đứng ở cửa. Thấy vậy, một lão bộc trình bà chủ rằng có một Tỷ-kheo ở cửa. Nàng bảo:

- Hãy ra chào vị ấy và bảo vị ấy qua nhà khác.

Nhưng dù y đã làm vậy nhiều lần, y thấy vị Tỷ-kheo vẫn đứng yên nên y lại trình bà chủ. Nàng bước ra, vén tấm rèm lên nhìn và kêu lớn:

- Đây là cha bầy trẻ con tôi.

Nàng bước ra chào ông, vừa cầm lấy bình bát vừa mời ông bước vào, nàng đem thực phẩm cúng dường. Khi ông đã ăn xong, nàng lại kính lễ và nói:

- Thưa Tôn giả, nay Tôn giả là một bậc Thánh, trước kia chúng ta đã luôn chung sống cùng nhau trong ngôi nhà này. Song giờ đây, cuộc sống tại gia lại không thể thiếu người chủ nhà, vì vậy chúng ta sắp dời qua nhà khác và đi xa về vùng quê. Xin Tôn giả hãy nhiệt tâm làm thiện sự và tha thứ cho thiếp nếu thiếp làm điều sai trái.

Trong một lúc, chồng cũ của nàng cảm thấy như thể trái tim tan vỡ! Rồi ông đáp:

- Ta không thể rời nàng, xin nàng đừng đi. Ta sẽ trở lại đời thế tục. Hãy đưa cho ta y phục của người cư sĩ tại chỗ nọ, ta sẽ bỏ y bát và trở về với nàng.

Nàng đồng ý ngay. Khi vị Tỷ-kheo về tinh xá, trả bộ y bát lại cho vị giám hộ và giáo thọ, và khiđược hỏi lý do, ông giải thích là ông không thể rời vợ và sắp trở lại đời thế tục. Dù ông không muốn, các vị ấy vẫn dẫn ông đến bậc Đạo Sư và kể cho ngài nghe rằng ông thối thất và muốn trở về đời thế tục. Bậc Đạo Sư hỏi:

- Chuyện này có thật chăng?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Ai làm cho ông thối thất?

- Vợ cũ của con.

Này Tỷ-kheo, nữ nhân ấy là nguyên nhân gây tác nghiệp của ông. Chính vì kẻ ấy mà ngày xưa ông đã sa đọa khỏi bốn cảnh giới Thiền định, và rất khốn khổ. Sau nhờ ta, ông được giải thoát cảnh khổ và tái tạo công năng Thiền định mà ông đã mất.

Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa khi vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm con trai vị tế sư hoàng gia và bà vợ vị ấy cũng là nữ nhân Bà-la-môn. Vào ngày ngài ra đời, có làn ánh sáng của binh khí lóe sáng khắp kinh thành vì thế ngài được đặt tên Jotipàla (người hộ trì ánh sáng hay Hộ Minh).

Khi lớn lên, ngài học đủ mọi ngành nghề nghệ thuật tại Takkasilà và chứng tỏ tài năng trước vua. Nhưng ngài lại từ giã địa vị của ngài không báo cho ai biết, ngài ra đi bằng cổng sau, vào rừng trở thành vị khổ hạnh ở thảo am Kavitthaka, được gọi là Sakkadatiya. Ngài chứng đắc Thiền định viên mãn.

Trong khi trú tại đó, hàng trăm vị trí giả đến tham kiến hầu cận ngài. Ngài được một hội chúng đông đảo theo học và bảy đệ tử. Trong số ấy, trí giả Sàlissara rời thảo am Kavitthaka để đến xứ Surrattha và trú bên bờ sông Sàtodikà cùng hội chúng vài ngàn trí giả khác.

Mendissara cùng vài ngàn trí giả sống gần thị trấn Lambacùlaka trong quốc độ của vua Pajaka.

Pabbata cùng vài ngàn trí giả sống trong một xứ ở miền rừng núi.

Kàladevala cùng vài ngàn trí giả sống trong núi rừng ở Avanti và Decan.

Kisavaccha sống độc cư ở gần kinh thành Kumbhavati, trong ngự viên của vua Dandaki.

Anusissa là thị giả của Bồ-tát ở chung với ngài.

Nàrada, em của Kàladevala độc cư trong thạch thất giữa quốc độ Aranjara có nhiều núi non ở vùng Trung thổ.

Bấy giờ không xa nước Aranjara có một thị trấn rất trù phú. Thị trấn này có con sông cả, nơi nhiều đàn ông đến tắm. Dọc theo bờ, các kỹ nữ xinh đẹp thường ngồi quyến rủ đám mày râu.

Vị khổ hạnh Nàrada thấy một nàng kỹ nữ, đâm ra si tình, mất hết Thiền lực và héo mòn vì khôngăn uống gì cả, cứ nằm dài trong lưới tình trói buộc suốt bảy ngày liền. Vị huynh trưởng Kàladevata nhờ quan sát biết nguyên nhân việc kia, liền phi hành qua không gian, vào biến động. Nàrada thấy vị ấy liền hỏi tại sao đến đây. Vị ấy đáp:

- Ta biết Hiền đệ bị bệnh nên đến chăm sóc đệ đây.

Nàrada giả dối bảo vị ấy đi về:

- Đại huynh chỉ nói chuyện không đâu, toàn là hư vọng, hão huyền.

Nhưng vị kia từ chối ra đi và còn đem theo ba vị Sàlissara, Mendissara và Pabbatissara đến đó nữa. Nàrada lại bảo tất cả ra về theo cách trên.

Kàladevala liền bay đi tìm Đạo Sư Sarabhanga và dẫn thầy đến đó. Khi bậc Đạo sư đến, ngài thấy Nàrada đã rơi vào lưới kềm tỏa của tham dục và hỏi có đúng vậy không. Nàrada đứng lên nghe lời ngài, kính lễ thầy và thú nhận sự việc. Bậc Đạo Sư bảo:

- Này Nàrada, ai rơi vào lưới tham dục sẽ suy tàn trong khổ đau ở đời này và đời kế bị tái sinh vàođịa ngục.

Rồi Ngài ngâm vần kệ đầu:

1. Người nào tuân lệnh dục tham, Mất hai thế giới, đời tàn về sau.

Nghe vậy, Nàrada đáp:

- Bạch Tôn sư, mưu cầu tham dục là hạnh phúc. Tại sao Tôn sư lại gọi hạnh phúc ấy là khổ đau?

Đạo Sư Sarabhanya đáp:

- Vậy hãy nghe đây.

Rồi Ngài ngâm vần kệ thứ hai:

2. Hân hoan cùng với khổ đau
Vẫn thường dẫm bước lên nhau chẳng ngừng,
Con từng thấy chúng chuyển luân,
Hãy tìm hạnh phúc thật chân nhiệm mầu.
Nàrada đáp:

- Bạch Tôn sư, khổ đau này thật khó chịu đựng. Con không thể kham nhẫn nó được.

Bậc Đại sĩ bảo:

- Này Nàrada, khi khổ đau đến cần phải chịu đựng.

Rồi Ngài ngâm vần kệ thứ ba:

3. Người nào kham nhẫn đối đầu
Gian lao nhiếp phục khổ sầu bao phen,
Là người vững mạnh tiến lên
Niết-bàn, cực lạc, dứt phiền não xưa.
Song Nàrada vẫn đáp:

- Bạch Tôn sư, hạnh phúc của dục tình là hạnh phúc tối cao, con không thể nào rời bỏ nó được.

Bậc Đạo Sĩ bảo:

- Không thể vì bất cứ lý do gì mà ta từ bỏ Giới hạnh.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ tư:

4. Con đừng phá hủy tiêu ma
Quãng đời Thanh hạnh, sa đà công năng,
Chỉ vì dục vọng tham sân
Cầu mong lợi dưỡng, đau buồn nhỏ, to.
Sau khi Đạo Sư Sarabhanga đã tuyên thuyết Chánh pháp qua bốn vần kệ, trí giả Làladevala muốn khuyến giáo tiểu đệ liền ngâm vần kệ thứ năm:

5. Biết đời phiền lụy lo âu, Thức ăn uống phải phát cho nhiều người.

Chẳng ham tích trữ tiền tài, Chẳng sầu khi chúng hết thời tiêu tan.

Vần kệ thứ sáu do bậc Đạo Sư ngâm phát xuất từ Trí tuệ Tối Thắng của Ngài liên hệ đến lời khuyến giáo của Devala đối với Nàrada:

6. De-va Trí giả Hắc nhan
Giờ đây khuyên nhủ khôn ngoan nhất đời:
Ta không hề thấy có người
Kém hơn kẻ chịu vâng lời dục tham.
Sau đó Thánh giả Sarabhanga cảnh báo:

Này Nàrada hãy nghe đấy: kẻ nào trước tiên không muốn làm những gì đáng làm, về sau sẽ kêu khóc than van như chàng trai đi vào rừng thuở xưa.

Rồi Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

Ngày xưa trong một thị trấn ở thành Kàsi có một thanh niên Bà-la-môn, đẹp trai, mạnh khỏe, lực lưỡng như voi. Chàng suy nghĩ: "Tại sao ta phải nuôi cha mẹ bằng cách làm ruộng, hoặc phải lấy vợ sinh con, hoặc làm các thiện sự nọ kia? Ta chẳng muốn nuôi ai hoặc làm thiện sự gì cả, mà ta chỉ muốn vào rừng nuôi bản thân bằng cách săn nai".

Thề rồi với năm thứ vũ khí, chàng vào Tuyết Sơn giết nai ăn thịt rất nhiều. Ở vùng Tuyết Sơn chàng thấy một thung lũng rộng lớn tứ bề có núi bao bọc, bên cạnh bờ sông Vidhavà, chàng liền sống ở đó với thịt thú săn được và nấu trên than hồng. Chàng lại suy nghĩ: "Ta sẽ không được khỏe mạnh mãi đâu, khi ta già yếu, ta sẽ không phiêu bạc trong rừng. Nay ta muốn bắt nhiều loại thú hoang vào trong thung lũng này, làm cổng rào lại và chẳng cần phải lang thang trong rừng nữa, ta cũng sẽ giết chúng và ăn thỏa thích". Và chàng đã làm như vậy.

Thời gian trôi qua, chính điều ấy phải xảy ra, mọi thực tế của cuộc đời xuất hiện, chàng không còn sức điều khiển nổi tay chân, chàng không thể đi lại tự do đây đó, chàng không thể tìm được thức ăn uống, thân thể gầy gò khô héo như một bóng ma, lộ rõ mọi nếp nhăn nheo khắp mình như mặt đất mùa nắng. Chàng trở nên dị tướng, nhăn nheo, rã rời và vô cùng khổ sở.

Cũng như chàng kia, theo thời gian, vua nước Sìvi, mệnh danh là Sìvi, ước mong hưởng món thịt rừng nướng trên than hồng trong rừng già, liền giao phó quốc độ cho các đại thần, đem theo năm món vũ khí, đi vào rừng săn thịt nai để ăn. Vừa lúc vua đến chỗ ấy liền thấy người kia. Dù sợ hãi, vua cũng cố thu hết can đảm hỏi người kia là ai. Chàng

đáp:

- Tâu Chúa công, tôi là một bóng ma đang hưởng nghiệp quả do tôi đã tạo. Thế Chúa công là ai?

- Ta là vua nước Sìvi.

- Tại sao Chúa công đến đây?

- Để ăn thịt nai.

- Tâu Đại vương, tôi đã trở thành con ma trên đất vì tôi đã đến đây với mục đích ấy.

Rồi chàng kể đầy đủ chi tiết câu chuyện của chàng và để giải thích nỗi bất hạnh của mình, chàng ngâm các vần kệ cuối cùng:

7. Chính tôi đây, hỡi Quân vương,
Khác nào giữa chốn đấu trường địch quân,
Công lao, nghề nghiệp, tài năng,
Vợ con, nhà ở bình an một thời,
Đã tiêu tan hết cả rồi,
Tôi mang nghiệp quả ngay đời thế gian.
8. Giờ tôi tồi tệ muôn vàn
Không người quyến thuuộc, lang thang không nhà.
Từ đời chân chánh lạc xa,
Tôi như một cái bóng ma đọa đày.
9. Nay tôi phải sống cảnh này
Vì tôi tạo khổ não thay vui mừng.
Quanh tôi như đám lửa bừng,
Tôi không cảm thấy trong lòng hân hoan.
Cùng với các vần kệ ấy, chàng nói thêm:

- Tâu Đại vương, do ham muốn dục lạc tôi đã tạo khổ đau cho nhiều loài khác và trở thành bóng ma ngay tại đời này. Xin Đại vương đừng gây ác nghiệp, xin hãy trở về kinh đô của Đại vương và thực hành thiện sự, bố thí cùng các phước nghiệp khác.

Nhà vua làm theo lời ấy và hoàn thành con đường lên Thiên giới.

Vị khổ hạnh xúc động vì lời tường thuật của Đạo Sư Sarabhanga về câu chuyện trên. Vị ấy được cảm hóa, rồi sau khi kính lễ Tôn sư và được ngài tha thứ, nhờ các pháp môn chân chánh, vị ấy tái tạo năng lực Thiền định đã mất. Đạo sư Sarabhanga không cho phép đệ tử ở lại đó nữa và đưa vị ấy cùng ngài về thảo am xưa.

*

Sau Pháp thoại, bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật. Lúc kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ-kheo thối thất đã được an trú vào Sơ quả (Dự Lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Thời ấy Nàrada là Tỷ-kheo thối thất này, Sàlissara là Sàriputta (Xá-lợi-phất), Mendissara là Kassapa (Ca-diếp), Kaccàna (Ca-chiên-diên), Anusissa là Ànanda (A-nan), Kisavaccha là Moggallàna (Mục-kiền-liên) và Đạo Sư Sarabhanga chính là Ta.

-ooOoo-

424. Chuyện Ngọn Lửa Đốt Cháy (Tiền thân Àditta)

Thứ gì ta cứu thoát ra...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên, về lễ vật cúng dường vô thượng. Lễ vật cúng dường tối thắng này được miêu tả đầy đủ trong tập Sớ giải Kinh Mahàgovindasutta (số 19, Trường bộ II)

Ngày hôm sau lễ cúng dường ấy, Tăng chúng bàn luận trong Chánh Pháp Đường:

- Này các Hiền giả, vua Kosala sau khi xem xét kỹ, đã tìm được phước điền chính đáng và cúng dường lễ vật cao trọng lên Hội chúng do đức Phật đứng đầu.

Bậc Đạo Sư đến và được kể lại đề tài câu chuyện trong lúc các vị ngồi đây, Ngài bảo:

- Này Tỷ-kheo, không lạ gì việc nhà vua, sau khi quan sát kỹ, đã cúng dường đại lễ vật vào phướcđiền vô thượng ở đời, các trí nhân ngày xưa cũng đã cúng dâng lễ vật như thế sau khi quan sát kỹ.

Rồi Ngài kể một câu chuyện ngày xưa.

*

Ngày xưa vua Bharata trị vì tại Roruva trong quốc độ Sovìra. Vua thực hành Thập phương pháp, thu phục nhân tâm bằng Tứ nhiếp pháp, đối xử với quần chúng như cha mẹ đối với con, ban phát rộng rãi cho người nghèo, lữ hành, khất thực và những người đến cầu xin. Chánh hậu của ngài là Samuddavijayà đầy trí tuệ thông thái.

Một hôm ngài nhìn quanh các bố thí đường và suy nghĩ: "Tặng vật của ta đều bị đám tham lam vô dụng ngốn ngấu cả. Ta không thích như vậy. Ta muốn cúng dường những vị Độc Giác Phật đức hạnh xứng đáng lễ vật tối thượng. Các vị hiện sống ở vùng Tuyết Sơn. Ai sẽ đem các vị ấy về đây theo lời thỉnh cầu của ta và ta sẽ nhờ ai lãnh sứ mạng này?"

Ngài nói chuyện với hoàng hậu, bà đáp:

- Tâu Chúa thượng, không nên quan tâm lo lắng. Cứ gửi hoa đi, nhờ uy lực lễ vật cúng dường xứng đáng của ta, nhờ đức độ và lòng thành tín của ta, ta sẽ thỉnh cầu vị Độc Giác Phật, và khi các vị đến, chính ta sẽ cúng dường lễ vật cùng các món cần thiết.

Vua đồng ý. Ngài ra lệnh đánh trống khắp kinh thành rằng tất cả dân chúng trong thành phải giữ giới, còn chính ngài và toàn thể hoàng gia đều giữ mọi phận sự của ngày trai giới, thực hành đại bố thí.

Ngài truyền đem đến một chiếc hộp bằng vàng đựng đầy hoa lài, từ hoàng cung bước xuống và đứng giữa triều đình. Tại đó ngài phủ phục với năm phần chạm xuống đất,

đảnh lễ về phương Đông và tung vãi nắm hoa cùng những lời nguyện:

- Đệ tử đảnh lễ các Thánh giả ở phương Đông, Nếu đệ tử có chút công đức nào, xin các vị tỏ lòng từ bi thâu nhận các lễ vật này.

Vì không có các vị Độc Giác ở phương Đông, nên hôm sau không vị nào đến.

Ngày thứ hai, ngài lại đảnh lễ phương Tây, nhưng cũng không ai đến.

Ngày thứ ba, ngài lại đảnh lễ phương Bắc, và sau khi đảnh lễ, ngài tung bảy nắm hoa cùng lời nguyện:

- Ước mong các vị Độc Giác ở vùng Tuyết Sơn thâu nhận các lễ vật cúng dường này.

Các hoa ấy bay đi xa rơi trên mình năm vị Độc Giác Phật ở động Nandamùla. Sau khi quan sát, các vị hiểu rằng quốc vương đã thỉnh cầu các vị, vì thế các vị gọi bảy vị trong số đó lại bảo:

- Này các Tôn giả, vua thỉnh cầu các vị, xin hãy bày tỏ đặc ân cho ngài.

Các vị Độc Giác Phật này du hành qua không gian và hạ xuống hoàng môn. Khi thấy các vị, vua hân hoan đảnh lễ, mời các vị thượng lầu, tỏ lòng tôn kính trọng thể và cúng dường các lễ vật.

Sau buổi thọ thực, ngài lại mời các vị hôm sau và cứ thế đến ngày thứ năm, vua thiết đãi suốt sáu ngày. Vào ngày thứ bảy, ngài chuẩn bị cúng dường mọi vật dụng cần thiết, sắp đặt bảo tọa và cẩm đôn chạm vàng rồi đặt trước bảy vị Độc Giác các bộ ba y cùng các món ăn cần thiết của đời Thánh nhân.

Quốc vương cùng hoàng hậu trân trọng cúng dường các thứ này sau buổi thọ thực và đứng cung kính đảnh lễ. Để phát biểu lời tùy hỷ công đức, vị Trưởng lão của hội chúng ngâm hai vần kệ:

1. Thứ gì ta cứu thoát ra
Lửa đang đốt cháy nhà ta rụi dần,
Những gì sót lại sau cùng
Sẽ còn đó mãi riêng phần ta thôi.
2. Thế gian bừng cháy khắp nơi
Sanh, già, bệnh, chết làm mồi lửa nhanh,
Cứu mình bằng các thiện hành,
Cúng dường bố thí để dành thật chân.
Như vậy, bằng cách bày tỏ niềm hoan hỷ, vị Trưởng lão khuyến giáo vua tinh cần giữ đức hạnh. Sau đó vị ấy bay lên không gian, xuyên thủng qua góc nhọn của cung điện và hạ xuống động Nandamùla. Các vật dụng cần thiết đã được cúng dường đều bay lên theo vị ấy và hạ xuống động. Còn toàn thân quốc vương và hoàng hậu tràn đầy niềm hoan hỷ.

Sau khi vị ấy ra đi, sáu vị kia lần lượt nói lời tùy hỷ công đức qua mỗi vần kệ:

3. Người nào bố thí chánh nhân Kiên cường dõng lực, tinh cần tịnh tâm,

Vượt dòng nước lũ Ma vương, Đạt nơi an trú kim đường cõi thiên.

Vị thứ ba:

4. Thiện hành nào khác trận tiền
Trước vài địch thủ, chạy liền ba quân.
Cúng dường với cả tín tâm
Đời sau hưởng lạc là phần ngài thôi.
Vị thứ tư:

5. Người cho làm đẹp ý trời,
Khôn ngoan xứng đáng làm vơi nhọc nhằn
Cúng dường mang quả hưng long,
Cũng như hạt giống gieo vùng phì nhiêu.
Vị thứ năm:

6. Ai không hề nói lắm điều,
Tránh làm ác nghiệp hại nhiều chúng sinh,
Người đời gọi yếu, chê khinh,
Chính vì sợ hãi giữ mình thanh lương.
Vị thứ sáu:

7. Tạo nên phước nghiệp thông thường
Tái sinh nhân thế, quân vương oai quyền.
Phước nhiều đạt đến cõi thiên,
Công năng tối thượng đắc miền Tịnh Cư.
Vị thứ bảy:

8. Phước là bố thí đem cho,
Tuy nhiên Giáo pháp lợi to muôn phần,
Xưa nay chứng tỏ bao lần,
Nhờ đây bậc trí đạt toàn Lạc an.
Sau đó các vị ra đi cùng với các vật dụng cần thiết đã được cúng dường .

Còn vị Độc Giác Phật thứ bảy, trong lời tùy hỷ công đức ấy, tán thán Niết-bàn bất diệt với vua và giáo hóa ngài một cách cẩn trọng xong, liền trở về cảnh cũ như đã nói trên. Quốc vương và hoàng hậu thực hành bố thí suốt đời nên đã hoàn thành con đường lên thiên giới.

*

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

- Như vậy các bậc trí thời xưa bố thí cúng dường có phân biệt.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy các vị Độc Giác Phật đắc Niết-bàn, Samuddavijayà là mẫu thân Ràhula (La-hầu-la) và vua Bharata chính là Ta.

-ooOoo-

425. Chuyện Những Sự Kiện Không Thể Xảy Ra (Tiền thân Atthàna)

Làm sao lặng sóng Hằng Hà...,

Bậc Đạo sư kể lại chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo thối thất.

Bậc Đạo sư hỏi vị ấy:

- Này Tỷ-kheo, có thật là ông đang thối thất?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Vì duyên cớ gì?

- Vì uy lực của dục tham.

- Này Tỷ-kheo, nữ nhân thật vô ơn, phản bội, không đáng tin cậy. Ngày xưa, các bậc trí không làm thỏa mãn một nữ nhân thậm chí đã cho kẻ ấy một ngàn đồng tiền mỗi ngày. Một hôm không nhận được ngàn đồng tiền, kẻ ấy đã sai người lôi cổ họ quẳng ra ngoài. Nữ nhân là loài bạc nghĩa thế đấy. Ông đừng rơi mình vào uy lực của dục tham vì duyên cớ ấy nữa.

Rồi Ngài kể một câu chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa khi vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, vương tử Brahmadatta và công tử Mahàdhana, con của một phú thương ở Ba-la-nại, là bạn thân thiết cùng chơi với nhau và được giáo dục trong nhà một vị thầy. Vương tử lên ngôi khi vua cha băng hà và con vị phú thương vẫn ở gần vua mới.

Tại Ba-la-nại có một kỹ nữ sang trọng kiều diễm đang thời hưng thịnh. Con trai vị phú tặng nàng một ngàn đồng tiền mỗi ngày, và thường xuyên hưởng lạc với nàng. Khi cha mất, chàng thừa kế tài sản và địa vị của cha, nhưng cũng không rời bỏ nàng mà vẫn tiếp tục cho nàng một ngàn đồng tiền mỗi ngày.

Một hôm chàng đi chầu vua vào buổi chiều. Trong lúc chàng đàm đạo với vua, mặt trời lặn và tối dần. Khi rời cung, chàng nghĩ: "Không còn thời giờ để về nhà rồi trở lại nữa, ta cứ đi thẳng đến nhà kỹ nữ ấy". Vì thế chàng bảo đám hầu cận ra về và đi thẳng vào nhà một mình.

Khi thấy chàng đến, nàng hỏi xem chàng có đem ngàn đồng tiền không.

- Này ái nương, hôm nay ta ra trễ quá nên ta chỉ bảo đám hầu cận đi hết, chứ ta không về nhà, ta chỉ đến đây một mình, nhưng ngày mai ta sẽ trao tặng nàng hai ngàn đồng tiền.

Nàng suy nghĩ: "Nếu ta tiếp đón chàng hôm nay, chàng sẽ đến tay không các ngày khác nữa và thế là ta mất dần của cải. Vậy ta không muốn tiếp chàng hôm nay nữa."

Vì thế nàng bảo:

- Thưa công tử, thiếp chỉ là một kỹ nữ, thiếp không ban đặc ân cho ai mà không có một ngànđồng, vậy công tử hãy đem tiền lại đây.

- Ái nương ơi, ta sẽ tặng nàng gấp đôi số tiền ấy ngày mai đây.

Và chàng cứ van xin nàng như vậy mãi.

Nàng kỹ nữ ra lệnh cho các nữ tỳ:

- Đừng để người ấy đứng đó mà nhìn ta. Hãy lôi cổ y kéo ra ngoài và đóng cửa lại.

Họ làm theo lời nàng. Chàng suy nghĩ: "Ta đã cho nàng tám trăm triệu đồng tiền, tuy thế chỉ một ngày ta đến tay không, nàng đã bảo chúng nắm cổ ta tống ra ngoài. Ôi nữ nhân thật là độc ác, vô sĩ, vong ân, phản bội!"

Do vậy chàng quan sát mãi về ác hạnh của nữ nhân cho đến khi chàng thấy chán ngán, ly tham và bất mãn với cuộc đời thế tục. Chàng suy nghĩ: "Tại sao ta phải sống đời thế tục? Ta muốn xuất gia hôm nay và thành người khổ hạnh".

Do vậy chàng không trở về nhà nữa cũng không yết kiến vua nữa, chàng rời kinh thành đi vào rừng. Chàng dựng thảo am bên bờ sông Hằng, cư trú tại đó như một ẩn sĩ khổ hạnh, đắc Thiền định viên mãn và sống bằng củ quả rừng.

Vua nhớ bạn vắng mặt lâu ngày và đòi bạn vào chầu. Khắp kinh thành ai cũng biết rõ cách nàng kỹ nữ đối xử với chàng nên họ tâu vua vấn đề ấy và thêm:

- Tâu Đại vương, người ta bảo thân hữu của Đại vương vì tủi nhục đã không trở về nhà, mà đã trở thành vị khổ hạnh sống trong rừng.

Vua truyền đưa nàng kỹ nữ vào, và hỏi nàng xem chuyện nàng đối xử với thân hữu ngài có thật như vậy chăng. Nàng thú nhận.

- Này nữ nhân bạc ác kia, hãy mau đến nơi Hiền hữu ta ở và đưa chàng về đây. Nếu không làmđược việc ấy, ngươi phải bị mất mạng đấy.

Nghe lệnh vua, nàng sợ hãi, vội lên xe ra khỏi kinh thành cùng đoàn tùy tùng đông đảo. Nàng đi tìm nơi an trú và nghe lời đồn, nàng đến đó kính lễ và cầu xin:

- Bạch Tôn giả, xin hãy tha thứ lỗi lầm thiếp đã phạm trong lúc mù quáng ngu si. Thiếp quyết không tái phạm nữa.

- Được lắm, ta tha thứ cho nàng, ta không giận nàng đâu.

- Nếu Tôn giả tha thứ cho thiếp, xin hãy lên xe cùng thiếp. Chúng ta cùng trở về kinh thành và ngay khi vào thành, thiếp xin dâng ngài mọi tiền tài trong nhà thiếp.

Khi nghe vậy, ngài đáp:

- Này cô nương, ta không thể đi với cô nương bây giờ đâu, nhưng khi nào những chuyện chưa từng xảy ra trên đời này sẽ xảy ra thì có lẽ ta sẽ đi.

Rồi ngài ngâm vần kệ đầu:

1. Làm sao lặng sóng Hằng hà
Như hồ sen nọ, sơn ca trắng ngần,
Cây đào sinh trái cau vân,
Thì điều như thế họa chăng có là!
Nhưng nàng lại nói:

- Mau lên, thiếp sắp đi rồi.

Ngài đáp:

- Ta sẽ đi.

- Khi nào?

- Vào thời như vầy như vầy.

Ngài đáp và ngâm các vần kệ còn lại:

2. Bao giờ có đủ lông rùa
Kết thành ba tấm áo đưa ta dùng
Vào thời đông giá lạnh lùng,
Thì điều như thế họa chăng có là!
3. Bao giờ răng muỗi nhô ra
Nàng xây cái tháp thật là khéo thay,
Tháp kia không thể chuyển lay,
Điều này chắc có cơ may, họa là!
4. Bao giờ sừng thỏ mọc ra, Nàng làm thang đứng thật là khéo thay, Bậc thang trèo đến tận mây,

Thì điều này có cơ may, hỡi nàng!

5. Bao giờ chuột nhắt leo thang
Cùng nhau ăn hết mặt trăng sáng ngời.
Đem La-hầu xuống mặt trời,
Thì điều này hẳn có thời xảy ra!
6. Khi đàn ruồi uống từng vò
Rượu nồng đầy đủ, tự do reo mừng
Ẩn mình trong đám than bừng,
Thì điều như thế họa hoằn xảy ra!
7. Khi bầy lừa khéo điểm tô
Môi hồng, mặt trắng làm trò khéo thay
Trổ tài múa hát thật hay,

Điều này hẳn có cơ may, hỡi nàng!
8. Bao giờ quạ, cú từng đàn
Cùng nhau tụ họp luận bàn riêng tư,
Tỏ tình âu yếm chuyện trò,
Điều này có thể xảy ra, hỡi nàng!
9. Bao giờ nhặt lá trên ngàn
Từng cây rừng xuống kết làm dù che
Chống mưa ồ ạt tứ bề,
Có cơ xảy đến điều kia, hỡi nàng!
10. Khi đàn chim sẻ cố mang
Tuyết Sơn đủ vẻ huy hoàng hùng anh,
Ngậm trong chiếc mỏ xinh xinh,
Họa may có thể sự tình xảy ra!
11. Khi chàng trai nhẹ đẩy đưa
Chiếc thuyền buồm vượt biển xa ngàn trùng
Với lòng can đảm anh hùng,
Điều này chắc hẳn mới mong, hỡi nàng!
Như thế bậc Đại Sĩ ngâm mười một vần kệ nêu rõ những sự kiện không thể xảy ra. Nàng kỹ nữ nghe xong, xin được ngài tha thứ và trở về Ba-la-nại. Nàng trình bày mọi việc với vua và xin tha mạng, vua liền ân xá cho nàng.

*

Sau pháp thoại, bậc Đạo Sư bảo:

- Này các Tỷ-kheo, nữ nhân thật là vô ơn, phản bội như thế.

Rồi ngài tuyên thuyết các Sự Thật. Khi kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ-kheo thối thất đã được an trú vào Sơ quả (Dự Lưu).

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy vua là Ànanda và vị khổ hạnh chính là Ta.

-ooOoo-

426. Chuyện Con Báo (Tiền thân Dìpi)

Bác ơi, bác có được khang an...,

Bậc Đạo sư kể lại chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một con dê cái.

Một thời Trưởng lão Moggallàna ở trong một am thất có một cửa, trong một vùng đất được rào và núi đồi bao bọc. Lối đi có mái che của nhà gần cửa ấy. Một vài mục tử nghĩ rằng hàng rào ấy là chỗ tốt cho đàn dê, nên họ lùa dê vào đó và sống thoải mái.

Một hôm họ đến vào buổi chiều đem cả bầy dê đi. Nhưng có một con dê cái đã lang thang quá xa không thấy bầy dê ra đi, và bị bỏ lại một mình. Sau đó khi nó ra đi, một

con báo thấy nó, muốn ăn thịt bèn đứng bên cửa của hàng rào. Dê cái nhìn quanh và thấy con báo. "Báo đứng đó vì muốn giết ta và ăn thịt", Dê suy nghĩ: "Nếu ta quay đầu bỏ chạy, ta sẽ mất mạng. Vậy ta phải can đảm lên". Rồi dê giương đôi sừng, vùng chạy thẳng trước mặt báo với tất cả dũng lực. Dê thoát được móng vuốt báo, dù con báo rung mình vì nó tưởng sẽ chụp được dê. Rồi chạy hết tốc lực, con dê bắt kịp cả đàn.

Vị Trưởng lão quan sát cách các súc vật ấy đối xử với nhau. Hôm sau vị ấy đi trình đức Như Lai:

- Bạch Thế Tôn, con dê cái đã đạt được một kỳ công nhờ có sẵn mưu lược và thoát được con báo.

Bậc Đạo sư đáp:

- Này Moggallàna, lần này con báo không bắt được dê, nhưng ngày xưa báo đã giết dê dù dê kêu lớn, rồi ăn thịt nó.

Và theo lời thỉnh cầu của Tôn giả Moggallàna, Ngài kể một chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa có thời Bồ-tát được sinh vào một làng ở quốc độ Magadha (Ma-kiệt-đà), trong một gia đình giàu. Khi lớn lên, Ngài từ bỏ tham dục và sống đời tu hành, đạt được Thiền định viên mãn. Sau khi sống rất lâu ở Tuyết Sơn, ngài đến Rajagàha (Vương Xá) để tìm muối và dấm, rồi về cư trú trong thảo am ngài đã dựng trong một thung lũng có rào chắn.

Giống như phần duyên khởi, các mục tử lùa bầy dê ra đi và cũng như trên, một hôm, khi một dê cái đi ra chậm hơn bầy kia, một con báo đợi sẵn ở cửa, nghĩ cách ăn thịt nó. Khi con Dê thấy con

Báo, nó suy nghĩ: "Đời ta tàn rồi, bằng một mưu kế nào đó ta phải dụ nó vào cuộc chuyện trò vui vẻ ân cần để làm dịu lòng nó và cứu mạng ta". Vừa đứng từ xa bắt đầu nói chuyện thân thiện với con báo, Dê ngâm vần kệ đầu:

1. Bác ơi, bác có được khang an,
Và bác lâu nay mạnh khỏe chăng?
Mẹ cháu nhắn đưa lời kính hỏi,
Cháu mong cùng bác kết thân bằng!
Nghe vầy, Báo suy nghĩ: "Con bé này muốn đánh lừa ta bằng cách gọi ta là 'bác', nó không biết ta hung dữ ra sao cả". Vì thế Báo ngâm vần kệ thứ hai:

2. Cô dẫm đuôi ta đấy, bé Dê,
Và làm ta phải bị đau ghê,
Tưởng rằng nhờ gọi ta là "bác"
Cô được tự do để trở về!
Khi nói vậy, Dê đáp:

- Thưa bác, xin đừng nói như vậy.

Và nó ngâm vần kệ thứ ba:

3. Tôi đi phía trước mặt, thưa ngài,
Ngài vẫn ngồi kia đối diện tôi,
Đuôi của ngài nằm sau phía ấy,
Làm sao tôi lại dẫm lên đuôi?
Báo đáp:

- Này Dê cái, cô nói gì vậy? Có nơi nào lại không có đuôi của ta trải ra chứ?

Và nó ngâm vần kệ thứ tư:

4. Suốt cả trong toàn bốn đại châu,
Với sông hồ biển núi non cao,
Đuôi ta trải rộng ra cùng khắp,
Sao cẳng Dê không dẫm nó nào?
Khi nghe vầy, Dê cài nghĩ: "Con ác thú này không bị lời ngon ngọt quyến rủ. Vậy ta sẽ đáp lại nó như một kẻ thù". Rồi Dê ngâm vần kệ thứ năm:

5. Ta biết đuôi ông ác thật dài,
Vì ta đã được báo tin rồi,
Anh em cha mẹ đều khuyên bảo
Lúc trước ta bay bổng giữa trời!
Báo lại nói ;

- Ta biết cô đã bay giữa trời. Nhưng khi cô đến, cô đã làm hỏng miếng mồi của ta bằng cách đáp xuống ấy!

Rồi Báo ngâm vần kệ thứ sáu:

6. Bóng dáng cô Dê ở giữa trời
Bay qua không khí ấy mà thôi,
Đã làm kinh sợ đàn nai nọ,
Vì thế mồi ta bị hỏng rồi!
Nghe vầy, Dê sợ chết không còn có thể tìm cớ nào khác nữa, liền kêu lớn:

- Bác ơi, xin đừng phạm một việc ác độc như thế, xin tha mạng cháu đi.

Nhưng dù Dê kêu lớn, Báo vẫn chụp vai nó, giết chết và ăn thịt Dê.

7. Chính Dê kêu lớn để cầu ân,
Song máu thịt kia mới thoả lòng,
Dã thú chụp Dê vào cổ họng;
Ác nhân không tỏ chút ân cần.
8. Kẻ ác không sao biết tỏ ra
Ân cần, chánh hạnh, tránh đường tà,
Nó thù ghét những người lương thiện,

Thượng sách là nên xáp lá cà!
Đây là hai vần kệ phát xuất từ Trí tuệ Tối thắng của đức Phật.

Một vị Thánh nhân khổ hạnh chứng kiến tất cả câu chuyện của hai con thú này.

*

Sau Pháp thoại, bậc Đạo Sư nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy, con Dê cái và con Báo là con Dê cái và con báo bây giờ, và vị Thánh nhân khổ hạnh chính là Ta.

-ooOoo-

Chương IX Phẩm Chín Bài Kệ

427. Chuyện Chim Thứu (Tiền thân Gijjha)

Được làm bằng đám gỗ chênh vênh...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo bất tuân Giới luật.

Chuyện kể rằng vị ấy là thiện gia nam tử, và được truyền giới vào Giáo pháp đưa đến giải thoát được các vị Pháp sư, giáo sư đầy thiện chí cùng các đồng Phạm hạnh giáo giới như vầy:

- Hiền giả phải đi tới hay đi lui như vầy, phải nhìn thẳng hay nhìn nghiêng như vầy, cánh tay phải duỗi ra hay co lại như vầy, các y trong và y ngoài phải được mang như vầy, bình bát phải được cầm như vầy. Khi Hiền giả nhận đủ các thứ ăn để nuôi thân, sau khi tự quán sát, Hiền giả phải thọ dụng nó như vầy, hộ phòng các căn như vầy.

Hiền giả phải tiết độ trong ăn uống và tỉnh giác. Hiền giả phải nhận thấy các bổn phận như vầyđối với chư Tăng đến và đi khỏi tinh xá. Đầy là mười bốn qui tắc về phận sự của Tỷ-kheo và tám mươi trọng giới phải hoàn thành đúng đắn, và đây là mười ba pháp thực hành Dhuta về nếp sống cẩn trọng. Tất cả các giới điều này phải được hoàn thành một cách nghiêm túc.

Tuy thế, vị ấy bất tuân Giới luật và thiếu kham nhẫn, không chịu thọ giáo một cách kính cẩn, và không tuân lời thầy, lại bảo:

- Tôi không chỉ trích các vị. Tại sao các vị nói với tôi như vậy? Tôi biết điều gì ích lợi cho tôi vàđiều gì không có lợi.

Tăng chúng nghe được sự bất tuân Giới luật của ông liền kể lại các lỗi lầm của ông trong lúc các vị ngồi tại Chánh pháp đường.

Bậc Đạo Sư bước vào, hỏi các vị đang bàn luận đề tài gì và truyền gọi Tỷ-kheo ấy đến hỏi:

- Này Tỷ-kheo, tại sao khi đã được truyền giới vào Giáo pháp đưa đến giải thoát, ông lại không nghe lời dạy của các vị giáo thọ có thiện ý kia? Ngày xưa ông cũng đã bất tuân lời dạy của các trí giả và gặp cuồng phong Verambha thổi thành tro bụi.

Sau đó Ngài kể lại chuyện đời xưa.

*

Một thuở nọ Bồ-tát được sinh làm chim Thứu (kên kên) trên núi Linh thứu. Bấy giờ con của ngài là Supatta, vua kên kên, cường tráng, đầy dũng lực và có đám tuỳ tùng nhiều ngàn kên kên. Thứu vương phụng dưỡng song thân. Do có sức mạnh, Thứu vương thường bay rất xa. Chim thứu cha vẫn thường khuyên nhủ:

- Này con thân, con đừng bay xa quá những điểm này.

Thứu vương đáp:

- Được lắm, thưa cha.

Nhưng một hôm trời mưa, Thứu vương bay cùng các kên kên khác, rồi rời đàn phía sau, một mình vượt giới hạn đã được khuyên bảo, nên thứu vương bay vào cuồng phong Veramba và bị thổi tan thành tro bụi.

Với Tối Thắng Trí, Đức Phật ngâm các vần kệ này minh hoạ các sự kiện trên:

1. Được làm bằng đám gỗ chênh vênh,
Một lối đi xưa cũ dẫn lên
Những đỉnh núi non cao chót vót,
Thứu con nuôi dưỡng các thân sinh.
2. Đôi cánh hùng cường đầy dũng lực,
Thứu đem mỡ rắn tặng song thân,
Khi cha nhìn Thứu bay cao quá,
Liều lĩnh du hành, vẫy dạy răn:
3. "Khi con quan sát, hỡi con thân,
Quả địa cầu tròn với đại dương
Bao bọc chung quanh, đừng tiến nữa,
Trở về ngay nhé, khẩn cầu con!"
4 - 5. Thứu vương thường cất cánh lên mau,
Bay lượn vòng quanh cõi địa cầu
Với nhãn quan tinh tường thấu suốt,
Thứu con thấy rõ các rừng sâu,
Núi non phía dưới cao vời vợi,
Quả đất giống cha tả biết bao:
6- 7. Một quả cầu tròn giữa đại dương,
Nhưng khi vượt quá giới hạn thông thường,
Dẫu là chim thứu đầy oai lực,
Một trận đại phong thật nộ cuồng
Đã thổi Thứu tan tành bỏ mạng,
Bất tài không địch nổi cuồng phong.

8 -9. Như vậy Thứu con bởi bất tuân
Tử vong bỏ mặc cả song thân.
Kẻ nào khinh bỉ kẻ già cả
Chế nhạo lời khuyên của trí nhân,
Cũng chết như chim khinh bậc trí, Xem thường giới hạn bởi kiêu căng.

- Vì vậy, này Tỷ-kheo, đừng giống như chim Thứu này, mà phải tuân theo lời dạy của những người đầy thiện ý.

Khi được bậc Đạo Sư giáo huấn như trên, từ đó về sau vị ấy biết vâng lời thầy.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư nhận diện Tiền thân:

- Chim kên kên bất tuân lệnh ngày xưa là vị Tỷ-kheo không vâng lời ngày nay. Và chim cha chính là Ta.

-ooOoo-

428. Chuyện Giáo Hội Ở Kosambi (Tiền thân Kosambi)

Khi giáo hội bị chia hai, ly tán...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Lâm Viên Ghosita (Cù-sư-la) gần Kosambi (Kiều- thưởng-di) về một đám người tranh chấp nhau ở Kosambi.

Sự kiện dẫn đến chuyện này có thể tìm được trong phần Luật tạng liên hệ đến Kosambi. Sau đây là tóm tắt câu chuyện. Tương truyền thời ấy có hai Tỳ- kheo sống cùng một tịnh xá, một vị thông hiểu Giới luật và vị kia thông hiểu Kinh điển. Một hôm, vị thứ hai có dịp đến chỗ rửa mặt xong, đi ra và bỏ sót một ít nước thừa để súc miệng trong cái ghè. Sau đó vị thông Giới luật đi vào và thấy nước, liền đi ra hỏi bạn xem có phải vị ấy đã để nước lại đó chăng. Ông đáp:

- Thưa Hiền giả, vâng.

- Sao, thế Hiền giả không biết đó là lỗi lầm ư?

- Không, tôi không biết.

- Này hiền giả, đó là lỗi lầm.

- Thế thì tôi sẽ sám hối việc ấy.

- Song nếu Hiền giả không có ý làm việc ấy thì đó không phải lỗi lầm.

Như vậy vị ấy là người không thấy lỗi lầm trong một việc có lỗi lầm. Vị tinh thông Giới luật bảo các đệ tử mình:

- Vị tinh thông Kinh điển này, dù đã phạm lỗi lầm, lại không biết việc ấy.

Khi gặp các đệ tử của vị Tỷ-kheo kia, họ bảo:

- Thầy của các vị dù phạm lỗi lầm, lại không nhận ra lỗi lầm.

Đám này đi về thưa lại với thầy. Vị ấy bảo:

- Vị thông Giới luật này trước kia bảo đó không phải lỗi lầm, nay lại bảo đó là lỗi lầm. Vị này là kẻ nói dối.

Đám đệ tử này đi nói với đám kia:

- Thầy của các vị là kẻ nói dối.

Do đó hai nhóm gây sự tranh cãi lẫn nhau. Về sau vị thông hiểu Giới luật, tìm được cơ hội đưa ra một hình thức tẩn xuất vị Tỷ-kheo đã không chịu nhận thấy sự vi phạm Giới luật của mình.

Từ đó về sau, các cư sĩ cung cấp bốn vật dụng cần thiết cho Tăng chúng cũng chia ra hai phe. Các Tỷ-kheo -ni nhận sự giáo huấn của các Tỷ-kheo, các vị Thần hộ pháp, cùng các thân hữu quyến thuộc của họ, cùng chư Thiên lên đến tận cõi Phạm thiên, thậm chí cả đám người ngoại đạo, cũng họp thành hai phái và tiếng huyên náo vang lên đến toàn cõi Phạm thiên.

Sau đó một Tỷ-kheo đến gần đức Như Lai, và thông báo quan điểm của phe tấn xuất là: "người kia bị tẩn xuất theo đúng Chánh pháp". Và quan điểm của những kẻ theo phe người bị tẩn xuất là; "người ấy bị tẩn xuất một cách phi pháp", cùng sự kiện một số người, dù bị phe tẩn xuất cấmđoán, vẫn tụ họp lại để ủng hộ vị ấy.

Đức Thế Tổn bảo:

- Có sự chia rẽ, quả thật, có sự chia rẽ trong giáo hội.

Ngài đến gặp hai phe, nêu rõ sự tai hại trong vấn đề tẩn xuất đối với những người tẩn xuất, cùng sự nguy hại theo sau sự che dấu lỗi lầm đối với phe kia, rồi Ngài ra đi.

Lần khác, khi Hội chúng thực hành lễ Bồ-tát cùng các Tăng sự khác trong cùng một nơi, trong một khu vực, và lại tranh cãi ở trai đường cùng nhiều nơi khác, Ngài liền đưa ra điều luật rằng họ phải ngồi lại với nhau thảo luận lần lượt từng người một từ mỗi phe.

Khi nghe họ vẫn tranh cãi trong tinh xá, Ngài đến bảo:

- Thôi đủ rồi, này các Tỷ-kheo, chúng ta không được tranh cãi.

Một vị trong phe phi chính thống không muốn phiền nhiễu đức Thế Tôn, liền thưa:

- Xin đức Thế Tôn hãy tinh xá. Mong đức Thế Tôn được an tịnh độc cư, thọ hưởng cực lạc đã chứng đắc ngay tại đời này. Chúng con sẽ tự làm cho chính bản thân ô danh vì cuộc khẩu tranh, luận tranh, đấu tranh, giao tranh này.

Nhưng bậc Đạo Sư bảo họ:

- Này các Tỷ-kheo, ngày xưa, vua Brahmadatta, quốc vương ở Kàsi, trị vì tại Ba-la-nại, đã chiếmđoạt vương quốc của vua Dighati ở Kosala, và giết vua ấy, trong lúc sống ẩn tích mai danh. Đến khi vương tử Dighavu tha mạng vua Brahmadatta, hai vị trở thành thân hữu trở về sau. Và như vậy chắc hẳn có nhiều khổ đau và thân ái giữa hai vị vua mang kiếm trượng ấy; quả thật, này các Tỷ-kheo, các ông cần hiểu rõ rằng các ông

đang sống đời tu tập theo Pháp và luật được khéo giảng, thì các ông có thể tha thứ và tỏ từ tâm đối với nhau.

Giáo huấn Tăng chúng đến lần thứ ba, Ngài bảo:

- Thôi đủ rồi, này các Tỷ-kheo, không được tranh chấp nữa.

Và khi Ngài không thấy họ không ngừng lại trước lệnh của Ngài, Ngài ra đi và bảo:

- Quả thật đám người ngu si này giống như bị quỷ ám, chúng không dễ được thuyết phục.

Hôm sau đi khất thực về, Ngài nghỉ trong Hương Phòng và sắp đặt phòng cho thứ tự, rồi cầm y bát, Ngài đứng trên không và ngâm các vần kệ này giữa Hội chúng:

1. Khi Giáo hội bị phân chia hai nhóm,
Dân chúng thường mở miệng kêu vang:
"Mỗi người đều tự tin tưởng khôn ngoan,
Và nhìn kẻ láng giềng đầy khinh bỉ".
2. Tâm mê muội, chứa đầy niềm tự thị,
Chúng mở mồm phạm thượng thật si cuồng,
Vậy là do khẩu nghiệp, chúng sai đường,
Chúng không biết ai dẫn đầu ra lệnh.
3. "Người này nhục mạ tôi, người kia đánh
Người thứ ba chiến thắng, cướp bóc tôi!"
Những ai mang tư tưởng ấy trong người
Không hề muốn giảm dần niềm sân hận.
4. "Xưa nó nhục mạ tôi và đánh đấm,
Nó thắng tôi và đàn áp tôi hoài!"
Ai chẳng mang ý tưởng đó trong người,
Sẽ xoa dịu hận thù, đem hoà hợp.
5. Không hận thù, chỉ tình thương đơn độc
Làm hận thù tiêu diệt, luật ngàn năm,
Một số người khinh bỉ pháp điều thân.
Song kẻ biết giải hoà là trí thiện.
6. Nếu những kẻ bị thương trong tử chiến Cùng những người cướp của, đoạt mạng dân,
Và những ai tàn phá nước lân bang,

Nay có thể cùng cựu thù thân thiết,

7. Thế tại sao chúng Tăng không hoà hiệp,
Các ông nên tìm đồng bạn trí hiền,
Kẻ đồng tâm để chung sống bình yên,
Hiểm hoạ hết, bên người đồng tâm tính,
Ông suốt ngày hân hoan trong Thiền định!

8. Song nếu ông không gặp bạn thân tình,
Thượng sách là ông phải sống một mình,
Như hoàng tử bỏ ngai vàng điện ngọc,
Hay voi già bước lang thang cô độc.
9. Vậy ưu tiên chấp nhận sống độc thân,
Bầu bạn ngu chỉ dẫn đến tranh phân,
Hay đeo đuổi đường đời trong phóng dật,
Như voi nọ trong rừng hoang đi lạc.
*

Khi bậc Đạo Sư đã nói như vậy xong, và Ngài vẫn không giải hoà được hội chúng này, Ngài liền đi đến làng Bàlaka, nơi làm muối, và thảo luận với Tôn giả Bhagu về sự an lạc của độc cư. Sau đó Ngài lại đến nơi cư trú của ba thiện gia nam tử và nói chuyện với họ về hạnh phúc hoà hợp.

Rồi Ngài du hành đến rừng Pàrileyyaka, cư trú tại đó ba tháng, và đi về thẳng Sàvatthi, chứ không trở lại Kosambi.

Quần chúng cư sĩ ở Kosambi thảo luận với nhau và bảo nhau:

- Hiển nhiên các Tôn Gỉa Tỷ-kheo ở Kosambi đã làm hại chúng ta rất nhiều, bậc Đạo Sư bị các vị ấy quấy nhiễu nên ra đi. Chúng ta quyết không trân trọng kính chào các vị ấy, cũng không cúng dường vật và thực khi họ đến nhà, để rồi họ sẽ ra đi, hoặc hoàn tục, hoặc cầu hoà với bậc Đạo Sư.

Và họ làm đúng như vậy.

Các Tỷ-kheo ấy bị túng quẩn vì hình thức xử phạt này, liền đến Sàvatthi thỉnh cầu đức Thế Tôn tha thứ.

*

Bậc Đạo Sư nhận diện tiền thân:

- Thời ấy vua cha là Đại vương Suddhodana (Tịnh Phạn), mẫu hậu là Mahàmàya (Mai-gia) và vương tử Dighàvu chính là Ta.

-ooOoo-

429. Chuyện Đại Anh Vũ (Tiền thân Mahàsuka)

Bất cứ khi nào cây trái sinh...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo.

Chuyện kể rằng vị ấy sống trong rừng gần một làng biên địa ở Kosabbi và nhận được lời giáo huấn từ bậc Đạo Sư theo các đề tài Thiền quán. Dân chúng làm cho ông một an thất trong một nơi họ thường lui tới, cung cấp nơi cư trú cả ngày lẫn đêm và phụng sự ông rất tận tâm chu đáo. Ngay tháng đầu tiên ông an cư mùa mưa, làng ấy bị đốt sạch và dân chúng không còn một hạt thóc nên không thể cúng dường thực phẩm thơm

ngon vào bình bát ông, cho nên mặc dù ông ở trong một nơi thoải mái, ông lại buồn khổ vì thiếu thực phẩm đến độ không thể nhập vào Thánh đạo hay Thánh quả được.

Vì vậy khi hết ba tháng mưa, ông đến yết kiến bậc Đạo Sư, sau những lời ân cần chào hỏi, bậc Đạo Sư bày tỏ huy vọng là mặc dù khó khăn về thực phẩm cúng dường, ông cũng có được một nơi an trú dễ chịu. Vị Tỳ- kheo trình Ngài về tình hình đã diễn tiến ra sao. Khi nghe ông có được một trú xứ an lạc, bậc Đạo Sư bảo:

- Này Tỷ-kheo, nếu sự tình là như vậy, một vị tu khổ hạnh nên dẹp bỏ các thói tham đắm, và tri túc với những thức ăn gì mình nhận được để hoàn thành phận sự của người xuất gia. Các bậc trí ngày xưa khi được sinh vào loài súc vật, dù chỉ sống bằng bụi bặm trong cây hư mục mà mình cư trú, cũng đã bỏ mọi tham dục, tự biết sống đủ để ở lại nơi kia và hoàn thành đạo lý về ân tình. Thế thì tại sao ông lại bỏ một nơi cư trú đầy an lạc chỉ vì thức ăn nhận được quá ít ỏi thô sơ?

Và theo lời thỉnh cầu của vị này, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa có vô số chim anh vũ (két) sống ở vùng Tuyết Sơn trên bờ sông Hằng trong một rừng sung. Vua Anh vũ ấy gặp lúc trái cây nơi mình cư trú đã hết màu, phải ăn bất cứ cái gì còn sót lại, dù là mầm, lá, vỏ cây hoặc giác cây và uống nước sông Hằng, vẫn thấy an lạc và tri túc nơi mình sống.

Do tâm trạng an lạc tri túc này, chiếc ngai của Thiên chủ Sakka rung động. Sakka tìm hiểu nguyên nhân và thấy Anh vũ này, rồi muốn thử thách công hạnh của chim, ngài dùng thần lực làm cho cây héo tàn, trở thành khúc thân cây mục đầy lỗ hỏng đứng trơ vơ bị mưa gió vùi dập, và bụi bặm bay từ các lỗ ấy!

Anh vũ vương vẫn ăn bụi cây và uống nước sông Hằng, không đi đâu khác và vẫn đậu trên ngọn cây, chẳng quan tâm gì đến nắng gió.

Thiên chủ Sakka nhận thấy Anh vũ sống rất tri túc, liền tự bảo: "Sau khi nghe chim nói về đức tính của tình bằng hữu, ta sẽ đến ban cho chim một đặc ân và làm phép cho cây sung sinh bất tử".

Vì thế ngài giả dạng một Thiên nga cùng với hoàng hậu của ngài là Sujà đi trước biến hình thành một nữ thần A-tu-la, ngài đến rừng sung kia, đậu trên một khóm cây gần đó và ngâm kệ bắt đầu đàm thoại với Anh vũ:

1. Bất cứ khi nào cây trái sinh,
Bầy chim đói lại đến đầy cành,
Song khi cây đã thành khô héo,
Lập tức bầy chim bỏ chạy nhanh.
Sau lời này, ngài lại ngâm vần kệ thúc giục chim đi chỗ khác:

2. Này ông mỏ đỏ, hãy đi mau,
Ông vẫn ngồi mơ mộng, cớ sao?

Hãy nói ta nghe, xuân điểu hỡi,
Sao ông bám khúc gỗ khô nào?
Chim Anh vũ đáp:

- Này Thiên nga, do ân nghĩa, ta không rời bỏ cây này.

Rồi chim ngâm hai vần kệ:

3. Ngay khi Anh vũ chúa cầu mong,
Biết rõ mọi điều kiện, chánh chân
Dầu sống, chết hay khi khổ lạc,
Đều không hề bỏ mặc thân bằng
4. Ta muốn ân cần, giữ thiện tâm
Với cây kết bạn đã lâu năm,
Ta mong sống, dẫu lòng không nỡ
Rời bỏ cây khô đã chết dần.
Sakka nghe chim nói, rất hoan hỷ, vừa ca ngợi chim vừa muốn ban cho chim một điều ước, liền ngâm hai vần kệ:

5. Ta biết chim giao hữu thật tình
Trí nhân chắc chắn phải hoan nghênh,
Ta ban chim thứ gì chim mong muốn,
Anh vũ, ước cho thoả ý mình
Nghe vầy, Anh vũ ngâm vần kệ thứ bảy nói lên điều mình ước:

6. Thiên nga, nếu bạn muốn ban ân
Mong ước cho cây sống lại dần
Lần nữa vươn lên sức mạnh cũ,
Quả ngon tươi mát mọc đầy thân.
Rồi Thiên chủ Sakka ngâm vần kệ thứ tam ban đặc ân này:

7. Bạn nhìn! Cây quý quả sai đầy,
Thích hợp cho chim ở chốn này,
Lần nữa vươn lên sức mạnh cũ,
Quả ngon ngọt mát tươi thay!
Cùng với các lời này, Sakka bỏ lốt ngỗng, thị hiện phép thần thông cùng Hoàng hậu Sujà, lấy tay múc nước sông Hằng rảy vào thân cây sung. Lập tức cây mọc lên cành lá sum suê, đầy trái ngọt như mật, tạo thành một cảnh tượng kỳ diệu như đỉnh núi Ngọc Bích lồ lộ.

Anh vũ thấy vậy, vô cùng hoan hỷ, ngâm vần kệ thứ chín tán thán Thiên chủ Sakka:

8. Ước mong Thiên chủ, mọi Thiên thân,
Đều hưởng thọ tràn ngập phước ân,
Hạnh phúc như chim đang thọ hưởng

Khi nhìn cảnh tượng đẹp huy hoàng.
Sau khi ban điều ước cho Anh vũ, và làm phép để cây sung mọc trái bất tử, ngài cùng Hoàng hậu Sujà trở về cõi của ngài.

Để minh hoạ chuyện này, các vần kệ xuất phát từ Trí tuệ Tối thắng được thêm vào đoạn cuối:

9. Ngay khi Anh vũ chúa cầu mong,
Lần nữa cây kia trổ trái dần,
Đế Thích cùng bà hoàng biến mất
Về vườn Thiên lạc cõi Thiên thần.
*

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư bảo:

- Như vậy, này Tỷ-kheo, các bậc trí này xưa dù sinh làm súc vật cũng dứt bỏ tham ái. Thế tại sao nay ông đã được thọ giới trong Giáo pháp tối thượng này, lại còn theo các thói xan tham? Hãy về ở lại chỗ ấy.

Rồi Ngài trao cho vị này một đề tài Thiền quán, và nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy Sakka là Anurudda (À-na-luật-đà) và Anh vũ chính là Ta.

Vị Tỷ-kheo trở về và nhờ Thiền quán đã đắc Thánh quả (A-la-hán).

-ooOoo-

430. Chuyện Tiểu Anh Vũ (Tiền thân Cullasuka)

Nhìn cây vô số ở quanh đây...,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể tại Kỳ Viên liên hệ phẩm Verañjà của Luật Tạng.

Sau thời an cư mùa mưa tại Verañjà, khi bậc Đạo Sư lên đường dẫn đến Sàvatthi, Tăng chúng ngồi tại Chánh pháp đường thảo luận và bảo nhau:

- Này các Hiến giả, đức Như Lai vốn là một vị quý tộc Sát-đế-lỵ được bảo dưỡng tế nhị, dầu đã thành Phật có đủ thần thông lực, vẫn theo lời thỉnh câu của một Bà-la-môn ở Verañjà an cư ba tháng với vị ấy. Rồi do áp lực của Ác Ma, Ngài không nhận được thực phẩm cúng dường từ tay vị Bà-la-môn ấy, thậm chí một ngày thôi, Ngài liền từ bỏ mọi tham dục và cứ ở lại nơi ấy suốt ba tháng sống bằng nước lã và một ít cám xay. Kỳ diệu thay là hạnh tri túc của các đức Như Lai!

Khi bậc Đạo Sư đến hỏi đề tài thảo luận của các vị, Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, không lạ gì ngày nay Như Lai đã bỏ hết mọi tham dục, vì ngày xưa khi được sinh làm súc vật, Ngài cũng xả ly tham dục.

Và sau đó, Ngài kể một chuyện quá khứ. Bấy giờ toàn thể câu chuyện cũng được kể lại với đầy đủ chi tiết giống hệt như chuyện trước.

*

Sakka:

1. Nhìn cây vô số ở quanh đây
Toàn thể xanh tươi, trái mọc đầy,
Cớ sao Anh vũ còn đeo đẳng
Cây đã héo khô tội nghiệp này?
Anh vũ:

2. Chúng ta hưởng thọ đã lâu năm
Trái ngọt ngon mà cây đã mang
Vậy dẫu trái nay không còn nữa,
Cây cần phải được sự quan tâm.
Sakka:

3. Cây chẳng còn sinh trái, lá nào
Than ôi! Cây đã chết, vì sao?
Nay chim còn trách bầy chim bạn
Rằng chúng ta bay đi hết đã lâu?
Anh vũ:

4. Chúng yêu cây bởi trái cây thôi, Nay trái cây không còn nữa rồi,

Bọn ích kỷ ngu si tội nghiệp, Thân tình ân nghĩa tếch mù khơi!

Sakka:

5. Ta đây công nhận mối ân tình,
Chim có lòng chung thuỷ tốt lành,
Đức hạnh như là Anh vũ chúa,
Trí nhân mãi mãi sẽ hoan nghênh.
6. Ta muốn giờ đây ta tặng chim
Điều gì chim ước nguyện trong tim,
Ta cầu chim nói cho ta biết,
Điều ước làm tâm được phỉ nguyền?
Anh vũ:

7. Mong cây này lại có cơ may
Sinh sản lá tươi, trái trĩu đầy,
Ta sẽ vô cùng hoan hỷ thấy
Bầy chim tìm được bảo toàn này!
8. Thế rồi cây ấy được Sak-ka
Rảy nước hồi sinh để mọc ra
Cành lá sum suê đầy bóng mát,
Xinh tươi khả ái vẫn như xưa.
9. Ước mong Thiên chủ, các Thiên thần

Đều hưởng thọ tràn ngập phước ân,
Hạnh phúc như chim đang thọ hưởng
Khi nhìn cảnh tượng đáng hân hoan!
10. Như vậy cây trái được sinh
Nhờ lời Anh vũ nguyện ân tình,
Sak-ka trở lại cùng hoàng hậu
An hưởng vườn Thiên lạc hiển vinh
*

Khi Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy Sakka là Anuruddha và Anh vũ vương chính là Ta.

-ooOoo-

431. Chuyện Nam Tử Hàrita (Tiền thân Hàrita)

Hà-ri Hiền hữu, trẫm nghe rằng...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo bất mãn.

Bấy giờ Tỷ-kheo này trở nên bất mãn sau khi nhìn thấy một nữ nhân phục sức lộng lẫy nên cứ để cho lông tóc, móng tay chân dài ra, và muốn hoàn tục. Khi ông miễn cưỡng bị các vị giáo thọ và giám hộ đưa đi yết kiến bậc Đạo Sư, và được Ngài hỏi xem có đúng là ông thối thất chăng, và tại sao như vậy, ông đáp:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn, chính vì uy lực của dục tham, sau khi nhìn thấy một nữ nhân xinh đẹp.

Bậc Đạo Sư bảo:

- Này Tỷ-kheo, tham dục huỷ hoại công đức, hơn nữa, rất đáng nhàm chán, nó làm cho con người tái sinh vào địa ngục; thế thì sao tham dục này lại không đưa đến sự suy tàn của ông? Bởi vì trận cuồng phong vùi dập đỉnh núi Sineru (Tu-di) vẫn không ngần ngại cuốn đi một ngọn lá khô héo. Chính vì tham dục này, những người thực hành theo trí thức và trí tuệ, đã đắc năm Thắng trí và tám Thiền chứng, dẫu là Thánh nhân vĩ đại, vẫn không đủ khả năng ổn định tâm tư nên sa đoạ đánh mất Thiền lực vi diệu.

Rồi ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh ở một làng trong một gia đình Bà-la-môn có tài sản đến tám triệu đồng, và do màu vàng ánh của ngài, cha mẹ đặt tên ngài là Harittacakumàra (Nam tử Kim sắc). Khi lớn khôn, và đã được giáo dục tại Takkasilà, ngài trở thành người gia chủ. Vừa khi cha mẹ từ trần, ngài đi thanh tra đủ các kho báu của mình và suy nghĩ: "Tài sản kho báu tiếp tục tồn tại, còn những người tạo ra nó lại mất cả rồi. Ta cũng tan thành tro bụi khi chết".

Như vậy do nỗi sợ chết báo động, ngài thực hành đại bố thí, rồi vào vùng Tuyết Sơn sống đời tu hành, đến ngày thứ bảy ngài thành tựu các Thắng trí và các Thiền chứng. Ngài sống ở đó một thời gian bằng củ quả rừng, rồi xuống núi tìm muối và dấm, dần dần ngài đến tận Ba-la-nại.

Ngài sống trong ngự viên và ngày hôm sau, khi khất thực ngài đến cửa cung vua. Vua rất hoan hỷ khi thấy ngài nên đã truyền mời ngài vào ngồi trên vương toạ dưới bóng mát của chiếc Lọng trắng và cúng dường ngài đủ thứ cao lương mỹ vị.

Khi lời nói lời tuỳ hỷ công đức, vua vô cùng đẹp ý hỏi:

- Bạch Tôn giả, ngài sắp đi đâu?

- Tâu Đại vương, chúng tôi tìm một nơi an cư mùa mưa.

- Thế thì tốt lắm, bạch tôn giả. Vua bảo.

Rồi sau buổi điểm tâm, vua cùng đi với ngài đến ngự viên, truyền dựng am thất ban ngày lẫn banđêm cho ngài ở, chỉ định người giữ ngự viên làm hầu cận của ngài, rồi vua kính chào ngài ra về. Từ đó bậc Đại Sĩ thường xuyên ăn uống ở cung vua và sống tại nơi ấy suốt mười hai năm liền.

Một hôm, vua đi dẹp loạn ở biên giới, nên đã giao phó hoàng hậu chăm sóc Bồ-tát, và bảo bà:

- Đừng xao lãng việc phụng sự "Phước điền" của chúng ta.

Từ đó trở về sau, hoàng hậu tự tay phục vụ bậc Đại Sĩ rất chu đáo.

Một hôm, hoàng hậu đã chuẩn bị thực phẩm của ngài xong, và vì ngài đến muộn, nên bà đi tắm nước hương thơm ngát, choàng chiếc y bằng lụa mỏng manh mềm mại, rồi mở cửa thượng lầu nằm xuống một vương sàng nhỏ để cho gió lùa trên thân thể bà.

Sau đó, Bồ-tát đắp hạ y và thượng y, cầm bình bát, du hành qua không gian đi vào cửa sổ ấy. Khi hoàng hậu vội vàng đứng dậy vì nghe tiếng sột soạt của các tấm y bằng vỏ cây trên thân ngài, chiếc y bằng lụa mỏng rơi khỏi người bà. Một đối tượng lạ thường đập vào mắt bậc Đại Sĩ. Rồi một dục tưởng đã ẩn trong tâm ngài từ vô lượng kiếp, chợt bừng dậy như một con rắn nằm trong hộp, xua tan thiền lực của ngài.

Rồi không đủ khả năng ổn định tư tưởng, ngài đến chụp lấy hoàng hậu bằng đôi tay và hai vị lập tức kéo màn che phủ quanh người. Sau khi đã phạm tà dục với bà, ngài thọ thực và trở về ngự viên. Từ đó về sau, ngày nào ngài cũng đến làm như vậy.

Tà hạnh của ngài vang dậy khắp kinh thành. Các cận thần của vua dâng sớ tâu trình vua: "Nhà khổ hạnh Hàrita đang hành động như vậy như vậy".

Vua suy nghĩ: "Họ nói như vậy để ly gián chúng ta" và vua không tin chuyện ấy.

Khi vua đã bình định vùng biên địa xong, liền trở về Ba-la-nại và sau buổi diễn binh oai nghi khắp kinh thành, vua đến gặp hoàng hậu và hỏi:

- Có thật Thánh nhân khổ hạnh Hàrita đã phạm tà dục với ái hậu chăng?

- Tâu Chúa thượng, quả đúng vậy.

Vua vẫn không tin lời bà và suy nghĩ. "Ta sẽ hỏi chính vị ấy". Rồi đi đến ngự viên, vua vái chào ngài, ngồi kính cẩn một bên và ngâm vần kệ đầu để hỏi chuyện:

1. Hà-ri Hiền hữu, trẫm nghe rằng
Tôn giả nay đang sống lỗi lầm,
Trẫm chẳng tin lời đồn đại ấy,
Ngài không phạm tội ý, thân chăng?
Ngài suy nghĩ: "Nếu ta nói ta không phạm tội lỗi, vị vua này sẽ tin ta, nhưng trên thế gian này, không có một căn cứ nào vững chắc bằng nói sự thật. Người nào từ bỏ sự thật, dù ngồi trong Bồ-đề đạo tràng linh thiêng cũng không để đạt quả Phật. Vậy ta cần nói sự thật".

Trong vài trường hợp, một vị Bồ-tát có thể sát sinh, lấy của không cho, phạm tà dục và uống rượu nồng, nhưng vị ấy không được nói dối đi kèm với sự lừa phỉnh vi phạm chân lý của vạn vật. Vì thế ngài ngâm vần kệ thứ hai chỉ nói lên sự thật:

2. Ta phạm ác hành, hỡi Đại vương,
Đúng như Ngài đã được nghe rằng
Mắc vào tà thuật trong trần thế,
Ta đã đi sai lạc bước đường.
Nghe vậy, vua ngâm vần kệ thứ ba:

3. Trí tuệ uyên thâm của thế nhân
Hoài công vô ích, chẳng xua tan
Dục tham bùng dậy trong lòng dạ
Của bậc trí nhân đã lạc đường.
Sau đó Hàrita nêu rõ cho vua thấy uy lực của dục tham qua vần kệ thứ tư:

4. Bốn ác dục này ở thế gian
Uy quyền lấn áp cứ lan tràn:
Tham, sân, vô độ và si ám,
Tri kiến không sao đứng vững vàng.
Vua nghe liền ngâm vần kệ thứ năm:

5. Thánh hạnh tràn đầy với trí minh Hà-ri Hiền giả đáng tôn vinh!

Hiền giả Hàrita ngâm tiếp vần kệ thứ sáu:

6. Ác tâm, tham dục, do liên kết, Huỷ hoại trí nhân hướng Thánh hành.

Sau đó vua ngâm vần kệ thứ bảy khuyến nhủ vị ấy quẳng bỏ mọi tham dục:

7. Vẻ đẹp trong tâm tịnh sáng ngời
Bị hư vì ác dục sinh sôi,
Quẳng ngay, hạnh phúc đang chờ đón,

Quần chúng tuyên dương trí tuệ ngài.
Khi ấy Bồ -tát đã phục hồi năng lực Thiền định và quán sát sự đau khổ của tham dục, ngài ngâm vần kệ thứ tám:

8. Vì tham dục trói buộc thân này,
Sinh sản cho ta quả đắng cay,
Ta quyết cắt sâu cho tận gốc
Mọi mầm tham dục khởi lên đây.
Nói vậy xong, ngài xin phép vua, rồi sau khi được chấp nhận, ngài về tham am tập trung nhãn lực vào đề tài và nhận định, sau đó bước ra khỏi am, ngồi bắt chéo chân trên không và giảng Chánh pháp cho vua, ngài bảo:

- Tâu Đại vương, ta đã tạo nên sự chỉ trích của quần chúng vì ta cư trú một nơi mà ta không nên cư trú. Nhưng giờ đây xin Đại vương hãy tỉnh giác hộ phòng. Còn ta sẽ trở về núi rừng thoát ly mọi ô nhiễm của nữ sắc.

Rồi giữa những giọt nước mắt và tiếng than khóc của vua, ngài trở về Tuyết Sơn, rồi không gián đoạn Thiền định, ngài lên cõi Phạm thiên.

Bậc Đạo Sư biết toàn thể câu chuyện và bảo:

9. Như vậy, Hà-ri bậc trí nhân
Đấu tranh vì Chánh pháp kiên cường,
Vừa khi rời bỏ niềm tham dục,
Hướng đến Phạm thiên tiến thẳng đường.
*

Sau khi ngâm vần kệ do Trí tuệ tối thắng, Ngài tuyên thuyết các Sự Thật. Vào lúc kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ-kheo có tâm thế tục ấy đã đắc Thánh quả.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Thời bấy giờ vua là Ànanda, và Hàrita chính là Ta.

-ooOoo-

432. Chuyện Cậu Bé Có Tài Nhận Dấu Chân (Tiền thân Padakusalamànava)

Pà- ta bị cuốn bởi sông Hằng...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong khi trú tại Kỳ Viên về một cậu bé.

Người ta đồn cậu bé ấy là con của một gia chủ tại Sàvatthi, chỉ có bảy tuổi đã có tài nhận ra dấu chân. Bấy giờ cha cậu bé có ý định thử tài con, liền đi đến nhà người bạn mà không cho cậu biết. Cậu bé chẳng cần hỏi cha đã đi đâu, cứ theo vết chân của cha cậu, đến đứng trước mặt cha. Vì thế một hôm cha cậu hỏi:

- Khi cha ra đi mà không nói với con, làm thế nào mà con biết cha đi đâu?

- Thưa cha, con nhận ra dấu chân của cha. Con có tài về chuyện này.

Sau đó, cha cậu lại muốn thử cậu, liền ra khỏi nhà sau khi ăn sáng, đi vào nhà kế cận, từ đó qua một nhà khác, từ nhà thứ ba ông lại quay về nhà mình, rồi sau đó đi ra cổng Bắc, xong đi một vòng

quanh thành phố từ phải sang trái. Khi đến Kỳ Viên, ông đảnh lễ bậc Đạo Sư, rồi ngồi xuống nghe Pháp. Cậu bé hỏi cha ở đâu, và người nhà bảo:

- Ta không biết.

Cậu lần theo dấu chân cha bắt đầu từ nhà bên cạnh đi theo đúng con đường cha cậu đã đi qua. Sau khi đánh lễ bậc Đạo Sư, cậu đứng trước mặt cha. Và cha hỏi làm sao con đến đây được, cậu đáp:

- Con nhận ra dấu chân cha và lần theo dấu ấy đến đây.

Người cha nói:

- Bạch Thế Tôn, thằng bé này có tài nhận ra dấu chân. Muốn thử nó, con đã đến đây theo cách như vầy như vầy. Nó không thấy con ở nhà, cứ lần theo dấu chân đến đây.

Bậc Đạo Sư bảo:

- Không lạ gì việc nhận ra dấu chân dưới đất. Các bậc trí nhân ngày xưa nhận ra dấu chân trên không gian.

Và theo lời thỉnh cầu, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Thời xưa dưới triều vua Brahmadatta ở Ba-la-nại, vị chánh hậu bị vua chất vấn sau khi phạm tội tà dục, liền tuyên thệ:

- Nếu thần thiếp phạm tội với Chúa thượng, thần thiếp sẽ trở thành một con quỷ cái Dạ-xoa có mặt ngựa.

Sau khi chết, bà trở thành con quỷ cái có mặt ngựa sống trong hang đá ở một khi rừng rậm dưới chân núi và thường bắt những người qua lại trên con đường từ biên giới Đông sang Tây để ăn thịt. Chuyện kể rằng sau khi phục vụ Thiên vương Vessavana (Tỳ-sa-môn) suốt ba năm, quỷ cái nàyđược phép ăn thịt người trong một khu vực dài ba mươi dặm, rộng năm dặm.

Một hôm, một vị Bà-la-môn giàu sang, đẹp trai được một đoàn tuỳ tùng đông đảo hộ tống đi lên con đường ấy. Dạ-xoa liền thấy chàng liền cười lớn chạy xuống chụp chàng, còn đám tùy tùng chạy trốn cả.

Với tốc lực nhanh như gió, quỷ cái bắt được chàng Bà-la-môn ném lên lưng nó và đưa vào hang. Do xúc chạm với chàng trai, quỷ cái bị lòng dục chi phối và cảm thấy yêu mến chàng, nên thay vì ăn thịt chàng, nó lại lấy chàng làm chồng và cả hai sống hoà hợp với nhau.

Từ đó mỗi khi quỷ cái bắt được đàn ông, nó lấy áo quần, lúa gạo, dầu mỡ cùng với mọi thứ khác phục vụ chàng đủ món cao lương mỹ vị, còn nó vẫn ăn thịt người.

Khi nào nó đi xa, nó sợ chàng trốn thoát, nên vẫn lấy hòn đá lớn đậy miệng hoang trước khi đi. Trong thời gian họ sống an vui như vậy, thì Bồ-tát vừa từ giã từ đời trước và nhập vào mẫu thai của quỹ cái với vị Bà-la-môn. Sau mười tháng, quỷ cái sinh một con trai, nó vô cùng thương yêu cả vị Bà-la-môn lẫn hài nhi, nên nuôi nấng họ chu đáo. Dần dần khi cậu bé lớn lên, quỷ cái đặt con vào trong hang với cha, rồi đóng cửa lại.

Một hôm Bồ-tát biết mẹ đã đi xa liền giở hòn đá lên và đưa cha ra ngoài. Khi quỷ cái trở về, hỏi aiđã giở hòn đá, cậu bé đáp:

- Thưa mẹ, chính con, vì cha và con không thể ngồi trong tối mãi.

Do thương con, quỷ cái không nói lời nào nữa. Một hôm Bồ-tát hỏi cha:

- Thưa cha, miệng cha khác với miệng mẹ, vì sao vậy?

- Con ơi, mẹ con là quỷ Dạ-xoa sống bằng thịt người, còn cha là con người.

- Nếu vậy, tại sao ta sống ở đây? Mau lên, chúng ta quyết trở về nơi chốn loài người.

- Con ơi, nếu ta cố chạy trốn, mẹ con sẽ giết chết cả hai ta đấy.

Bồ-tát an ủi cha và bảo:

- Cha đừng sợ, việc đem cha trở về chốn loài người là phận sự của con.

Hôm sau, khi mẹ cậu đã ra đi, cậu đem cha chạy trốn.

Khi quỷ cái trở về thấy thiếu họ, nó liền chạy như gió bắt họ lại và nói:

- Này chàng Bà-la-môn, tại sao chàng bỏ chạy, chàng có thiếu gì ở đây chăng?

- Nàng ơi, xin đừng giận ta. Con nàng đem ta đi theo nó đấy.

Quỷ cái không nói gì thêm, do lòng thương con, nó an ủi hai cha con và mang họ trở về hang sau vài ngày bay vùn vụt.

Bồ-tát suy nghĩ: "Mẹ ta chắn hẳn phải có một ranh giới hoạt động. Giả sử ta hỏi mẹ về ranh giới mà mẹ có quyền hạn, rồi ta sẽ đi trốn bằng cách vượt qua ranh giới đó".

Vì vậy, hôm ngồi kính cẩn bên mẹ, ngài hỏi:

- Mẹ ơi, những gì thuộc về mẹ đều truyền cho con; vậy mẹ nói cho con biết ranh giới vùng đất của ta.

Quỷ cái liền cho biết mọi phạm vi đất đai núi rừng ở mọi hướng và chỉ rõ khu vực dài ba mươi dặm rộng năm dặm ấy, xong lại bảo:

- Hãy xem nó nhiều như vậy đấy con à.

Sau hai ba ngày, khi mẹ đã vào rừng, ngài cõng cha lên vai và chạy nhanh như gió theo dấu hiệu mẹ ngài đã cho biết, ngài đến bờ sông làm ranh giới. Quỷ cái trở về thấy thiếu họ liền đuổi theo.

Bồ-tát mang cha ra giữa sông, còn quỷ cái đứng bên bờ thấy họ đã vượt phạm vi của nó, đành phải đứng lại và kêu:

- Con yêu quý ơi, hãy đến đây cùng với cha con. Mẹ có lỗi lầm gì nào? Có việc già không vừa lòng con về phương diện nào? Xin chàng hãy trở về mau!

Quỷ cái van xin chồng con như vậy.

Vị Bà-la-môn đã qua bên kia sông. Quỷ cái lại khẩn cầu con:

- Con yêu quý ơi, đừng làm như vậy. Hãy trở lại mau!

- Mẹ ơi, cha và con là người, còn mẹ là quỷ Dạ-xoa. Cha và con không thể ở mãi với mẹ được.

- Thế con không muốn trở lại à?

- Không mẹ ơi!

- Vậy nếu con không muốn trở lại mà sống trên thế giới loài người khổ lắm con ạ, những người không biết nghề gì thì không thể sống được. Mẹ có phép thuật cao cường, nhờ thần lực đó, ta có theo dõi dấu chân của người đã đi qua sau mười hai năm. Điều này sẽ làm kế sinh nhai của con. Này con, hãy nhận lấy phép thuật cao giá này.

Mặc dù lòng nặng trĩu đau buồn, do lòng thương con, quỷ cái cũng trao thần chú cho con. Bồ- tátđứng giữa sông chắp hai tay lại kính cẩn nhận thần chú và vái chào mẹ ngài:

- Mẹ ơi, con xin từ giã mẹ.

Quỷ cái bảo:

- Con ơi, nếu con không trở lại, mẹ không thể sống được.

Nó liền đấm vào ngực và ngay lập tức do sầu não vì con, tim nó tan nát ra nên nó chết tại chỗ.

Bồ- tát biết mẹ đã chết, liền gọi cha và đi làm giàn hoả thiêu xác mẹ. Sau khi dập tắt lửa, ngài cúng nhiều loại hoa đủ màu sắc, vừa than khóc, vừa cùng cha trở về Ba-la-nại.

Quân hầu tâu trình vua:

- Một cậu thanh niên có tài nhận ra dấu chân đang đứng chờ ở cửa.

Khi vua ra lệnh ngài vào chầu, ngài bước vào cung kính vái chào vua. Vua hỏi:

- Này Hiền hữu, khanh biết nghề gì?

- Tâu Chúa thượng, tiểu thần biết theo dõi dấu chân của người đã trộm cắp tài vật cách mười hai năm trước và bắt lấy họ.

- Thế thì vào đây hầu hạ trẫm. Vua bảo.

- Tiểu thần muốn phục vụ Chúa thượng với tiền công mỗi ngày một ngàn đồng.

- Tốt lắm, này Hiền hữu, nhất định khanh sẽ phục vụ trẫm.

Rồi vua ban cho ngài một ngàn đồng tiền mỗi ngày.

Một hôm, vị tế sư hoàng gia trình vua:

- Tâu Chúa thượng, chàng thanh niên chưa sử dụng xảo thuật để làm gì cả nên ta không biết chàng có tài hay không, vậy bây giờ ta quyết thử tài chàng.

Vua sẵn sàng chấp nhận. Hai vị thông báo cho các vị thủ kho và lấy các châu báu có giá trị nhất từ lầu thượng xuống, rồi sau khi đi lẩn quẩn ba vòng quanh cung điện, họ đặt cái thang trên nóc tường và theo đó đi ra ngoài.

Sau đó họ vào Pháp đình, ngồi xuống rồi trở ra đặt cái thang trên tường và leo xuống và đi vào thành. Khi đến bờ hồ nước, họ đi vòng quanh ba vòng rào trang nghiêm rồi thả các báu vật vào hồ và trèo lên lầu thượng như cũ.

Hôm sau có tiếng huyên náo và nhiều người kêu:

- Các báu vật đã bị mất khỏi cung rồi.

Vua giả vờ không biết gì, triệu Bồ-tát đến bảo:

- Này Hiền hữu, nhiều báu vật vừa bị mất trộm khỏi cung, ta phải tìm ra dấu vết.

- Tâu Chúa thượng, đối với một người có khả năng theo dấu vết bọn trộm cắp và thu hồi bảo vật cách mười hai năm trước, thì chẳng có gì thần kỳ khi tìm được tài vật chỉ mất sau một ngày đêm. Tiểu thần quyết đem lại đủ, xin Chúa thượng yên tâm.

- Vậy Hiền hữu hãy thu hồi báu vật.

- Tâu Chúa thượng, được lắm.

Ngài nói xong đi đảnh lễ hương hồn mẹ, rồi vừa niệm thần chú vừa đứng yên trên thượng lầu, rồi trình vua:

- Tâu Chúa thượng, dấu chân của bọn trộm sẽ được tìm ra.

Sau đó theo dấu chân vua và vị tế sư, ngài vào cung thất, từ đó ra đi, ngài bước xuống khỏi thượng lầu và sau ba vòng đi quanh hoàng cung, ngài đến gần cái hồ. Đứng bên hồ, ngài bảo:

- Tâu Chúa thượng, bắt đầu ở nơi này từ bức tường, tiểu thân thấy dấu chân trên không. Xin đem cho tiểu thần một cái thang.

Sau khi nhờ đặt cái thang sát tường, ngài leo xuống và tiếp tục theo dõi dấu vết, ngài đến Pháp đình. Rồi trở vào cung, ngài bảo đặt cái thang sát tường và từ đó ngài leo xuống đi đến hồ nước. Sau khi đi quanh hồ nước ba lần, ngài bảo:

- Tâu Chúa thượng, bọn trộm đã vào hồ này.

Và vừa lấy báu vật ra như thể chính ngài đặt chúng vào đó, ngài dâng vua và trình:

- Tâu Chúa thượng, hai đạo tặc này là người đặc biệt, chúng đã vào cung bằng cách này.

Quần thần búng ngón tay biểu lộ hân hoan cực độ và rất nhiều khăn quàng tung vẫy lên. Vua suy nghĩ:

"Có lẽ chàng trai này theo dõi dấu chân nên biết nơi bọn trộm cất báu vật, nhưng chàng không bắt được chúng". Sau đó vua phán:

- Hiền hữu đã mang lại ngay báu vật được bọn trộm mang đi, nhưng khanh có thể bắt bọn trộm và đưa chúng cho trẫm chăng?

- Tâu Chúa thượng, bọn trộm ở đây, chúng không ở đâu xa.

- Chúng là ai thế?

- Tâu Đại vương, bất cứ ai thích đều có thể làm kẻ trộm cả. Đại Vương đã thu hồi báu vật rồi, sao Đại Vương còn muốn bắt trộm làm gì nữa? Xin Đại Vương hỏi chuyện ấy.

- Này Hiền hữu, trẫm ban cho khanh mỗi ngày một ngàn đồng tiền, vậy hãy đem bọn trộm đến cho trẫm.

- Tâu Chúa thượng, khi đã thu hồi báu vật, thì cần gì bắt bọn trộm nữa?

- Này Hiền hữu, đối với mọi người, bắt bọn trộm còn quan trọng hơn thu hồi báu vật.

- Thế thì, tâu Chúa thượng, tiểu thần sẽ không tâu với Chúa thượng: "Bọn trộm là những người này, người nọ", nhưng tiểu thần sẽ kể một chuyện xảy ra đã lâu. Nếu Chúa thượng thông thái, Chúa thượng sẽ biết ý nghĩa của nó.

Rồi sau đó ngài kể một chuyện cổ.

* Chuyện vũ công Pàtala

- Tâu Đại vương, ngày xưa có một vũ công tên là Pàtala sống không xa thành Ba-la-nại, trong một ngôi làng bên bờ sông. Một hôm y vào Ba-la-nại cùng với vợ, và sau khi kiếm tiền được nhờ múa hát, y ăn cơm uống rượu no say vào dịp lễ hội chấm dứt.

Trên đường về làng cũ, y đến bờ sông ngồi ngắm dòng nước chảy vừa uống rượu nồng. Trong lúc đang say không biết mình sức yếu, y bảo: "Ta sẽ buộc ống sáo lớn vào cổ và đi xuống sông". Y dắt vợ trong tay bước dần xuống sông. Nước vào trong các lỗ ống sáo, rồi sức nặng của ống sáo làm y bắt đầu chìm xuống.

Nhưng khi vợ thấy y chìm dần, nàng bỏ mặc y, bước lên khỏi sông và đứng trên bờ.

Vũ công Pàtala lúc chìm lúc nổi và bụng trướng lên vì uống nước. Vì vậy vợ y suy nghĩ: "Chồng ta sắp chết, ta muốn xin chàng một bài hát và sẽ kiếm sống nhờ hát giữa đám đông", và nói:

- Chàng ơi, chàng sắp chìm xuống nước, xin hãy cho thiếp một bài hát nhờ đó thiếp tìm ra cách nuôi thân.

Rồi nàng ngâm vần kệ:

1. Pà-ta bị cuốn bởi sông Hằng,
Ca vũ tài hoa tiếng lẫy lừng,
Chàng hởi! Chàng trôi theo sóng nước,
Xin chàng cho thiếp khúc ca ngâm.

Lúc ấy vũ công Pàtala nói:

- Nàng ơi, làm sao cho nàng một khúc ca bây giờ đây? Nước vốn là nguồn cứu khổ cho con người nay đang giết ta.

Và y ngâm một vần kệ:

2. Những người đang bất tử mê man,
Nhờ nước vào để cứu thương,
Ta bị chết ngay trong sóng nước,
Nơi nương tựa đã hoá tai ương!
Bồ -tát muốn giải thích vần kệ này, bảo:

- Tâu Đại vương, giống như nước là nơi nương tựa của mỗi con người, cũng vậy là vua chúa đối với dân. Nếu hiểm hoạ phát sinh từ vua chúa, thì còn ai đề phòng được hiểm hoạ ấy nữa? Tâu Đại vương, đây là một vấn đề bí mật. Tiểu thần vừa kể một câu chuyện mà người hiền trí có thể hiểu được. Xin Đại vương có thể hiểu nó.

- Này Hiền hữu, trẫm không hiểu chuyện bí mật như thế này đâu. Hãy bắt bọn trộm đến cho trẫm.

Sau đó Bồ-tát nói:

- Tâu Đại vương, thế thì xin hãy nghe chuyện này và sẽ hiểu.

Rồi ngài lại kể một chuyện khác.

* Chuyện người thợ gốm.

- Tâu Đại vương, ngày xưa trong ngôi làng ngoài cổng thành Ba-la-nại, có một người thợ gốm thường tìm đất sét đem về làm đồ gốm, và bao giờ cũng lấy đất sét ở một nơi mà y đào thành một cái hố sâu vào một hang núi.

Bấy giờ, một hôm y đang đào đất sét, một cơn giông bão trái mùa bùng lên làm mưa rơi tầm tã, gây ngập lụt và làm sụp một bên hố khiến y bị vỡ đầu. Y liền ngâm vần kệ, khóc than rên rĩ:

3. Cái vật nhờ hạt nẩy mầm
Để nuôi sống tất cả người trần,
Đã làm ta vỡ đầu ra đấy,
Chỗ dựa thành tai hoạ bản thân.
- Tâu Đại vương, giống như đại địa cầu vốn là nơi nương tựa của loài người, lại làm vỡ đầu chú thợ gốm, cũng vậy, khi vua vốn như là nơi nương tựa của toàn dân, lại đứng lên đóng vai kẻ trộm, thì còn ai có thể đề phòng hiểm hoạ ấy? Tâu Đại vương, thế Đại vương có nhận ra tên trộm giả dạng trong câu chuyện này chăng?

- Này Hiền hữu, chúng ta không cần ý nghĩa ẩn kín trong đó. Hãy nói rõ: "Đây là tên trộm" và bắt nó dẫn đến giao cho trẫm.

Vẫn bảo vệ nhà vua và không nói thành lời: "Chính Đại vương là tên trộm", ngài lại kể một chuyện khác.

* Chuyện ngọn lửa.

Tâu Đại vương, ngay chính kinh thành này, có một nhà người kia bị cháy. Y ra lệnh một người khác vào nhà đem tài sản của y ra. Đến khi chính chủ nhà này vào nhà và đem đồ vật ra thì cánh cửa chợt đóng lại. Y bị khói toả mù mịt không thể tìm đường thoát ra và bị ngọn lửa lên cao hành hạ đau đớn, y ở trong nhà khóc vừa than vừa ngâm vần kệ này:

4. Cái vật làm tan vỡ giá băng
Và thiêu đốt hạt giống khô cằn,
Đang thiêu huỷ tứ chi ta đó,
Chỗ dựa thành tai hoạ khổ thân.
- Tâu Đại vương, có một người cũng giống như ngọn lửa, vốn là nơi nương tựa của quần chúng, lại đi ăn trộm một số lớn châu báu. Xin Đại vương đừng hỏi tiểu thần về tên trộm này nữa.

- Này Hiền hữu, cứ đưa tên trộm đến cho trẫm.

Vẫn không nói rõ cho vua chính vua là kẻ trộm, ngài lại kể một chuyện nữa.

* Chuyện bội thực.

- Tâu Đại vương, ngày xưa chính tại kinh thành này có một người ăn thái quá nên không thể tiêu hoá thức ăn. Đau đớn điên cuồng, y ngầm vần kệ than khóc:

5. Thức ăn nuôi sống biết bao người
Đạo sĩ, La-môn giữa đời,
Đã giết chết ta đây trọn vẹn,
Nơi nương tựa hoá khổ đau rồi.
- Tâu Đại vương, có một người vốn như lúa gạo, là nơi nương tựa của toàn dân, lại ăn trộm tài vật. Khi tài vật đã được thu hồi, tại sao còn hỏi về tên trộm làm gì?

- Này Hiền hữu, nếu khanh có tài thì cố đem tên trộm đến cho trẫm.

Ngài kể một chuyện khác để làm cho vua hiểu.

* Chuyện gió thổi.

- Tâu Đại vương, ngày xưa ngay chính kinh thành này có ngọn gió thổi lên làm gãy tay chân một người. Y ngâm vần kệ than khóc:

6. Những bậc trí nhân vẫn nguyện cầu
Gió lành tháng sáu thổi lên mau.
Gió nay làm tứ chi ta gãy,
Chỗ dựa thành tai hoạ khổ đau!

- Tâu Đại vương, như vậy quả thật hiểm nguy phát xuất từ nơi nương tựa của thần. Xin hãy hiểu chuyện này.

- Hiền hữu, hãy đem tên trộm cho trẫm.

Để làm cho vua hiểu, ngài lại kể một chuyện khác.

* Chuyện cành cây.

- Tâu Đại vương, ngày xưa trên triền núi Tuyết Sơn có một cây mọc lên chĩa ra nhiều nhánh làm nơi trú ẩn vô số chim muông. Một hôm hai cành cọ xát vào nhau. Khói bốc ra rừ đó và các đốm lửa rơi xuống. Thấy vậy, chim chúa ngâm vần kệ này:

7. Lửa phát sinh ra ở ngọn cây
Chúng ta an trú bấy lâu nay,
Mau lên, giải tán bầy chim nhé,
Chỗ dựa thành nơi hiểm hoạ đầy.
- Tâu Đại vương, giống như cây kia là nơi nương tựa của chim muông, cũng vậy, vua là nơi nương tựa của thần dân. Nếu vua đóng vai kẻ trộm, thì ai còn đề phòng hiểm hoạ ấy nữa? Xin Đại vương lưu ý điều này.

- Này Hiền hữu, cứ đem tên trộm đến cho trẫm.

Sau đó ngài lại kể một chuyện khác nữa:

* Chuyện giết mẹ già.

- Tâu Đại vương, trong một làng ở Ba-la-nại, về phía tây một nhà quý tộc, có con sông đầy cá sấu hung dữ, gia đình ấy chỉ có một trai. Lúc cha mất, cậu con chăm sóc mẹ già chu đáo.

Dù con trai không muốn, bà mẹ vẫn đem một cô gái quý tộc về làm vợ chàng. Ban đầu, nàng tỏ ra yêu thương mẹ chồng, nhưng về sau dần dần nàng có đủ con trai con gái đông đúc, nàng muốn trừ khử bà đi.

Mẹ của nàng cũng ở nhà này. Trước mặt chồng, nàng tìm ra đủ mọi lỗi lầm của mẹ chồng để làm cho chồng có ác cảm với bà, và bảo:

- Thiếp không thể nuôi mẹ chàng được nữa. Chàng phải giết mẹ đi.

Khi chàng bảo:

- Sát nhân là chuyện hệ trọng, làm sao ta có thể giết mẹ được?

Nàng đáp:

- Khi nào mẹ chàng ngủ rồi, chúng ta sẽ đem bà đi, luôn cả giường chiếu đồ đạc, rồi ném bà vào sông cá sấu. Cá sấu sẽ kết liễu đời bà.

- Thế mẹ nàng ở đâu?

- Mẹ thiếp ngủ cùng phòng với mẹ chàng.

- Thế thì nàng đi đánh dấu vào chiếc giường mẹ ta nằm bằng cách buộc sợi dây thừng vào đó.

Nàng làm như vậy rồi bảo:

- Thiếp đã đánh dấu lên đó rồi.

Người chồng đáp:

- Hãy đợi ta một lát, để mọi người đi ngủ trước đã.

Rồi chàng nằm xuống giả vờ ngủ, sau đó, đi buộc sợi dây thừng vào giường mẹ vợ. Sau đó chàng đánh thức vợ dậy, cả hai cùng đi khiêng bà mẹ lẫn tất cả giường chiếu đồ đạc ném xuống sông. Bầy cá sấu giết chết bà ăn thịt ngay tại chỗ.

Hôm sau nàng khám phá mọi việc đã xảy ra cho chính mẹ mình, liền nói:

- Chàng ơi, mẹ thiếp đã chết rồi, nay ta hãy giết mẹ chàng.

Chàng bảo:

- Được lắm. Chúng ta làm một giàn hoả tại nghĩa địa, rồi thả bà vào đó để giết bà.

Thế là hai vợ chồng khiêng bà ra nghĩa địa trong lúc bà ngủ và đặt bà tại đó. Rồi người chồng hỏi vợ.

- Nàng có đem lửa theo không?

- Chàng ơi, thiếp đã quên rồi.

- Vậy đi tìm lửa đem về đây.

- Chàng ơi, thiếp không dám đi, còn nếu chàng đi, thiếp không dám ở lại đây. Vậy chúng ta cùng đi nhé.

Khi họ đi rồi, bà già tỉnh giấc vì gió lạnh, thấy đấy là nghĩa địa, bà suy nghĩ: "Chúng nó muốn giết ta, chúng đã đi tìm lửa. Chúng không biết ta mạnh dạn ra sao đâu".

Bà liền lấy một tử thi đặt lên giường và lấy khăn phủ kín, rồi chạy đi trốn trong hang núi ở nơi ấy. Hai vợ chồng đem lửa về, tưởng tử thi ấy là bà già, họ đốt xác rồi ra về.

Có một kẻ trộm kia dấu một gói đồ vật trong hang núi ấy, lúc trở về thấy bà già, y suy nghĩ: "Đây chắc là quỷ Dạ-xoa. Gói đồ đạt của ta bị quỷ ám". Thế là y đi tìm thầy bùa trừ tà.

Thầy bùa đọc thần chú và đi vào hang. Bà già bảo:

- Ta không phải là quỷ Dạ-xoa, nào chúng ta cùng hưởng số báu vật này.

- Làm sao tin được chuyện này?

- Cứ đặt lưỡi ông trên lưỡi ta đây.

Thầy bùa làm theo, bà già cắn một khúc lưỡi của thầy và nhả xuống đất. Thầy bùa suy nghĩ: "Chắc chắn đây là quỷ Dạ-xoa". Thầy bùa vừa chạy vừa la to, với cái lưỡi chảy

máu ròng ròng. Hôm sau bà già mặc y phục sạch sẽ và đi lấy gói báu vật đem về. Nàng dâu thấy bà vội hỏi:

- Mẹ ơi mẹ tìm gói này ở đâu thế?

- Con yêu quí ơi, hễ ai bị đốt cháy trên giàn hoả trong nghĩa địa này đều tìm được một gói như vậy.

- Mẹ yêu quí ơi, thế con có thể tìm được gói này chăng?

- Nếu con cũng làm như ta thì con cũng có được.

Thế rồi nàng không nói gì với chồng, và trong lòng ước muốn có được số châu báu để đeo, nàngđi đến đó tự thiêu sống. Hôm sau, chồng nàng thấy vợ vắng, liền hỏi:

- Mẹ yêu quí ơi, giờ này sao con dâu mẹ chưa đến?

- Này đồ bất nhân kia, người chết làm sao trở về được?

Rồi bà già ngâm vần kệ:

8. Một gái xuân xanh đẹp biết bao
Với vòng hoa trắng đội trên đầu
Dầu thơm sực nức chiên-đàn toả,
Đã được ta ngày trước đón dâu;
Nương tử hân hoan mong ngự trị
Trong nhà ta ở tự bao lâu;
Con dâu đuổi mẹ đi nơi khác,
Chỗ dựa thành tai hoạ thảm sâu!
- Tâu đại vương, giống như con dâu đối với mẹ chồng, cũng vậy, vua là nơi tựa của toàn dân. Nếu hiểm hoạ xuất phát từ đó, thì ta có thể làm gì được nữa? Xin đại vương hãy chú ý điều này.

- Này hiền hữu, trẫm không hiểu những việc khanh nói với trẫm. Cứ đem tên trộm lại đây cho trẫm.

Ngài suy nghĩ: "Ta muốn che chở vua", rồi ngài lại kể một chuyện khác.

* Chuyện đuổi cha già

- Tâu Đại vương, ngày xưa nay trong kinh thành này, một người kia sinh con trai đúng như lời nguyện cầu. Khi đứa con ra đời, người cha vui mừng hớn hở vì ý tưởng có được con trai, nên yêu quí nó lắm.

Khi đứa trẻ lớn lên, người cha cưới vợ cho con rồi dần dần ông già yếu không làm được việc nữa. Vì thế con ông bảo:

- Cha không làm việc được nữa, cha phải ra khỏi đây.

Rồi nó đuổi cha ra khỏi nhà.

Ông cha hết sức chật vật kiếm sống bằng nghề hành khất, vừa ngâm vần kệ vừa khóc than:

9. Kẻ mà ta ước muốn sinh ra,
Cũng chẳng hoài công mong đợi kia
Lại đuổi ta đi: Nơi trú ẩn
Hoá thành tai hoạ khổ thân ta.
- Tâu đại vương, giống như người cha già phải được đứa con khoẻ mạnh chăm sóc, cũng vậy, là toàn dân phải được vua bảo vệ, giờ đây mối hiểm hoạ lại xuất phát từ vua, người bảo vệ toàn dân. Tâu Đại vương, xin hãy hiểu từ việc này rằng kẻ trộm là người như vậy như vậy.

- Trẫm không hiểu việc này, dù đó là sự thực hay không phải sự thực. Hoặc là ngươi phải mang kẻ trộm đến đây cho trẫm, hoặc chính ngươi là kẻ trộm ấy.

Vua cứ bảo chàng thanh niên như vậy mãi. Vì thế ngài hỏi vua:

- Tâu Đại vương, Đại vương thực sự muốn kẻ trộm bị bắt chăng?

-Đúng vậy, Hiền hữu.

- Thế thì tiểu thần sẽ công bố giữa quần chúng rằng kẻ trộm là người như vầy như vầy.

- Hãy làm như vậy, này Hiền hữu.

Khi nghe vua nói, ngài suy nghĩ: "Vua này không cho phép ta che chở nữa. Ta sẽ bắt tên trộm bây giờ".

Khi quần chúng đã tụ tập đầy đủ, ngài vần kệ với họ:

10. Này dân thành thị đến nông làng
Tề tựu lắng nghe tất cả rằng:
Kìa! Nước lạnh nay đang đang bốc cháy
Chốn bình an phát xuất kinh hoàng.
Đại vương, Đạo sĩ cùng than vãn
Quốc độ bị cường đạo phá tan.
Vậy mọi người dân lo tự vệ,
Nơi nương tựa bỗng hoá tai nàn.
Khi quần chúng nghe nói vậy, họ suy nghĩ: "Vị vua này, mặc dù phải bảo vệ thần dân, lại đổ lỗi cho người khác. Sau khi chính tay vua bỏ báu vật vào hồ, vua lại bảo đi tìm kẻ trộm! Để cho vua khỏi đóng vai kẻ trộm trong tương lai, chúng ta phải giết hôn quân vô đạo này".

Vì thế họ đứng lên với trượng, chùy trong tay đánh vua và vị tế sư cho đến chết tại chỗ. Rồi họ làm lễ quán đảnh (rảy nước thánh phong vương) Bồ-tát và đưa ngài lên ngôi.

*

Sau khi kể chuyện này để làm sáng tỏ các Sự Thật, bậc Đạo Sư bảo:

- Này cư sĩ, không kỳ diệu gì khi nhận ra dấu chân trên mặt đất, vì các bậc trí ngày xưa còn nhận ra chúng trên không nữa.

Lúc kết thúc các Sự Thật, vị cư sĩ cùng con trai đắc Sơ quả (Dự Lưu).

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy, người cha là Kassapa (Ca-diếp) và chàng thanh niên có tài nhận dấu chân chính là Ta.

-ooOoo-

433. Chuyện Vị Khổ Hạnh Ca- Diếp Nhiều Lông Tóc (Tiền thân Lomasa Kassapa)

Đại vương sẽ giống hệt Ind-ra...,

Bậc Đại Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo có tâm thế tục.

Bậc Đạo Sư hỏi vị ấy có thật ông đang mơ tưởng chuyện thế tục chăng, và khi ông công nhận làđúng như vậy, bậc Đạo Sư bảo:

- Này Tỷ-kheo, ngay cả người đạt danh vọng tối cao đôi khi cũng phạm vào một việc ô danh. Những tội lỗi như thế làm ô uế những vị thanh tịnh, huống nữa là một kẻ như ông.

Rồi Ngài một chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa vương tử Brahmadatta, con vua Brahmadatta ở Ba-la-nại, và con trai vị tế sư hoàng gia tên là Kassapa là đôi bạn đồng học mọi nghệ thuật tại nhà một giáo sư. Dần dần khi vua cha băng hà, thái tử lên trị vì quốc độ. Kassapa nghĩ: "Hiền hữu ta đã lên làm vua và sẽ ban đại quyền lực cho ta. Song ta có cần gì quyền lực? Ta muốn giã từ đức vua cùng song thân và trở thành vị khổ hạnh".

Vì vậy ngài vào vùng Tuyết Sơn sống đời tu hành, vào ngày thứ bảy ngài thành đạt các Thắng trí và các Thiền chứng và tự kiếm sống bằng những thứ nhặt được giữa đồng hoang. Quần chúng đặt cho ngài biệt danh nhà khổ hạnh Lomasa Kassapa (Ca-diếp có nhiều lông tóc).

Vì hành hạ thân xác, và trở thành vị khổ hạnh khắc nghiệt cao độ. Do công năng khổ hạnh này, cung của Thiên chủ Sakka (Đế Thích) rúng động. Sakka suy xét duyên cớ, quan sát ngài và suy nghĩ: "Vị khổ hạnh này nhờ công năng toả nhiệt độ mãnh liệt như thế, có thể khiến ta rớt khỏi ngai Đế Thích. Ta sẽ phá huỷ khổ hạnh của vị ấy sau khi bí mật hội kiến với vua Ba-la-nại".

Nhờ thần lực của một vị Thiên chủ, Đế Thích vào cung của vua Ba-la-nại lúc nửa đêm và chiếu sáng toàn thể cung thất với hào quang trên thân, vừa đứng trên không trước mặt vua, Thiên chủ vừa thức vua dậy và nói:

- Thưa Đại vương, dậy đi.

Vua hỏi:

- Ngài là ai? Vua hỏi.

- Ta là Sakka. Thiên chủ đáp

- Ngài đến đây vì duyên cớ gì?

- Thưa Đại vương, Đại vương có muốn quyền ngự trị duy nhất toàn cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ) này chăng?

- Dĩ nhiên trẫm muốn.

Nghe thế thiên chủ bảo:

- Vậy hãy đưa Lomasa Kassapa về đây và ra lệnh cho vị ấy làm lễ tế đàn bằng cách giết thú vật, rồi Đại vương sẽ trở thành vĩ đại như Thiên chủ Sakka (tức Indra), thoát khỏi già chết, và cầm quyền khắp cõi Diêm- phù-đề.

Rồi ngài ngâm vần kệ đầu:

1. Đại vương sẽ giống hệt Ind-ra,
Sẽ chẳng chết đi, cũng chẳng già,
Ví thử Kas-sa-pa nhận lệnh
Tế đàn sinh vật tại cung vua.
Nghe lời ngài, vua sẵn sàng chấp thuận. Sakka bảo:

- Thế thì đừng chậm trễ.

Rồi ngài biến mất.

Hôm sau, vua triệu vị quốc sư tên Sayha đến bảo:

- Này Tôn giả, xin đến gặp thân hữu Lomasa Kasaspa của trẫm và nhân danh trẫm nói với người như vầy: "Nếu Đại vương khuyến dụ được ngài làm lễ hiến tế sinh vật, đại vương sẽ trở thành vị chúa độc nhất ở toàn cõi Diêm-phù-đề và sau đó ban ngài nhiều vùng lãnh thổ như ý ngài muốn. Vậy xin ngài cùng đi với tôi về làm lễ tế đàn".

Vị ấy đáp:

- Tâu Đại vương, xin vâng.

Sau đó dùng trống lệnh truyền tìm chỗ vị khổ hạnh cư trú, và khi có người kiểm lâm bảo: "Tiểu thần biết", Sayha liền đi theo sự hướng dẫn của y cùng một đoàn tuỳ tùng đông đảo, đến kính lễ vị hiền nhân và vừa cung kính ngồi một bên, vừa trình thông điệp của vua. Vị hiền nhân liền bảo:

- Này Sayha, Tôn giả nói gì vậy?

Rồi Ngài ngâm bốn vần kệ từ chối vị này:

2. Không hải đảo nào giữa đại dương
Được người canh giữ thật an toàn

Hòng mong lôi cuốn ta, Tôn giả,
Vào việc bạo tàn đại bất lương.
3. Lòng tham lợi dưỡng với vinh danh, Tội ác từ đây vẫn phát sinh,

Đưa đến khổ ưu không gián đoạn Ác hành tai hại đáng chê khinh!

4. Thà làm kẻ khốn khó ly gia,
Khất thực kiếm ăn khắp mọi nhà
Hơn phải tạo nên điều tội lỗi
Sẽ mang ô nhục trút đầu ta.
5. Thà cầm bình bát ở trong tay
Để tránh thật xa tội lỗi này,
Hơn chiếm được toàn quyền quốc độ
Nhờ hành động ác độc như vầy.
Sau khi nghe ngài nói, vị quốc sư ra về trình vua. Vua suy nghĩ: "Nếu vị ấy không chịu đến đây thì ta làm gì được?", rồi ngồi im lặng. Nhưng nửa đêm, Thiên chủ Sakka lại đến đứng trên không và bảo:

- Thưa Đại vương, tại sao Đại vương không truyền gọi ẩn sĩ Lomasa Kassapa về và ra lệnh vị ấy làm lễ hiến tế súc vật?

- Khi được lệnh truyền gọi, vị ấy đã từ chối về đây.

- Thưa Đại vương, hãy trang điểm cho công chúa Candavatì (Nguyệt Nương), ái nữ của Đại vương, và nhờ chính tay Sayha đưa nàng đi và bảo vị ấy: "Nếu Tôn giả muốn về dâng tế lễ, Chúa thượng sẽ ban thưởng công nương này làm vợ ngài". Rõ ràng vị ấy sẽ sinh lòng say mê công chúa và về đây.

Vua sẵn sàng chấp thuận và hôm sau nhờ chính tay Sayha đưa công chúa đi. Sayha đem công chúa đến đó, và sau lời chào hỏi thông thường cùng ca ngợi vị hiền giả, vị quốc sư bảo đưa đến trình diện với ngài nàng công chúa diễm lệ khả ái như tiên nữ cung kính đứng xa xa.

Vị khổ hạnh mất ngay trí đức khi nhìn thấy nàng và chỉ nhìn thế thôi, ngài đã tiêu tan hết Thiền lực. Vị quốc sư thấy ngài đã đắm say luyến ái nàng, liền bảo:

- Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả muốn hiến tế, Chúa thượng sẽ ban công chúa này về làm vợ ngài.

Ngài rung động vì mãnh lực của tham dục liền hỏi:

- Chắc chắn Chúa thượng sẽ ban nàng cho ta chứ?

- Đúng vậy, nếu ngài làm tế lễ, Chúa thượng sẽ ban nàng cho ngài.

- Tốt lắm. Nếu ta được nàng, ta sẽ làm lễ hiến tế.

Rồi đem nàng đi cùng ngài ngay lúc ấy với các chòm tóc bện của một vị khổ hạnh và mọi thứ khác, ngài leo lên chiếc vương xa lộng lẫy đi về Ba-la-nại. Còn vua, ngay khi

nghe tin đang chắc chắn đến đó, liền chuẩn bị lễ đàn ở hố hiến tế sinh vật.

Khi thấy ngài đã đến, vua bảo:

- Nếu Hiền hữu dâng lễ hiến tế, trẫm sẽ sánh ngang với Thiên chủ Indra, và khi tế lễ hoàn tất, trẫm sẽ ban công chúa cho Hiền hữu.

Vị khổ hạnh Kasapa sẵn sàng chấp thuận.

Vì thế hôm sau vua cùng công chúa Candavatì đi đến hố hiến tế sinh vật. Tại đó có đủ loại súc vật bốn chân như voi, ngựa, bò đực và các loài khác đặt thành một dãy. Ẩn sĩ Kasapa lãnh việc hiến tế bằng cách giết chết tất cả bọn chúng.

Lúc ấy thần dân tụ tập quanh đó bảo:

- Hỡi Tôn giả Lomasa Kasapa, việc này không thích hợp cũng không xứng đáng với ngài, tại sao ngài làm như vậy?

Và vừa than vừa khóc, họ vừa ngâm hai vần kệ:

6. Nhật, nguyệt đều mang đại lực thân,
Thuỷ triều không nhượng lực phàm trần,
La-môn, Đạo sĩ đầy oai lực,
Song vẫn kém xa lực nữ nhân.
7. Nguyệt Nương cũng vậy, đã làm cho
Ca-diếp Hiền nhân mắc tội to,
Thúc giục ngài theo lời Chúa thượng
Tế đàn sinh vật tại cung vua.
Vào lúc này để bắt đầu tế lễ, Kasapa nhấc bảo kiếm lên để đánh vào cổ vương tượng. Con voi thấy thanh kiếm, kinh hoàng sợ chết, liền rống thật lớn. Khi nghe tiếng voi rống, các súc vật kia, cả bầy voi ngựa, bò đực vì sợ chết, đồng rống lên thật lớn và quần chúng cũng kêu thét lên.

Kasapa nghe các tiếng rống kia, lòng xúc động và nghĩ lại các chòm tóc bện của mình. Lúc ấy ngài nhờ đến các chòm tóc, râu và lông phủ khắp ngực và toàn thân. Đầy hối hận, ngài kêu lớn:

- Than ôi, ta đã phạm ác nghiệp không xứng đáng với tính cách của ta.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ tám bày tỏ xúc động của mình:

8. Ác nghiệp này ta đã muốn làm,
Chính là kết quả của lòng tham,
Cái mầm dục vọng đang tăng trưởng,
Gốc rễ nó, ta quyết cắt ngang.
Sau đó vua phán:

- Này Hiền hữu, đừng sợ, hãy dâng tế lễ và ngay bây giờ trẫm sẽ ban cho Hiền hữu công chúa Candavatì, cùng với vương quốc của trẫm và cả một đống châu báu cao ngất nữa.

Nghe thế, ẩn sĩ Kassapa đáp:

-Tâu Đại vương, ta không muốn tội ác này tràn ngập tâm ta.

Rồi ngâm vần kệ kết thúc:

9. Đáng ghét bao tham dục thế thường
Thà theo khổ hạnh tốt lành hơn,
Ta làm ẩn sĩ nguyền ly dục,
Ngài giữ nước nhà với Nguyệt Nương.

Cùng với những lời này, ngài tập trung vào một đối tượng Thiền quán. Khi phục hồi được định lực đã mất, ngài ngồi bắt chéo chân trên không, thuyết Pháp cho vua, khuyên nhủ vua tinh cần làm thiện sự và bảo vua huỷ bỏ tế đàn cùng ban lệnh ân xá cho quần chúng. Rồi thể theo lời thỉnh cầu của vua, ngài bay lên không trở về nơi an trú của mình. Trong thời gian ngài còn sống, ngài tu tập các Phạm trú Viên mãn (Tứ Vô lượng tâm) và được sinh lên Phạm thiên giới.

*

Sau Pháp thoại, bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật. Lúc kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ-kheo có tâm thế tục đã đắc Thánh quả (A-la-hán).

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Thuở ấy vị đại quốc sư là Sàriputta và vị khổ hạnh Lomassa Kasapa chính là Ta.

-ooOoo-

434. Chuyện Chim Hồng Nga (Tiền thân Cakkavàka)

Đôi chim lông óng ả, màu vàng...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo tham lam.

Người ta bảo vị ấy tham muốn các vật dụng cần thiết trong đời sống xuất gia và bỏ quên mọi phận sự của một sư trưởng và giáo thọ hướng dẫn đệ tử, thường vào thành Sàvatthi thật sớm. Sau khi ăn cháo gạo tuyệt hảo với nhiều loại thực phẩm loại cứng tại nhà nữ cư sĩ Visàkha, lại ăn thêm suốt ngày nhiều loại cao lương mỹ vị với cơm thịt, và vẫn chưa thoả mãn, ông đi từ đó đến nhà ông Tiểu Cấp Cô Độc, cung vua Kosala và nhiều nơi khác nữa. Vì thế một hôm có cuộc thảo luận tại Chánh pháp đường liên hệ đến tính tham lam của ông.

Khi bậc Đạo Sư biết đề tài Tăng chúng đang thảo luận, Ngài truyền đưa vị Tỷ-kheo đến và hỏi có thật ông tham lam chăng. Và khi ông đáp:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn,

Bậc Đạo Sư hỏi:

- Này Tỷ-kheo, tại sao ông tham lam? Ngày xưa cũng vì tham ăn, không thỏa mãn với những xác voi chết, ông đã rời Ba-la-nại và lang thang quanh quẩn bờ sông Hằng, vào tận vùng Tuyết Sơn.

Và sau đó ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, một con Quạ tham lam đi quanh quẩn ăn xác voi chết, và không thoả mãn, nó nghĩ: "Ta muốn ăn mỡ cá trên bờ sông Hằng". Rồi sau vài ngày ở tại đó ăn cá chết, nó vào vùng Tuyết Sơn sống bằng các loại quả rừng.

Khi đến một hồ sen rộng nhiều rùa cá, nó thấy hai con chim Thiên nga với bộ lông vàng óng ả sống bằng cây rong Sevàla, nó nghĩ: "Đôi chim này thật mỹ lệ, đầy hảo tướng. Thức ăn của chúng chắc phải thích thú lắm. Ta muốn hỏi chúng đó là thức gì, rồi cũng ăn như thế và ta sẽ có màu lông óng ả kia".

Vì vậy Quạ đến gần, sau lời chào hỏi ân cần theo thông lệ với đôi chim khi chúng đang đậu trên ngọn cây, quạ ngâm vần kệ ca ngợi chúng:

1. Đôi chim lông óng ả màu vàng
Quanh quẩn đó đây, lạc thú tràn
Chim loại gì người yêu mến nhất
Là điều ta mong muốn biết cho tường.
Nghe vậy, Hồng nga ngâm vần kệ thứ hai:

2. Này Quạ, vượt lên mọi dã cầm,
Hồng nga được hạnh phúc ban ân
Mọi miền vang dậy tình thân ái
Người lẫn chim đều vẫn tán dương
Hãy biết Hồng nga là Ngỗng đỏ
Bạo gan vùng vẫy nước sông Hằng
Nghe vầy, Quạ ngâm vần kệ thứ ba:

3. Trái gì sung mãn ở trên sông
Tìm thấy "thịt" cho bạn Ngỗng hồng?
Hãy nói món trời cho Ngỗng hưởng
Để sinh sắc đẹp, lực tăng cường?
Hồng nga liền ngâm vần kệ thứ tư:

4. Chẳng trái gì ăn ở giữa sông,
Và đâu có: "thịt" với chim Hồng
Sè-và-la ấy đem chà vỏ
Làm thức ăn không có lỗi lầm.
Sau đó Quạ ngâm hai vần kệ:

5. Ta chẳng thích lời ấy, Ngỗng hồng,
Trước kia ta thưởng thức cần dùng
Để nuôi ta sống, cần phù hợp

Với dáng bề ngoài ta ước mong.
6. Nay ta nghi hoặc, bởi ta ăn
Gạo, muối, dầu, bơ, thịt, quả ngon
Như các anh hùng say yến tiệc
Khi vừa trở lại khải hoàn môn
Vậy ta thưởng thức đầy hương vị,
Song dẫu ta đang sống thật là sang,
Hình dáng bề ngoài ta vẫn thế
Bên Hồng nga chẳng thể ngang bằng!
Sau đó Hồng nga bảo cho Quạ biết lý do tại sao Quạ không đạt được dung sắc mỹ lệ trong khi chính Hồng Nga đã đạt được qua các vần kệ còn lại:

7. Không thoả vì hoa quả rớt rơi
Trong vùng nghĩa địa hoả thiêu người,
Tham lam, Qua vẫn bay lơ lững
Săn đuổi mồi ngon cám dỗ hoài.
8. Song những ai mong phạm ác hành,
Chỉ vì dục lạc, giết sinh linh,
Lương tâm giày xéo thân mòn mỏi,
Vẻ đẹp, tráng cường huỷ hoại nhanh.
9. Vậy cái thiện nhân chẳng hại ai,
Hình dung cường tráng, vẻ xinh tươi,
Bởi vì mỹ sắc, ta cần biết,
Chẳng phải thuộc vào thực phẩm thôi.
Như vậy Hồng nga dùng nhiều phương tiện chỉ trích Quạ. Sau khi Quạ bị khiển trách như vậy, nó bảo:

- Ta chẳng muốn có sắc đẹp cuả Thiên nga nữa.

Và nó bay đi xa với tiếng kêu quác quác.

*

Sau Pháp thoại, bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật. Lúc kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ-kheo tham lam đã đắc Nhị quả (Nhất Lai).

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy, con Quạ là Tỷ-kheo tham lam này, Hồng nga mái là mẫu thân Ràhula và Hồng nga trống chính là Ta.

-ooOoo-

435. Chuyện Ước Mơ Chóng Phai Tàn (Tiền thân Halidaràga)

Trong chốn rừng hoang vắng một mình...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một chàng thanh niên bị một thiếu nữ thô tục cám dỗ. Phần duyên khởi chuyện này sẽ xuất hiện trong Chương Mười ba, Tiền thân Cullàrada, số 477, tập IV.

*

Bấy giờ theo cổ tích này, cô thiếu nữ biết rằng nếu chàng thanh niên khổ hạnh phá huỷ giới đức, chàng sẽ rơi vào uy lực của nàng. Rồi nghĩ cách dụ dỗ chàng và đưa chàng trở lại cõi trần tục, nàng bảo:

- Giới đức được hộ phòng cẩn mật ở rừng sâu, nơi các đặc tính của dục lạc như sắc đẹp, tiếng hay và các thứ tương tự như thế không có mặt, nên giới đức ấy không mang lại nhiều kết quả; song nó sẽ mang kết quả sung mãn trong cõi đời thế tục khi đối diện trực tiếp với sắc đẹp, cùng các thứ kia. Vậy chàng hãy đi cùng thiếp về hộ phòng giới đức tại đó.

Và nàng ngâm vần kệ đầu:

1. Trong chốn rừng hoang vắng một mình
Con người có thể giữ tâm lành,
Dễ dàng chịu đựng trò lôi cuốn,
Song ở thôn quê hoặc thị thành
Đầy rẫy biết bao mùi cám dỗ
Người vươn đến hạnh phúc tối cao minh.
Khi nghe vậy, chàng khổ hạnh trẻ tuổi đáp:

- Cha ta đã vào rừng. Khi người trở lại, ta sẽ xin phép người và đi theo nàng.

Nàng suy nghĩ: "Có lẽ chàng còn thân phụ. Nếu vị ấy thấy ta ở đây, vị ấy sẽ lấy đầu mũi đòn gánhđánh chết ta. Ta phải chạy trốn trước". Vì thế nàng bảo chàng trai:

- Thiếp sẽ ra đi lên đường về trước chàng và để lại dấu chân sau đó, chàng cần phải đi theo thiếp.

Khi nàng đã đi rồi, chàng không đem củi về, cũng không lấy nước uống, mà chỉ ngồi thừ người suy nghĩ miên man, đến khi cha về, chàng cũng không ra đón.

Vì thế cha chàng hiểu con ngài đã rơi vào uy lực của nữ nhân, liền bảo:

- Này con, sao con chẳng tìm củi hay mang nước về uống, cũng chẳng có gì ăn, sao con chẳng làm gì cả mà chỉ ngồi người ra suy nghĩ?

Chàng trai khổ hạnh đáp:

- Thưa cha, người ta nói rằng giới đức được hộ phòng trong rừng hoang không đem lại kết quả mấy, nhưng nó sẽ phát sinh nhiều kết quả giữa của đời. Con muốn đi hộ phòng giới đức tại đó. Bạn đồng hành của con đã đi trước và bảo con theo sau. Vậy con muốn đi cùng bạn con. Nhưng khi sống tại đó, con phải cư xử theo cách nào?

Vừa hỏi câu này, chàng vừa ngâm vần kệ thứ hai:

2. Thưa cha, xin giải toả nghi nan:
Ví lỡ con đi lạc bước đường,
Từ chốn rừng này vào xóm nọ,
Người nào giữ đức độ hiền lương,
Hay là môn phái nào tu tập
Con phải noi theo thật chánh chơn?
Sau đó thân phụ chàng ngâm các vần kệ còn lại:

3-4. Một kẻ nào con tín nhiệm luôn,
Và con tạo được mối yêu thương,
Người này tin cậy lời con nói,
Tỏ với con kiên nhẫn nhịn nhường,
Người ấy chẳng bao giờ phạm lỗi
Về lời nói, ý tưởng hay thân,
Hãy đem người ấy vào lòng dạ
Theo sát người kia tựa bạn vàng
5-6. Với hạng người thay đổi lạ lùng
Như lời loài khỉ vượn nhảy lung tung,
Tính tình bất định, thì con nhớ
Đừng hướng tâm giao kết bạn cùng,
Dù số phần con quanh quẩn mãi
Một mình trơ trọi ở trong rừng.
7. Hãy tránh xa đường hướng ác hành,
Như con tránh rắn dữ cho nhanh,
Hay như người lái xe xa lánh
Một lối đi gai gốc gập ghềnh.
8-9. Các nỗi khổ đau vẫn ngập tràn
Khi người hầu cận hạng si cuồng,
Đừng giao kết bọn người ngu xuẩn,
Lời nói của cha phải phục tuân,
Làm bạn với phường vô trí ấy
Chỉ làm mồi khổ não đau buồn.
Khi được cha khuyến giáo như vậy, chàng trai đáp:

- Nếu con đi đến chỗ người đời, con không thể tìm được các bậc hiền trí như cha. Con sợ đến đó lắm rồi. Con muốn ở lại đây hầu cận bên cha.

Sau đó phụ thân chàng lại khuyến giáo nhiều hơn nữa và dạy chàng các nghi thức tu tập đưa đến Thiền định vi diệu. Rồi chẳng bao lâu, chàng trai phát triển các Thắng Trí và các Thiền chứng và về sau chàng cùng cha đều được sinh lên cõi Phạm thiên.

*

Sau Pháp thoại, bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật. Lúc kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ-kheo mơ tưởng thế tục đã đắc Sơ quả (Dự Lưu).

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy vị khổ hạnh trẻ tuổi là Tỷ-kheo có tâm hướng về thế tục này, cô gái thuở ấy là cô gái ngày nay và cha chàng chính là Ta.

-ooOoo-

436. Chuyện Cái Hộp (Tiền thân Samuggu)

Kìa đến từ đâu, các bạn ta?...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo có tâm hướng đến thế tục.

Chuyện kể rằng bậc Đạo Sư hỏi có thật vị ấy đang tham đắm thế tục chăng, và khi ông thú nhậnđúng như vậy. Ngài bảo:

- Này Tỷ-kheo, tại sao ông ham muốn nữ nhân? Nữ nhân thật là độc ác, vô ơn. Ngày xưa các ác quỷ Asura (A-tu-la) nuốt nữ nhân vào bụng và dù canh giữ nữ nhân trong bụng, chúng cũng không thể làm cho nữ nhân trung thành với một nam nhân được. Vậy thì bằng cách nào ông sẽ có khả năng làm chuyện ấy.

Rồi sau đó Ngài kể một chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa, khi vua Brahmadatta trị vì ở Ba-la-nại, Bồ-tát từ bỏ tham dục lạc thế gian, vào vùng Tuyết Sơn theo đời tu tập, ngài ở đó sống bằng quả rừng và phát triển các Thắng trí cùng các Thiền chứng.

Không xa thảo am của ngài, có một ác quỷ Asura (A-tu-la). Thỉnh thoảng nó đến gần bậc Đại Sĩ và nghe Pháp, nhưng vẫn đứng trong rừng trên xa lộ, nơi có nhiều người tu tập, nó bắt họ và ăn thịt.

Thời ấy có một nữ nhân quý tộc ở quốc độ Kàsi, cực kỳ diễm lệ, sống ở một làng biên địa. Một hôm nàng đi thăm cha mẹ và khi trở về, ác quỷ này thấy bọn người theo hộ tống nàng liền hoá hình khủng khiếp nhảy vào họ. Bọn người này đánh rơi khí giới cầm trong tay và chạy trốn. Ác quỷ thấy giai nhân ngồi trên xe ngựa, đâm ra say mê nàng, liền đem nàng về làm vợ.

Từ đó ác quỷ đem cho nàng bơ sữa, gạo, cá, thịt và các món ăn khác, cùng trái cây để ăn và điểm trang nàng với đủ thứ y phục châu báu. Để canh giữ nàng cho an toàn, nó đặt nàng vào một cái hộp, rồi nuốt vào bụng và giữ nàng trong bụng.

Một hôm nó muốn tắm, liền đến hồ nước kéo hộp ra và đem nàng ra ngoài, nó tắm rửa, xoa dầu thơm cho nàng và khi đã mặc xiêm y cho nàng xong, nó bảo:

- Nàng hãy vui chơi giây lát ngoài trời.

Rồi không nghi ngờ có sự nghi hại nào, ác quỷ đi hơi xa để tắm.

Vừa lúc ấy chàng con trai của Vàyu, một tà thuật sư, đeo kiếm bên lưng, đang du hành trên không. Khi nàng thấy y, nàng đưa tay theo kiểu làm dấu hiệu cho y đến gần.

Tà thuật sư liền đáp xuống đất. Sau đó nàng đặt y vào hộp rồi ngồi lên đó, đợi ác quỷ Asura đến, trước khi nó bước lại gần chiếc hộp, nàng mở hộp ra và bước vào, nằm trên vị tà thuật sư, lấy xiêm áo của nàng phủ lên người y. Ác quỷ Asura đến nơi, không quan sát kỹ chiếc hộp cứ tưởng chỉ có cô nàng, nên lại nuốt hộp vào bụng và trở về hang.

Trong khi đi đường, nó suy nghĩ: "Đã lâu lắm từ khi ta thăm vị ẩn sĩ khổ hạnh. Hôm nay ta muốn đi đảnh lễ ngài". Còn ngài đã thấy nó từ đằng xa, biết rằng có hai người trong bụng ác quỷ, nên ngài ngâm vần kệ đầu bảo nó:

1. Kìa đến từ đâu, các bạn ta?
Chào mừng ba vị đến thăm nhà,
Vui lòng ở với ta giây lát,
Ta chắc các ngươi sống thuận hoà,
Hạnh phúc, vì lâu ngày chẳng thấy
Vị nào qua lại chốn đường xa.
Khi nghe vầy, ác quỷ Asura suy nghĩ: "Ta đã đến đây một mình để thăm vị khổ hạnh này, và ngài lại nói có ba người; ý ngài muốn ám chỉ gì vậy? Ngài nói vì biết rõ hiện trạng mọi việc, hay ngài hoá điên và nói nhảm nhí?" Sau đó nó đến gần ngài kính cẩn ngồi một bên và ngâm vần kệ thứ hai đàm đạo với ngài:

2. Tôi đến thăm ngài chỉ một thân
Chứ không người, vật khác đi cùng,
Cớ sao ngài nói, thưa Tôn giả,
"Kìa đến từ đâu, các bạn vàng,
Tất cả ba người cùng đủ mặt
Hôm nay quả thật đáng chào mừng!"
Vị khổ hạnh này đáp:

- Ngươi có thật sự muốn nghe lý do chăng?

- Thưa vâng, bạch Thánh giả.

- Vậy hãy nghe đây.

Ngài đáp và ngâm vần kệ thứ ba:

3. Hãy biết rằng ngươi với vợ ngươi,
Nằm yên trong hộp ấy là hai
Được canh phòng kỹ trong lòng kín,
Chơi với Và-yu Tứ thật vui!
Khi nghe vầy, ác quỷ Asura suy nghĩ: "Các tà thuật sư chắc chắn phải đầy các trò xảo quyệt, giả sử hắn cầm kiếm trong tay và rạch bụng ta ra để trốn thoát thì sao?"

Và vô cùng hốt hoảng, ác quỷ nhả chiếc hộp ra, đặt trước mặt nó.

Bậc Đạo Sư muốn làm sáng tỏ vấn đề với Trí tuệ tối thắng của ngài, liền ngâm vần kệ thứ tư:

4. Ác quỷ vì gươm, thấy hãi kinh,
Nhả ra chiếc hộp tự trong mình,
Đặt ngay xuống đất nhìn cô vợ
Trang điểm vòng hoa thật đẹp xinh
Như thế cô dâu cùng chú rể
Và- yu Tử nọ hưởng men tình!
Chiếc hộp vừa được mở ra thì vị tà thuật sư niệm thần chú, vừa chụp thanh kiếm vừa vụt lên không. Khi thấy vậy, ác quỷ Asura hài lòng vì bậc Đại Sĩ đến độ nó ngâm các vần kệ được gợi cảm hứng cốt để ca tụng ngài:

5. Thánh giả nhãn quang thấy rõ ràng
Đắm chìm hạ liệt bọn nam nhân,
Làm thân nô lệ cho nhi nữ,
Tôi giữ nó vào trong bụng luôn
Như chính đời tôi song khốn nạn,
Nó chơi trò mất nết hư thân.
6. Ngày đêm săn sóc nó, canh chừng
Như ẩn sĩ chăm chút lửa rừng,
Song nó vẫn sa vào tội lỗi
Vượt ngoài vòng đạo lý công bằng.
Dính vào nữ giới tất nhiên phải
Gánh chịu bao ô nhục cuối cùng.
7. Tưởng dấu trong mình, chẳng thấy ai,
Nó là sở hữu của riêng tôi,
Song tên nó chính là "dâm phụ",
Nó phạm tội kia trái đạo trời.
Liên luỵ nữ nhân ắt phải chịu
Nhận bao ô nhục đến tàn đời.
8. Bọn nam nhi thật chỉ hoài công
Địch với ngàn mưu chước nữ nhân.
Tin tưởng hộ phòng là chắc chắn
Cứ như vực thẳm cứ xuôi dần
Xuống miền địa ngục bao chàng ngốc
Nó đã lôi vào chỗ liệt vong.
9. Người tránh lối đường của nữ nhi
Sống đầy hạnh phúc thoát sầu bi,

Thấy niềm cực lạc trong cô tịch,
Xa lánh hồng nhan phản bội kia!
Cùng với những lời này, ác quỷ quì xuống chân bậc Đại Sĩ, vừa tán thán ngài, vừa nói:

- Bạch Thánh giả, con đã được ngài cứu mạng. Vì nữ nhân độc ác kia, con suýt bị tà thuật sư giết chết.

Sau đó Bồ Tát thuyết Pháp cho nó và bảo:

- Đừng làm hại nàng ấy. Hãy giữ giới hạnh.

Rồi ngài an trú nó vào Ngũ giới.

Ác quỷ nói:

- Dù con đã giữ nó trong bụng, con vẫn không thể giữ nó an toàn được. Vậy còn ai giữ được nó nữa?

Vì thế nó thả cho nàng đi, rồi trở về hang cũ trong rừng.

*

Sau Pháp thoại, bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật. Lúc kết thúc các Sự Thật, vị Tỳ kheo có tâm thế tục đã đắc Sơ quả (Dự Lưu).

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy vị khổ hạnh có thần thông chính là Ta.

-ooOoo-

437. Chuyện Chó Rừng Pùtimunsa (Tiền thân Pùtimunsa)

Sao Pù -ti lại ngó trừng trừng...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc ngụ tại Kỳ Viên về việc chế ngự dục tham.

Có một thời nhiều tỳ kheo không hộ phòng các căn môn. Bậc đạo sư báo trưởng lão Ànanda:

- Ta phải giáo huấn các tỳ kheo này.

Và do tăng chúng thiếu sự điều phục thân tâm, Ngài triệu tập các tỳ kheo lại rồi ngồi trên bảo toạđược trang hoàng lộng lẫy, Ngài bảo các vị:

- Này các tỳ kheo, thật không chính đáng khi một tỳ kheo chịu sự chi phối của sắc đẹp cá nhân (tịnh tướng) khiến vị ấy sinh lòng luyến ái các đặc điểm thể chất hoặc tinh thần của con người, vì giả sử vị ấy chết ngay lúc ấy, vị ấy sẽ bị tái sinh vào địa ngục, ác thú, đoạ sứ; vậy các ông đừng sinh tâm luyến ái các đặc điểm thể chất cùng các thứ tương tự như thế. Một tỳ kheo nên để tâm đến các đặc điểm tinh thần hay thể chất. Những ai làm như vậy ngay trong cảnh đời hiện tại nàyđều bị hoàn toàn huỷ hoại. Vì thế, này các tỳ kheo, con mắt tham dục cần phải được tiếp xúc với cái đinh sắt nóng đỏ mới có ích lợi.

Đến đây Ngài nói thêm chi tiết:

- Có lúc các ông cần quán sát tịnh tướng, và có lúc các ông đừng quan tâm đến nó. Vào lúc quán sát tịnh tướng, đừng quán sát nó dưới ảnh hưởng của vật khả ái, nhưng hãy quán sát nó dưới ảnh hưởng của vật bất khả ái. Như vậy các ông sẽ không bị đoạ lạc khỏi trú xứ chân chánh của mình. Và trú xứ này của các ông là gì? Đó chính là Bốn Thiền quán chân chánh, Thánh đạo Tám ngành và Chín trú xứ siêu việt. Nếu các ông đi đúng trong lĩnh vực chân chánh này của mình, Ác Ma sẽ không tìm được lối vào; song nếu các ông bị tham dục chi phối và quán sát sự vật dưới ảnh hưởng của tịnh tướng cá nhân như con chó rừng Pùtimansa, thì các ông sẽ bị đoạ lác khỏi trú xứ chân chánh của mình.

Và cùng với các lời này, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa dưới triều đại Brahmadatta, quốc vương ở Ba-la-nại, hàng trăm dê rừng trú trong một hang núi tại vùng rừng rậm trên sườn dãy Tuyết Sơn.

Không xa chỗ ở của chúng, có con chó rừng tên là Pùtimansa sống trong hang với vợ nó là Venì.

Một hôm nó quanh quẩn cùng vợ, rình rập bầy dê và suy nghĩ: "Ta phải tìm cách ăn thịt mấy con dê này". Rồi nhờ mưu mẹo nó giết được một con dê. Cả hai vợ chồng nó nhờ ăn thịt dê trở thành lực lưỡng đẫy đà. Dần dần số dê giảm xuống.

Trong số đó có con dê cái khôn ngoan tên là Melamàtà. Dù nhiều mưu kế tài giỏi, chó rừng cũng không thể giết dê được, nên lúc bàn luận với vợ, nó bảo:

- Nàng ơi tất cả bầy dê đã chết hết. Chúng ta phải bày mưu ăn thịt dê cái này, giờ đây là kế hoạch của ta. Nàng phải đi một mình, làm thân với dê cái, rồi khi niềm tin tưởng đã phát sinh giữa nàng và nó, ta sẽ nằm xuống giả vờ chết. Sau đó, nàng đến gần dê cái, bảo: "Bạn ơi, chồng tôi đã chết, tôi đang khốn khổ, trừ bạn tôi không có ai cả. Vậy hãy đến đây cùng tôi than khóc và chôn xác chồng tôi". Và cùng với những lời này, nàng hãy đến đưa dê lại đây với nàng. Sau đó ta sẽ nhảy lên cắn cổ nó giết đi.

Chó cái sẵn sàng đồng ý. Sau cuộc kết giao bằng hữu với dê cái, khi lòng tin tưởng đã vững chắc, nó nói với dê cái những lời do chồng nó đưa ra. Dê cái đáp:

- Bạn ơi, cả họ hàng nhà tôi bị chồng nàng ăn thịt. Tôi sợ lắm. Tôi không dám đi.

- Đừng sợ gì cả, chó chết rồi làm sao hại bạn được nữa?

- Chồng chị có ác ý lắm nên tôi sợ.

Nhưng sau khi bị nài nỉ van xin mãi, dê cái suy nghĩ: "Chắc có lẽ nó chết thật rồi", nên đồng ý đi với chó cái. Nhưng trên đường đi nó suy nghĩ: "Ai biết chuyện gì sẽ xảy ra?", nên sinh lòng nghi ngờ, nó bảo chó cái đi trước và đề phòng chó đực rất tinh tế.

Chó đực nghe tiếng chân của chúng liền suy nghĩ: "Con dê đến rồi", nên ngẩng đầu lên và đảo mắt nhìn quanh. Dê cái thấy nó làm vậy liền nói: "Con chó khốn nạn độc ác này

muốn dụ ta vàoể giết ta, nó nằm kia giả vờ chết". Dê cái quay đi và chạy trốn.

Khi chó cái hỏi tại sao nó chạy trốn, dê cái ngâm vần kệ đầu nêu lý do:

1. Sao Pù-ti lại ngó trừng trừng
Vẻ chó nhìn dê thật ghét căm,
Với bạn thế, ta cần thận trọng,
Và nên chạy trốn thật nhanh chân.

Cùng với các lời này, dê quay đi và chạy thẳng về chỗ ở của nó. Chó cái không thể ngăn dê được, rất tức giận con dê và trở về bên chồng, ngồi than khóc. Lúc ấy chó rừng trách mắng vợ qua vần kệ thứ hai:

2. Ve-ni, vợ dại, kém thông minh
Lại khoe đã kết bạn thân tình,
Bơ vơ trong bụi, ngồi than khóc,
Vì bị Mê-la phỉnh gạt mình.

Nghe vậy, chó cái ngâm vần kệ thứ ba:

3. Chàng cũng chẳng khôn khéo tý nào!
Ngu si, chàng đã ngẩng đầu cao,
Trừng trừng, chàng mở to hai mắt,
Dù giả vờ nằm chết đó sao?
4. Người nào khôn khéo đúng thời cơ
Biết nhắm mắt và mở mắt to,
Ai mở mắt nhìn không đúng lúc
Như Pù-ti nọ, phải buồn lo!

Đây là vần kệ xuất phát từ Trí Tuệ Tối thắng của đức Phật.

Nhưng chó cái lại an ủi Pùtimansa và bảo:

- Chàng ơi, đừng bực mình nữa, thiếp sẽ tìm cách mang dê lại đây, và khi nó đến chàng hãy canh chừng và chụp lấy nó.

Sau đó nó đi tìm dê cái và bảo:

- Bạn ơi, bạn đến thăm thật ích lợi cho chúng tôi, vì ngay khi bạn vừa xuất hiện, chồng tôi đã hồi tỉnh và nay đã sống lại rồi, xin hãy đến nơi nói chuyện thân tình với chàng.

Nói xong nó ngâm vần kệ thứ năm:

5. Tình bạn, trước đây hãy phục hồi,
Xin đem bát cháo đến nhà tôi,
Chồng tôi tưởng chết nay hồi tỉnh,
Hãy viếng chàng, thăm hỏi thật vui.

Dê suy nghĩ: "Con chó cái khốn nạn độc ác này lại muốn dụ dỗ ta. Ta không nên hành động như một kẻ thù lộ diện mà ta sẽ tìm cách đánh lừa nó". Dê liền ngâm vần kệ thứ sáu:

6. Tình bạn cũ, nay muốn phục hồi
Ta đem bát cháo, dạ mừng vui
Với đoàn hộ tống ta đi đến
Ăn tiệc tưng bừng, nhanh bước thôi.
Sau đó chó cái hỏi thăm đoàn hộ tống của dê và ngâm vần kệ thứ bảy:

7. Những ai hộ tống bạn bên mình
Để đãi bạn, tôi phải nhiệt tình,
Danh tánh những ai thăm hỏi đó,
Xin cho tôi biết thật chân thành.
Dê ngâm kệ thứ tám đáp lời:

8. Chó săn nâu xám, bốn mắt lồi,
Hình quỷ Jam-buk, hộ tống tôi,
Thôi hãy về nhà, mau sửa soạn
Dồi dào yến tiệc để chào mời.
Nó còn nói thêm:

- Mỗi chó hình quỷ này được năm trăm chó khác hộ tống, do vậy ta sẽ có một đoàn tuỳ tùng cả hai ngàn con chó canh giữ. Nếu chúng không thấy thức ăn, chúng sẽ giết luôn bạn và chồng bạn để ăn thịt đấy.

Nghe vậy chó cái kinh sợ đến độ suy nghĩ: "Ta đã chán ngán việc nó đến thăm nhà ta rồi. Ta sẽ tìm cách ngăn nó đến". Rồi chó cái ngâm kệ:

9. Đừng rời nhà bạn, kẻo ta e
Đồ đạc sẽ nhanh chóng mất đi.
Ta sẽ đem lời dê nhắn gửi,
Đứng yên! Đừng nói nữa, ta về!
Cùng với những lời này, chó cái ra sức chạy vội vàng để tự cứu mạng và đem luôn cả chồng nó chạy theo. Rồi từ đó chúng không bao giờ dám trở lại chỗ ấy nữa.

*

Bậc Đạo Sư chấm dứt Pháp thoại và nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy Ta là vị Thần sống tại rừng ấy trên một cây cổ thụ.

-ooOoo-

438. Chuyện Con Gà Gô (Tiền thân Tittira)

Nó đã ăn tươi bọn trẻ thơ ...,

Bậc đạo sư kể chuyện này trong lúc trú ngụ tại núi Linh Thứu, về dự định của Devadatta mưu sát Ngài.

Chính vào thời ấy Tăng chúng bắt đầu thảo luận tại Chánh pháp đường:

- Này các Hiền giả, than ôi! Devadatta thật là hạ liệt và vô liêm sỉ biết bao! Vị ấy kết hợp với Thái tử Ajàtasattu lập mưu sát hại đức Phật Chánh Đẳng Giác bằng cách mua chuộc bọn xạ thủ, lăn đá xuống đồi, và thả lỏng con voi Nalàgiri.

Bậc Đạo sư bước vào hỏi Tăng chúng đang bàn luận việc gì lúc hội họp, và khi nghe kể đề tài câu chuyện, Ngài bảo:

- Không phải chỉ bây giờ, mà xưa kia nữa, Devadatta cũng mưu giết ta, song cũng không thể làm gì cho ta kinh hãi được.

Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa khi vua Brahmadatta trị vì ở Ba-la-nại, một giáo sư danh tiếng lừng lẫy thế giới tại Ba-la- nại dạy các học thuật cho năm thanh niên Bà-la-môn.

Một hôm vị ấy suy nghĩ: "Bao lâu ta còn ở đây, ta sẽ gặp trở ngại cho đời tu hành và các đồ đệ ta cũng không hoàn thành việc học của họ. Ta muốn về ẩn dật trong thảo am trên sườn núi Tuyết Sơn và dạy học ở đó."

Vị ấy báo tin cho các đồ đệ, bảo họ đem mè, gạo xay, dầu, y phục đại loại như thế, rồi đi vào rừng dựng thảo am ở cạnh xa lộ. Mỗi vị đệ tử đến tự xây một thảo am cho mình. Thân quyến họ gửi gạo và các thứ kia, còn dân làng bảo nhau: "Người ta đồn một vị danh sư đang sống nơi kia trong rừng và thuyết giảng kiến thức học thuật", liền đem quà lúa gạo đến tặng, các người kiểm lâm cũng tặng quà, lại có một người tặng bò cái và bê con để chư vị lấy sữa.

Bấy giờ, có một con tắc kè cùng hai con nó đến ở trong lều vị giáo sĩ, và một con Sư tử cùng một con cọp hầu hạ vị ấy. Một con gà gô cũng thường xuyên ở tại đó và do nghe giáo sư dạy thánh kinh cho đệ tử, con Gà dần dần hiểu ba tập Vệ-đà. Các Bà-la-môn trở nên thân thiện với Gà gô. Về sau, trước khi các thanh niên này đạt tinh thông các học thuật, thì vị giáo sư mất. Các đệ tử đem thi hài thầy hỏa thiêu, dựng một mô cát lên chỗ để tro, vừa than khóc vừa trang hoàng nơi ấy đầy đủ các loại hoa. Thấy vậy Gà gô hỏi tại sao họ khóc. Họ đáp:

- Thầy chúng ta đã mất trong khi việc học của chúng ta chưa hoàn mãn.

- Nếu chuyện là thế thì các vị đừng lo buồn nữa. Tôi sẽ dạy các vị kiến thức ấy.

- Làm sao Gà biết được?

- Tôi thường nghe giáo sư của các vị trong lúc giảng dạy các vị, nên đã học thuộc lòng ba tập Vệ-đà rồi.

- Thế Gà hãy truyền cho chúng tôi những gì Gà đã học thuộc lòng nhé.

Gà đáp:

- Nào lắng nghe đây.

Rồi Gà thuyết giảng mọi điểm khúc mắc cho họ, dễ dàng như người đưa nước suối từ núi cao xuống. Các thanh niên Bà-la-môn vô cùng hân hoan và thu thập kiến thức từ con Gà gô thông thái này. Con Gà gô đậu trên chỗ giáo sư danh tiếng ấy thường ngồi, và thuyết giảng về tri kiến Vệ-đà. Các thanh niên làm cho Gà đủ mật ong, hạt ngũ cốc rang trong chiếc đĩa vàng, lại còn tặng đủ thứ hoa có màu sắc rực rỡ và tỏ vẻ vô cùng tôn kính Gà gô.

Tiếng đồn vang dậy khắp Diêm-phù-dề (Ấn Độ) rằng một con Gà gô rừng đang dạy Thánh kinh cho năm trăm thanh niên Bà-la-môn. Vào lúc ấy, dân chúng mở lễ hội lớn, tụ tập cùng nhau trên đỉnh núi. Cha mẹ các thanh niên này gửi lời nhắn các con đến xem lễ hội. Họ liền kể chuyện con Gà gô, rồi ủy thác Gà gô cùng thảo am của họ cho Tắc kè chăm nom, và họ ra đi đến nhiều kinh thành.

Lúc ấy một vị khổ hạnh lõa thể độc ác du hành đây đó bước tới chốn này. Khi thấy vị ấy, con Tắc kè đến nói chuyện thân thiện và bảo:

- Ở chỗ này chỗ kia, ngài sẽ thấy gạo, dầu và các món khác. Hãy nấu cơm và ăn uống no nê!

Nói xong nó ra đi kiếm mồi.

Sáng sớm kẻ ác kia nấu cơm và giết luôn hai tắc kè con ăn thịt làm một món ngon lành. Đến trưa, y giết và ăn thịt luôn con gà gô thông thái, và con bê, đến chiều tối, y vừa thấy con bò về nhà liền giết nó luôn để ăn thịt. Rồi y nằm ngủ ngáy vang dưới gốc cây. Xế chiều tắc kè trở về thấy vắng hai con liền đi quanh tìm chúng. Một vị thần cây quan sát Tắc kè đang run rẩy toàn thân vì không tìm được các con thơ, liền dùng thần lực đứng trong bộng cây và nói:

- Này Tắc kè, đừng run nữa, các con nhỏ ấy cùng Gà gô, bê con và bò cái đều bị kẻ độc ác này ăn thịt rồi. Hãy cắn vào cổ cho nó chết đi.

Vị thần vừa nói chuyện như vậy với Tắc kè, vừa ngâm vần kệ đầu:

1. Nó đã ăn tươi bọn trẻ thơ
Dù con cho nó thật nhiều quà
Răng con hãy cắn sâu vào cổ
Đứng để ác nhân trốn thoát ra

Sau đó Tắc kè ngâm hai vần kệ:

2. Thâm tâm của nó tạo bùn nhơ
Chẳng khác áo người giữ trẻ thơ
Tôi e toàn thể thân mình nó
Chống đỡ răng tôi mạnh lắm mà!

3. Lỗi lầm kẻ hạ liệt vong ân
Đều thấy khắp nơi rõ ràng,
Tâm nó chẳng bao giờ thỏa mãn
Với bao tặng vật của trần gian

Tắc kè nói xong, suy nghĩ: "Kẻ này sẽ thức dậy và ăn thịt ta". Nó liền trốn đi để cứu mạng mình.

Bấy giờ Sư tử và Cọp rất thân thiết với Gà gô, và đôi khi Gà gô cũng bay đi thuyết Pháp cho nó. Hôm ấy, Sư tử bảo Cọp:

- Chúng ta đi thăm Gà gô đã lâu rồi, chắc cũng đã bảy tám ngày. Vậy bạn hãy đi đen tin tức của Gà về đây.

Con Cọp thỏa thuận và đi đến nơi đúng lúc con Tắc kè đã chạy trốn, nó thấy kẻ gian ác ấy đang ngủ. Trên các bện tóc của y thấy có vài cái lông gà, và gần đó lại có đống xương bò cái và bê con. Cọp chúa trông thấy cảnh ấy, lại thiếu Gà gô trong lồng vàng, liền suy nghĩ: "Các con vật này chắc đã bị kẻ ác nhân này giết hết rồi". Nó đá mạnh thức y dậy. Khi thấy Cọp, y vô cùng sợ hãi. Rồi con Cọp hỏi:

- Có phải ngươi giết và ăn thịt các con vật này chăng?

- Tôi chẳng giết cũng chẳng ăn thịt chúng.

- Kẻ khốn nạn ác độc kia, nếu anh không giết chúng thì hãy nói cho ta biết ai khác giết? Nếu anh không nói, anh phải chết đấy.

Sợ nguy đến tính mạng, y đáp:

- Vâng thưa ngài, tôi đã giết và ăn thịt các con tắc kè con, bò cái và bê con, song tôi không giết con Gà gô.

Mặc dù y cứ phản đối mãi. Cọp cũng không tin y và bảo:

- Anh từ đâu đến đây?

- Tâu ngài, trước đây tôi bán hàng rong để kiếm sống ở xứ Kàlinga và sau khi thử bán vài món xong thì tôi đến đây.

Nhưng sau khi người ấy đã kể hết mọi việc y làm, con Cọp bảo:

- Này ác nhân kia, nếu anh không giết Gà gô, thì còn ai khác làm việc đó? Này, ta sẽ mang anhđến trước Sư tử, chúa sơn lâm đấy.

Thế là Cọp ra đi dẫn theo kẻ ấy trước mặt. Khi Sử tử thấy Cọp mang y đến, nó liền ngâm vần kệ thứ tư để đặt câu hỏi:

4. Đi đâu vội vã thế Su-bà,
Sao kéo chàng trai trẻ thế ư?
Có việc gì cần, đây muốn biết,
Nói mau thành thật chớ chần chừ?
Nghe vậy Cọp ngâm vần kệ thứ năm:

5. Bạn quý Gà gô của chúng ta
Hôm nay, tôi đoán, hóa thành ma
Chuyện xưa kẻ ấy làm tôi sợ

Nghe được hung tin của bạn Gà.
Sau đó Sư tử ngâm vần kệ thứ sáu:

6. Chuyện xưa của kẻ ấy ra sao,
Tội lỗi gì y thú nhận mau
Đã khiến Cọp nghi ngờ đại họa
Xảy ra cho bạn quý ta nào?
Để trả lời Sư tử, Cọp chúa ngâm các vần kệ còn lại

7. Trong nước Kà-ling nó bán rong
Đi đường lởm chởm, gậy tay cầm,
Ở cùng bọn đánh đu nhào lộn,
Đánh bẫy bao súc vật buộc chùm,
Nó cũng thường chơi trò súc sắc,
Lưới giăng bắt sống lũ chim muông,
Đánh nhau từng đám dùng đao trượng,
Nó kiếm lời nhờ việc đếm đong.
8. Phản bội lời thề, đánh nữa khuya,
Bị thương, nó chảy máu dầm dề;
Bàn tay nó cháy vì gan góc,
Chụp lấy thức ăn nóng vụng về
Nghe nó sống đời tồi tệ vậy,
Đó là tội ác chất đầu kia.
9. Vì ta đều biết con bò chết,
Giữa tóc người kia mấy sợi lông
Xuất hiện, nên tôi đầy khủng khiếp
Lo Gà gô bạn ắt vong thân.
Sư tử chúa hỏi người kia:

- Thế anh đã giết Gà gô thông thái rồi ư?

- Tâu chúa công, vâng, tôi đã giết.

Chúa Sư tử nghe y nói thật, nên muốn thả cho y ra đi, nhưng Cọp chúa bảo:

- Tên gian ác này đáng chết.

Và ngay tại chỗ, Cọp dùng răng xé y tan xác. Rồi Cọp đào hố quẳng thây vào đó.

Khi các thanh niên Bà-la-môn trở về, không thấy Gà gô, họ than khóc và bỏ nơi ấy ra đi.

*

Sau Pháp thoại, bậc Đạo Sư bảo:

- Như vậy, này các Tỷ-kheo, ngày xưa Devadatta cũng đã lập mưu giết Ta.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy vị khổ hạnh là Devadatta, con Tắc kè là Kisàgotamì, con Cọp là Moggallàna, Sư tử là Sàriputta, vị giáo sư lừng danh thế giới là Kassapa và Gà gô thông thái chính là Ta.

-ooOoo-

Chương X Phẩm Mười Bài Kệ

439. Chuyện Bốn Cổng Thành (Tiền thân Catu-Dvàra)

Thành sắt này xây bốn cổng cao...,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo phóng dật.

Các chi tiết câu chuyện đã được nêu ra trong số 427, chuyện Tiền thân đầu tiên của Chương IX. Ở đây, một lần nữa bậc Đạo Sư hỏi Tỷ-kheo này:

Có đúng như Tăng chúng nói rằng ông bất tuân giới luật?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Ngài bảo:

- Ngày xưa, cũng vì bất tuân lời dạy bảo của các bậc trí nhân, mà ông phải nhận lấy một bánh xe sắc như dao cạo.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa vào thời đức Phật Kassapa (Ca-diếp), tại thành Ba-la-Nại có một thương gia làm chủ tài sản đến tám trăm triệu đồng, nhưng chỉ sinh được một trai tên là Mittavindaka. Cha mẹ cậu nàyđã đi vào hướng Dự Lưu, song cậu vẫn là một kẻ theo ác hạnh, không có lòng tin vào Đạo.

Về sau, khi cha cậu mất, mẹ cậu thay thế điều hành sản nghiệp ấy, bà bảo con như vầy:

- Này con, thân người khó được, vậy con hãy bố thí, tu tập công đức, giữ ngày trai giới và lắng tai nghe Pháp.

Cậu đáp lại:

- Này mẹ, không có chuyện bố thí, tu tập gì cả với con đâu, đừng bao giờ nhắc chúng với con nữa, con sống thế nào thì ngày sau con theo nghiệp đó.

Vào một ngày rằm trăng tròn, khi cậu cũng nói như trên, mẹ cậu đáp:

- Con ơi, hôm nay được dành làm ngày trai giới thanh tịnh. Vậy ngày nay con hãy phát nguyện giữ giới, đi viếng tinh xá và lắng nghe Pháp suốt đêm, rồi khi con trở về, mẹ sẽ cho con một ngàn đồng tiền nhé.

Vì tham số tiền ấy, cậu bằng lòng ngay. Ngay khi ăn sáng xong, cậu đi đến tinh xá, ở lại đó suốt ngày; song từ đầu hôm cho đến lúc canh tàn, chẳng một lời Giáo pháp này lọt vào tai cậu cả. Cậuđi nằm một nơi và ngủ thẳng giấc. Ngày hôm sau, từ tảng sáng, cậu rửa mặt và đi về nhà, ngồi phịch xuống.

Bấy giờ, mẹ cậu nghĩ thầm: "Hôm nay, sau khi nghe Pháp, con ta sẽ về từ sáng sớm, dẫn theo vị Trưởng lão đã giảng Pháp". Vì thế, bà nấu cháo sẵn, với thức ăn đủ loại cứng và mềm, sửa soạn chỗ ngồi xong, đợi con về. Khi bà thấy con đi về một mình, bà hỏi:

- Này con, sao con không đưa về vị Pháp sư?

- Mẹ ạ, chẳng có Pháp sư nào giảng cho con cả. Cậu đáp.

Bà mẹ bảo:

- Thế thì con húp cháo này đi.

Cậu nói:

- Mẹ đã hứa cho con một ngàn đồng tiền, mẹ ạ. trước tiên mẹ hãy trao tiền cho con, rồi sau đó con mới húp cháo.

- Húp cháo trước đi con, rồi con sẽ được tiền kia mà.

Cậu bảo:

- Không được, con không muốn húp cháo cho đến khi con được tiền kia.

Thế là bà mẹ đặt túi tiền một ngàn đồng trước mặt cậu. Cậu liền húp cháo, xong cậu lấy túi tiền một ngàn đồng đi làm công chuyện của cậu; và cứ thế về sau, chẳng bao lâu cậu kiếm được hai triệu đồng tiền.

Lúc ấy, cậu chợt nghĩ ra rằng cậu muốn tậu lấy một con tàu rồi đi làm ăn trên đó. Thế là cậu sắm tàu, rồi bảo mẹ:

- Mẹ à con có ý định đi làm ăn trên tàu này.

Bà mẹ đáp:

- Con là con độc nhất của mẹ, mà trong nhà mình hiện có nhiều tài sản lắm rồi; còn biển cả lạiđầy nguy hiểm, con đừng đi.

Song cậu bảo:

- Con quyết ra đi, mẹ không thể cản con được đâu.

Bà tiếp:

- Này, mẹ cứ muốn cản con đấy.

Rồi bà cầm lấy tay cậu, xong cậu hất tay bà ra khiến bà ngã xuống, và trong chốc lát, cậu đã biến dạng, vội lên đường.

Vào ngày tháng bảy, nhân vì có mặt Mittavindaka, con tàu cứ đứng bất động trên biển sâu. Người ta rút thăm và cả ba lần đều trúng tay Mittavindaka. Thế là họ cho cậu một chiếc bè và nói:

- Đừng để nhiều người phải chết chỉ vì một người này.

Rồi họ thả cậu trôi dạt trên đại dương, chỉ thoáng chốc sau, con tàu ấy đã lao nhanh vùn vụt trên biển.

Còn cậu trai trên chiếc bè trôi đến một đảo kia. Tại đó, trong một cung điện bằng thủy tinh, cậu chợt thấy bốn ma nữ. Trước kia, ma chúng thường phải chịu bảy ngày đau khổ và hưởng bảy ngày hạnh phúc. Được kết bạn với chúng, cậu thọ hưởng khoái lạc thần tiên. Rồi khi đến thời chúng phải chịu khổ hình, chúng bảo cậu:

- Thưa công tử, chúng em sắp xa chàng bảy ngày, trong lúc chúng em đi vắng, xin chàng ở lại đây và đứng lo buồn gì cả.

Nói xong, chúng giã từ.

Song cậu trai, lòng đầy khát vọng, lại ra khơi trên chiếc bè kia, và vượt đại dương, đến một đảo khác, tại đây trong một cung điện bằng bạc, cậu thấy tám ma nữ khác. Cứ như thế, cậu thấy trên một đảo nữa mười sáu ma nữ trong một cung bằng ngọc, rồi trên một đảo khác nữa, ba mươi hai ma nữ trong một cung bằng vàng. Cũng như trước kia, với các ma nữ này, cậu hưởng thọ lạc thú thần tiên, rồi khi chúng đi xa để chịu cực hình, cậu lại ra khơi lần nữa, lênh đênh trên đại dương, mãi cho đến cuối cùng cậu thấy một kinh thành có bốn cổng lớn và hào lũy bao bọc. Người ta bảo đó là ngục Ussada (Ngục bằng sắt hay Thiết vi Địa ngục), nơi mà nhiều chúng sinh bị đọa đầy, phải thọ lãnh các nghiệp báo của mình, song đối với Mittavindaka, nó lại có vẻ như một kinh thành tuyệt mỹ. Cậu suy nghĩ: "Ta muốn vào thăm kinh thành kia và làm vua tại đó.

Thế là cậu bước vào, vừa thấy một sinh linh đang chịu khổ hình phải mang một cái bánh xe sắc như lưỡi dao cạo, song đối với Mittavindaka dường như bánh xe dao trên đầu kẻ kia lại giống như đóa hoa sen nở, năm vòng xiềng xích trên ngực gã nào khác chiếc áo choàng rực rỡ sang trọng, dòng máu nhỏ giọt trên đầu gã như thể phấn bột gỗ chiên-đàn đỏ thắm ngát hương, còn tiếng gã rên la tựa tiếng ca êm dịu nhất trên đời. Vì vậy cậu đến gần và bảo:

- Này người kia, anh đã mang cái hoa sen ấy lâu rồi, nay hãy đưa cho ta.

Người ấy đáp:

- Thưa ngài, nó không phải là hoa sen đâu, mà nó là bánh xe sắc như dao cạo.

Cậu trai bảo:

- À, anh nói vậy vì anh không muốn đưa nó cho ta đấy thôi.

Gã tội nhân khốn khổ kia liền suy nghĩ: "Ắt hẳn các nghiệp quá khứ của ta đã tiêu trừ hết. Rõ ràng người này cũng như ta đi đến đây vì đã đánh mẹ nó. Được rồi ta sẽ cho nó đưa bánh xe dao này". Gã liền bảo:

- Này đây, hãy cầm lấy hoa sen.

Cùng với lời nói trên, gã thả bánh xe dao trên đầu cậu, nó rơi xuống đỉnh đầu và nghiến sâu vào đó, lập tức, Mittavindaka biết ngay đó là bánh xe dao, cậu liền nói:

- Lấy bánh xe của anh lại!

Và cậu gào thét dữ dội trong cơn đau đớn, song kẻ kia đã khuất dạng mất rồi.

Vừa lúc ấy, Bồ-tát cùng đoàn tùy tùng đông đảo đang đi kinh lý qua ngục Ussada, và đến tận nơi ấy, Mittavindaka trông thấy ngài, vội kêu lên:

- Tâu thiên chủ, Thượng đế của chư Thiên, bánh xe này đang đâm thủng và xé nát đầu con như thể cái chầy nghiền nát mớ hột cải, vậy con đã phạm tội ác gì?

Cậu vừa hỏi, vừa ngâm hai vần kệ này:

1. Thành sắt này xây bốn cổng cao,
Con nay mắc bẫy bước chân vào,
Chung quanh con, lũy hào bao bọc,
Con đã gây nên các nghiệp nào.
2. Giờ đây đóng chặt các thành môn
Và bánh xe này hủy diệt con
Nào khác chim lồng, con bị bắt.
Tại vì sao vậy, tấu Thiên vương?
Lúc ấy Thiên chủ ngâm các vần kệ này để giải thích vấn đề cho cậu rõ:

3. Ngài có ngày xưa chục vạn đồng,
Hai mươi lần nữa đấy, tôn ông,
Tuy nhiên ngài vẫn không hề muốn
Tai lắng nghe bằng hữu nói năng.
4. Ngài đã vội vàng vượt đại dương
Chất đầy nguy hiểm dọc đường trường,
Nữ ma, bốn tám, ngài thăm viếng,
Mười sáu nàng, theo kế tám nàng.
5. Tiếp theo mười sáu, đến ba hai Tận hưởng dục tham cứ miệt mài,

Nay hãy nhìn đây đầy phần tặng thưởng Bánh xe dục lạc ở đầu ngài.

6. Ai đi đại lộ dục tham đầy,
Con lộ thênh thang rộng lớn thay,
Vô độ, chúng không hề thỏa mãn
Thì phần chúng đội bánh xe này.
7. Ai chẳng mong phân phát bạc vàng,
Chẳng cầu tìm Chánh đạo bình an
Cũng không biết phải làm như vậy,
Phần bánh xe này chúng sẽ mang.
8. Hãy suy kết quả việc ngài làm
Gia sản ngài xem thật ngập tràn,
Đừng ước làm tài chủ bất chính,

Thực hành điều bạn tốt khuyên răn,
Về sau chẳng có bao giờ nữa
Vòng bánh xe này đụng đến thân.
Nghe vậy, Mittavindaka tự nhủ: "Vị Thiên chủ này vừa giải thích thật chính xác những việc ta làm. Chắc chắn ngài cũng biết được mức độ trừng phạt ta". Rồi cậu ngâm vần kệ thứ chín:

9. Vậy tấu Thiên vương, đến lúc nào
Bánh xe này dính ở trên đầu?
Mấy ngàn năm nữa? XIn ngài dạy,
Đừng để con hoài sức khẩn cầu.
Lúc ấy bậc Đại sĩ tuyên bố vấn đề qua vần kệ thứ mười:

10. Bánh xe này tiếp tục xoay vần,
Mà chẳng hiện ra vị cứu nhân
Nó dính đầu ngài cho đến chết,
Này Mít-ta hỡi có nghe chăng?
Nói vậy xong Thiên chủ trở về cõi của Ngài, còn kẻ kia chìm vào cơn đau đớn cùng cực.

*

Sau khi chấm dứt Pháp thoại, bậc Đạo sư nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, Tỷ-kheo phóng dật này là Mittavindaka, và Ta chính là Thiên chủ.

-ooOoo-

440. Chuyện Hắc Hiền Giả (Tiền thân Kanha)

Đằng kia nhìn kẻ sắc đen tuyền..,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể tại Kapilavathu (Ca-tỳ-la-vệ) trong Bồ-đề Lâm (Rừng cây Đa), về một nụ cười.

Vào thời ấy, chuyện kể rằng bậc Đạo Sư đang du hành cùng Tăng chúng trong Bồ-đề Lâm, lúc chiều xuống, tại một chốn kia, Ngài mỉm một nụ cười. Trưởng lão Ànanda nói:

- Nguyên do gì, lý do gì khiến đức Thế Tôn mỉm cười? Đức Như lai mỉm cười không phải là không có duyên cớ. Vậy ta muốn hỏi Ngài.

Thế là Tôn giả cúi đầu đảnh lễ cung kính hỏi về nụ cười kia, bậc Đạo Sư bảo:

- Ngày xưa, này Ànanda, có một bậc Hiền trí tên là Kanha đã sống ở nơi đây, chuyên tâm thiền tịnh, và lạc thú trong thiền định, nên nhờ uy lực công đức của ngài mà cung của Sakka (Đế Thích), Thiên phủ phải rúng động.

Song vì câu giải thích nụ cười kia chưa được rõ ràng lắm, nên theo lời thỉnh cầu của vị Trưởng lão, đức Phật kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, khi vua Brahmadatta trị vì ở Ba-la-nại, có một vị Bà-la-môn không con cái, nhưng của cải lên đến tám mười triệu đồng, vị này phát nguyện giữ giới đức và cầu tự. Trong lòng bà vợ vị Bà-la-môn này đang mang thai Bồ-tát, sau đó do màu da đen của ngài, vào ngày lễ đặt tên, cha mẹ chọn tên ngài là Kanha - Kumàra tức Hắc nam tử

Đến năm mười sáu tuổi, đầy vẻ uy nghi như một bức tượng bằng ngọc quý, ngài được phụ thân đưa đến học ở Takkasilà, nơi đây ngài được dạy đầy đủ các môn văn học nghệ thuật, xong trở về nhà. Sau đó cha ngài lại cưới cho ngài một cô vợ xứng đôi vừa lứa. Dần dần theo thời gian, ngài hưởng trọn gia sản của song thân.

Bấy giờ một ngày kia, sau khi kiểm tra các kho báu, đang lúc ngồi trên một bảo tọa lộng lẫy, ngài cầm trong tay một cái đĩa bằng vàng, đọc được trên đĩa những hàng chữ do các bậc tiền nhân ngài ghi lại: "Rất nhiều tài sản do vị này kiếm được, rất nhiều tiền bạc do vị kia làm ra v.v..." Ngài nghĩ thầm: "Những vị tạo ra vàng bạc này bây giờ không còn nữa, song vàng bạc vẫn còn đó; không ai có thể mang chúng theo khi ra đi khỏi cuộc sống; ta không thể buộc vàng bạc thành một bó, rồi mang theo mình qua thế giới khác.

Thấy rằng của cải liên hệ đến Năm Ác dục, còn phân phát bố thí của cải này là việc tốt đẹp hơn; thấy rằng thân xác phù du này liên hệ với nhiều bệnh tật, còn tỏ lòng cung kính và nhân từ với những vị đức hạnh đem nhiều lợi lạc hơn; thấy rằng cuộc đời tạm bợ phù phiếm này chỉ thoáng qua chốc lát, còn tinh tấn hành trì thiền định là phần cao cả hơn. Vậy thì những vàng bạc phù phiếm này ta sẽ đem bố thí hết, vì làm như thế ta sẽ thọ hưởng phước đức hơn nhiều."

Thế là ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, sau khi xin đức vua thỏa thuận, ngài bố thí rất hào phóng.

Đến ngày thứ bảy, thấy vàng bạc vẫn không suy giảm, ngài suy nghĩ: "Vàng bạc này có nghĩa gì đối với ta? Trong khi ta chưa bị tuổi già chế ngự, ta muốn ngay bây giờ phát nguyện xuất gia tu hành; ta quyết tu tập các Thắng trí và các Thiền chứng, ta quyết tái sinh lên cõi Phạm Thiên". Thế là ngài ra lệnh mở các cửa lớn trong nhà ra, rồi bảo gia nhân lấy của cải đem, bố thí rộng rãi, vứt bỏ nó như một vật bất tịnh, ngài đoạn trừ các tham dục của nhãn quan, và những tiếng khóc than cùng nước mắt đông đảo của họ hàng quyến thuộc, ngài ra đi từ kinh thành, đến tận vùng Tuyết sơn.

Tại đó ngài sống theo lối độc cư, và khi đi tìm một chốn an lạc để trú thân, ngài thấy nơi này, rồi quyết định ở lại; chọn cây bầu làm nơi ăn chốn ở, ngài sống tại đó, ngủ ngay dưới gốc cây bầu ấy. Không bao giờ cư trú trong làng, ngài trở thành một người sống trong rừng, không bao giờ ngài dựng chòi lá, mà chỉ ở dưới gốc cây này, ở ngoài trời, thường an tọa, hoặc nếu ngài muốn nằm thì chỉ nằm trên mặt đất.

Ngài không dùng cái chày, mà chỉ dùng hàm răng nghiền nát thức ăn, ngài chỉ ăn những thức ăn không nấu bằng củi lửa, không bao giờ một thứ hạt còn vỏ lọt vào miệng ngài, ngài chỉ ăn ngày một lần và chỉ ngồi ăn một lần. Trên mặt đất, dường như ngài đã hòa cùng với tứ đại làm một, ngài sống hành trì giới đức của bậc xuất gia khổ hạnh. Trong Tiền thân ấy, như ta được biết, Bồ-tát rất thiểu dục.

Vì vậy chẳng bao lâu, ngài đạt các Thắng trí và các Thiền chứng (năm thần thông: Abhinnà; và tám cấp thiền: Jhànà) và ngài sống nơi ấy trong hỷ lạc của thiền định. Về trái cây rừng, ngài không đi đâu xa, khi trái cây mọc trên cây, ngài ăn trái; vào mùa hoa nở, ngài ăn hoa; khi lá mọc, ngài ăn lá; khi không còn lá nào ngài ăn vỏ cây. Vào buổi sáng ngài thường hái quả cây ấy, không bao giờ vì tham lam mà ngài đứng dậy đi hái quả cây nào khác. Ở nơi ngài ngồi, ngài dang tay ra lượm các trái cây trong tầm tay, ngài ăn các thứ trái cây đến tay ngài, không phân biệt ngon dở .

Trong khi ngài tiếp tục tìm lạc thú như vậy, nhờ thần lực công đức của ngài, chiếc ngai hoàng thạch của Sakka (Đế Thích) Thiên chủ nóng rực lên (tương truyền chiếc ngai vàng này nóng lên khi Đế Thích Thiên chủ sắp mạng chung, hoặc lúc phước đức của ngài đã tận diệt và kết thúc, hay khi có một vị Đại sĩ cầu nguyện, hay do công năng đức độ của các Sa-môn, Bà-la-môn đầy uy lực.)

Lúc ấy Đế Thích Thiên chủ suy nghĩ: "Kẻ nào muốn làm ta phải rời khỏi ngai đây?" vừa nhìn quanh, ngài thấy trong rừng sâu, ở một nơi kia bậc Hiền nhân Kanha đang sống nhờ nhặt trái rừng, ngài biết rằng đó là một trí nhân hành trì khổ hạnh cao độ, tất cả các căn đều được điều phục, ngài suy nghĩ: "Ta muốn đi đến gặp vị ấy. Ta muốn bảo người thuyết Pháp thật cao giọng, và sau khi nghe lời giảng Pháp đem lại an lạc này, ta sẽ làm người hoan hỷ một điều ước, và sẽ làm cho cây của người sinh quả không ngừng, rồi ta mới trở về đây. "

Sau đó nhờ thần thông lực, Thiên chủ vụt xuống trần, đứng ngay sau lưng bậc Hiền nhân, ngài ngâm vần kệ đầu tiên để thử xem bậc Hiền trí kia có bực tức khi nghe nhắc đến vẻ xấu xí của mình chăng:

1. Đằng kia, ngắm kẻ sắc đen tuyền,
Sống ở nơi này cũng đất đen,
Miếng thịt đang ăn đen xám xịt,
Tâm ta chẳng thích đáng người hiền
Hiền nhân Kanha nghe ngài nói vậy:

- Ai nói với ta đấy?

Và nhờ thần thông lực, ngài nhận ra đó là Đế Thích Thiên chủ, nên vẫn không cần quay đầu lại, ngài đáp vần kệ thứ hai:

2. Dù toàn sắc đen, hỡi Ngọc hoàng,
Tâm ta chân chính Bà-la-môn,
Màu da chẳng lỗi, nhưng làm ác
Khiến kẻ phàm nhân đen tối luôn.
Và rồi sau đó, khi đã giải thích nhiều loại lỗi lầm và chê trách những lỗi lầm đã biến con người thành những kẻ đen tối, cùng ca ngợi công đức, ngài thuyết giáo cho Đế Thích Thiên chủ, chẳng khác nào ngài làm mặt trăng mọc lên giữa bầu trời.

Đế Thích Thiên chủ nghe bài thuyết Pháp, lòng vô cùng hoan hỷ, liền ban tặng bậc Đại Sĩ một điều ước và ngâm vần kệ thứ ba:

3. Nói năng khôn khéo, bậc La-môn,
Diễn đạt cao siêu, tối thắng luôn
Hãy chọn điều gì ngài ước nguyện,
Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn.

Nghe vậy bậc Đại Sĩ nghĩ thầm: "Ta biết thế nào rồi. Vị này muốn thử ta, xem ta có giận dữ khi nói đến vẻ xấu xí của ta không; nên ngài chê bai màu da của ta, thức ăn chốn ở của ta. Khi thấy rằng ta không giận, thì ngài vui vẻ, ban cho ta một điều ước, chắc chắn ngài tưởng ta hành trì cuộc sống này vì ước mong có thần lực của Sakka Thiên chủ hay Phạm Thiên, vậy nay để làm ngài tin tưởng, ta sẽ chọn bốn điều ước: ta ước được an tịnh, không sân hận đối với kẻ xung quanh ta, không tham cảnh vinh quang của các vị xung quanh ta, hay thèm muốn dục tình đối với các vị xung quanh ta".

Suy nghĩ như vậy xong, để giải quyết mối nghi hoặc của Thiên chủ, bậc Hiền trí ngâm vần kệ thứ tư đòi bốn điều ước này:

4. Thiên chủ Sak-ka của thế gian
Chọn điều hạnh phúc, lệnh ngài ban,
Ta mong thoát khỏi lòng sân hận,
Ác độc, tiêu trừ mọi dục tham,
Tất cả bốn điều này hạnh phúc,
Ta thường mơ ước tận tâm can.

Lúc ấy, Đế Thích Thiên chủ suy nghĩ: "Hiền giả Kanha, khi chọn điều ước đã chọn bốn điềm an lạc không lỗi lầm. Bây giờ ta phải hỏi ngài về thiện ác liên hệ bốn điều này". Rồi ngài hỏi bằng cách ngâm vần kệ thứ năm:

5. Ở trong ác dục với tham sân,
Này hãy nói đi, hỡi Đạo nhân,
Ngài thấy điều gì là bất thiện,
Trả lời ta nhé, hãy làm ơn.

- Vậy hãy nghe đây:

Bậc Đại sĩ đáp lại và cảm khái ngâm bốn vần kệ này:

6. Ác ý được nuôi bởi hận sân,
Phát sinh từ nhỏ lớn lên dần,
Nên lòng tràn ngập niềm đau xót,
Vì thế ta không muốn giận hờn.

7. Cứ vậy thông thường với ác nhân,
Trước tiên lời nói, chạm vào thân,
Kế đến đấm đá, rồi cây gậy,
Sau hết lòe ra mũi kiếm trần,

Khi có ác tâm, thường phẫn nộ,
Nên lòng ta chẳng muốn hờn căm.
8. Khi người, thúc dục bởi gian tham,
Lừa đảo tăng dần với dối gian,
Vội đuổi theo tiền tài cướp bóc,
Vậy nên ta chẳng muốn tâm tham.
9. Trói chặt xiềng gông bởi dục tình,
Vẫn thường phát triển nảy sinh nhanh
Trong tim, làm xót xa đau nhức,
Ái dục, ta không muốn phận mình.
Khi các câu hỏi đã được giải thích xong, Đế Thích Thiên chủ bảo:

- Thưa Trí giả Kanha, nhờ ngài, các câu hỏi của ta đã được giải đáp êm đẹp với trí tuệ của một bậc Giác Ngộ, ta rất hoan hỷ vì ngài; bây giờ xin ngài chọn một điều ước khác nữa.

Rồi Thiên chủ ngâm vần kệ thứ mười:

10. Nói năng chân chính, bậc La-môn,
Diễn đạt cao siêu, tối thắng ngôn,
Hãy chọn điều gì ngài ước nguyện,
Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn.
Lập tức Bồ-tát ngâm kệ:

11. Sak-ka, Thiên chủ của trần gian, Ngài bảo cho ta một đặc ân,

Mong chốn núi rừng ta ẩn náu,
Nơi nào ta trú ngụ đơn thân,
Bệnh không làm hại niềm an tịnh,
Hoặc phá niềm thiền lạc vỡ tan.
Nghe vậy, Đế Thích Thiên chủ suy nghĩ: "Khi chọn điều ước, Hiền giả Kanha không chọn điều gì liên hệ đến thức ăn, mà những gì ngài chọn đều liên quan đến đời sống tu hành." Tâm càng hoan hỷ hơn, Thiên chủ lại cho thêm một điều ước khác và ngâm kệ:

12. Nói năng thật khéo, bậc La-môn,
Diễn đạt cao siêu, tối thắng ngôn,
Hãy chọn điều gì ngài ước nguyện,
Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn.
Và Bồ-tát, khi nói lên điều ước của ngài, đã thuyết Pháp trong vần kệ cuối:

13. Sak-ka, Thiên chủ của trần gian,
Ngài bảo cho ta một đặc ân,
Xin chẳng sinh linh nào bị hại,
Vì ta, dù khẩu, ý hay thân.

Nơi nào cũng vậy, này Thiên chủ,
Lời nguyện này ta vẫn ước mong.
Như vậy trong sáu trường hợp, bậc Đại sĩ lựa điều ước, ngài đều chỉ chọn những gì liên quan đến đời sống viễn ly. Ngài hiểu rõ thân người phải có bệnh và Đế Thích chủ không thể trừ diệt căn bệnh của thân nghiệp; Đế Thích Thiên chủ cũng không thể rửa sạch cho nhân thế trong ba cửa Thân, Khẩu, Ý. Mặc dù vậy, ngài vẫn chọn điều ước ấy với mục đích thuyết Pháp cho vị Thiên chủ.

Sau đó Đế Thích Thiên chủ làm cho cây ấy sinh quả quanh năm, vừa chắp tay lên trán đảnh lễ ngài vừa bảo:

- Xin Hiền giả an trú ở đây không bệnh tật.

Rồi ngài đi về cõi của ngài. Còn Bồ-tát không bao giờ gián đoạn thiền định, nên về sau được sinh lên Phạm thiên giới.

*

Sau khi chấp dứt Pháp thoại này, bậc Đại Sư bảo:

- Này Ànanda, đây là nơi Ta đã an trú ngày xưa.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Vào thời ấy Anuruddha (A-na-luật-đà) là Sakka (Đế Thích) Thiên chủ và Hiền giả Kanha chính là Ta.

-ooOoo-

441. Bốn Vị Giữ Trai Giới (Tiền thân Catu-Posathika)

(Chuyện tiền thân này sẽ được kể trong Tiền thân Punnaka) (chưa được tìm thấy)

-ooOoo-

442. Chuyện Bà La Môn Sankha (Tiền thân Sankha)

La-môn Tôn-giả, bậc uyên thâm ...,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể ở Kỳ Viên về tứ sự cúng dường.

Chuyện kể rằng ở thành Xá-vệ, có một nam cư sĩ, sau khi nghe đức Như Lai thuyết Pháp, tâm rất hoan hỷ nên đã mời chư tăng vào ngày hôm sau. Tại cửa nhà, ông dựng lên một cái rạp trang hoàng lộng lẫy, rồi đi thưa trình rằng đã đến giờ. Bậc Đạo Sư đến nơi với năm trăm vị Tỷ-kheo theo hầu, và ngồi trên bảo tọa lộng lẫy dành cho ngài. Vị cư sĩ, sau khi đã dâng cúng các lễ vật sang trọng lên hội chúng Tỷ-kheo với đức Phật là thượng thủ, lại mời tăng chúng ngày mai; và cứ thế, trong bảy ngày liền, vị này mời Tăng chúng đến cúng dường, và vào ngày thứ bảy lại cúng dường những vật dụng cần thiết. Trong buổi cúng dường này, ông tặng các đôi hài làm lễ vật đặc biệt. Đôi hài dâng lên đức Phật trị giá một ngàn đồng vàng. Hai đôi hài cúng hai vị Đại đệ tử (Xá- lợi phất và Mục -kiền-liên) trị giá năm trăm, còn những đôi trị giá hơn một trăm đồng dành cho các vị Tỷ-kheo khác.

Sau khi dâng cúng lễ vật đủ các thứ cần thiết cho chư Tăng, ông ngồi xuống trước đức Thế Tôn cùng với hội chúng của Ngài. Sau đó bậc Đạo Sư đáp lời tùy hỷ công đức bằng một giọng vô cùng êm dịu:

- Này gia chủ, thí vật của ông thật hào phóng biết bao, ông hãy hoan hỷ. Ngày xưa, trước khi đức Phật ra đời, đã có những người nhờ cúng dường một đôi hài lên một vị Độc Giác Phật mà kết quả việc bố thí đó là tìm được chỗ an trú trên biển cả không có nơi an trú; và nay ông vừa cúng dường cho toàn thể hội chúng của đức Phật mọi vật dụng cần thiết cho mỗi Tỷ-kheo, thì công đức biết bao, nếu không phải là lễ dâng hài này sẽ làm nơi an trú cho ông về sau?

Và theo lời thỉnh cầu của ông. Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa, thành Ba-la-nại có tên là Molinì. Trong khi vua Brahamadatta trị vì ở Molinì, một người Bà-la-môn tên là Sankha giàu có lớn, đã xây bố thí trường ở sáu chỗ, một ở mỗi cổng thành, một ở giữa thành và một ở cửa nhà ông. Hằng ngày ông bố thí sáu trăm ngàn đồng tiền và cho các kẻ lữ hành cùng kẻ ăn xin rất rộng rãi.

Một ngày kia ông suy nghĩ: "Một khi kho của cải hết, ta không còn gì để bố thí nữa. Vậy trong lúc kho chưa cạn, ta muốn lấy con tàu đi đến xứ Vàng và sẽ mang của cải về". Thế là ông bảo đóng tàu, chất đầy hàng hóa và khi từ biệt vợ con, ông bảo:

- Bà và con hãy lo bố thí không ngừng cho đến khi ta trở về.

Nói xong, ông cầm lấy dù, mang giày cùng gia nhân hướng mặt về hải cảng, rồi đúng ngọ ông khởi hành.

Vào lúc ấy một vị Độc Giác Phật trên đỉnh núi Gandhamàdana (Hương Sơn), đang nhập định, thấy vị kia lên đường tìm kiếm vàng liền suy nghĩ: "Một bậc Đại sĩ đang vượt biển để tìm vàng. Có gặp gì trên biển cả gây trở ngại cho vị này chăng? Rồi sẽ có. Nếu ông thấy ta, sẽ dâng ta đôi giày và chiếc dù. và kết quả việc đi cúng dường này là ông sẽ tìm được nơi an trú khi tàu đắm trên biển. ta muốn giúp đỡ ông."

Vì thế bay qua không gian, Ngài hạ xuống, không xa chỗ kẻ lữ hành kia, rồi tiến đến gặp ông, dẫm chân trên cát nóng, nóng như thể một đống tro đang cháy bỏng trong luồng gió dữ dội và ánh mặt trời gay gắt. Vị Bà-la-môn nghĩ thầm: "Đây là cơ hội để tạo công đức, ta phải gieo một hạt giống ngày hôm nay tại chốn này". Lòng vô cùng hoan hỷ, ông vội vã đi đến đảnh lễ Ngài:

- Thưa Tôn-giả, - ông nói - xin Tôn giả vui lòng ra khỏi con đường này trong chốc lát, đến dưới gốc cây kia.

Sau đó, khi đến chỗ ngồi gốc cây, ông lau phủi hết cát cho Ngài, rồi trải thương y ra mời Ngài ngồi xuống, với nước sạch thơm ngát, ông rửa chân Ngài, xoa dầu thơm ngào ngạt, và từ chân của chính mình, ông rút ra đôi hài lau sạch, xoa dầu thơm xong, mang vào cho Ngài, cúng dường Ngài đôi hài cùng với chiếc dù, xin Ngài mang hài và che dù trên đầu Ngài khi ngài lên đường. Vị Độc Giác Phật muốn làm ông vui lòng nên nhận lễ

vật, và trong khi vị Bà-la-môn chiêm ngưỡng Ngài để tăng trưởng tín tâm, Ngài bay lên về lại núi Gandhmàdana.

Còn Bồ-tát với tâm đầy hoan hỷ, tiến ra hải cảng và lên thuyền.

Khi ra đến đại dương vào ngày thứ bảy, con thuyền nứt ra và họ không thể tát hết nước được. Tất cả mọi người lo sợ cho mạng sống mình, đồng thanh kêu gào, mỗi người kêu cầu một vị thần linh riêng của mình. Bậc Đại Sĩ, chọn một người hầu, xoa dầu khắp mình mẩy, ăn một đống đường mịn hòa với bơ tươi cho thỏa thích, cho kẻ kia cùng ăn, rồi ngài leo lên cột buồm. Ngài bảo:

- Về hướng kia là kinh thành của ta.

Vừa chỉ tay về hướng ấy, vừa gạt bỏ nỗi sợ hãi về các loài rùa, cá, ngài lặn mất cùng với gã gia nhân một khoảng xa chừng một trăm năm mươi cubit (1 cubit = 45cm). Đám người kia chết đuối cả, còn bậc Đại Sĩ cùng gã gia nhân bắt đầu tiến lên trên biển cả. Trong bảy ngày liền, ngài tiếp tục bơi. Ngay cả giờ phút ấy, ngài vẫn giữ trọn ngày trai giới, súc miệng với nước mặn.

Lúc bấy giờ một nữ thần tên là Mani-Mekkhalà, nghĩa là Ngọc Đới, đã được lệnh của Tứ Thiên vương: "Nếu gặp tàu chìm, và tai họa xảy đến cho người đã quy y Tam Bảo, hoặc đầy đủ giới đức, hoặc phụng thờ cha mẹ, thì nàng phải lo cứu độ". Và để bảo vệ cho các người như vậy, nữ thần an trụ trên mặt biển. Nhờ thần lực của bà, bà không cần canh phòng trong suốt bảy ngày ấy, song đến ngày thứ bảy, nhìn lướt trên mặt biển, bà thấy vị Bà-la-môn Sankha đức độ kia, nên suy nghĩ: "Kẻđằng kia đã bị rớt xuống biển, đến nay là ngày thứ bảy rồi, nếu ông chết đi thì ta mắc phải tội nặng lắm."

Vì thế sinh lòng lo lắng, bà vội đổ vào chiếc đĩa bằng vàng đầy đủ mọi thức ăn thiên giới, phi nhanh như gió đến phía ngài, rồi dừng lại trước mặt ngài trên không và bảo:

- Này Bà-la-môn, ngài không ăn gì đã bảy ngày rồi, vậy ăn thức này đi.

Vị Bà-la-môn nhìn bà đáp:

- Cất thức ăn của nàng đi, ta đang giữ giới kiêng ăn.

Kẻ gia nhân của ngài không thấy nữ thần, mà chỉ nghe âm thanh nên nghĩ thầm: "Vị Bà-la-môn này nói lảm nhảm, ta chắc vì cơ thể ngài yếu đuối lại nhịn đói đã bảy ngày nên đang đau đớn và sợ chết, ta muốn an ủi ngài." Và gã liền ngâm vần kệ đầu:

1. La-môn Tôn giả, bậc uyên thâm,
Tôn giả vốn đầy đủ thánh tâm,
Đồ đệ Thánh sư, sao lại phải
Hoài tâm vô cớ nói lầm bầm,
Trong khi chẳng có ai đây cả
Đối đáp ngoài tôi, lúc luận đàm?
Vị Ba-la-môn nghe gã, biết rằng gã không thấy vị thần kia, nên bảo:

- Này hiền hữu, không phải ta sợ chết đâu, song đang có một vị khác ở đây để đàm đạo với ta đó.

Rồi Ngài ngâm vần kệ thứ hai:

2. Xuất hiện Thiên thần rực ánh quang,
Tặng ta tiên phạn để ta ăn,
Cao sang trên đĩa vàng bày sẵn
Ta đáp nàng "không" dạ lạc hoan.
Sau đó gã ngâm vần kệ thứ ba:

3. Nếu như người thấy một Thiên thần,
Người hãy yêu cầu một đặc ân
Xin đứng chấp tay van vị ấy,
Cho hay Thiên nữ hoặc phàm nhân?
- Bạn nói phải lắm - vị Bà-la-môn bảo.

Rồi ngài hỏi bằng cách ngâm vần kệ thứ tư:

4. Nương tử nhìn ta vẻ thiết thân,
Bảo ta: "Cần lấy thức này ăn",
Hỏi nàng cao cả đầy uy lực,
Là nữ nhi hay một nữ thần?
Vị nữ thần lấp tức ngâm hai vần kệ:

5. Ta, nữ thần uy lực đại cường,
Nơi này vội đến giữa trùng dương,
Tràn đầy từ mẫn, tâm hoan hỷ,
Vì cứu ngài trong bước cuối đường.
6. Nhìn đây thực phẩm, chốn an lành,
Nhiều loại cỗ xe, đủ dáng hình,
Cho ngài làm chủ quyền tất cả,
Những gì ao ước tự tìm mình.
Khi vừa nghe vậy, bậc Đại sĩ suy nghĩ đắn đo: "Đây là nữ thần giữa đại dương - ngài tự nhủ - bà tặng ta vật này vật nọ. Cớ gì bà lại muốn đem tặng chúng cho ta? Có phải vì một công đức nào đó của ta hay do quyền lực riêng của bà mà bà làm như thế? Được, ta sẽ hỏi." Và ngài chất vấn điều này qua vần kệ thứ bảy:

7. Thưa, vậy tiên nương chính nữ hoàng,
Nắm quyền bao lễ vật nàng ban,
Mỹ nương yểu điệu, mày thanh tú,
Nghiệp quả nào ta tạo đấy chăng?
Vị nữ thần nghe ngài hỏi, nghĩ thầm: "Vị Bà-la-môn này đã hỏi thế, chắc vì ngài tưởng ta không biết ngài đã làm việc lành nào. Ta muốn nói ngay cho ngài rõ". Vì vậy bà đáp

ngài qua vần kệ thứ tám:

8. Trên đường nóng bỏng kẻ đơn thân,
Khát nước, mệt nhừ, lại nhức chân,
Ngài đã dừng, mang tài vật cúng,
Ngày nay lễ ấy được hồng ân.

Lúc bậc Đại Sĩ nghe thế, ngài nghĩ thầm: "Ô kìa giữa đại dương khó vượt qua này, việc cúng dường đôi hài trở thành một đại phước báo cho ta. Ôi việc dâng lễ vật lên một vị Độc Giác Phật thật tốt lành thay!" Rồi trong niềm đại hân hoan, ngài ngâm kệ thứ chín:

9. Xin chiếc thuyền bằng ván khéo xây,
Thuận buồm xuôi gió, chạy như bay,
Mà không thấm nước trên đường biển
Không thể dùng xe cộ chốn đây,
Xin chở ta về Mo-lí gấp,
Làm sao vừa kịp đúng hôm nay.

Nữ thần rất đẹp ý khi nghe những lời này, liền làm phép cho chiếc thuyền hiện ra, được làm bằng bảy báu vật, chiều dài tám trăm cubit (1 cubit = 45cm), chiều rộng sáu trăm cubit, chiều sâu hai mươi sải (sải= 1,82m). Có ba cột buồm bằng ngọc bích, dây buộc bằng vàng, cánh buồm bằng bạc, các mái chèo và bánh lái đều bằng vàng ròng cả. Trong thuyền, vị nữ thần chất đầy bảy báu vật, rồi ôm lấy vị Bà-la-môn đưa lên chiếc thuyền huy hoàng kia. Bà không chú ý đến gã hầu cận, song vị

Bà-la-môn vẫn chia phần cho gã hưởng phước lành. Gã sung sướng quá và nữ thần kia cũng ôm gã đặt lên thuyền nữa. Liền đó bà đưa thuyền đến kinh thành Molinì và sau khi đã chất đầy châu báu vào kho nhà vị Bà-la-môn, bà trở về nơi an trú mình.

*

Bậc Đạo Sư với Trí tuệ Tối thắng, đã ngâm vần kệ cuối cùng:

10. Thần nữ hân hoan, hạnh phúc tràn,
Làm cho xuất hiện, chiếc thuyền thần,
Đem San-kha với người hầu cận
Về đến kinh đô đẹp tuyệt trần.

Còn vị Ba-la-môn suốt đời ở nhà bố thí thật rộng rãi không ngừng và giữ giới hạnh, nên khi mạng chung ngài cùng các gia nhân đi lên cộng trú với chư Thiên.

*

Khi bậc Đạo Sư chấm dứt Pháp thoại, Ngài tuyên thuyết các Sự Thật. Bấy giờ vào lúc kết thúc các Sự Thật, vị cư sĩ ấy chứng đắc Sơ quả (Dự Lưu).

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy Uppalavannà (Liên Hoa sắc) là nữ thần, Ànanda là người hầu, và Bà-la-môn Sankha chính là Ta.

-ooOoo-

443. Chuyện Trí Giả Tiểu Bồ Đề (Tiền thân Culla-Bodhi)

Ví thử người ta bắt quý nương...,

Chuyện này do bậc Đạo Sư kể tại Kỳ Viên về một người tính hay nóng giận.

Người này, sau khi đã xuất gia, tu tập, hành trì Giáo pháp đưa đến giải thoát, an lạc trọn vẹn, lại không thể chế ngự cơn giận của mình. Ông lòng đầy bực tức, hiềm hận; song lại ít nói nên khi phẫn nộ, bị lôi cuốn vào cơn nóng giận, ông trở nên gay gắt chua cay và khó dạy bảo. Khi nghe nói đến tính hay nóng giận của ông, bậc Đạo Sư cho gọi ông vào và hỏi có thật là ông hay nổi giận như lời đồn chăng. Vị này đáp:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn,

Bậc Đạo Sư bảo:

- Này Tỷ-kheo, tính nóng giận phải được chế ngự, vì một kẻ hành ác hạnh như vậy không thể nào có nơi an trú được dù trong đời này hoặc đời sau. Tại sao sau khi tu tập pháp môn giải thoát của đức Phật tối thượng không có lòng sân giận, cớ gì ông lại tự mình tỏ ra hay phẫn nộ? Các bậc trí

nhân ngày xưa, ngay cả những vị hành trì giáo pháp khác với chúng ta cũng đã kềm chế được lòng phẫn nộ.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa khi vua Brahmadatta lên ngôi ở Ba-la-nại, trong một thị trấn ở xứ Kàsi có một vị Bà-la- môn rất giàu vàng bạc, gia sản đồ sộ song lại không có con, nên bà vợ cầu mong con trai. Vào thời ấy Bồ-tát từ cõi Phạm thiên đi xuống trần, nhập mẫu thai của bà, rồi vào ngày lễ đặt tên, cha mẹ chọn cho ngài cái tên Bodhi-Kumàra hay là Nam tử Trí Tuệ. Khi ngài đến tuổi khôn lớn, ngàiđi đến Takkasilà, nghiên cứu đủ các môn học thuật, và sau khi về nhà, dù ngài không muốn, cha mẹ ngài vẫn đi cưới một thiếu nữ về làm vợ ngài, từ một gia đình cùng chung giai cấp với ngài. Nàng ấy cũng xuống cõi trần từ Phạm thiên giới, có nhan sắc tuyệt thế, chẳng khác nào một vị tiên nữ. Cả hai vị trở thành vợ chồng, song cả hai chẳng ai mong muốn chuyện đó cả. Chẳng bao giờ có ai phạm vào dâm dục, cũng chẳng kẻ nào liếc mắt nhìn kẻ kia một cách say đắm, ngay cả trong giấc ngủ, hai vị cũng không hề bao giờ có hành động tương tự, cả hai vị đều sống thanh tịnh như thế.

Sau một thời gian, khi song thân đều mất cả, ngài lo việc tang lễ cho thi hài cha mẹ chu đáo. Bậc Đại Sĩ gọi vợ đến, bảo nàng:

- Này quý nương, nàng hãy giữ lấy gia sản tám trăm triệu đồng này và sống đời hạnh phúc.

- Không phải vậy đâu, mà đó là phần của phu quân.

Ngài bảo:

- Ta không cần vàng bạc, ta sẽ lên vùng Tuyết Sơn, trở thành một ẩn sĩ và tìm nơi cư trú ở đó.

- Vậy thưa phu quân tôn quý, chỉ nam giới mới được xuất gia tu hành thôi chăng?

Ngài đáp:

- Không phải vậy, nữ giới cũng được.

- Vậy thì thiếp, cũng không muốn nhận lấy thứ chàng đã phun khỏi miệng, vì thiếp cũng không ham thích vàng bạc gì hơn chàng, thiếp cũng muốn thành ẩn sĩ như chàng.

- Này quý nương, tốt lành thay!

Rồi hai vị đem phân phát bố thí phần lớn tài sản và xuất gia. Đến một vùng đất an lạc dựng am thất ẩn sĩ, các ngài sống bằng trái cây rừng mà các ngài kiếm được, và cứ sống như vậy mười năm tròn, song vẫn chưa chứng đắc Thiền định của bậc Thánh.

Thế là sau một thời gian sống tại đó, hưởng hạnh phúc của cuộc đời ẩn dật suốt mười năm liền, các ngài ra đi ngang qua vùng quê để tìm muối và đồ gia vị, và thuận đường đến Ba-la-nại liền vào trú chân trong vườn ngự uyển.

Bấy giờ, một ngày kia vua thấy người giữ ngự viên đến dâng một món quà trong tay, ngài phán:

- Trẫm muốn liên hoan trong ngự viên, vậy hãy sắp xếp cho chỉnh tề.

Và khi hoa viên đã được dọn dẹp sạch sẽ sẵn sàng, vua ngự vào đó cùng đám cận thần hộ tống đông đảo.

Lúc đó cả hai vị ở trên một chỗ trong ngự viên, an hưởng lạc thú của cuộc sống tu hành. Còn vua khi đi ngang qua ngự viên, thấy hai vị ngồi đó; và khi mắt ngài chợt bắt gặp vị nữ nhân diễm lệ khả ái kia, ngài say mê ngay. Lòng ngài rúng động vì khát vọng dục tình, ngài quyết định hỏi nàng có liên hệ gì đối với ẩn sĩ kia; nên khi đi đến gần Bồ-tát, vua hỏi ngay câu ấy. Bồ-tát đáp:

- Tâu đại vương, nay nàng ấy chẳng có liên hệ gì đối với ta cả; nàng chỉ cùng chung đời sống tu hành với ta thôi, song trước kia ta còn sống ở chốn trần tục, thì nàng ấy đã là vợ ta.

Nghe vậy, vua thầm nghĩ: "Như vậy, vị này bảo nữ nhân kia chẳng là gì đối với ông cả, song khi còn sống đời thế tục, nàng ấy đã là vợ ông. Được rồi, nếu ta dùng vương quyền bắt lấy nàng thì ông làm gì được? Cho nên ta muốn chiếm nàng". Và vua vừa đến gần vừa ngâm vần kệ:

1. Ví thử người ta bắt quý nương,
Mắt tròn, và cướp khỏi Tôn ông,
Người yêu ngồi đó đang cười nụ,
Ngài sẽ làm gì, hỡi Đạo nhân?

Bậc Đại Sĩ ngâm vần kệ thứ hai để đáp câu hỏi này:

2. Khi đã khởi lên, nó chẳng rời
Chẳng bao giờ nữa, suốt đời tôi,
Như cơn mưa lắng dần tro bụi,
Dập tắt nó thời mới nhú thôi.

Bậc Đại Sĩ trả lời như vậy, lớn tiếng như sư tử hống. Song nhà vua dù đã nghe thế, vẫn không thể nào chế ngự được con tim say đắm của mình, do nỗi si mê mù quáng, liền ra lệnh cho vị cận thần phải bắt nàng kia vào cung.

Vị cần thần tuân lệnh dẫn nàng đi, dù nàng đã thở than khóc lóc rằng làm ác nghiệp phi pháp là thói thường của thế gian, còn Bồ-tát nghe tiếng nàng kêu khóc, ngài chỉ nhìn một lần thôi, không nhìn nữa. Vì thế nàng bị đưa vào cung trong lúc đang kêu gào thê thảm.

Vua xứ Ba-la-nại không còn chần chờ ở ngự viên nữa, mà nhanh chóng trở về cung, triệu nàng đến chầu và ban cho nàng nhiều vinh dự cao sang. Song nàng bảo những vinh quang đó chẳng có giá trị cả, và chỉ đời sống độc cư là cao thượng thôi. Vua thấy không thể dùng cách gì để chinh phục được tim nàng, nên truyền giữ nàng trong một phòng biệt lập và bắt đầu suy nghĩ: "Đây là một người đàn bà khổ hạnh không màng mọi thứ vinh quang này, và vị ẩn sĩ cũng không hề tỏ ra giận dữ khi người hầu bắt đi một nữ nhân tuyệt mỹ như vậy. Song những ẩn sĩ thường có mưu sâu lắm; chắc chắn ông đang lập mưu để hại ta. Được rồi, ta muốn trở lại gặp ông và tìm hiểu tại sao ông vẫn ngồi đó." Và thế là không thể ngồi yên được, vua đi vào ngự viên.

Lúc ấy Bồ-tát đang ngồi vá chiếc y. Vua chỉ đi một mình nên đến tận nơi, bước nhẹ nhàng không gây tiếng động. Bồ-tát vẫn tiếp tục vá áo, chẳng nhìn đến vua. Vua nghĩ: "Người này chẳng muốn nói gì với ta vì đang tức giận đấy. Kẻ khổ hạnh này đúng là gã bịp bợm, trước tiên thét lớn: "ta không muốn để lòng căm hận khởi lên chút nào, song nếu nó khởi lên, ta quyết dập tắt nó ngay lúc còn nhỏ nhoi", rồi sau đó lòng căm phẫn cứ đeo đẳng dằng dai nên gã không muốn nói chuyện với ta đó!". Với ý nghĩ này, vua ngâm vần kệ thứ ba:

3. Ngài lớn tiếng khoe hay,
Chừng một lát trước đây,
Nay lặng thinh vì giận
Ngài ngồi đó vá may.

Khi bậc Đại Sĩ nghe thế, ngài hiểu vua tưởng ngài im lặng vì tức giận, nên muốn tỏ ra là ngài không hề bị lòng phẫn nộ chi phối, ngài ngâm vần kệ thứ tư:

4. Hễ lúc nào sinh khởi nó rồi,
Chẳng bao giờ nó chịu rời tôi,
Như cơn mưa lắng dần tro bụi,
Tôi dập nó thời mới nhỏ nhoi.

Khi nghe những lời này, vua suy nghĩ: "Có phải người này nói đến lòng sân hận hay điều gì khác nữa? Ta muốn hỏi ông cho rõ". Rồi vua ngâm vần kệ thứ năm:

5. Gì đó mà không thể bỏ ngài,
Chẳng bao giờ hết, suốt trong đời?
Như cơn mưa lắng dần tro bụi,
Ngài dập tắt gì lúc nhỏ nhoi?
Vị kia đáp:

- Thưa Đại vương, như thế nỗi sân hận thường đem lại nhiều đau khổ, nhiều tai hại, tàn khốc; nó chỉ vừa khởi lên trong ta, song nhờ nuôi dưỡng lòng từ mẫn, ta đã dập tắt được nó.

Rồi ngài ngâm các vần kệ sau để thuyết giảng về nỗi khổ đau vì hiềm hận:

6. Con người không nó, thấy minh quang,
Có nó, mù đui trước nẻo đàng,
Nó khởi trong ta không thoát được,
Hận sân, nuôi dưỡng bởi si cuồng.
7. Điều gì làm thích thú cừu nhân,
Kẻ muốn tâm ta phải khổ buồn,
Phát khởi trong ta không thoát được,
Hận sân, nuôi dưỡng bởi si cuồng.
8. Cái điều, nếu nổi dậy trong mình. Che khuất người ta trước hạnh lành,

Đã phát trong ta không thoát được, Căm hờn, nuôi dưỡng bởi vô minh.

9. Điều làm tổn phước đức vô song,
Khiến kẻ bị lừa bỏ lập công,
Mãnh liệt, phá tan, đầy khủng khiếp,
Không rời ta nữa, ấy là sân.
10. Ngọn lửa lên cao, sẽ lớn hơn,
Nếu mỗi nhiên liệu được khơi tròn,
Bởi vì ngọn lửa lên cao mãi,
Nhiên liệu tự mình phải cháy luôn.
11. Cũng vậy trong tâm trí kẻ đần,
Người không có thể nhận chân ra rằng
Phát sinh phẫn nộ từ tranh cãi
Bởi vậy thanh danh phải bại tàn.
12. Phẫn nộ nào tăng tựa lửa hừng
Với mồi than củi cháy bừng bừng,
Như trăng nửa tháng đêm trời tối,
Đức hạnh tiêu hao, hủy hoại dần.
13. Người nào chế ngự được lòng sân,

Như lửa mà không có củi than,
Như trăng nửa tháng trời dần sáng,
Công đức người kia cứ mãi tăng.
Khi vua đã nghe bậc Đại Sĩ thuyết Pháp xong, lòng rất hoan hỷ, nên ra lệnh cho một cận thần đi dẫn người đàn bà đến, và mời vị ẩn sĩ vô sân kia cùng ở lại với nàng trong ngự viên để an hưởng lạc thú của cuộc sống độc cư và vua hứa sẽ chăm sóc bảo vệ cho hai vị như bổn phận của mình. Sau đó nhà vua xin hai vị tha thứ lỗi lầm và kính cẩn từ tạ ra về. Thế là hai vị ấy ở lại đó.

Dần dần về sau, người đàn bà ấy từ trần và sau khi nàng qua đời, vị ẩn sĩ trở về vùng Tuyết Sơn, tu tập các Thắng trí và các Thiền chứng, làm cho Tứ Vô lượng tâm (bốn Phạm trú: Từ, Bi, Hỉ, Xả) sinh khởi trong lòng, nên ngài được sinh vào cõi Phạm thiên.

*

Khi bậc Đạo Sư chấm dứt Pháp thoại, Ngài tuyên thuyết các Sự Thật. Vào đoạn kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ-kheo hay sân hận kia đã được an trú vào Tam quả (Bất Lai).

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, mẫu thân của Ràhula (La-hầu-la) là nữ ẩn sĩ ấy. Ànanda là vua kia và vị ẩn sĩ chính là Ta.

-ooOoo-

444. Câu Chuyện Hắc Nhân Dìpàyana (Tiền thân Kanhadìpàyana)

Bảy ngày tâm trí được thong dong...,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo thối thất.

Hoàn cảnh này sẽ được giải thích trong Tiền thân Kusa (số 531). Khi bậc Đạo Sư hỏi lời đồn ấy có đúng không và vị Tỷ-kheo ấy đáp là đúng, thì ngài bảo:

- Này Tỷ-kheo, thuở xưa trước khi đức Phật xuất hiện ở đời, các bậc trí nhân, ngay cả những vị hành trì một nếp tu tập không theo Chánh pháp, trong suốt hơn năm mươi năm bước đi trong Thánh hạnh mà không thích thú nhiệt tâm, song vì bản tính thận trọng khôn ngoan, nên không bao giờ nói cho ai hay biết là các ông đã thối thất. Còn nay tại sao ông đã hành trì Giáo pháp của Ta đưa đến giải thoát, và ông đang đứng trước mặt một đức Phật Thế Tôn như Ta, sao ông dám bộc lộ sự thối thất của ông trước bốn hàng đệ tử? Tại sao ông không giữ được tính thận trọng e dè?

Nói xong, Ngài kể một chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa, trong quốc độ Vamsa, một vị vua trị vì tại Kosambi mệnh danh là Kosambika. Thời ấy có hai vị Bà-la-môn ở một thị trấn kia, mỗi vị đều có tài sản tám trăm triệu đồng và là bạn thân thiết của nhau, cả hai ông, sau khi đã nhận thức sự tai hại của tham dục, và đã phân chia của cải ra để bố thí, liền từ bỏ thế tục ngay giữa

tiếng than khóc của nhiều người thân, khởi hành về phía Tuyết Sơn, dựng am ẩn sĩ ở đó cho mình. Tại chốn ấy trong năm mươi năm liền, hai vị sống đời ẩn sĩ, nuôi thân bằng trái cây, củ rừng mà hai vị tình cờ kiếm được; song các vị không thể nào chứng đắc Thiền định.

Sau năm mươi năm ấy đã trôi qua, các vị đi du hành qua vùng quê xin muối và đồ gia vị, lại đến vương quốc Kàsi. Trong một thị trấn của quốc độ này có một gia chủ tên là Mandavya, đã từng là một thân hữu tại gia ngày trước của ẩn sĩ Dìpàyana. Hai vị liền đi đến thăm ông Mandavya này; vừa trông thấy hai vị, ông chủ nhà vô cùng thích thú, liền xây cho hai vị một am tranh, cung cấp đầy đủ mọi loại vật dụng cần thiết của cuộc sống ẩn sĩ. Hai vị ở đó ba bốn mùa, rồi từ giã ông, tiến về Ba-la-nại, tại đây hai vị vào ở trong nghĩa địa trồng toàn cây Atimuttaka. Khi Dipàyana đã ở đó một thời gian như ý muốn, ngài trở về nơi người bạn xưa lần nữa; còn Tôn-giả Mandavya, ẩn sĩ kia, vẫn ở chỗ cũ.

Lúc bấy giờ, một ngày kia có tên đạo tặc gây cướp bóc trong thị trấn, và trở về từ nơi ấy cùng một số của cải cướp được. Các gia chủ, lính canh, chạy ra cùng la to "kẻ trộm" và kẻ trộm bị các người này đuổi gấp, đã thoát thân qua một ống cống và trong lúc đang chạy quanh gần nghĩa địa, gã làm rơi gói đồ ở cửa nhà lá của vị ẩn sĩ ấy. Khi các chủ nhà thấy gói này, đồng kêu to:

- À đồ khốn kiếp! Anh là quân trộm cướp ban đêm, còn ban ngày anh đi quanh quẩn giả dạng tu hành.

Rồi vừa phỉ báng, vừa đấm đá, họ đem vị này vào yết kiến vua.

Vua không bảo điều tra gì cả mà chỉ nói:

- Dẫn nó đi ra và đóng cọc vào nó.

Họ đem ông đến nghĩa địa, đặt ông vào cái cọc bằng gỗ cây keo. Song cây cọc không chịu đâm qua thân của vị ẩn sĩ, kế đó họ mang vào cái cọc khác, song cái này cũng không đâm thủng ông, kế đó là cái cọc sắt, cũng không thể đâm thủng thân ông được. Ông tự hỏi hành động nào trong quá khứ của mình đã gây nên sự việc này, liền quan sát quá khứ, trong tâm ông khởi lên tri kiến về các đời trước, nhờ vậy nhìn lại quá khứ, ông thấy những việc đã làm từ lâu, đó chính là việcđâm thủng một con ruồi trên một mảnh gỗ mun.

Chuyện kể rằng trong một đời trước, ông là con trai một người thợ mộc. Một bữa nọ, cậu đi đến chỗ người cha thường đốn cây và cậu đã dùng một mảnh gỗ mun đâm thủng một con ruồi như thể đóng cọc vào nó. Chính ông phát giác ra tội ác kia vào giờ phút nguy kịch này. Ông nhận thức rằng không thể nào thoát khỏi ác nghiệp cũ được, nên bảo đám quân hầu của vua:

- Nếu các ông muốn đóng cọc ta, hãy lấy cái cọc bằng gỗ mun.

Họ làm theo, và đóng cọc vào vị ấy xong, họ để lại một tên quân canh giữ vị ấy và ra đi.

Bọn lính canh từ một nơi ẩn nấp quan sát mọi việc xảy ra cho vị ấy. Lúc bấy giờ, Dìpàyana suy nghĩ: "Ta đã gặp đạo hữu của ta cách đây lâu rồi", liền muốn đi tìm bạn. Khi nghe tin bạn đã bịđóng cọc treo lên suốt ngày bên vệ đường, ông liền đi đến đứng bên bạn và hỏi bạn đã làm gì.

- Chẳng làm gì cả. Vị ấy đáp.

Vị kia lại hỏi:

- Thế hiền hữu, ta chẳng thấy sân hận gì những kẻ đã bắt ta, cũng chẳng hiềm hận vua; chẳng có nỗi oán hờn nào trong tâm ta cả.

- Nếu quả vậy, thì bóng mát của một vị đức độ như thế này cũng đủ đem lại an lạc cho đời ta rồi.

Cùng với những lời này, ông ngồi xuống cạnh cây cọc. Từ thân của Mandavya rơi xuống vài giọt máu trên thân người bạn. Vì chúng rơi xuống làn da vàng óng và khô đi như thể các chấm đen trên đó, khiến cho ông có tên Kanha hắc nhân Dìpàyana từ đó về sau. Và ông cứ ngồi yên tại chỗ suốt đêm.

Ngày hôm sau, bọn quân canh đến kể mọi chuyện với vua, ngài bảo:

- Ta đã hành động quá hấp tấp.

Rồi vua vội vã đến nơi, hỏi Dìpàyana chuyện gì đã khiến ông ngồi bên cây cọc. Ông đáp:

- Tâu Đại vương, thần ngồi đây để canh bạn. Nhưng xin cho biết người này đã làm gì, hay bỏ dở việc gì chưa làm, mà Đại vương đối xử như vậy?

Vua giải thích là vấn đề chưa được điều tra. Vị kia đáp:

- Tâu Đại vương, một vị vua phải hành động cẩn trọng; một người thế tục phóng túng, ham mê dục lạc là điều không hay v.v...

Và ông còn khuyến cáo nhà vua thêm những việc tương tự như thế nữa.

Khi vua thấy Mandavya vô tội, ngài ra lệnh nhổ cọc lên. Nhưng dù bọn chúng gắng hết sức, cũng không nhổ lên được. Mandavya bảo:

- Tâu Đại vương, thần phải chịu mang sự ô nhục này là do một lỗi lầm đã phạm thời xa xưa, nên không thể nào nhổ cọc ra khỏi thân này được. Song nếu Đại vương muốn cứu mạng thần, xin bảo đem đến cái cưa, xẻ cái cọc ngang sát lớp da.

Vua bảo làm như thế; nên phần cây cọc nằm trong thân ông vẫn còn đó. Vì chuyện kể rằng trước kia có lần ông cầm một viên kim cương nhỏ đâm thủng ống mật của một con ruồi nọ để nó khỏi chết, cho đến lúc nó tận số. Nhờ vậy ông cũng không chết luôn. Chuyện kể như thế.

Còn nhà vua đảnh lễ hai vị ẩn sĩ, xin thứ lỗi, rồi đem hai vị vào trú ngụ trong ngự viên, và chăm sóc hai vị tại chỗ ấy. Cũng từ đó, Mandavya được gọi là "Mandavya mang-cái-cọc", cứ sống ở nơi này gần gũi nhà vua. Phần Dìpàyana, sau khi chữa lành

vết thương cho bạn xong, lại trở về với bạn xưa là gia chủ Mandavya. Khi gia nhân nhận thấy vị này đi vào am thất cũ, liền đi báo với gia chủ. Ông chủ nghe tin lòng rất hoan hỷ, cùng với vợ con đem nhiều hương liệu, tràng hoa, dầu,đường đi đến am thất, đảnh lễ Dìpàyana, rửa chân và xoa dầu thơm cho vị này xong, đem mời nước uống và ngồi lắng nghe câu chuyện ẩn sĩ Mandavya mang-cây-cọc.

Bấy giờ con trai của gia chủ là nam tử Yannadatta, đang chơi đùa với quả cầu ở cuối mái hiên. tại đó, có một con rắn trong một ổ kiến. Trái cầu của cậu trai bị ném xuống đất, chạy tọt vào lỗ kiến kia và rơi nhằm con rắn. Vì không biết sự này, cậu thò tay vào lỗ. Con rắn tức giận cắn tay cậu, khiến cậu ngã xuống bất tĩnh vì nọc độc của rắn quá mạnh. Sau đó cha mẹ cậu thấy con bi rắn cắn, liền nâng con dậy đem đến vị ẩn sĩ kia, đặt cậu nằm dưới chân vị này và nói:

- Thưa Tôn giả, các bậc tu hành thường biết các cây thảo dược và bùa chú, xin Tôn giả chữa trị cho con chúng tôi.

- Ta đâu biết gì về thảo dược, ta chẳng làm nghề y sĩ bao giờ.

- Thưa Tôn giả, ngài là bậc tu hành xin thương xót thằng bé này và thực hiện một lời Nguyện cầu Chân thật.

- Được lắm - vị ẩn sĩ đáp - ta sẽ thực hiện một lời Nguyện cầu Chân thật.

Rồi vừa đặt đặt lên đầu Yannadatta, ông vừa ngâm vần kệ đầu:

1. Bảy ngày tâm trí thật thong dong,
Thanh tịnh sống đời ước lập công,
Từ đó năm mươi năm ẩn dật,
Chú tâm ta bộc bạch lời chân;
Nơi đây ta sống dù không muốn,
Lời thật này mong tạo phước ân,
Khiến nọc độc không còn hiệu lực,
Cậu trai này sẽ tỉnh lên dần.
Chẳng bao lâu khi lời Nguyện cầu Chân thật này được thực hiện, thì chất độc phóng ra từ ngực của Yannadatta và chui xuống đất. Cậu bé mở mắt nhìn cha mẹ và kêu:

- Mẹ ơi!

Rồi cậu quay người nằm im. Lúc ấy Hắc nhân Dìpàyana bảo người cha:

- Này, ta đã dùng hết khả năng của ta, nay đến thời bạn dùng khả năng của mình đi.

Người cha đáp:

- Vậy tôi sẽ thực hiện lời Nguyện cầu Chân thật.

Rồi vừa đặt tay lên ngực con trai, ông vừa ngâm vần kệ thứ hai:

2. Chẳng chút quan tâm vật cúng dường
Ta đem đãi mọi khách qua đường,

Song người hiền trí chưa hề biết
Ta đã tự kiềm chế bản thân;
Dù bố thí, ta lòng miễn cưỡng,
Cầu mong lời thật tạo hồng ân,
Làm cho nọc độc thành vô hiệu,
Thằng bé này đây được tỉnh dần.
Sau khi ông thực hiện lời Nguyện cầu Chân thật này, từ lưng cậu bé nọc độc xuất ra và chui xuống đất. Cậu ngồi dậy, nhưng chưa thể đứng lên được. Lúc ấy người cha bảo người mẹ:

- Này phu nhân, ta đã dùng hết khả năng của ta, bây giờ chính bà dùng năng lực của mình phát nguyện Lời Chân thật để làm cho con bà đứng lên và đi được.

Bà vợ đáp:

- Tôi cũng có một sự thật muốn nói ra, nhưng trước mặt quí vị tôi không thể nói được.

Ông bảo:

- Này phu nhân, hãy dùng hết mọi phương cách làm cho con ta bình phục.

Bà đáp:

- Thế thì tốt lắm.

Và lời Nguyện cầu Chân thật của bà được đưa ra trong vần kệ thứ ba:

3. Rắn nọ cắn con mới nãy giờ,
Nằm trong lỗ ấy hỡi con thơ,
Và cha con đó, này ta bảo,
Là một, trong tim mẹ hững hờ,
Mong sự thật này mang phươc đức,
Nọc tan, con trẻ tỉnh hồn mơ!
Chẳng bao lâu lời Nguyện Cầu Chân thật này được thực hiện thì tất cả nọc độc đều tuôn ra và chui xuống đất. Yannadatta đứng dậy, toàn thân cậu đã được tẩy sạch hết chất độc, nên cậu bắtđầu chơi đùa. Khi cậu bé đã hồi tỉnh như thế xong, gia chủ Mandavya hỏi về tâm tư của Dìpàyana qua vần kệ thứ tư:

4. Người ta xuất thế, trí quang minh,
Thuần thục, tâm không chút bất bình,
Trừ bạn Kan-ha, sao thối chất,
Chẳng mong tiến bước đạo tu hành?
Để đáp lại lời này, vị kia ngâm vần kệ thứ năm:

5. Xuất thế rồi quay lại cõi trần,
Chắc người ta nghĩ: "Kẻ ngu đần!",
Chính điều này khiến ta lùi bước,

Ta vẫn hành trì đạo Thánh nhân
Tuy vậy ta không còn phát nguyện,
Ta theo Thánh đạo bởi nguyên nhân:
Được lời khen ngợi từ người trí,
Là cách người hiền thiện trú thân.
Sau khi đã giải thích lối suy nghĩ của mình như vậy xong, vị này hỏi Mandavya lần nữa qua vần kệ thứ sáu:

6. Nhà bạn đây như thể quán ăn,
Chứa đồ ẩm thực để cung dâng
La-môn, trí giả cùng du khách,
Thỏa mãn cơn khao khát, đói lòng,
Xong sợ điều gì gây tiếng xấu,
Nên lòng miễn cưỡng lại cho không.
Đến lượt Mandavya giải thích ý tưởng mình qua vần kệ thứ bảy:

7. Giữ gìn Thánh hạnh các cha ông,
Là thí chủ ban phát rộng lòng,
Theo gót xưa, ta đầy cẩn trọng,
Sinh thời đường lối của gia tông,
Sợ mình sẽ biến thành suy thoái,
Nên miễn cưỡng lòng vẫn biếu không.
Sau khi nói xong, Mandavya hỏi vợ qua vần kệ thứ tám:

8. Khi còn thiếu nữ trí ngây thơ,
Ta cưới bà về tự nhạc gia,
Bà chẳng bảo lòng ta lãnh đạm
Làm sao bà sống cả đời bà,
Không tình gắn bó, không thương mến,
Bà đã vì đâu ở lại nhà,
Hỡi quí phu nhân đầy yểu điệu,
Sống đời lạnh lẽo thế cùng ta.
Bà vợ đáp qua vần kệ thứ chín:

9. Chẳng phải là nề nếp cổ phong,
Cho người làm vợ lại thay chồng,
Chẳng bao giờ thế, nên tôi vẫn,
Giữ thói lề kia, kẻo ngại rằng
Tôi bị người xem là thoái hóa,
Chính niềm lo sợ tiếng đồn hung,
Khiến tôi ở lại và chung sống
Chẳng có tình yêu, vẫn lạnh lùng.

Sau khi vừa nói điều này ra xong, một ý nghĩ chợt đến với bà: "Nay ta đã nói điều bí mật kia với chồng ta rồi, cái điều bí mật chưa hề bao giờ được nói ra cả! Chắc chàng sẽ giận ta lắm; vậy ta muốn được xin lỗi chàng ngay trước mặt vị ẩn sĩ này vốn là bạn chân tình của nhà ta!" Với mục đích trên, bà ngâm vần kệ thứ mười:

10. Giờ đây thiếp lỡ nói rồi,
Những điều chẳng đáng nên lời nói ra
Vì con, mong ước thứ tha,
Không gì hơn được mẹ cha nồng tình,
Yan-na, con của chúng mình
Trước đây đã chết, hồi sinh bây giờ!

- Thôi phu nhân hãy đứng dậy đi - Mandavya nói - tôi tha lỗi cho bà rồi. Từ nay bà đừng vô tình với tôi nữa; rồi tôi sẽ không bao giờ buồn phiền gì bà đâu.

Còn Bồ-tát bảo Mandavya:

- Trong khi thu thập được nhiều của cải bất chính, rồi bạn lại phân phát bố thí rộng rãi, song không có lòng tin rằng hành động ấy là hạt giống an lành mang lại dị thục quả, như thế là bạn sai lầm đấy. Trong tương lai, bạn hãy tin tưởng vào công đức của lễ vật bố thí, và bạn hãy bố thí cúng dường.

Vị gia chủ hứa làm như vậy, và đến phiên mình nói với Bồ-tát:

- Thưa Tôn giả, chính Tôn giả cũng sai lầm khi nhận lễ vật của chúng tôi cúng dường trên bước đường Thánh hạnh mà lòng không phát nguyện tu hành. Giờ đây để cho hạnh nghiệp của Tôn giả mang lại nhiều phước quả dồi dào, xin từ nay về sau Tôn giả tiến lên trong Thánh đạo với lòng an tịnh thanh thản và tràn đầy thiên lạc.

Rồi hai ông bà giã từ bậc Đại sĩ và ra về.

Từ đó về sau, bà vợ thương yêu chồng mình, gia chủ Mandavya giữ tâm thanh tịnh, đem của cải bố thí với đầy đủ lòng tin; còn Bồ-tát xua tan hết lòng thối thất, và tu tập các Thắng trí thiền định nên được sinh lên cõi Phạm thiên.

*

Khi Pháp thoại này chấm dứt, Bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật. Bấy giờ vào đoạn kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ-kheo thối thất đã được an trú vào Sơ quả (Dự Lưu).

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy Ànanda là gia chủ Mandavya; Visàkhà (Tỳ-cá-khư) là bà vợ, Sàriputta (Xá-lợi-phất) là Mandavya mang-cái-cọc, và Hắc nhân Dìpàyana chính là Ta.

-ooOoo-

445. Chuyện Vua Đa (Tiền thân Nigrodha)

Người ấy là ai, ta chẳng hay ...,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể tại Trúc Lâm về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa).

Một bữa nọ, các Tỷ-kheo bảo vị này:

- Này hiền hữu Đề-bà-đạt-đa, bậc Đạo sư cứu độ hiền hữu rất nhiều! Từ bậc Đạo Sư, hiền hữu đã thọ đủ Tiểu giới và Đại giới; hiền hữu đã học Tam Tạng là tiếng nói của đức Phật; hiền hữu đã làm phát khởi Thiền định trong tâm hiền hữu; vinh quang là lợi lạc của đấng Thập Lực thuộc về hiền hữu.

Nghe vậy vị này liền đưa lên một cọng cỏ và nói:

- Ta không thấy một điều lợi lạc nào mà Sa-môn Gotama đã tạo cho ta cả, dù chỉ bằng cọng cỏ này.

Tăng chúng bàn tán việc ấy trong Chánh Pháp đường. Khi bậc Đạo Sư bước vào, Ngài hỏi các vị ấy đang bàn luận điều gì trong lúc ngồi đó. Các vị trình lên Ngài, Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu, mà từ lâu cũng như bây giờ, Đề-bà-đạt-đa đã vô ơn và phản bội thân hữu.

Rồi Ngài kể cho Tăng chúng một chuyện đời xưa:

*

Ngày xưa một vị Đại vương danh hiệu là Magadha (Ma-kiệt-đà) cai trị ở thành Ràjagaha (Vương xá) .

Một thương nhân trong thành ấy cưới về nhà cho con trai mình một cô vợ, đó là con gái của một thương nhân ở thôn quê. Song nàng ấy không sinh sản gì. Theo thời gian, vì nguyên cớ đó, lòng kính trọng đối với nàng giảm đi; cả nhà thường nói chuyện cho nàng có thể nghe được như vầy:

- Khi có một người vợ không sinh sản trong nhà, con trai ta làm sao nối dõi tông đường được?

Khi chuyện này cứ đến tai nàng mãi, nàng tự nhủ: "được rồi, ta sẽ giả vờ mang thai để đánh lừa họ".

Thế là nàng hỏi vú già tốt bụng của nàng:

- Đàn bà có thai phải làm gì?

Và khi được chỉ bảo những điều cần làm để giữ gìn thai nhi, nàng dấu kín thời kỳ hành kinh của nàng, lại tỏ ý thích ăn các vị chua mới lạ. Vào lúc tay chân bắt đầu to lên, nàng nhờ chúng bạn đập vào tay chân, và lưng cho đến khi chúng sưng phồng lên; dần dần nàng bó quanh người nàng bằng giẻ vụn và vải làm cho thân thể có vẽ lớn dần; lại bôi đen hai đầu vú nàng, và chỉ trừ bà nhũ mẫu ấy ra, chẳng ai được phép ở bên nàng lúc nàng tắm rửa. Chồng nàng cũng tỏ ra chăm sóc nàng chu đáo cho phù hợp với hoàn cảnh ấy.

Sau chín tháng trôi qua trong cảnh này, nàng tỏ ý muốn trở về nhà sinh con trong nhà cha mẹ mình. Vì vậy nàng từ giã cha mẹ chồng, lên xe cùng một số gia nhân từ bỏ thành Vương Xá lại đằng sau, thẳng tiến lên đường.

Lúc bấy giờ trước mặt nàng có một đoàn xe ngựa đang du hành, và lúc nào nàng cũng đến vào khoảng giờ ăn điểm tâm ở địa điểm mà đoàn xe kia vừa mới ra đi. Vào một đêm kia, một người đàn bà nghèo khổ trong đoàn xe đã hạ sinh một con trai dưới gốc cây đa; và nghĩ rằng nếu không có đoàn xe ấy bà không thể đi thêm được nữa, song nếu bà sống, bà có thể nhận được hài nhi ấy, nên bà quấn nó lại, để nó nằm dưới gốc cây đa. Vị thần cây này săn sóc hài nhi: đó không phải là một đứa bé bình thường, mà chính là Bồ-tát đã xuất hiện ở đời trong hình thức ấy.

Vào giờ ăn sáng, đoàn lữ hành kia đến nơi đó. Còn nàng ấy cùng nhũ mẫu của nàng đi riêng ra chỗ bóng mát của cây đa để rửa ráy, chợt thấy hài nhi có màu vàng chói nằm đó. Lát sau, nàng gọi bà nhũ mẫu bảo rằng mục tiêu của họ đã đạt được rồi; nàng liền mở các lớp vải quấn bụng ra, tuyên bố hài nhi ấy là con nàng và nàng vừa mới sinh ra nó.

Các kẻ hầu cận lập tức dựng lều để dành chỗ ở riêng cho nàng, và vô cùng hân hoan gởi một lá thư về thành Vương Xá. Cha mẹ chồng nàng đáp thư lại rằng vì hài nhi đã ra đời nên nàng không cần

phải trở về nhà cha nàng nữa, mà hãy quay lui. Vì vậy nàng lập tức trở về Vương Xá. Và giađình chồng thừa nhận hài nhi ấy nên khi hài nhi được đặt tên, họ đặt tên nó theo chốn nó ra đời, là Nigrodha Kumàra hay Cậu bé Đa.

Cùng ngày hôm ấy cô con dâu của một thương nhân trên đường về nhà cha ruột để sinh con, đã cho ra đời một bé trai dưới cành cây nên họ đặt tên nó là Sakka Kumàra hay Cậu Nhành. Và cùng ngày hôm đó, vợ của người thợ may làm việc cho thương nhân này lại sinh một con trai giữa đống vải vụn của nàng, họ nên đặt tên nó là Pottika hay Chú bé Nhồi bông.

Nhà đại phú thương cho đi tìm hai hài nhi ấy về, vì chúng sinh cùng một ngày với công tử Đa, và cho nuôi chúng với nhau.

Các đứa trẻ lớn lên, về sau đi đến Takkasilà để hoàn thành việc học tập. Cả hai nam tử con các thương nhân nhận được hai ngàn đồng để trả học phí cho thầy giáo, công tử Đa bảo trợ việc học tập cho Pottika.

Khi việc học hành đã hoàn tất, các ông từ giã thầy giáo và ra đi với ý định tìm hiểu phong tục dân quê, nên cứ ngao du mãi, vừa lúc đến thành Ba-la-nại, liền nằm xuống nghỉ ngơi, trong một ngôi đền thờ.

Khi ấy vua Ba-la-nại đã băng hà được bảy ngày rồi. Có tiếng trống lệnh loan báo khắp kinh thành rằng ngày mai sẽ có xe hoa hành lễ. Ba người bạn ấy đang nằm ngủ dưới gốc cây, vào tảng sáng, Pottika thức dậy, vừa ngồi vừa xoa bóp chân cậu Đa. Có vài con gà trống đang gáy trên cây ấy, con gà trên đọt cây làm rơi một cục phân trên con gà ở gần gốc cây. Con này hỏi:

- Cái gì rớt trên ta thế này?

Con kia đáp:

- Xin tôn ông đừng giận, ta không cố ý làm như vậy.

- Thế chú tưởng thân ta là chỗ để chú thả phân ra hay sao? Chú không biết giá trị của ta, điều ấy đã rõ quá!

Nghe vậy con gà kia đáp lại:

- Ô kìa, ngài cứ thịnh nộ mãi, dù ta đã nói là ta không cố ý làm việc đó. Thế xin cho biết giá trị của ngài ra sao?

- Hễ bất kỳ ai giết ta ăn thịt sẽ được một ngàn đồng tiền sáng nay. Đó không phải là điều đáng tự hào hay sao?

- Úi chà! Úi chà! Gà kia đáp lại. Tự hào gì cái việc vặt vãnh ấy! Này, nếu cứ giết ta và ăn mỡ của ta sẽ trở thành vua ngay sáng nay. Còn nếu ăn thịt ở bụng sẽ thành đại tướng; ai ăn thịt ở ức sẽ thành quan giữ ngân khố.

Pottika nghe lọt hết mọi chuyện này. Cậu suy nghĩ: "Một ngàn đồng tiền...! Cái gì đây? Được làm vua là tuyệt nhất!"

Thế là nhẹ nhàng trèo lên cây, cậu nắm lấy con gà trống gáy trên đọt cây, giết nó đi và nướng gà trên than hồng, đem mỡ gà cho cậu Đa, thịt bụng cho cậu Nhành còn chính mình ăn thịt quanh xương ức. Khi đã ăn xong, cậu bảo:

- Thưa công tử Đa, hôm nay ngài sẽ làm vua; thưa công tử Nhành, hôm nay ngài sẽ làm đại tướng; còn tôi sẽ làm quan giữ kho báu.

Hai cậu kia hỏi làm thế nào biết được chuyện ấy, cậu liền kể lại hết.

Vì vậy vào khoảng giờ ăn buổi cơm sáng trong ngày, ba cậu vào thành Ba-la-nại. tại nhà một vị Bà- la-môn, các cậu được ăn một bữa cháo gạo, với bơ tươi và đường, rồi từ kinh thành các cậu vào ngự viên.

Cậu Đa nằm xuống một phiến đá, hai cậu kia nằm bên cạnh. Vừa lúc ấy dân chúng cử hành lễ rước xe hoa cùng với năm biểu tượng của vương quyền (kiếm, lọng, miện, hài, quạt) trên đó. (Các chi tiết câu chuyện này sẽ được tả trong câu chuyện Tiền thân Mahàjanaka, số 539, tập VI). Vương xa tiến vào và dừng lại, đứng sẵn sàng để các vị bước lên. "Chắc có một bậc Đại nhân tài đức ở đây". Viên quan tế lễ tự nhủ. Ông bước vào ngự viên, nhìn thấy cậu thanh niên này, rồi giở lớp vải dưới bàn chân cậu để quan sát các dấu hiệu trên đó. Ông bảo:

- Ô kìa, người này có số được làm vua toàn cõi Diêm phù-đề (Ấn Độ), chứ nói gì chỉ một thành Ba- la-nại.

Và ông ra lệnh cho chuông trống, thanh la nổi lên.

Cậu Đa thức dậy ném tấm vải trùm mặt ra, liền thấy một đám đông vây quanh cậu! Cậu quay nhìn quanh quẩn nằm im một lát rồi trở dậy ngồi xếp bằng đôi chân...Vị tế sư quỳ xuống bảo:

- Tâu Thần nhân, vương quốc này thuộc về ngài.

- Được rồi, cứ như vậy. Cậu đáp.

Vị tế sư liền đặt cậu ngồi trên một đống báu vật rồi làm lễ quán đảnh (rảy nước thánh), phong vương cho cậu.

Khi được phong vương như vậy rồi, vua ban chức Đại tướng cho bạn Nhành, rồi vào kinh thành trong cảnh uy nghi trọng thể, còn Potika cũng đi vào với hai ông.

Từ ngày ấy trở về sau, bậc Đại Sĩ cai trị rất đúng pháp tại Ba-la-nại.

Một ngày kia chợt nhớ đến song thân, ngài bảo tướng Nhành:

- Này hiền hữu, ta không thể sống thiếu cha mẹ được. Vậy hãy đem một đoàn người về tìm song thân ta.

Song tướng Nhành từ chối:

- Đó không phải là việc của hạ thần. Ông bảo.

Sau đó ngài bảo Pottika làm việc ấy. Pottika tuân lệnh lên đường tiến về nhà song thân của vua Đa, nói cho hai vị biết là con trai của họ đã lên làm vua, và mong họ đến ở với ngài. Song họ từ chối, bảo rằng họ đã có cả thế lực lẫn giàu sang rồi, đầy đủ như vậy, họ không muốn đi nữa. Chàng cũng đi mời song thân tướng Nhành đến triều, nhưng họ cũng chỉ thích ở lại đấy hơn; và đến khi chàng về mời chính song thân mình, họ bảo:

- Chúng ta sống bằng nghề may vá, thế đủ rồi, đủ rồi.

Và họ cũng từ chối như các người kia.

Vì chàng không đáp ứng nguyện vọng các vị lão thân, chàng đành trở về Ba-la-nại. Chàng nghĩ rằng sẽ về và nghỉ ngơi cho đỡ mệt nhọc vì cuộc hành trình tại nhà vị Đại tướng trước khi yết kiến vua Đa, liền đến nhà kia. Chàng bảo người canh cổng:

- Xin báo cho Đại tướng biết thân hữu Pottika đến đây.

Người ấy tuân lệnh. Song tướng Nhành vẫn mang mối hiềm hận đối với chàng, vì tướng ấy bảo chàng kia đã giao vương quyền cho thân hữu Đa thay vì chính mình cho nên khi nghe lời nhắn này, tướng quân nổi cơn thịnh nộ:

- Thân hữu như vậy ư? Ai là thân hữu của nó? Nó chỉ là thằng thô tục, hạ đẳng, ngu ngốc. Hãy tóm lấy nó ngay!

Thế là chúng đánh đá chàng, nện như tử bằng chân cẳng, cùi chỏ một trận nên thân, rồi tóm cổ chàng quẳng ra đường.

Chàng suy nghĩ: "Nhành được chức vụ Đại tướng nhờ ta, thế mà nay nó phản bội, độc ác, đã đánh đập ta rồi quẳng ta ra đường. Song còn bạn Đa là bậc hiền nhân, biết ân nghĩa và lương thiện, và ta sẽ đi gặp bạn ấy."

Thế là chàng đến cửa cung, đưa tin vào nhà vua rằng thân hữu của ngài là Pottika đang chờ ở cửa.

Vua mời chàng vào, khi thấy chàng đến gần, ngài liền đứng dậy, tiến đến đón chàng, chào hỏi rất thân thiết; ngài ra lệnh cạo râu tóc và chăm sóc chàng chu đáo rồi trang điểm cho chàng bằng các loại ngọc vàng, đãi tiệc chàng đầy đủ thức cao lương mỹ vị. Xong xuôi nhà vua lại ân cần ngồi bên chàng hỏi thăm song thân mình, chàng tường trình cho ngài biết hai vị đó từ chối việc đến đây ở.

Lúc bấy giờ tướng Nhành thầm nghĩ:" Chắc Pottika sẽ phỉ báng ta vào tai đức vua, song nếu ta đến bên ngài, gã sẽ không thể nói được." Vì thế chàng này cũng đến đó. Còn Pottika, dù có Nhành hiện diện, vẫn tâu với vua:

- Tâu chúa thượng, khi hạ thần mệt nhọc vì đường xa, đã đến nhà tướng Nhành, hy vọng nghỉ ngơi tại đó trước rồi đến yết kiến ngài sau. Song tướng Nhành bảo: "Ta chẳng biết gã đó!" Rồi đối xử tàn tệ với hạ thần, và tóm cổ hạ thần quẳng ra ngoài! Xin Chúa thượng tin lời hạ thần nói.

Cùng với các lời này, chàng ngâm ba vần kệ:

1. Người đó là ai, ta chẳng hay,
Ai là thân phụ của người đây,
Nhành còn hỏi: Nó là ai đó?
Đa hỡi, nghĩ sao trước việc này?
2. Đầy tớ Nhành kia cứ y lời
Đấm, thoi, tát, đánh khắp người tôi,
Rồi còn chụp lấy tôi vào cổ,
Từ đó lôi tôi quẳng phía ngoài.
3. Phản bội như vầy đối với tôi,
Chỉ người độc ác mới làm thôi,
Vong ân bạc nghĩa là ô nhục,
Gã cũng bạn ngài, Chúa thượng ôi!
Nghe những lời này, vua Đa liền ngâm bốn vần kệ

4. Ta chẳng hề nghe, cũng chẳng hay
Một ai từng nói chuyện như vầy,
Xấu xa như bạn đang tường thuật,
Nhành ấy vừa làm tại chốn đây.
5. Bạn cùng ta, sống với Sàk-kha,
Đồng bọn chí tình thuở đã qua,
Bạn đã giành phần cho mỗi một,
Hướng quyền vương tước, tặng hai ta,
Vinh quang ta được là nhờ bạn,
Còn có gì nghi hoặc nữa mà.
6. Khi hạt ném trong ngọn lửa hồng,
Cháy rồi, hạt chẳng thể gieo trồng

Ta làm việc thiện cho người ác,
Cũng vậy, nó tàn lụi diệt vong.
7. Chúng chẳng như nhiều kẻ biết ơn,
Những người đức hạnh, bậc hiền lương,
Đất lành, hạt chẳng hề quăng bỏ,
Như việc làm cho các thiện nhơn.
Trong khi vua Đa ngâm kệ trên, tướng Nhành đứng im tại chỗ. Sau đó vua hỏi:

- Nào bạn Nhành, bạn có nhận ra anh chàng Pottika này không?

Gã đành câm lặng. Vua liền truyền xử gã này qua những lời của vần kệ thứ tám:

8. Tóm tên hèn hạ bội ân này,
Tư tưởng nó đà xấu ác thay,
Đâm nó! Vì ta cho nó chết,
Nghĩa gì đời nó với ta đây?
Sau khi Pottika nghe nói vậy, liền suy nghĩ trong lòng: "Chớ nên để kẻ ngu si này chết vì ta!" nên chàng ngâm vần kệ thứ chín:

9. Đại vương, mong mở lượng từ bi,
Thật khó tìm đời sống mất đi,
Chúa thượng dung tha cho nó sống,
Thần mong thằng khốn chẳng sầu chi.
Khi vua nghe vậy, ngài tha tội cho Nhành; và ngài muốn ban chức Đại tướng cho Potika, song chàng không nhận. Rồi vua phong chàng chức Chưởng khố, và với chức vụ đó, chàng xét xử cácđám thương nhân. Trước kia chẳng có chức vụ đó, song chức vụ này tồn tại từ đây về sau. Dần dần với thời gian, quan Chưởng khố Pottika được phước đầy đủ con trai con gái, đã ngâm vần kệ cuối cùng để giáo hóa các con:

10. Ta cần sống với Ni-gro-dha
Chẳng tốt gì hầu hạ Sà-kha,
Nếu phải sống cùng Nhành, đại tướng,
Thà nên chịu chết với vua Đa.
*

Khi Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư bảo:

- Như vậy, này các Tỳ kheo, các ông thấy rằng trước kia Đề bà đạt đa cũng đã vô ơn bạc nghĩa rồi.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời đó, Đề-bà-đạt-đa là Sàkha, Ànanda là Pottika, và Nigrodha chính là Ta.

-ooOoo-

446. Chuyện Cây Hành (Tiền thân kkala)

Chẳng rau để luộc, cũng không hành...,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể tại Kỳ Viên về một cư sĩ phụng dưỡng cha mình.

Chuyện kể rằng người này tái sinh vào một gia đình nghèo khó. Sau khi mẹ mất, chàng thường dậy sớm vào buổi sáng và soạn tăm xỉa răng cùng nước súc miệng, sau đó đi làm thuê hay cày ruộng ngoài đồng, chàng thường nấu cháo gạo nuôi cha theo phong cách phù hợp hoàn cảnh mình. Cha chàng bảo:

- Này con, con phải làm mọi việc từ trong nhà ra ngoài đường. Thôi để cha kiếm vợ cho con, nàng ấy sẽ làm việc nhà thay con.

Chàng đáp:

- Thưa cha, nếu có đàn bà đến nhà này, họ sẽ không làm cha con ta yên tâm được đâu. Xin cha đừng mơ tưởng chuyện đó nữa. Khi cha còn sống, con muốn phụng dưỡng cha, và khi cha từ trần, con sẽ biết việc gì cần làm.

Song người cha đi kiếm về một cô gái, dù con mình không muốn, và nàng ấy lo chăm sóc chồng và cha chồng; tuy vậy, nàng là người hèn hạ. Lúc bấy giờ chồng nàng hài lòng vì nàng đã săn sóc cha chàng, và bất cứ món gì chàng tìm được để làm nàng vui lòng, chàng đều đem về cho nàng và nàng đưa cho cha chồng. Rồi có lúc người đàn bà ấy suy nghĩ: "Bất cứ cái gì chồng ta kiếm được đều đem cho ta, chứ không cho cha chàng chút nào cả. Rõ ràng là chàng chẳng quan tâm gì đến cha. Ta phải tìm cách gây xích mích giữa ông già và chàng, rồi ta sẽ đuổi ông già ra khỏi nhà."

Vì thế từ đó, nàng bắt đầu đem nước quá lạnh hoặc quá nóng cho ông lão, thức ăn thì nàng bỏ muối quá nhiều hoặc chẳng bỏ chút muối nào, cơm nàng nấu cứng ngắc hoặc mềm nhão; nàng cố làm đủ mọi thứ như vậy để khiêu khích ông lão. Rồi khi ông lão tức giận, nàng mắng lại:

- Ai hầu nổi một ông già như thế này?

Nàng vừa nói vừa gây chuyện ồn ào. Nàng khạc nhổ khắp mặt đất rồi thức chồng nàng dậy và bảo:

- Xem kìa, cha chàng làm thế đó! Thiếp mãi van xin cha đừng làm thế này thế nọ, mà cha chỉ nổi giận. Hoặc cha chàng, hoặc thiếp phải đi ra khỏi nhà này.

Lúc ấy người chồng bảo:

- Này nàng, nàng còn trẻ, nàng muốn ở đâu tùy ý, song cha ta đã già, nếu nàng không thích ông cụ, thì nàng cứ đi khỏi nhà.

Lời nói ấy khiến nàng khiếp sợ. Nàng quỳ xuống chân ông lão xin ông thứ lỗi và hứa từ nay sẽ không làm thế nữa, rồi lại bắt đầu săn sóc ông lão như trước kia.

Vị cư sĩ đáng trọng ấy trước tiên quá lo âu vì cách đối xử của nàng, nên bỏ việc đến yết kiến bậc Đạo Sư để nghe thuyết Pháp, song khi nàng đã hồi tâm, chàng lại đến. Bậc Đạo Sư hỏi tại sao chàng không đến nghe Ngài thuyết giảng bảy tám ngày nay. Chàng kể lại mọi việc xảy ra. Bậc Đạo Sư bảo:

- Lần này, ông không chịu nghe vợ, và không đuổi cha ra khỏi nhà, nhưng trong một đời quá khứ, ông làm theo lời vợ bảo, đã đem cha ra bỏ trong một nghĩa địa và đào cho ông lão một cái hố. Vào

thời kỳ ông sắp giết cha, Ta được bảy tuổi và nhờ ta kể công đức cha mẹ và cản ông khỏi tội giết cha. Thời đó ông đã nghe lời Ta, và nhờ việc săn sóc cha trong lúc ông lão còn sống mà ông được sinh lên Thiên giới. Thời ấy Ta đã thuyết giảng và báo cho ông biết trước để đừng bỏ rơi cha khi sinh vào một đời khác; vì duyên cớ này nên ngày nay ông không chịu nghe theo lời người đàn bà kia bảo, và cha ông không bị giết hại.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của người ấy, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa, khi vua Brahamadatta trị vì ở Ba-la-nại, trong một làng kia ở Kàsi, một gia đình nọ có một con trai duy nhất tên gọi Vasitthaka. Chàng này nuôi nấng cha mẹ, và sau khi mẹ mất, chàng phụng dưỡng cha như đã tả ở phần đầu. Nhưng có chỗ khác ở đây là: Khi người đàn bà bảo: "Nhìn kia kìa! Cha chàng làm thế đó, thiếp cứ mãi van xin cha chàng đừng làm thế này thế nọ, cha chỉ nổi giận", nàng lại nói tiếp:

- Này phu quân, cha chàng hung dữ, độc ác lắm, vì cứ mãi gây sự cãi vã. Một lão già lụ khụ như vậy, lại bị bệnh hoạn giày vò, sắp chết đến nơi rồi, nên thiếp không thể ở cùng nhà với ông lão được. Trước sau gì ông lão cũng chết già thôi, vậy chàng hãy đem ông lão ra nghĩa địa, đào hố ném ông vào và lấy cái cuốc đập đầu ông đi; khi ông chết rồi hãy xúc đất lấp hố lại, và để mặc đó.

Cuối cùng, vì cứ nghe mãi những lời đinh tai nhức óc, chàng bảo:

- Này nàng ơi, giết người là việc hệ trọng, bằng cách nào ta có thể làm thế được?

Vợ đáp:

- Thiếp sẽ chỉ cho chàng một cách.

- Vậy cứ nói đi.

- Nào, phu quân, rạng ngày mai, hãy đến nơi cha chàng ngủ, nói thật lớn với ông lão để mọi người đều nghe được, rằng có một con nợ của cha ở một làng kia mà chàng đã đến gặp, nhưng gã không chịu trả tiền cho chàng. Nếu ông lão chết, thì gã ấy chẳng bao giờ trả nợ nữa. Vậy hãy nói rằng hai cha con sẽ cùng lái xe đến đó vào buổi sáng, rồi đến giờ đã định, chàng hãy cột đôi bò vào xe, đưa ông lão đến nghĩa địa. Khi chàng đến đó, hãy chôn ông vào cái hố và la to lên như thể chàng bị cướp giữa đường và bị thương, rồi gội đầu mà ra về.

Chàng bằng lòng làm theo lời bàn ấy và sắp sẵn chiếc xe bò lên đường. Lúc bấy giờ người ấy có một con trai lên bảy tuổi, nhưng rất khôn ngoan và thông minh. Cậu bé nghe lọt những chuyện mẹ nói, và nghĩ thầm: "Mẹ ta thật là một ác phụ, đang cố thuyết phục cha ta giết ông nội. Ta muốn ngăn cản cha ta khỏi tội giết người này."

Cậu ta liền chạy nhanh đến nằm cạnh ông nội. Vào giờ phút người vợ dặn dò, Vasitthaka đã sắp sẵn chiếc xe bò. Chàng bảo:

- Cha ơi, dậy đi, ta đi đòi nợ.

Rồi chàng đặt cha ngồi vào xe. Song cậu bé ngồi vào xe trước tiên. Vasitthaka không thể cản conđược, nên cùng đem cậu đi ra nghĩa địa với họ. Sau đó, đem cha già và con trai ra để ngồi riêng một nơi với chiếc xe, còn chàng bước xuống lấy cuốc và cái giỏ đến một nơi, dấu mình cho họ khỏi thấy rồi bắt đầu đào một lỗ vuông lớn. Cậu bé đi xuống theo cha và làm như thể không biết việc gì đang xảy ra, cậu ngâm vần kệ đầu tiên để mở lời:

1. Chẳng rau để luộc, cũng không hành,
Chẳng bạc hà, cây để nấu canh,
Nếu chẳng cần, sao cha bới đất
Một mình, trong nghĩa địa rừng xanh?
Rồi cha cậu đáp lại bằng cách ngâm vần kệ thứ hai:

2. Ông nội già nua, quá yếu gầy,
Do nhiều bệnh hoạn, khổ tràn đầy,
Cha chôn ông nội trong mồ đó,
Cha chẳng muốn ông sống thế này.
Nghe thế, cậu bé đáp lại qua nửa vần kệ:

Cha cầu việc ấy, tội đà gây, Vì việc làm này độc ác thay!

Cùng với những lời trên, cậu bé chụp lấy cái cuốc từ tay cha cậu và bắt đầu đào một hố khác không xa đó mấy.

Cha cậu liền đến gần hỏi tại sao con đào hố đó, cậu đáp lại bằng cách ngâm hết vần kệ thứ ba:

3. Con sẽ thờ cha lúc tuổi già
Như cha đối xử với ông nhà,
Theo phong tục ấy trong gia tộc,
Con cũng chôn cha dưới hố mà.
Người cha đáp lại qua kệ thứ tư:

4. Thằng bé nói lời ác nghiệt thay,
Ông cha sao mắng mỏ như vầy!
Nghĩ rằng con trẻ rầy la bố,
Với bạn chí tình, tệ lắm đây!
Khi người cha nói vậy xong, cậu bé khôn ngoan ngâm ba vần kệ, một để đáp lời và hai để làm thành khúc thánh đạo ca:

5. Con không tồi tệ hoặc hung tàn,
Con đối với cha, dạ thiết thân,

Nhưng việc này cha làm đại ác,
Sức nào gỡ lại, nếu sai lầm?
6. Người ác ý làm, hỡi Vat-tha,
Hại người vô tội, mẹ cùng cha,
Đến khi người ấy thân vong hoại,
Địa ngục phải vào, chắc chẳng xa.
7. Người dùng cơm nước, hỡi Vat-tha,
Đem phụng dưỡng luôn mẹ với cha,
Người ấy đến khi thân hủy hoại,
Sẽ lên Thiên giới hiển nhiên mà.
Người cha sau khi con thuyết giáo, liền ngâm vần kệ thứ tám:

8. Thấy con không tàn nhẫn, vong ơn,
Đối với cha đầy dạ mến thương,
Chính bởi cha vâng lời của mẹ,
Định làm việc ác thật kinh hồn.
Khi nghe vậy, cậu bé bảo:

- Thưa cha, đàn bà hễ khi làm việc ác mà không bị khiển trách, thì còn tái phạm mãi. Vậy cha phải uốn nắn mẹ con để cho mẹ sẽ chẳng bao giờ làm lại một việc như vậy.

Rồi cậu ngâm vần kệ thứ chín:

9. Vợ cha là ác phụ vô lương,
Bà đã sinh con, chính mẹ con,
Ta hãy đuổi bà ra khỏi cửa,
Sợ bà gây việc khác cha buồn.
Nghe lời đứa con khôn ngoan, Vasittha rất hoan hỷ bảo:

- Nào ta đi con!

Chàng lại ngồi vào xe bò với cha và con mình.

Lúc bấy giờ người đàn bàn gây tội ác ấy cũng sung sướng lắm vì tưởng rằng đã tống được con người xui xẻo ra khỏi nhà rồi. Nàng trét đầy phân bò ướt trên sàn và nấu một mẻ cháo gạo. Song khi nàng ngồi trông ra con đường mà họ sẽ trở về, nàng thấy họ đang tiến đến: "Kìa chàng ta đã về, lại có lão già xui xẻo ấy nữa". Nàng suy nghĩ, lòng đầy tức giận: "Hừ! Đồ vô dụng". Nàng la lớn:

- Sao, đem về cái của nợ chàng đã mang đi vứt ấy à?

Vasittha không nói một lời, và mở tháo dây chiếc xe bò ra. Rồi chàng bảo:

- Cô nói gì thế?

Chàng đánh cho nàng một trận nên thân, rồi chụp đầu nàng tống ra khỏi cửa, cấm nàng đừng bao giờ đến làm bẩn cửa nhà chàng nữa. Rồi chàng tắm cho cha và con,

chính chàng cũng tắm luôn, và cả ba ngồi ăn cháo gạo. Còn người đàn bà độc ác liền đến ở nhà khác vài ngày.

Sau đó cậu bé bảo cha:

- Cha ơi, về việc này mẹ con chưa hiểu đâu. Bây giờ ta thử chọc tức bà ấy đi. Cha tung tin trong làng kia có cô cháu gái của cha, muốn săn sóc cha, ông và con, vì vậy cha định đem cô ấy về, rồi cha lấy hoa tươi và dầu thơm để lên xe, và cứ đi quanh vùng suốt ngày đến tối mới về nhà.

Chàng làm theo như vậy. Những bọn đàn bà trong xóm nhà chàng đến bảo nàng:

- Chị có nghe nói chồng chị đã đi kiếm một cô vợ khác ở một chỗ nào đó chăng?

Nàng kêu lên:

- Ôi thế là ta tàn đời rồi, chẳng còn chỗ nào dành cho ta cả!

Nhưng nàng muốn hỏi thăm con nàng, vì thế nàng vội vã đi tìm con, sụp xuống chân nó, kêu khóc lên:

- Trừ con ra, mẹ chẳng có nơi đâu nương tựa nữa! Từ nay về sau mẹ cố quyết chăm sóc cha con và ông nội như thể chăm sóc ngôi bảo tháp tuyệt đẹp vậy. Cho mẹ vào nhà lần nữa đi con!

- Vâng thưa mẹ - Cậu đáp - Nếu mẹ không làm gì như trước thì con sẽ để mẹ vào, thôi mẹ hãy vui lên nào.

Và khi cha cậu về, cậu ngâm vần kệ thứ mười:

10. Bà vợ cha kìa, bạc ác thay,
Người sinh con trẻ, chính là đây,
Như voi được luyện rất thuần thục,
Cho trở lui, người tội lỗi này.

Cậu nói thế với cha xong, liền đi gọi mẹ cậu vào. Nàng làm lành với chồng và cha chồng xong, từđó tánh tình thuần thục tràn đầy đức độ chân chính, và săn sóc cả cha, chồng cùng con chu đáo. Cả hai vợ chồng cương quyết theo lời con khuyên nhủ, chuyên bố thí và làm các thiện sự, rồi được sinh lên cộng trú với Thiên chúng.

*

Sau khi chấm dứt Pháp thoại, bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật. Lúc kết thúc các Sự Thật, người con hiếu thảo được an trú vào Sơ quả (Dự Lưu).

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Lúc bấy giờ hai cha con và nàng dâu ấy cũng là những người này, còn cậu bé khôn ngoan ấy chính là Ta.

-ooOoo-

447. Chuyện Đại Nhân Hộ Pháp (Tiền thân Mahà Dhamma-Pàla)

Tục lệ nào hay Thánh đạo nào...,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể sau khi Ngài đã thành bậc Chánh Đẳng Giác, trong chuyến thăm viếng Kapilapura lần đầu tiên, Ngài trú ngụ tại Bồ-đề Lâm (Rừng cây Đa), và nói về việc phụ vương không chịu tin lời đồn.

Vào lúc ấy, chuyện kể rằng Đại vương Suddhodana (Tịnh Phạn), sau khi cúng dường một buổi tại cung điện của ngài cho đức Phật dẫn đầu hai mươi ngàn vị Tỷ-kheo, suốt buổi trò chuyện với Đức Phật rất vui vẻ, và nói:

- Bạch Thế Tôn, trong thời gian Thế Tôn hành trì khổ hạnh, có vài thần nhân đến gặp ta, đứng trên không và bảo: "Thái tử Siddhattha (Sĩ-đạt-ta), Vương tử của Đại vương đã chết đói".

Bậc Đạo Sư liền hỏi:

- Tâu Đại vương, thế Đại vương có tin chuyện đó không?

- Bạch Thế Tôn, ta không tin. Ngay cả khi các thần nhân đến, bay lượn trên không và bảo ta như vậy, ta cũng không tin, mà còn bảo rằng Vương tử của ta không chết được cho đến khi chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác dưới gốc cây Bồ-đề.

Bậc Đạo Sư bảo:

- Tâu Đại vương, xưa kia, vào thời Mahà Dhammapàla, ngay khi một vị giáo sư lừng danh thiên hạ đến bảo: "Con ngài đã chết, đây là xương của chàng", Đại vương cũng không tin và bảo: "Trong gia tộc ta, bọn chúng không bao giờ chết trẻ". Vậy thì làm sao bây giờ Đại vương tin được?

Rồi theo lời thỉnh cầu của phụ vương, bậc Đạo Sư kể một chuyện ngày xưa.

*

Một thuở nọ, khi vua Brahmadatta làm vua tại Ba-la-nại, trong nước Kàsi có một ngôi làng tên là Dhammapàla, nó mang tên này vì có gia tộc một vị Dhammapàla, nghĩa là Hộ Pháp, cư ngụ tại đó. Do hành trì Mười Thiện đạo, vị Bà-la-môn ấy nổi tiếng ở vùng mình cư trú là một vị Hộ Pháp (Dhammapàla). Trong nhà vị ấy, ngay cả các tôi tớ cũng bố thí, tôn trọng đạo đức và giữ ngày trai giới.

Thời ấy, Bồ-tát tái sinh vào gia đình trên, vị gia chủ đặt tên ngài là Nam tử Hộ Pháp (Dhammapàla Kumàra). Vừa khi đến tuổi khôn lớn, cha chàng trao cho chàng một ngàn đồng vàng, và gửi

chàng đến học ở Takkasilà. Chàng đến đó, học tập với một vị giáo sư lừng danh thế giới và trở thành đệ tử trưởng trong hội chúng gồm năm trăm nam tử.

Vào lúc ấy, trưởng nam của vị giáo sư từ trần, và vị giáo sư được đám đệ tử vây quanh, giữa các bà con quyến thuộc, vừa than khóc vừa cử hành tang lễ con trai trong nghĩa địa. Lúc ấy, vị giáo sư cùng thân bằng quyến thuộc và tất cả các đồ đệ đều than khóc kêu gào, chỉ riêng Dhammapàla không khóc cũng chẳng than. Sau khi năm trăm nam tử từ nghĩa địa về, họ ngồi xuống trước vị giáo sư và nói:

- Ôi, chàng trai thật tốt đẹp, non trẻ thế mà phải chia lìa cha mẹ trong tuổi thanh xuân!

Dhammapàla đáp:

- Non trẻ thay, đúng như các hiền hữu nói! Này, tại sao chàng chết ở tuổi thanh xuân? Trẻ con phải chết lúc còn niên thiếu thật là chẳng hợp lý chút nào.

Chúng bạn liền đáp lại:

- Này Tôn giả, thế Tôn giả không biết rằng những người dù trẻ như vậy cũng phải chịu chết sao?

- Ta biết điều ấy lắm, nhưng lúc còn non trẻ, chúng không chết; người ta chết lúc người ta già.

- Thế không phải mọi pháp hữu vi đều giả tạm nhất thời hay sao?

- Chúng thật là giả tạm, đúng vậy, nhưng lúc tuổi còn niên thiếu, con người không chết, chỉ khi già người ta mới chết thôi.

- Ồ, thế đó là tục lệ trong gia tộc ngài sao?

- Phải, đó là tục lệ của gia tộc ta.

Bọn thanh niên liền kể câu chuyện này cho vị giáo sư ấy nghe. Ông cho gọi Dhammapàla đến, hỏi chàng:

- Này Dhammapàla, có phải trong gia tộc con chẳng có người nào chết trẻ chăng?

- Thưa thầy, chính phải, đúng như vậy. Chàng đáp.

Nghe nói thế, vị giáo sư nghĩ thầm: "Chàng nói chuyện này thật hi hữu lắm thay! Ta muốn lên đường tới gặp cha chàng và hỏi chuyện ấy, nếu quả thực vậy, ta sống theo giới luật chân chánh kia."

Thế là sau khi đã làm xong mọi việc cần làm cho cậu trưởng nam, khoảng bảy tám ngày sau đó, ông cho gọi Dhammapàla đến bảo:

- Này con, ta sắp đi xa nhà, vậy lúc ta đi vắng, con phải dạy bảo các đệ tử của ta.

Nói thế xong, ông đi tìm xương của một con dê rừng, rửa sạch và ướp hương, rồi đặt vào giỏ, sau đó mang theo mình một chú tiểu đồng, ông rời Takkasilà dần dần đi đến làng kia, tại đó ông hỏi đường đi đến nhà vị Đại Hộ Pháp và dừng lại ở cửa.

Người đầy tớ đầu tiên của vị Bà-la-môn trông thấy vị này, dù đó là ai, cũng cất dù từ tay ông, cởi giày, cầm lấy túi xách trên tay tiểu đồng. Ông nhờ báo với thân phụ chàng rằng đây là giáo sư của nam tử Dhammapàla đang đứng ở cửa.

- Tốt lành thay!

Các gia nhân nói, rồi đi mời vị thân sinh ra gặp ông. Vị thân sinh vội vã đến thềm và nói:

- Xin mời vào.

Và ông dẫn đường vào nhà mình. Vừa mời khách ngồi xuống tọa sàng, và ông làm bổn phận của chủ nhân như rửa chân vị kia v.v...

Khi vị giáo sư đã dùng cơm xong, và hai vị ngồi đàm đạo thân thiết với nhau, vị giáo sư bảo:

- Này Tôn giả Bà-la-môn, nam tử Dhammapàla của ngài có trí tuệ sáng suốt, tinh thông ba tập Vệ- đà và mười tám công trình học thuật, nhân vì rủi ro đã mất mạng. Các pháp hữu vi đều giả tạm, xin ngài chớ đau buồn vì chàng.

Vị Bà-la-môn vỗ tay cười lớn.

- Tại sao ngài cười, thưa Tôn giả Bà-la-môn? Vị giáo sư hỏi.

Vị này đáp:

- Bởi vì không phải con tôi chết đâu; chắc là người khác.

Vị kia nói:

- Không đâu, thưa Tôn giả Bà-la-môn, chính con trai ngài chết chớ không phải người khác. Hãy nhìn kỹ xương chàng đây và tin tôi.

Nói thế xong, ông dở đống xương ra và nói:

- Đây là xương con trai ngài.

Người cha đáp:

- Có lẽ xương dê rừng hay xương chó, chứ con trai tôi không chết được. Trong gia tộc ta bảy đời nay chưa hề xảy ra chuyện như là chết lúc tuổi còn non; vậy ngài đang nói sai sự thật.

Rồi cả nhà cùng vỗ tay và cười lớn.

Khi thấy việc kỳ diệu như thế, vị giáo sư rất hoan hỷ nói:

- Thưa Tôn giả Bà-la-môn, lề lối này trong gia tộc ngài không phải là không có nguyên nhân, đó là đám thanh niên không hề chết yểu. Tại sao các ngài không chết yểu?

Ông hỏi bằng cách ngâm vần kệ đầu:

1. Tục lệ nào hay Thánh đạo nào
Quả này do thiện nghiệp từ đâu?
Bà-la-môn, nói ta duyên cớ
Người trẻ trong dòng chẳng chết sao?

Lúc ấy vị Bà-la-môn giải thích những công đức gì đã đem lại kết quả là trong gia tộc mình không ai chết trẻ cả, ông ngâm các vần kệ sau:

2. Ta không lời dối, sống hiền chân,
Mọi ác nghiệp xa lánh, chẳng gần,
Điều bất thiện ta đều tránh cả,

Nên không ai chết giữa thanh xuân.
3. Nghe việc người ngu lẫn trí nhân,
Việc người ngu trí chẳng quan tâm,
Ta theo bậc trí, ngu ta bỏ,
Nên chẳng ai người chết giữa xuân.
4. Trước khi bố thí, dạ hân hoan,
Lòng thật vui mừng lúc phát phân,
Khi bố thí xong, không hối tiếc,
Nên không ai chết giữa thanh xuân.
5. Ta mời đám lữ khách, La-môn,
Khất sĩ, Sa-môn, mọi kẻ cần,
Ta đãi uống, ăn, người đói khát,
Nên không ai chết giữa thanh xuân.
6. Cưới vợ, không khao khát vợ người,
Giữ lời loan phụng đã thề bồi,
Vợ hiền tiết hạnh tòng phu cả,
Nên các con không sớm bỏ đời.
7. Con được sinh từ vợ chính chuyên,
Tài cao, học rộng, xứng danh hiền,
Vệ-đà thông thạo, con toàn hảo,
Nên chẳng lìa đời giữa thiếu niên.
8. Gắng làm chân chánh đạt cao thiên, Sống vậy, từ cha đến mẹ hiền, Đến mọi gái trai, anh chị nữa,

Nên không ai chết giữa thanh niên.

9. Mong cầu thiên giới, các gia nhân,
Trai gái thảy đều sống thiện lương,
Ngay bọn nô tỳ thấp kém nhất,
Nên không ai chết giữa thanh xuân.
Và cuối cùng, qua hai vần kệ này, ngài tuyên thuyết thiện nghiệp của những người bước trên đường chân chánh:

10. Chánh đạo cứu ai hướng chánh chân,
Khéo hành Chánh đạo đạt hồng ân,
Phúc này ban tặng người làm chánh,
Người chánh không vào chốn khổ thân.
11. Đạo đức hộ phò bậc chánh nhân,
Như cây che bóng giữa mưa tràn,
Thằng con sống được nhờ hành thiện,
Tâm thiện cho người Hộ Pháp-an;

Còn đó là xương khô kẻ khác,
Đống xương Tôn giả mới vừa mang.
Khi nghe vậy, vị giáo sư đáp:

- Cuộc hành trình của ta thật an lạc lắm thay, nó mang lại nhiều kết quả, chứ không phải là không có kết quả!

Đang lúc lòng đầy hoan hỷ, ông xin lỗi thân sinh Dhammapàla và nói thêm:

- Ta đến đây và mang theo mình một đống xương dê rừng, cố ý để thử ngài. Chứ con trai của ngài hiện đang bình yên mạnh khỏe. Xin ngài truyền cho ta những điều luật bảo tồn cuộc sống của gia tộc ngài.

Lúc ấy vị kia viết quy luật ấy vào một ngọn lá. Sau khi lưu lại chỗ đó vài ngày, vị thầy trở về Takkasilà và khi đã dạy cho Dhammapàla đủ mọi tài nghệ và học thuật xong, ông cho phép chàng ra về cùng với một đoàn tùy tùng đông đảo.

*

Khi bậc Đạo Sư đã thuyết Pháp thoại như vậy cho Đại vương Suddhodana xong, Ngài tuyên thuyết các Sự Thật. Bấy giờ vào lúc kết thúc các Sự Thật, vị Đại vương được an trú vào Tam quả (Bất Lai).

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, người cha và người mẹ là hoàng tộc của Đại vương ngày nay, vị giáo sư là Sàriputta (Xá-lợi-phất), đám tùy tùng là các đệ tử đức Phật, và Ta chính là nam tử Hộ Pháp.

-ooOoo-

448. Chuyện Kê Vương (Tiền thân Kukuta)

Chớ đặt lòng tin bọn dối lừa...,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể tại Veluvana (Trúc Lâm) về vấn đề mưu toan sát hại.

Trong Chánh pháp đường, các Tỷ-kheo đang bàn luận bản chất độc ác của Đề-bà-đạt-đa:

- Này các Hiền giả, lạ quá, Đề-bà-đạt-đa đang mưu toan sát hại đấng Thập Lực bằng cách mua chuộc đám xạ thủ và nhiều người khác.

Bậc Đạo Sư bước vào hỏi:

- Này, các Tỷ-kheo, các ông đang nói chuyện gì trong lúc ngồi với nhau tại đây?

Tăng chúng trình với Ngài. Ngài đáp:

- Đây không phải là lần đầu người ấy toan hành thích Ta, mà đã có lần như vậy ngày xưa.

Rồi Ngài kể cho Tăng chúng một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, tại Kosambi (Kiều-thưởng-di: một kinh thành trên sông Hằng), có một vị vua cai trị mệnh danh là Kosambaka. Vào thời ấy, Bồ-tát đầu thai làm con của một gà mái sống trong một rừng tre, sau đó làm chúa cả đàn gà hàng trăm con trong rừng. Không xa đó, có một con Diều hâu tìm cơ hội bắt từng con gà trong đàn và ăn thịt, dần dần nó ăn hết mọi con gà, chỉ còn Bồ-tát một mình sống sót. Song ngài rất thận trọng trong lúc kiếm mồi, và sống trong một rừng tre rậm. Tại đây Diều hâu không thể nào đến gần được, vì thế nó bắt đầu suy tính lập mưu gì để dụ dỗ ngài mà bắt lấy.

Sau đó nó đậu trên một cành cây gần đó, và gọi:

- Này Kê hiền hữu, chuyện gì khiến ngài sợ ta? Ta mong muốn kết bạn với ngài. Giờ đây ở một nơi kia (nó nói tên nơi đó) có đầy thức ăn, chúng ta hãy cùng nhau đến đó ăn và sống bầu bạn với nhau.

- Không, thưa Tôn ông tốt bụng! Bồ-tát đáp. Giữa ngài và ta không thể có tình bằng hữu được, xin hãy đi đi.

- Thưa Tôn giả, vì các tội ác trước đây của ta, nên ngài không thể tin ta bây giờ, nhưng ta hứa với ngài rằng ta sẽ chẳng bao giờ làm như vậy nữa.

- Không, ta không muốn có bạn như vậy, hãy đi nơi khác, ta nói rồi đấy.

Đến lần thứ ba, Bồ-tát từ chối:

- Với một người hay vật có những đặc tính như vậy - ngài bảo - chẳng bao giờ nên kết tình bằng hữu cả.

Rồi Ngài làm cho cả khu rừng rộng vang dội nên các vị thần hoan nghênh trong lúc ngài cảm hứng nói lên bài Pháp này:

1. Đừng đặt lòng tin bọn dối lừa,
Những ai chỉ biết lời riêng tư,
Hoặc người đã phạm nhiều điều ác,
Những kẻ tỏ ra quá phụng thờ.
2. Lắm kẻ bản tâm giống lũ bò,
Tràn đầy khao khát với tham ô,
Nói lời thành thật nâng niu bạn,
Song chẳng hề hành động thế mà.
3. Bọn chúng chìa tay lạnh trống trơn,
Nói lời che dấu cả tâm hồn,
Bọn người phù phiếm, ta nên tránh,
Những kẻ không hề biết nhớ ơn.
4. Nam nữ nào tâm chóng đổi thay,
Đừng tin tưởng các bọn người này,
Cũng đừng tin kẻ theo chiều hướng

Làm hiệp ước rồi lại phá ngay.
5. Người bước theo đường ác vẫn đi
Đến làm mọi việc cực gian nguy,
Liều thân, vô định, đừng tin nó,
Kiếm sắc trong bao có khác gì?
6. Nhiều kẻ nói năng thật dịu lành,
Những lời không phải tự tâm thành,
Lòng tin chớ đặt vào trong chúng,
Cố lấy lòng nên giả thật tình.
7. Khi kẻ ác tâm ấy ngắm xem
Thức ăn hoặc lợi nhuận kề bên,
Nó hành động ác và đi mất,
Nhưng nó làm nguy bạn trước tiên.
Bảy vần kệ này được vị Kê vương ngâm lên. Rồi vần kệ tiếp theo được vị Pháp vương đọc, đây là những lời phát xuất từ Trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Giác:

8. Lắm kẻ thù ra vẻ thiết thân, Ra tay giúp đỡ sẵn sàng luôn,

Như Gà rời bỏ Diều hâu ấy, Tốt nhất nên lìa những ác nhân.

9. Người nào không nhạy bén nhìn xa
Ý nghĩa việc làm diễn biến ra,
Phải chịu bao cừu nhân chế ngự,
Ăn năn hối hận buổi sau mà.
10. Nhanh trí, người nào nhận thấy ngay
Việc làm mang ý nghĩa nào đây,
Như Gà tránh bẫy Diều hâu ấy,
Vậy tránh cừu nhân, phải chạy bay.
11. Bẫy đó thông thường lại dối gian,
Giết người, dấu kín giữa rừng hoang,
Như Gà xa lánh Diều hâu ấy,
Người có nhãn quan phải kiếm đàng.
*

Và một lần nữa, sau khi ngâm các vần kệ này, Gà gọi Diều hâu lại khiển trách nó và bảo:

- Nếu ngài tiếp tục ở chốn này, ta sẽ biết việc cần phải làm.

Do đó Diều hâu đành bay đến nơi khác.

*

Sau khi chấm dứt Pháp thoại này, bậc Đạo Sư bảo:

- Này các Tỷ-kheo, ngày xưa cũng như bây giờ, Đề-bà-đạt-đa đã mưu toan sát hại Ta.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy Đề-bà-đạt-đa là Diều hâu và Ta chính là Kê vương.

-ooOoo-

449. Chuyện Nam Tử Đeo Vòng Tai (Tiền thân Matta-Kundali)

Sao giữa rừng này có cậu trai...,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một địa chủ có con trai mới chết.

Tại Xá-vệ, ta được biết thần chết đã cướp mất cậu trai thân yêu của một người địa chủ thường đến cúng dường đức Phật. Quá sầu muộn vì con, người ấy chẳng rửa mặt mày ăn uống gì cả, cũng chẳng đi làm công việc của mình hay đi phụng sự đức Phật mà chỉ kêu khóc:

- Ôi! Con yêu quí! Con đã bỏ ta mà đi trước rồi!

Vào sáng sớm, khi bậc Đạo Sư nhìn xuống trần gian, Ngài nhận thấy ngườI này đã chín muồi công hạnh để chứng đắc quả Dự Lưu. Vì vậy ngày hôm sau, khi đã dẫn các đệ tử đi suốt kinh thành Xá- vệ để khất thực, và thọ dụng bữa cơm xong, Ngài bảo các đệ tử đi nơi khác, còn Ngàiđược Tôn giả Ànanda theo hầu, đi đến nơi người này ở. Bọn gia nhân báo tin cho vị chủ đất biết bậc Đạo Sư đã đến, sau đó họ sắp đặt sàng tọa và mời Bậc Đạo Sư ngồi xuống, rồi dẫn chủ nhàđến yết kiến Bậc Đạo Sư.

Sau khi người ấy đảnh lễ Ngài xong và ngồi xuống một bên. Bậc Đạo Sư nói bằng giọng dịu dàngđầy từ mẫn:

- Này cư sĩ, có phải ông vẫn đang đau buồn vì đứa con trai duy nhất chăng?

Ông đáp:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn

Bậc Đạo Sư nói:

- Này cư sĩ, đã lâu, lâu lắm rồi, các người có trí đi lang thang nặng trĩu đau buồn vì cái chết của đứa con trai, đã nghe được lời các bậc hiền nhân và hiểu rõ rằng không gì có thể đem lại người đã mất, nên không còn thấy buồn rầu nữa, dù chỉ một chút thôi.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của người ấy, Bậc Đạo Sư kể một chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa, khi vua Brahmadatta đang trị vì ở Ba-la-nại, cậu con trai của một vị Bà-la-môn rất giàu có, khoảng mười lăm, mười sáu tuổi, lâm bệnh nặng và khi chết, được tái sinh vào cõi chư Thiên. Từ lúc con trai chết, người Bà-la-môn thường đi đến nghĩa địa và than khóc, rồi đi quanh đống tro tàn; bỏ các phận sự dở dang, ông cứ lang thang với tâm tư nặng trĩu u sầu.

Một vị Thiên tử, khi đi dạo thấy vậy, liền lập mưu để an ủi khổ đau của người kia. Chàng đến nghĩa địa lúc người này đang sầu bi, giả dạng làm chính con trai vị ấy và tô

điểm đủ mọi thứ trang sức, chàng đứng một bên, vừa ôm đầu trong hai tay vừa than khóc kêu gào. Vị Bà-la-môn nghe tiếng động và nhìn lên, lòng tràn đầy yêu thương đối với con trai mình, liền dừng lại trước chàng và nói:

- Này con yêu quí, tại sao con đứng khóc giữa nghĩa địa này?

Ông đặt câu hỏi qua vần kệ sau:

1. Sao giữa rừng này có cậu trai,
Tràng hoa, vòng ngọc mỗi bên tai,
Chiên-đàn sực nức, giơ tay nọ,
Sầu khổ gì rơi lệ vắn dài?
Lúc ấy chàng trai kể chuyện mình bằng cách ngâm vần kệ thứ hai:

2. Vàng ròng đúc, chiếu rực hào quang,
Xe ấy con thường vẫn ngã lưng,
Đôi bánh này con tìm chẳng thấy,
Chắc con buồn khổ đến lìa trần!
Vị Bà-la-môn nghe vậy liền ngâm vần kệ thứ ba:

3. Bằng vàng, dát ngọc, loại gì nào,
Bằng bạc, hay đồng, trí nghĩ sao,
Cứ nói ra lời, xe được đóng,
Ta tìm đôi bánh sẽ thêm vào!
Lúc bấy giờ chính Bậc Đạo Sư với Trí tuệ Tối thắng của Ngài, sau khi nghe vần kệ do chàng trai ngâm xong, liền ngâm câu đầu của một vần kệ khác:

4. Nghe nói xong, chàng trẻ đáp lời,
Trong khi chàng ngâm tiếp theo phần còn lại:
Đằng kia, huynh đệ đó, trăng trời,
Chính nhờ đôi bánh đằng xa ấy,
Xe của con vàng chiếu sáng ngời!
Lập tức vị kia tiếp:

5. Chàng thật ngu vì việc đã làm,
Cầu xin chuyện chẳng có ai ham,
Bởi vì ta chắc chàng nên chết
Nhật, nguyệt, đòi sao được hỡi chàng?
Thế rồi:

6. Trước mắt, trời, trăng, lặn, mọc dần,
Sắc màu, đường hướng vẫn không ngừng;
Còn ai thấy được hồn người chết,
Vậy kẻ nào ngu lúc khóc than?
Chàng trai nói vậy xong, vị Bà-la-môn tỉnh ngộ, liền ngâm kệ:

7. Giữa ta, hai kẻ khóc than thân,
Chàng thật khôn, ta thật độn đần,
Quả đúng, đòi hồn người đã chết,
Khác nào con trẻ khóc đòi trăng?
Lúc ấy vị Bà-la-môn được an ủi nhờ lời lẽ của chàng trai kia, liền cám ơn chàng bằng cách ngâm các vần kệ cuối cùng:

8. Lòng ta thiêu đốt nóng bừng,
Như khi người đổ dầu trong lửa đào,
Chàng đà đem nước lạnh vào,
Và chàng dập tắt khát khao, tủi buồn.
9. Vì con, bao nỗi sầu tuôn,
Mũi tên độc cắm trong hồn của ta,
Chàng đà an ủi khuây khỏa
Nỗi niềm bi thiết, nhổ ra tên này.
10. Tên vừa nhổ, khỏi đau ngay,
Giữ tâm thanh thản, ta rày khinh an,
Nghe lời chân thật, hỡi chàng,
Ta không còn phải khóc than muộn phiền.
Lúc ấy chàng trai bảo:

- Này, ngài Bà-la-môn, ta chính là người con trai mà ngài đang thương khóc, ta đã được tái sinh vào cõi chư Thiên. Vậy từ đây xin đừng sầu muộn vì ta nữa, mà hãy bố thí, hành trì giới đức và giữ ngày trai giới.

Với lời khuyến giáo này, chàng trở về cõi của mình. Còn vị Bà-la-môn tuân theo lời khuyên của chàng, nên sau khi làm nhiều công đức bố thí và các thiện sự khác, ông mạng chung và tái sinh vào cõi chư Thiên.

*

Sau khi chấm dứt Pháp thoại này, Bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự thật. Bấy giờ vào lúc kết thúc các Sự Thật, người địa chủ đã được an trú vào Sơ quả (Dự Lưu).

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy, Ta chính là vị Thiên tử đã nói lời thuyết giáo này.

-ooOoo-

450.Chuyện phú ông keo kiệt Bilàri (Tiền thân Bilàri-Kosiya)

Khi món ăn không có giữa nồi...,

Chuyện này Bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo nhiệt tâm bố thí.

Chuyện kể rằng sau khi nghe thuyết Pháp, từ lúc hành trì giáo lý, vị này rất nhiệt tâm bố thí, khát khao bố thí. Chưa bao giờ ông ăn chén cơm đầy trừ khi đã chia phần cho kẻ

khác, ngay cả nước cũng không uống nếu không đem cho kẻ khác. Ông chuyên tâm bố thí như vậy.

Thời ấy, chúng Tỳ Kheo bắt đầu nói về các đức tính của ông trong Chánh pháp đường. Bậc Đạo Sư đi vào hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì khi ngồi tại đây. Các vị ấy trình ngài. Ngài cho gọi vị Tỷ Kheo ấy đến và hỏi:

- Này Tỷ kheo, có phải đúng như Ta đã nghe là ông nhiệt tâm bố thí, khát khao bố thí chăng?

Ông đáp:

- Thưa vâng, bạch Thái Tôn.

Bậc Đạo Sư bảo:

- Này các Tỳ Kheo, ngày xưa, kẻ này không có tín tâm nên không tin tưởng gì cả, đến như một giọt dầu trên đầu ngọn cỏ cũng không cho ai; sau đó, Ta điều phục y, giáo hoá, làm cho y thuần thục, và dạy cho y kết quả của bố thí, nên hỷ tâm bố thí này không rời y ngay cả khi đã sang một đời khác.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa, khi vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ Tát sinh vào một gia đình giàu có. Khi đến tuổi khôn lớn, ngài được hưởng tài sản và khi thân phụ mất đi, ngài tiếp nhận địa vị thương nhân của cha ngài.

Một ngày kia, khi xem xét lại sự giàu sang của mình, ngài suy nghĩ: "Tài sản của ta đây dĩ nhiênđầy đủ lắm, song những vị đã tích lũy tài sản ấy nay ở đâu rồi? Ta phải phân chia tài sản ra và bố thí."

Vì thế, ngài xây một bố thí đường, trong lúc sinh thời, ngài bố thí rộng rãi; và khi sắp mạng chung liền giao phó cho con trai ngài không được làm gián đoạn việc hành trì bố thí, còn ngài tái sinh là Sakka (Đế Thích) Thiên chủ ở cõi Trời Ba mươi ba. Con trai của ngài cũng bố thí như thân phụ đã làm, rồi giao trọng trách ấy cho con trai mình, và tái sinh lên làm Canda, Thần mặt trăng, giữa Thiên chúng. Con trai vị này trở thành Suriya. Thần mặt trời, lại sinh ra một người con trở thành Màtali, Thần lái xe (của Thiên chủ Sakka hay Indra), con trai vị này tái sinh làm Pancasikha (Ngũ kế) một vị Gandhabba (Càn-thát-bà), nhạc thần của Thiên chủ.

Song người con trai thứ sáu trong dòng họ này lại không có tín tâm, tàn nhẫn, không thương người, keo kiệt; người này phá hủy bố thí đường, đốt cháy hết, đánh đập các hành khất, đuổi họ đi mơi khác làm ăn chẳng hề cho ai chút gì dù bằng một giọt dầu ở đầu ngọn cỏ.

Lúc ấy, Đế Thích Thiên chủ nhìn lại các việc của ngài trong quá khứ, tự hỏi: "Truyền thống bố thí của ta có tiếp tục được chăng? Suy nghĩ thế, ngài nhận xét: "Con trai ta tiếp tục bố thí, tái sinh làm Canda, con trai nó là Suriya, cháu nó là Màtali, và chắt nó là

Pancasikha, nhưng đứa con thứ sáu trong dòng họ đã phá bỏ truyền thống kia."Lúc ấy, ngài chợt có ý nghĩ này, ngài muốn đi điều phục con người độc ác kia, và dạy cho gã kết quả của bố thí. Vì vậy ngài triệu tập Canda, Suriya, Màtali, Pancasikha đến gặp ngài và bảo:

Này các Hiền-giả, người con thứ sáu trong dòng họ ta đã phá bỏ truyền thống gia đình, nó đã đốt bố thí đường, đuổi đánh bọn hành khất đi chỗ khác, và không cho ai chút gì cả. Vậy ta phải điều phục nó.

Thế là ngài cùng các ông lên đường đi đến Ba-la-nại.

Vào lúc ấy, thương nhân kia phải đến chầu vua, và khi đã trở về, đang đi đi lại lại dưới tháp canh thứ bảy, nhìn theo con đường. Thiên chủ bảo các vị thần:

- Các Hiền giả, hãy đợi cho đến khi ta bước vào rồi hãy lần lượt theo sau.

Cùng với những lời này, ngài bước tới và đứng trước phú thương kia, bảo ông:

- Này Tôn ông hãy cho ta ăn với.

- Này Bà-la-môn, chẳng có gì ở đây cho ngài ăn cả, hãy đi nơi khác.

- Này Đại nhân, khi các Bà-la-môn khất thực thì chẳng nên từ chối.

- Này Bà-la-môn, trong nhà ta chẳng có thức ăn nấu sẵn, cũng chẳng có thức ăn để nấu, hãy đi đi!

- Này đại nhân, ta muốn đọc một câu kệ cho ngài, hãy lắng nghe.

Ta chẳng muốn nghe kệ gì cả, đi đi, đừng đứng ở đây.

Nhưng Thiên chủ không để ý lời ông và ngâm hai vần kệ:

1. Khi món ăn không có giữa nồi,
Thiện nhân tìm, chẳng chối từ hoài,
Còn ngài đang nấu, thì không tốt
Nếu chẳng muốn chia xẻ với ai.
2. Phóng dật, xan tham, kẻ chối từ
Chẳng hề đem bố thí bao giờ,
Còn người nào thích làm công hạnh,
Là một trí nhân, phải biết cho.
Khi người này nghe nói vậy liền đáp:

- Thôi được, xin vào ngồi đó, ngài sẽ được ăn đôi chút.

Thiên chủ Đế Thích vừa bước vào vừa ngâm các vần kệ ấy và ngồi xuống.

Kế đó là Canda bước lên xin thức ăn.

- Chẳng có thức ăn cho ngài đâu - người đó bảo - đi đi!

Vị kia đáp:

- Thưa Đại nhân, có một vị Bà-la-môn ngồi trong đó, ta đoán chắc hẳn có một bữa cơm bố thí cho Bà-la-môn, nên ta cũng bước vào.

- Chẳng có một bữa cơm nào bố thí cho Bà-la-môn cả - người đó bảo - đi ngay đi!

Lúc ấy Canda nói:

- Thưa Đại nhân, xin nghe một hai vần kệ.

Rồi Ngài ngâm hai vần kệ (hễ khi một kẻ keo kiệt lo sợ không muốn cho ai cả, thì chính nỗi sợ hãi đó khởi lên trong lòng vì y không bố thí):

3. Sợ khi khát nước hoặc thèm cơm
Khiến bọn xan tham phải hoảng hồn,
Trong cõi đời này, đời kế nữa,
Bọn ngu kia phải trả hoàn toàn.
4. Vậy nên bố thí, tránh xan tham,
Rửa sạch tâm nhơ ác dục tràn,
Trong cõi đời sau, nhiều thiện nghiệp
Sẽ là nơi trú tuyệt an toàn.
Sau khi nghe các lời như vậy xong, ông bảo:

- Thôi được, xin bước vào, và ngài sẽ được ăn một chút.

Vị kia bước vào ngồi xuống với Thiên chủ Đế Thích.

Sau khi đợi một lát nữa, Suriya bước lên, và xin ăn bằng cách ngâm hai vần kệ:

5. Thực khó làm như các thiện nhân,
Phát ban như các vị đem ban,
Khó mà kẻ ác làm theo được
Cuộc sống hiền nhân vẫn trú an.
6. Vậy thì khi phải giã từ trần,
Kẻ ác, người hiền bỏ thế gian,
Kẻ ác tái sinh vào địa ngục,
Người hiền sinh ở cõi thiên đàng.
Vị phú gia chẳng thấy cách gì thoát được chuyện ấy, đành bảo:

- Thôi được, xin bước vào, và ngồi với các Bà-la-môn này, rồi ngài sẽ được ăn đôi chút.

Và Màtali, sau khi chờ đợi một lát nữa, cũng bước lên xin ăn, và khi vị ấy được bảo là không có thức ăn, vừa mới nghe các lời ấy được thốt lên, liền ngâm vần kệ thứ bảy:

7. Có người ít của vẫn đem ban,
Có kẻ không cho, dẫu của tràn,
Người ít của cho không thể kém
Kẻ kia ban phát cả trăm ngàn.
Ông bảo vị này:

- Thôi được, xin vào ngồi xuống.

Sau khi đợi thêm một lát, Pancasikha bước lên xin ăn. Kẻ kia đáp:

- Không có, đi đi!

Ông bảo:

- Ta đã đến thăm nhiều nhà rồi! Ở đây chắc phải có bữa cơm cúng dường các Bà-la-môn chứ, tađoán thế.

Rồi ông bắt đầu nói với ông, vừa ngâm vần kệ thứ tám:

8. Dù sống chắt chiu, phải chánh chân,
Con nhiều, của ít vẫn đem phân,
Trăm ngàn đồng bạc người giàu cúng
Chẳng sánh quà con của tiện dân.

Vị phú gia suy nghĩ lại khi nghe lời của Pancasikha. Rồi ông ngâm vần kệ thứ chín để yêu cầu vị ấy giải thích giá trị ít oi của các vật bố thí kia:

9. Sao dồi dạt lễ vật cao sang
Giá trị không bằng vật chánh chân,
Sao cả ngàn đồng từ phú hộ
Chẳng bằng quà mọn kẻ cùng bần?

Pancasikha ngâm vần kệ kết thúc để đáp lời:

10. Nhiều người sống độc ác hung tàn,
Đàn áp, giết rồi lại phát ban:
Thí vật chua cay, tàn nhẫn ấy
Thua xa quà tặng với chân tâm,
Nên ngàn đồng bạc người giàu cúng
Chẳng sánh quà con của tiện dân.

Nghe lời thuyết giáo của Pancasikha xong, ông đáp:

- Thôi được, xin ngài vào nhà ngồi xuống, ngài sẽ được ăn đôi chút.

Rồi ông cũng vào ngồi với các vị kia.

Sau đó, phú ông keo kiệt Bilàri ra hiệu cho một tỳ nữ, bảo nàng:

- Hãy đem cho các Bà-la-môn đằng kia một đấu thóc còn vỏ.

Nàng ấy đem thóc đến gần các vị, bảo các vị rằng:

- Nhận thóc rồi đem nấu nơi khác mà ăn.

Các vị đáp:

- Ta chưa đụng đến thóc còn vỏ trấu.

- Thưa ông chủ, các vị ấy bảo chưa hề đụng đến thóc còn vỏ.

- Được, vậy thì cho các ông gạo đã xay.

Nàng ấy đem gạo đã xay, và bảo các vị nhận. Các vị bảo:

- Chúng ta không nhận thứ gì chưa nấu chín.

- Vậy thì nấu cho họ một ít thức ăn của bò trong cái nồi và đem ra mời khách.

Năm vị cầm lên mỗi người một miếng và đặt vào mồm, song để nó dính vào cổ họng rồi trợn mắt lên. Các vị bất tỉnh nằm đó như chết rồi. Cô nữ tỳ thấy thế nghĩ chắc các vị đã chết, nàng hoảng sợ chạy đi báo phú ông:

- Thưa ông chủ, các Bà-la-môn này không nuốt nổi thức ăn của bò, nên chết cả rồi!

Ông suy nghĩ: "Bây giờ dân chúng sẽ trách mắng ta, bảo gã độc ác này đem đống thức ăn trâu bò cho các Bà-la-môn yếu đuối và các ông không nuốt nổi nên đã chết." Sau đó, ông bảo cô nữ tỳ:

- Mau đi chôn cất hết thức ăn trong bát của các ông, rồi nấu cho họ một ít món đủ thứ gạo ngon nhất.

Nàng tuân lời. Phú ông tìm một số khách qua lại trên con đường gần đó, khi đã tập hợp số người ấy lại với nhau, ông bảo:

- Ta đã cúng dường các Bà-la-môn này thức ăn giống như các thức ta vẫn ăn, nhưng các vị tham lam nuốt từng miếng lớn và vì ăn như vậy nên thức ăn mắc ở cổ họng và phải chết. Ta mời các ngài đến làm chứng cho ta vô tội.

Trước đám đông đang tụ tập như vậy, các vị Bà-la-môn đứng dậy, vừa bảo vừa nhìn vào đám đông:

- Các vị hãy xem sự dối trá của thương nhân này. Ông bảo cho chúng ta thức ăn của ông đấy! Một đống tạp nhạp thức ăn cho bò là những thứ ông đã đem cho chúng ta trước tiên, sau đó sau khi chúng ta nằm như chết, ông bảo người nhà nấu thức ăn này đây.

Rồi các vị ấy nhả ra từ miệng những thứ đã ăn rồi chỉ thứ đó. Đám đông trách mắng vị thương gia, thét lớn:

- Đồ ngu si, mù quáng! Ông đã phá bỏ phong tục gia đình ông. Ông đốt bỏ thí đường, ông đã nắm cổ các hành khất tống ra đường, giờ đây khi bố thí các Bà-la-môn yếu đuối này, ông lại cho mộtđống thức ăn trâu bò. Đến lúc ông sang thế giới bên kia, chắc ông sẽ mang hết tài sản trong nhà buộc thật chặt quanh cổ đấy!

Vào lúc ấy, Đế Thích Thiên chủ bảo đám đông:

- Các người có biết tài sản này là của ai chăng?

- Chúng tôi không biết.

Ngài bảo:

- Chắc các người có nghe một đại phú thương ở Ba-la-nại, ngày xưa sống ở thành này, đã xây một bố thí đường, và bố thí rất rộng rãi?

- Thưa có - họ đáp - Chúng tôi có nghe nói về ông.

Ngài bảo:

- Ta chính là vị thương gia đó, nhờ các vật tài thí ấy ta được là Đế Thích Thiên chủ bây giờ đây, và con trai ta đã không phá vỡ truyền thống gia đình, trở thành thần Canda, con trai nó là Suriya và cháu trai của nó là Pancasikha; trong các vị này, đằng kia là Canda, đó là Syriya, và đây là Màtali, thần lái xe, còn đây nữa là Pancasikha, nhạc thần, ngày xưa là cha của kẻ độc ác đằng kia ấy. Bố thí tạo công đức lớn như vậy, cho nên người có trí phải làm công đức.

Nói vậy xong với ý định đánh tan các mối nghi hoặc của dân chúng đang tụ tập tại đó, các ngài bay lên không gian và đứng vững trên không, nhờ thần lực của các ngài hiện ra một đám tùy tùng đông đảo vây quanh, toàn thân các ngài sáng rực lên vì thế toàn thể kinh thành như ở trong đám lửa. Sau đó Đế Thích Thiên chủ bảo đám đông:

- Chúng ta đã rời vinh quang thiên giới để đến đây và chúng ta đến chỉ vì kẻ độc ác Bilàri Kosiya này, người cuối cùng trong dòng họ, người tàn phá cả giống nòi mình. Với lòng lân mẫn mà chúng ta đến, vì chúng ta biết ác nhân này đã phá bỏ truyền thống gia đình, đốt bố thí đường, nắm cổ hành khất tống ra ngoài, vi phạm phong tục của nhà ta, và do từ bỏ bố thí, nó sẽ tái sinh vào địa ngục.

Ngài thuyết giáo cho đám đông như vậy, xong lại nói về công hạnh của bố thí. Bilàri Kosiya chấp hai tay thỉnh cầu và phát nguyện.

- Tâu Thiên chủ, từ nay trở đi, con xin nguyện sẽ không phá bỏ phong tục gia đình nữa, mà con sẽ bố thí, bắt đầu ngay hôm nay, con quyết chẳng bao giờ ăn mà không chia phần cho kẻ khác, các vật dụng của riêng con, ngay cả nước uống và cả tăm xỉa răng con dùng cũng vậy.

Đế Thích thiên chủ đã điều phục ông như vậy, làm cho ông biết xả thân, và an trú ông trong Ngũ giới, rồi trở về cõi của ngài. Còn vị thương nhân cứ bố thí suốt cả đời nên được tái sinh vào cõi trời Ba mươi ba.

*

Sau khi chấm dứt Pháp thoại, Bậc Đạo Sư bảo:

- Như vậy, này các Tỳ kheo, Tỳ Kheo này ngày xưa không có tín tâm và không bao giờ cho ai chút gì cả, song Ta đã điều phục y và dạy cho y kết quả của bố thí, và tâm lành đó không rời y ngay cả khi y đã sinh vào một đời khác.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Thời bấy giờ, Tỳ kheo rộng lượng này là vị phú gia, Sàriputta (Xá-lợi-phất) là Canda, Moggallàna (Mục-kiền-liên) là Suriya, Kassapa (Ca diếp) là Màtali, Ànanda (A-nan) là Pancasikha và Ta là Sakka (Đế Thích) Thiên chủ.

-ooOoo-

451. Chuyện Hồng Nga (Tiền Thân Cakka-Vàka)

Màu lông tươi đẹp, dáng thanh tao...,

Chuyện này Bậc Đạo Sư kể trong lúc đang trú tại Kỳ Viên về một Tỳ kheo tham lam.

Chuyện kể rằng người này bất mãn với bộ y khất sĩ cùng những thứ tương tự nên thường đi quanh quẩn hỏi:

- Nơi đâu có cơm cho Tăng chúng? Nơi đâu có người mời?

Và khi nghe nói có thịt, ông tỏ ra rất hoan hỷ. Lúc bấy giờ có một vị Tỳ kheo tốt bụng vì lòng thương tưởng bạn, nên đem chuyện ấy kể với Bậc Đạo Sư. Ngài triệu người ấy đến hỏi:

- Này Tỳ kheo, có thật đúng như ta nghe rằng ông tham lam đó chăng?

- Bạch Thế Tôn, đúng thế.

- Này Tỳ kheo, tại sao ông còn ham muốn, sau khi hành trì Giáo pháp đưa đến giải thoát như Đạo của Ta? Tham tâm này là ác pháp, ngày xưa, vì tham dục, ông bất mãn với các xác voi chết cùng nhiều vật thừa khác ở Ba-la-nại nên đã đi vào rừng rậm.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Thuở xưa, khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, một con Quạ tham ăn không hài lòng với các xác voi chết ở Ba-la-nại, cùng mọi thứ xác chết khác. Nó suy nghĩ: "Bây giờ đây ta không biết rừng

rậm ra sao nhỉ? Thế là nó vào rừng xanh, song nó cũng không hài lòng với trái cây rừng mà nó tìm được, nên đi đến sông Hằng.

Khi nó tiến về phía sông Hằng, chợt thấy một đôi Hồng Nga, nó suy nghĩ: "Những con chim đàng xa kia tuyệt đẹp, ta chắc chúng tìm ra nhiều thịt để ăn trên bờ sông Hằng này. Ta muốn hỏi chúng và nếu ta cũng ăn thịt chúng nữa, chắc chắn ta sẽ được màu lông tươi sáng như chúng vậy." Thế là khi đậu không xa đôi chim ấy, Quạ hỏi Hồng Nga bằng cách ngâm hai vần kệ đầu:

1. Màu lông tươi đẹp, dáng thanh tao,
Thân thể tròn xinh, ửng sắc đào,
Này Ngỗng, đúng là bạn tuyệt mỹ,
Năm căn và mặt sáng ngời sao!
2. Trong khi đậu ở bến sông Hằng,
Cá tráp, cá vền, Ngỗng vẫn ăn,
Cá chép, cùng nhiều loài cá khác,
Trên dòng sông nước lội tung tăng.
Hồng Nga liền cãi lại Quạ bằng cách ngâm vần kệ thứ ba:

3. Ta chẳng ăn bầy cá giữa dòng,
Cũng không nằm nghỉ ở trong rừng,
Mọi loài rong cỏ, ta nuôi sống,
Này bạn, đó là món Ngỗng ăn.
Lúc ấy Quạ ngâm hai vần kệ:

4. Ta chẳng tin theo Ngỗng giải bày,
Xác minh thực phẩm nó ăn đầy,
Của ngon trong xóm ngâm dầu muối,
Là món ta ăn sống mỗi ngày.
5. Món cơm tinh sạch, đẹp làm sao
Có kẻ làm xong, lại đổ vào
Món thịt ấy, nhưng này bạn Ngỗng,
Sắc ta không giống bạn đâu nào.
Ngay sau đó Hồng Nga ngâm cho Quạ nghe các vần kệ còn lại, nêu rõ lý do tại sao Quạ có màu lông xấu xí và thuyết giảng đức tính chân chánh:

6. Ngắm xem tội ác ở lòng người,
Làm hại, phá tan cả cuộc đời,
Lo sợ, kinh hoàng, ngươi ẩm thực,
Nên ngươi có được sắc này thôi.
7. Quạ ơi, lầm lạc khắp trên trần, Tội ác trong đời trước hóa thân,

Bạn chẳng thích đồ ăn uống nữa, Chính màu này Quạ phải mang luôn.

8. Này bạn ta chẳng hại ai,
Cũng không lo lắng, dạ an hoài,
Cũng không có việc gì sầu muộn,
Sợ hãi gì do kẻ địch ngoài.
9. Vậy bạn này, nên sống dũng cường,
Giã từ đường lối sống vô lương,
Trên đời tiến bước không làm hại,
Tất cả cùng yêu mến tán dương.
10. Người nào thân ái với muôn loài,
Không hại và không bảo hại ai,
Không quấy nhiễu, không ai quấy nhiễu,
Không thấy gì sân hận vì người.
- Vậy bạn muốn được mọi người thương mến, hãy từ bỏ các ái dục.

Hồng Nga này thuyết giảng đạo đức chân chánh, đã nói như vậy. Quạ đáp:

- Đừng nói tầm phào với ta về cách sống của bạn.

Xong nó vừa kêu lên "Quạ! Quạ!", vừa bay mất qua không gian đến bãi phân ở thành Ba-la-nại.

*

Khi Bậc Đạo Sư chấm dứt Pháp thoại này xong. Ngài thuyết giảng các Sự thật. Bấy giờ lúc kết thúc các Sụ thật, vị Tỳ kheo tham lam đã được an trú vào Tam quả (Bất Lai).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Thời ấy, Tỳ kheo tham lam này là Quạ, mẹ của La-hầu-la là chim bạn của Hồng Nga và Ta chính là Hồng Nga.

-ooOoo-

452. Chuyện Vấn Đề Trí Tuệ (Tiền Thân Bhùri - Panha)

Chuyện này sẽ được kể trong Tiền thân Mahà-Ummagga, số 546, Tập VII.

-ooOoo-

453. Chuyện Điềm Lành Lớn (Tiền thân Mahà-Mangala)

Hiển bày chân lý giải nghi nan...,

Chuyện này Bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về Kinh Điềm lành Tối thượng hay Luận về Điềm lành.

Tại kinh thành Vương Xá vì một lý do này nọ, một đám đông tụ họp trong nhà nghỉ của vua, giữa bọn ấy có người đứng dậy, bước ra nói:

- Hôm nay là ngày có Điềm lành.

Một người khác nghe được, bảo rằng người kia bước ra và nói đến "Điềm triệu", vậy y muốn nói gì qua chữ "Điềm"?

Một người thứ ba bảo:

- Dấu hiệu gì có vẻ may mắn thì đó là điềm lành, ví dụ một người thức dậy sớm, và thấy một con bò đực toàn trắng hay một người đàn bà có thai, hay con cá màu đỏ (Ciprinus Rohita) hay cái bình đầy đến tận miệng, hoặc bơ tươi mới tan từ sữa bò, hoặc y phục mới chưa giặt hoặc cháo gạo, thì chẳng có điềm nào tốt hơn nữa.

Vài kẻ bàng quan bình phẩm lời giải thích này:

- Nói hay đấy.

Song có kẻ khác chen vào:

-Ồ không, chẳng có điềm gì trong việc ấy cả, chỉ lời nói bạn nghe mới là điềm. Có người nghe người ta nói: "Đầy đủ", rồi lại nghe "Lớn đầy đủ" hoặc "Đang lớn", hoặc nghe chúng bảo: "Ăn đi" hay "Nhai đi" thì chẳng có điềm nào tốt hơn nữa.

Một số kẻ bàng quan bảo:

- Nói hay đấy.

Và họ bình phẩm lời giải thích này. Một người khác lại nói:

- Chẳng có điềm gì trong mọi chuyện ấy cả. Hễ vật gì bạn đụng chạm đến mới là điềm. Nếu một người thức dậy sớm đụng vào đất hay cỏ xanh, phân bò tươi, chiếc áo sạch, cá màu đỏ, vàng hay bạc, thức ăn... thì chẳng có điềm gì tốt hơn nữa.

Ở đây vài kẻ bàng quan lại tán đồng và bảo là khéo nói. Và sau đó, số người theo phái chủ trương các điềm do mắt thấy, điềm về âm thanh, điềm về xúc chạm, chia làm ba nhóm, không ai thuyết phục ai được cả. Từ chư Thần trên mặt đất đến Phạm thiên giới không ai có thể xác định điềm là như thế nào cả. Đế Thích Thiên chủ nghĩ thầm: "Giữa chư thiên và loài người ai ngoàiđức Thế Tôn là có thể giải đáp đúng vấn đề điềm triệu. Ta muốn đi đến đức Thế Tôn, và đặt vấn đề với Ngài."

Thế là ban đêm Thiên chủ đến thăm đức Thế Tôn, đảnh lễ ngài và chắp tay vào nhau để thỉnh cầu, Thiên chủ đặt câu hỏi bắt đầu bằng: "Có chư Thiên và loài người." Sau đó Bậc Đạo Sư dùng mười hai vần kệ nói cho biết ba mươi tám điềm lành lớn. Và trong khi ngài ngâm những lời kinh điềm

lành ấy, lần lượt chư Thiên lên đến con số mười ngàn triệu vị đắc Thánh quả A-la-hán, còn các vị đắc ba Đạo Quả kia thì không sao kể xiết. Thiên chủ nghe xong các điềm lành, liền trở về cõi của mình.

Khi Bậc Đạo Sư nói các điềm lành xong, thế giới loài người và Thiên giới đồng tán thành và bảo:

- Thật là khéo nói.

Sau đó trong Chánh pháp đường, Tăng chúng bắt đầu bàn luận về công đức của đức Như Lai:

- Này các Hiền gỉa, vấn đề Điềm triệu vượt phạm vi hiểu biết của mọi người, nhưng Ngài đã tuệ tri tâm của loài người và chư Thiên, cùng giải tỏa các mối nghi của quần chúng như thể ngài khiến mặt trăng hiện lên trên bầu trời! Ôi đức Như Lai là một bậc Đại trí, này các hiền hữu!

Bậc Đạo Sư bước vào hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì trong lúc ngồi tại đó. Tăng chúng trình với Ngài. Ngài bảo:

- Này các Tỳ kheo, chẳng vi diệu gì khi Ta giải đáp vần đề điềm lành, vì nay ta đã đạt Trí tuệ Tối thắng; mà ngay cả khi Ta còn là Bồ-tát trên trần gian, Ta đã giải đáp các mối nghi hoặc của chư Thiên và loài người bằng cách trả lời vấn đề Điềm lành.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, Bồ-tát tái sinh vào một thị trấn trong một gia đình Bà-la-môn giàu có, cha mẹ đặt tên ngài là Rakhita-Kumàra. Khi ngài khôn lớn và đã hoàn thành việc học tập tại Takkasilà, ngài cưới vợ. Sau khi song thân qua đời, ngài kiểm tra lại gia sản, suy

nghĩ kỹ, ngài phân chia tài sản để bố thí, và điều phục các tham dục rồi, ngài trở thành ẩn sĩ trong vùng Tuyết Sơn. Ở tại đó, Ngài tu tập các Thắng trí, và an trú tại một nơi, tự nuôi sống bằng các thứ củ, quả rừng. Theo thời gian, đệ tử của ngài rất đông, gồm năm trăm vị cùng sống với ngài.

Một ngày kia, các ẩn sĩ này đến gần Bồ-tát nói như sau:

- Bạch Đạo sư, khi mùa mưa đến, xin cho chúng con xuống vùng Tuyết Sơn đi qua đồng bằng để kiếm muối và các thứ gia vị; nhờ vậy thân thể chúng con sẽ được khỏe mạnh và chúng con sẽ thành tựu cuộc sống tu hành.

- Được rồi, các bạn cứ đi - ngài bảo. Còn ta sẽ ở lại nơi này.

Thế là các vị từ giã ngài, đi xuống từ vùng Tuyết Sơn, tiến hành trên lộ trình đến tận Ba-la-nại, tại đó các vị trú ngụ ở trong ngự viên. Dân chúng đón tiếp các vị rất trọng thể và nồng nhiệt.

Lúc bấy giờ, một ngày kia, có đám đông tụ tập trong nhà nghỉ của cung vua tại Ba-la-nại, và vấnđề Điềm triệu được đưa ra bàn cãi. Lúc ấy, cũng như trước kia, đám đông không thấy ai có đủ khả năng đánh tan mối hoài nghi của mọi người và giải đáp vấn đề Điềm triệu; vì thế họ đi đến ngự viên đặt vấn đề cùng hội chúng hiền nhân kia. Các hiền nhân ấy nói với vua:

- Tâu Đại vương, chúng thần không thể giải đáp vấn đề này, song Bổn sư của chúng thần, ẩn sĩ Rakkhita, một bậc đại tuệ sống ở Tuyết Sơn, ngài sẽ giải đáp vấn đề ấy, vì ngài thông suốt tư tưởng của chư Thiên và loài người.

Vua đáp:

- Này các Hiền giả, Tuyết Sơn quá xa xôi và khó đi lắm đấy, chúng ta không thể nào đến đó được. Xin các Hiền giả đích thân đi về gặp đức Bổn sư và xin hỏi ngài vấn đề ấy. Sau khi các vị đã biết rồi, hãy trở lại đây nói cho chúng ta biết được chăng?

Các vị ấy hứa sẽ làm như vậy; và khi các vị đã trở về gặp đức Bổn sư, đảnh lễ ngài và sau khi ngài đã vấn an vua cùng các phong tục của dân chúng, các vị kể lại cho ngài toàn thể câu chuyện các Điềm triệu như trên, từ đầu tới cuối và giải thích việc các vị đến đây theo lời dặn dò của vua như thế nào, để nghe tận tai lời giải đáp vấn đề này. Các vị thưa:

- Bạch Tôn Sư, giờ đây xin Tôn Sư giải thích vấn đề Điềm triệu cho chúng con rõ và cho chúng con thấy chân lý. Lúc ấy vị đệ tử lớn tuổi nhất hỏi Bậc Đạo Sư bằng cách ngâm vần kệ đầu:

1. Hiển bày chân lý, giải nghi nan,
Xin dạy kinh gì của Thánh nhân
Được học hành theo giờ thuận lợi,
Đời này, đời kế tạo hồng ân?

Khi vị đệ tử lớn nhất đã đặt vấn đề Điềm lành qua các lời kệ này, bậc Đại Sĩ muốn xóa tan mọi nỗi nghi ngờ của chư Thiên và loài người, liền đáp lại:

- Đây và đây chính là điềm lành.

Và như vậy ngài diễn tả các điềm lành với tài thiện xảo của một vị Phật:

2. Mỗi Phạm thiên, thần thánh hiển linh,
Rắn rồng ta thấy giữa quần sinh,
Trong lòng mãi mãi đầy từ mẫn,
Vị ấy ban ơn mọi hữu tình.

Như vậy Bậc Đại Sĩ đã thuyết giảng Điềm lành thứ nhất, rồi tiếp đến thuyết giảng Điềm lành thứ hai và các Điềm lành khác còn lại:

3. Kẻ nào khiêm tốn với muôn người,
Yêu mến nữ nam, mọi gái trai,
Đứng trước lời bình, không đáp lại,
Sẽ mang hạnh phúc đến cho đời.
4. Gặp hiểm nguy, người có trí nhanh
Chẳng khinh đồng nghiệp, bạn đồng hành,
Chẳng khoe dòng trí, giàu, giai cấp,
Hạnh phúc cho đời ắt khởi sinh.
5. Người nào kết bạn thiện, hiền nhân,
Được trọng vì mồm chẳng ác thâm,
Không hại bạn, chia đều của cải,
Chính niềm hạnh phúc giữa thân bằng.
6. Vợ hiền, đồng tuổi, có tình thân,
Tận tụy, nhân từ, trẻ lại đông,
Đức hạnh, trung thành, dòng quý tộc,
Ấy niềm hạnh phúc giữa hồng quần.
7. Vua nào đại đế giữa thần dân,
Biết sống thanh cao, đủ khả năng,
Bảo: "Đấy bạn ta", không dối trá,
Chính niềm hạnh phúc giữa vương quân.
8. Thành tín, cùng cơm nước cúng dường,
Vòng hoa tươi tốt, các mùi hương,
Với tâm thanh tịnh, gieo an lạc,
Ấy mang hạnh phúc mọi thiên đường.
9. Các trí nhân thuần thiện, chánh chân,
Tâm tư rửa sạch, gắng tinh cần,
Theo đời thanh tịnh, người hiền trí,
Phúc lạc thay người giữa Thánh nhân!

Cứ như vậy bậc Đại Sĩ đã đưa bài thuyết Pháp lên đến đỉnh cao nhất của Thánh Quả, và sau khi đã giải thích các Điềm lành trong tám vần kệ, ngài ngâm vần kệ cuối cùng để

tán thán các Điềm lành ấy:

10. Công đức như vầy giữa thế gian,
Được tôn sùng bởi mọi hiền nhân,
Người khôn hãy bước đi theo chúng,
Điềm triệu chẳng mang tính thật chân.
Các bậc hiền trí, sau khi nghe các Điềm lành này xong, còn ở lại bảy tám ngày nữa rồi từ giã ngài và lên đường đến chỗ cũ.

Vua đến thăm các ông và hỏi chuyện kia. Các vị giải thích vấn đề Điềm lành như cách đã được giải thích cho quý vị và trở lại Tuyết Sơn. Từ đó về sau, vấn đề Điềm lành đã được thông hiểu trên thế giới. Sau khi đã chuyên tâm học tập vấn đề Điềm lành, lúc mạng chung, các vị đều lên cộng trú với Thiên chúng rất đông đảo. Còn Bồ-tát tu tập Tứ Vô lượng tâm, và cùng với hội chúng của ngài được tái sinh lên cõi Phạm thiên.

*

Sau khi chấm dứt Pháp thoại này, Bậc Đạo Sư bảo:

- Này các Tỳ kheo, không phải bây giờ mà cả ngày xưa nữa Ta cũng đã giải thích vần đề Điềm lành.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Vào thời ấy, hội chúng đệ tử của đức Phật là đám hiền nhân kia, Sàriputta (Xá-lợi-phất) là vị Trưởng đệ tử, người đã hỏi vấn đề Điềm lành, và Ta chính là Đạo Sư.

-ooOoo-

454. Chuyện Trí Giả Ghata (Tiền thân Ghata)

Hắc đế Kan-ha hãy đứng lên...,

Chuyện này Bậc Đạo Sư kể tại Kỳ Viên về cái chết của một nam tử. Hoàn cảnh cũng giống trong số 449. tt Matta Kundali.

Ở đây, Bậc Đạo Sư hỏi vị nam cư sĩ:

- Này cư sĩ, có phải ông đang phiền muộn chăng?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Đức Phật bảo:

- Này cư sĩ, ngày xưa các bậc trí nghe lời dạy của các hiền nhân nên không phiền muộn về cái chết của con mình nữa.

Và theo lời thỉnh cầu của ông, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa một vị vua có danh hiệu là Mahàkamsa, trị vì ở Uttaràpatha, trong địa hạt Kamsa ở kinh thành Asitanjanà. Ông có hai hoàng nam Kamsa và Upakamsa, và một

công chúa Devagabbhà. Vào ngày sinh nàng, các Bà-la-môn tiên đoán tương lai của nàng, bảo:

- Một hoàng nam do công chúa này sinh ra sẽ phá hoại xứ sở và dòng họ Kamsa.

Vua quá yêu thương con gái nên không thể giết nàng được, mà để cho các hoàng huynh của nàng lo liệu việc đó, còn ngài chỉ sống hết đời thì từ trần. Khi ngài băng hà, Kamsa lên làm vua, và Upakamsa làm phó vương.

Hai vị nghĩ sẽ có sự phản đối của quần thần nếu như bắt công chúa phải chết, vì thế quyết định không gả nàng cho ai cả, mà cứ để nàng sống không có chồng và canh giữ thật kỹ. Các ngài lại xây một cái tháp tròn đơn độc để nàng ở đó. Bấy giờ nàng có một nữ tỳ tên là Nandagopà, và chồng nữ tỳ này là Andhakavenhu, gã gia nô canh giữ nàng.

Thời ấy vị vua danh hiệu Mahàsàgara đang trị vì ở phương Bắc Madhurà, có hai vương tử là Sàgara và Upàsàgara. Vào lúc vua cha băng hà, Sàgara lên ngôi vua và Upasàgara làm phó vương. Vương tử này là bạn của Upakamsa, cùng lớn lên và cùng học với một thầy. Song chàng đã có âm mưu dan díu trong khuê phòng của hoàng huynh và bị bại lộ nên phải chạy trốn đến Upakamsa, trong địa phận Kamsa. Upakamsa tiến cử chàng với vua Kamsa và vua đón tiếp chàng rất trọng thể.

Upasàgara, trong lúc vào chầu vua, thường quan sát cái tháp mà công chúa Devagabbhà trú ngụ, và khi hỏi ai ở đó, rồi nghe chuyện kia, chàng đem lòng yêu nàng. Còn Devagabbhà, một hôm, trông thấy chàng khi chàng cùng đi với Upakamsa vào chầu vua. Nàng hỏi ai đó, và khi dược Nandagopà nói đó là Upasàgara, con của Đại vương Sàgara, thì nàng cũng yêu chàng ngay. Chàng Upasàgara trao một món quà cho Nandagopà, bảo:

- Này hiền tỷ, xin chị thu xếp cho tôi được gặp Devagabbhà.

- Dễ lắm.

Nandagopà vào và kể lại chuyện ấy với công chúa. Nàng đã thầm yêu chàng nên đồng ý ngay. Một đêm kia Nandagopà sắp đặt một cuộc hẹn hò và đem Upasàgara lên tháp và chàng ở lại đó với Devagabbhà. Vì đôi bên tiếp xúc thường xuyên như thế, nên Devagabbhà có thai. Dần dần ai cũng biết nàng có thai, nên hai vị hoàng huynh cật vấn Nandagopà. Nữ tỳ này xin hai vị tha tội cho nàng, rồi kể tình tiết của câu chuyện. Khi hai vị nghe chuyện, liền suy nghĩ: "Ta không thể bảo giết em gái ta được. Nếu em ta sinh con gái, chúng ta sẽ tha chết cho hài nhi ấy luôn, còn nếu con trai thì giết nó đi."

Và hai vị vua gả Devagabbhà cho Upasàgara đem về làm vợ.

Đến thời mãn nguyệt khai hoa, nàng sinh hạ một gái. Hai vị hoàng huynh nghe tin ấy rất hoan hỷ đặt cho hài nhi tên là công nương Anjanà. Hai vị lại cho các em một ngôi làng để làm tài sản, đặt tên là Govaddhamàna. Upasàgara đem Devagabbhà đến sống cùng nhau tại ngôi làng ấy.

Devagabbhà lại có thai nữa và đúng ngày đó Nandagopà cũng có thai. Khi đến kỳ, cả hai lại cùng sinh một ngày. Deva sinh con trai và Nanda sinh con gái. Song Deva sợ

rằng con trai nàng có thể bị giết nên bí mật gởi con đến Nanda và nhận con gái của Nanda về nuôi. Chúng lại báo tin nàng sinh con ấy với hai vị hoàng huynh. Hai vị hỏi:

- Con trai hay gái?

Chúng đáp:

- Con gái.

- Vậy thì lo nuôi nấng nó đi - Các hoàng huynh bảo.

Cứ như vậy, Devagabbhà sinh mười con trai, và Nandagopà sinh mười con gái. Bọn con trai sống với Nanda và bọn con gái sống với Deva, chẳng một ai biết được bí mật kia.

Con trai trưởng của Devagabbhà được đặt tên là Vàsu-Deva, con trai thứ là Bala-Deva, thứ ba là Canda-Deva, thứ tư Suriya-Deva, thứ năm Aggi-Deva, thứ sáu Varuna-Deva, thứ bảy Ajjuna, thứ tám Pajjuna, thứ chín Ghata-Pandita, thứ mười Amkura. Chúng nổi tiếng là các con trai của gia nô Andhakavenhu hay Mười Anh Em Nô lệ.

Theo thời gian chúng lớn khôn, rất cường tráng lại hung dữ, bạo tàn, chúng đi khắp nơi cướp phá, chúng còn cả gan đến độ cướp lễ vật triều cống được dâng vua. Dân chúng đến tụ tập ở sân chầu vua, kêu than:

- Các con trai của Andhakavenhu, cả Mười Anh Em ấy đang cướp phá xứ sở.

Vì thế vua triệu Andhakavenhu đến, trách mắng y đã để các con mình đi cướp bóc. Cứ như vậy, các tiếng kêu than nổi dậy ba bốn lần, vua hăm dọa y. Vì lo sợ cho tính mạng mình nên y xin vua ban cho y đặc ân được an toàn tính mạng rồi kể chuyện bí mật kia, rằng chúng không phải là con trai của y như thế nào, mà là con trai của Upasàgara. Vua hoảng sợ.

- Làm thế nào bắt chúng nó được? Ngài hỏi quần thần.

Quần thần tâu:

- Tâu Đại vương, chúng nó là bọn đánh vật, chúng ta hãy tổ chức thi đánh vật tại kinh thành, và khi chúng vào vòng đấu, chúng ta sẽ bắt chúng và giết đi.

Thế là quần thần tìm hai người đánh vật Cànura và Mutthika, và cho loan báo khắp kinh thành bằng trống lệnh rằng vào ngày thứ bảy sẽ có một cuộc thi đô vật.

Vùng đấu được chuẩn bị trước hoàng môn, có hàng rào quanh đấu trường . Vòng được trang hoàng rất vui mắt. Cờ chiến thắng được buộc sẵn sàng. Cả kinh thành quay cuồng như ở trong cơn lốc. Hàng hàng lớp lớp ghế ngồi chật ních. Cànura và Mutthika bước vào vòng đấu, đi nghênh ngang, nhảy nhót, la hét, vỗ tay. Mười Anh Em kia cũng thế. Trên đường đi chúng đã cướp phá phố thợ giặt nên phục sức các xiêm y rực rỡ vào, lại cướp nước hoa của các tiệm nước hoa, xoa dầu thơm khắp người, đeo vòng trên đầu, hoa tai trên tai chúng nghênh ngang bước vào đấu trường, nhảy nhót, la hét vỗ tay.

Vào lúc ấy, Cànura đang đi quanh và vỗ tay, Baladeva thấy gã liền suy nghĩ: "Ta không muốnđụng kẻ kia với bàn tay ta!" Nên chàng chụp lấy sợi dây lớn từ chuồng voi, vừa nhảy lên, hò hét, vừa ném dây quanh bụng Cànura, cột hai đầu dây lại thật chặt, rồi tung gã kia lên, quay cuồng gã quanh đầu mình, rồi đạp gã xuống đất cho lăn ra khỏi đấu trường. Khi Cànura đã chết, vua cho gọi Mutthika. Mutthika bước lên, hò hét, vỗ tay. Baladeva tát mạnh vào mặt gã và trong lúc gã la lớn:

- Ta không phải kẻ đấu vật. Ta không phải kẻ đấu vật!

Baladeva cột hai tay gã lại bảo:

- Đấu vật hay không phải đấu vật đối với ta cũng thế thôi!

Rồi chàng xô mạnh gã xuống đất, giết gã, và ném gã ra ngoài đấu trường.

Mutthika trong cơn giãy chết, thốt ra lời nguyền: "Ước mong ta thành quỷ để xé xác nó ra", và gã trở thành con quỷ ở trong rừng có tên gọi là Kàlamattiya. Vua bảo:

- Bắt Mười tên Nô lệ này ra ngay.

Vào lúc ấy Vàsudeva ném một cái bánh xe (một loại binh khí), chặt đứt đầu cả hai anh em nhà vua. Đám đông kinh hoàng quỳ xuống chân chàng, và xin chàng cứu giúp che chở cho họ.

Thế là Mười Anh Em này, sau khi đã giết hai ông cậu xong, lên làm vua tại kinh thành Asitanjanà và đem cha mẹ về đó ở.

Lúc bấy giờ họ bắt đầu dự định chinh phục cả cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ). Chẳng mấy chốc, họ đi đến kinh thành Ayojjhà, nơi ngự trị của vua Kàlasena. Họ bao vây kinh thành. tiêu diệt đám rừng rậm quanh đó, phá vỡ trường thành và bắt vua làm tù binh, chiếm vương quốc vào tay họ.

Sau đó họ đến Dvàravati. Bấy giờ kinh thành này có một phía là biển, một phía là núi. Dân chúngđồn rằng nơi đó có quỷ hiện. Con quỷ giữ vị trí canh phòng, hễ thấy quân thù nó hóa thành con lừa, và hí như lừa vậy. Lập tức nhờ sức kỳ bí của quỷ, cả kinh thành bay lên không gian đặt chân trên một hòn đảo giữa biển, khi quân thù đi rồi, nó sẽ trở lại và ổn định trên vị trí cũ.

Lần này cũng như thường lệ, vừa khi con lừa thấy Mười Anh Em kia đến, thì nó hí lên như lừa. Cả kinh thành bay lên không gian và đặt mình trên hòn đảo kia. Họ không thấy kinh thành nữa nên quay lui. Sau đó kinh thành lại trở về chỗ cũ. Bọn họ trở lại, con lừa lại làm như trước, bọn họ không thể nào chiếm lấy thành Dvàravati được.

Vì thế họ đến yết kiến vị hiền giả Kanhadìpàyana và nói:

- Thưa Tôn giả, chúng tôi đã thất bại trong việc chiếm vương quốc Dvàravati, xin cho chúng tôi biết phải làm cách nào?

Ông bảo:

- Trong một cái hào ở nơi kia, có một con lừa đi quanh quẩn. Nó hí lên khi thấy quân thù, nên lập tức kinh thành bay lên không. Các ngài phải ôm lấy chân nó mà van xin, đó là cách để các ngài đạt mục đích.

Sau đó họ tạ từ ẩn sĩ và cả mười người đi đến con lừa, quỳ xuống chân nó bảo:

- Thưa Tôn ông, chúng ta không nhờ cậy ai được ngoài Tôn ông! Khi chúng ta đến chiếm thành, xin đừng hí lên.

Con lừa đáp:

- Ta không thể nào không hí được. Song nếu các ngài đến trước, và bốn người trong bọn các người đem các cây cày bằng sắt thật lớn, và đặt bốn cột trụ sắt lớn ở dưới đất tại bốn cổng thành. Khi kinh thành bắt đầu bay lên, nếu các ngài đóng vào trụ sắt một dây xích bằng sắt buộc vào cây cày thì kinh thành không thể nào bay lên nổi.

Họ cám ơn con lừa, và nó không kêu một tiếng khi họ đem đến các cây cày và đào hố chôn các cột trụ dưới đất ở bốn cổng thành rồi đứng đợi. Sau khi con lừa hí, cả kinh thành bắt đầu bay lên. Song những người đứng ở bốn cổng thành với bốn cây cày đã đóng vào các cột trụ các dây xích sắt buộc vào các cây cày, nên kinh thành không thể bay lên được nữa. Thế là Mười Anh Em vào thành giết vua và chiếm vương quốc.

Như vậy họ chiếm được toàn cõi Diêm-phù-đề, và trong sáu mươi ba ngàn kinh thành, họ đã dùng bánh xe kia giết sạch mọi vị vua các nước đó, rồi sống tại Dvàravati, chia vương quốc thành mười phần. Song họ đã quên mất cô chị đầu là công nương Anjanà, vì thế họ bảo:

- Hãy chia vương quốc ra mười một phần.

Song Amkura đáp:

- Thôi cho chị ấy phần của tiểu đệ, và đệ sẽ làm việc khác mà sống, các vương huynh chỉ giảm thuế cho đệ ở mỗi vương quốc của các vương huynh thôi.

Họ đồng ý và đưa phần chàng cho chị đầu; họ sống chung với nàng tại Dvàravati, cả chín ông vua, trong khi Amkura đóng tàu đi buôn.

Với thời gian các vua ấy sinh được nhiều con trai và con gái và lâu sau đó, các bậc cha mẹ họ từ trần. Vào thời ấy chuyện kể là con người sống đến hai mươi ngàn tuổi.

Sau đó vương tử yêu quí của Đại vương Vàsudeva mất đi. Vua dở sống dở chết vì sầu muộn, nên xao lãng mọi việc, cứ nằm than khóc, bám chặt lấy sàng tọa. Lúc ấy Trí giả Ghata suy nghĩ: "Trừ ta ra không ai đủ khả năng xoa dịu nỗi buồn của hoàng huynh. Ta muốn tìm phương tiện để làm giảm nỗi ưu phiền cho ngài." Vì thế chàng làm vẻ điên cuồng đi khắp kinh thành, nhìn lên bầu trời và kêu lớn:

- Cho ta một con thỏ! Cho ta một con thỏ!

Cả kinh thành chấn động lên:

- Trí giả Ghata nổi điên rồi. Họ bảo nhau.

Vừa lúc ấy một cận thần tên là Rohineyya, đi vào yết kiến vua Vàsudeva và mở đầu câu chuyện bằng cách ngâm vần kệ đầu tiên:

1. Hắc đế Kan-ha, hãy đứng lên,
Sao ngài nhắm mắt ngủ, nằm yên,
Kìa bào đệ, gió to đang cuốn
Tâm trí chàng bay mất, hãy nhìn:
Mất trí, Gha-ta mồm lảm nhảm,
Hỡi ngài Đại đế tóc đen huyền!
*

Khi viên cận thần nói vậy xong, Bậc Đạo Sư thấy vua ấy đứng dậy, rồi với Trí tuệ Tối thắng, Ngài cảm hứng ngâm vần kệ thứ hai:

2. Chốc lát vua dài tóc Ke-sa,
Nghe Ro-hi lớn tiếng gào la,
Đứng lên, đại đế đầy phiền muộn
Vì nỗi khổ buồn của Gha-ta.
*

Vua đứng lên, vội vàng bước xuống từ cung thất tiến về phía Trí giả Ghata, ngài chụp mạnh lấy chàng bằng cả hai tay và ngâm vần kệ thứ ba hỏi chàng:

3. Sao dáng điên rồ, đệ bước qua
Khắp miền non nước Dvà-ra-ka,
Và kêu: "Thỏ, thỏ! này cho biết,
Ai lấy thỏ con của đệ à?
Trước câu hỏi của vua, chàng chỉ đáp lại bằng cách ngâm mãi các lời kệ ấy. Còn vua ngâm thêm hai vần kệ nữa:

4. Thỏ làm bằng ngọc hoặc vàng ròng,
Như đệ ước ao, bạc hoặc đồng,
Vỏ óc, san hô, hay đá cuội,
Ta làm ngay thỏ, đệ an lòng.
5. Còn có nhiều loài thỏ biết bao,
Vẫn thường quanh quẩn chốn rừng sâu,
Được mang về nữa ta đòi bắt,
Hãy nói, em thích chọn thứ nào?
Nghe lời vua, bậc hiền nhân đáp lại bằng cách ngâm vần kệ thứ sáu:

6. Em chẳng ước ao thỏ thế gian,
Mà mơ con thỏ ở cung trăng,
Này Ke-sa, thỏ kìa, đem xuống,
Em chẳng đòi thêm một đặc ân.

"Chắc em ta đã nổi điên rồi". Vua suy nghĩ khi nghe nói vậy. Lòng đầy sầu muộn, ngài ngâm vần kệ thứ bảy:

7. Nói thật này em sẽ chết thôi,
Nếu em cầu khấn chuyện kia hoài,
Em đòi chuyện chẳng ai mong ước,
Con thỏ cung trăng ở cõi trời!
Trí giả Ghata khi nghe vua đáp lại, liền đứng yên không nhúc nhích và nói:

- Này vương huynh, anh biết rằng con người đòi thỏ mặt trăng thì không thể nào có được và sẽ phải chết. Vậy tại sao anh phiền muộn vì đứa con trai đã mất?

8. Nếu Kan-ha hiểu chuyện này mau,
Và giải khuyên người khóc khổ đau,
Anh vẫn cớ sao đang phiền muộn
Đứa con trai đã chết từ lâu?
Rồi chàng nói tiếp khi vẫn đứng trên đường.

- Này anh, em chỉ cầu xin cái có thật, còn anh lại phiền muộn vì cái không còn nữa.

Sau đó chàng giáo hóa vua bằng hai vần kệ sau:

9. Con ta sinh, ước chẳng lìa trần,
Không một người hay cả thánh thần
Có thể đạt lời nguyền kia, vậy
Sao điều không có, lại cầu mong?
10. Không có bùa thiên, hoặc thuốc thần,
Chẳng loài cỏ thuốc hoặc tiền vàng
Đủ công năng để làm cho sống
Người chết, Kan-ha vẫn khóc than.
Vua nghe vậy, đáp:

- Này hiền đệ, em có mục đích tốt lành lắm. Em đã làm như vậy để xua tan phiền muộn của ta.

Sau đó ngài ngâm bốn vần kệ để tán thán Trí giả Ghata:

11. Trẫm nghe nhiều bậc trí nhân,
Nhiều người lỗi lạc khuyên toàn điều hay,
Song Gha-ta đã khéo thay,
Mở đôi mắt trẫm từ nay sáng bừng!
12. Ta đang thiêu đốt trong lòng,
Như khi người đổ dầu trong lửa đào,
Em đà mang nước lạnh vào,
Và em dập tắt khát khao tủi buồn.
13. Vì con, bao nỗi sầu tuôn,

Mũi tên độc cắm trong hồn của ta,
Em vừa an ủi khuây khoa
Nỗi niềm bi thiết, nhổ ra tên này.
14. Tên vừa nhổ, hết đau ngay, Giữ tâm thanh thản, ta rày bình an,

Nghe lời chân lý, hỡi chàng, Ta không còn phải khóc than đau buồn.

*

Và cuối cùng:

15. Hãy làm như đấng từ tâm,
Và như các bậc trí nhân đại hiền
Giải tan các nỗi ưu phiền,
Như Gha-ta đã giải khuyên anh mình.
Đây là vần kệ phát xuất từ Trí tuệ Tối thắng.

*

Bằng cách ấy, Vàsudeva Đại vương đã được vương tử Ghata an ủi nỗi buồn.

Sau một thời gian dài, vua cai trị vương quốc, các vương tử của Mười Anh Em làm vua kia suy nghĩ:

- Dân chúng đồn rằng Kanhadìpàyana có thần thông lực. Ta thử xem sao.

Thế là cả bọn ấy kiếm một thanh niên cho gã phục sức đẹp vào rồi buộc một chiếc gối quanh bụng gã làm như thể gã có thai. Rồi họ đem gã vào yết kiến ngài và hỏi:

- Thưa Tôn giả, khi nào thì người đàn bà này sinh con?

Nhà ẩn sĩ nhận thấy (nhờ thần lực) rằng Mười Anh Em vương tử này đã đến hồi mạt vận; rồi khi xem kỹ hạn kỳ mạng sống của chính mình được chừng nào, ngài hiểu là ngài phải chết đúng ngày hôm ấy. Sau đó ngài hỏi:

- Thưa các vị vương tử, người này là gì của các vị?

Họ khăng khăng đáp lại:

- Xin hãy trả lời cho chúng ta rõ.

Ngài đáp:

- Từ ngày thứ bảy kể từ nay, người này sẽ sinh ra một khúc gỗ keo. Với khúc gỗ ấy, nó sẽ phá tan dòng họ Vàsudeva, dù cho các vị có lấy thanh gỗ ấy và đốt đi rồi thả tro xuống sông.

- A, đạo sĩ này giả hiệu - họ đáp. Đàn ông không thể nào đẻ con được!

Rồi họ làm một sợi dây thừng giết ngài lập tức.

Các vị vua triệu các vương tử vào hỏi tại sao đã giết đạo sĩ. Khi các vị nghe như vậy đều kinh hãi. Các vị cho người canh giữ chàng trai kia, và đến ngày thứ bảy, chàng ta lấy ra

từ trong bụng một khúc gỗ keo, họ đem đốt đi và thả tro xuống sông. Tro ấy trôi theo dòng nước dính vào một bên bờ nhờ một cái ngõ vào phía sau, từ nơi ấy mọc lên một cây Eraka.

Một ngày kia, các vua đề nghị đi hu hí dưới sông . Vì thế các vị ấy đến ngõ sau này dựng một chiếc rạp lớn, và trong cái rạp rực rỡ ấy, các vị vua ăn uống vui đùa. Sau đó, các vị bắt đầu đấm đá nhau và chia thành hai phe gây gổ dữ dội. Cuối cùng một người trong đám đó thấy không có gì tốt hơn để làm cây gậy liền hái một ngọn lá Eraka, ngay sau khi hái, nó liền biến thành cái gậy gỗ keo trong tay, người ấy dùng gậy đánh nhiều người. Rồi các người khác cũng hái như vậy, và các lá cây mà họ hái đều biến thành gậy gộc, và bọn người ấy dùng gậy đánh nhau cho đến chết. Trong lúc cả bọn tàn sát lẫn nhau, chỉ có bốn người: Vàsudeva, Baladeva, công chúa Anjanà, vương tỷ, và vị quan tế sư nhảy lên xe chạy trốn. Còn cả đám kia chết hết không sót ai.

Bấy giờ bốn vị ấy dùng xe trốn đi đến khu rừng Kàlamattikà, nơi ấy gã đấu vật Mutthika tái sinh làm quỷ đúng như lời nguyện của y. Khi y nhận thấy Baladeva, y liền dựng lên một ngôi làng tại đó rồi giả dạng làm người nô bộc vừa đi vừa nhảy nhót la hét vừa búng tay một hồi:

- Ai muốn đấu đây?

Baladeva mới thấy y liền nói:

- Này anh, em sẽ cố đánh gã này.

Vàsudeva cố hết sức ngăn cản chàng, song chàng vẫn xuống xe, đi đến gã, búng tay, gã kia chụp ngay chàng trong lòng bàn tay và nhai chàng ngấu nghiến như một củ cải!

Vàsudeva thấy chàng đã chết, liền đi suốt đêm cùng chị và viên tế sư rạng ngày sau vừa đến một làng ở biên địa. Vua nằm xuống trong chổ ẩn sau một bụi rậm, nhờ chị và viên tế sư vào làng bảo nấu một ít thức ăn đem đến dâng ngài. Một người thợ săn (tên là Jarà hay Lão niên) thấy bụi rậm lay động:"Chắc có con lợn rồi!", gã suy nghĩ và đâm một giáo xuyên suốt chân ngài.

- Ai đã bắn ta bị thương đó? Vàsudeva la lớn.

Người thợ săn thấy gã đã đâm nhằm một người nên kinh hoàng bỏ chạy trốn. Vua hồi tỉnh đứng lên gọi gã thợ săn:

- Này lão tiều phu, tới đây đừng sợ!

Khi gã đến, Vàsudeva hỏi:

- Người là ai?

- Tâu Chúa thượng, tiểu thần là Jàra.

- Than ôi! Vua nghĩ thầm: "Hễ ai bị Lão niên đâm bị thương đều phải chết, người xưa vẫn nói như vậy. Chắc chắn ta phải chết hôm nay rồi". Sau đó vua bảo:

- Này lão tiều phu, xin đừng sợ, đến đây buộc vết thương lại cho ta.

Khi miệng vết thương buộc lại xong, vua để gã đi. Vết thương khiến ngài đau đớn ghê gớm, ngài không thể ăn thứ gì mà các người kia mang đến. Sau đó, ngài bảo các người kia:

- Hôm nay ta phải chết. Các người yếu đuối lắm, không bao giờ có thể có nghề gì khác để sinh sống, vậy hãy học chuyên khoa này của ta.

Nói xong ngài dạy cho hai người học một chuyên khoa, rồi để cho họ ra đi, và ngài chết ngay hômđó. Như vậy trừ công nương Anjanà, tất cả đều chết không ai sót. Câu chuyện kể như vậy.

*

Khi Bậc Đạo Sư đã chấm dứt Pháp thoại này, Ngài bảo:

- Này cư sĩ, như vậy ngày xưa, có người đã thoát khỏi khổ đau vì con chết bằng cách nghe theo lời dạy của các bậc trí nhân; thôi, ông đừng nghĩ đến chuyện ấy nữa.

Sau đó Ngài tuyên thuyết các Sự thật, vị cư sĩ đã được an trú vào Sơ quả Dự lưu.

Rà Ngài nhận diện tiền thân:

- Vào thời ấy, Ànanda (A-nan) là Rohineyya, Sàriputta (Xá-lợi-phất) là Vàsudeva, các đệ tử của đức Phật là các người kia, và Ta chính là Trí giả Ghata.

-ooOoo-

460. Chuyện Thái Tử Yuvanjana (Tiền thân Yuvanjana)

Con xin đảnh lễ đấng Quân vương..

Chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về Đại sự Xuất thế của Ngài.

Một ngày kia, các Tỷ-kheo tụ họp trong Chánh pháp đường:

- Này Hiền hữu, một vị Tỷ-kheo bảo vị kia, đấng Thập Lực trước kia hẳn có thể sống tại gia, có thể làm một vị Chuyển luân Thánh vương ở giữa Đại thế giới đầy đủ báu vật, vinh quang với bốn Thần lực siêu phàm, được đám vương tử vây quanh hơn ngàn vị. Tuy thế, Ngài đã từ bỏ mọi cảnh vinh quang ấy khi Ngài nhận thấy mối nguy hiểm nằm trong tham dục. Nửa đêm, cùng với Channa (Xa- nặc), Ngài cỡi vương mã Kanthaka (Kiền-trắc) của Ngài và ra đi. Trên bờ sông Anomà, Dòng Sông Vẻ vang ấy, Ngài từ giã thế tục và suốt sáu năm liền, Ngài sống khổ hạnh ép xác, sau đó Ngài tự tu tập và chứng đắc Chánh Đẳng Giác.

Tăng chúng nói với nhau như vậy về công hạnh của đức Phật. Bậc Đạo Sư bước vào hỏi:

- Này các Tỷ-kheo, trong lúc ngồi đây, các ông đang nói về vấn đề gì?

Tăng chúng thưa với Ngài. Bậc Đạo Sư bảo:

- Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu tiên Như Lai làm đại sự xuất thế. Ngày xưa, Ngài đã từ bỏ ngai vàng ở vương quốc Ba-la-nại rộng đến mười hai dặm.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, có một vị vua mệnh danh là Sabbadatta cai trị thành Ramma. Kinh thành mà nay ta gọi là Ba-la-nại đã được gọi là Sarundhana trong tiền thân Udaya số 458, cũng là Sudassana trong tiền thân Cullasutasoma số 525, hay là Brahmavaddhana trong tiền thân Sonandana số 532, và là Pupphavati trong tiền thân Khandahàla số 542. Còn trong tiền thân Yuvanjana này, nó lại có tên là thành Ramma. Như vậy tên đó thay đổi theo nhiều hoàn cảnh.

Thời ấy vua Sabbadatta có một ngàn vương tử, và ngài phong chức phó vương cho Thái tử Yuvanjana.

Một sáng sớm kia, thái tử ngự lên vương xa lộng lẫy của chàng trong quang cảnh cực kỳ uy nghi, chàng nhàn du trong vườn thượng uyển. Khắp các đỉnh cây, ngọn cỏ, đầu cành, trên các mạng nhện giăng tơ qua các đầu ngọn lau, chàng thấy các giọt sương lủng lẳng như vô số xâu chuỗi ngọc trai. Chàng hỏi:

- Này hiền hữu quản xa, cái gì đây?

- Tâu điện hạ, đây là chất lỏng rơi xuống trong mùa lạnh, mà người ta gọi là sương mai.

Thái tử tiếp tục du ngoạn vui chơi trong ngự viên trọn ngày hôm đó. Về chiều, khi chàng quay lại lối cũ, chàng không còn thấy hạt sương nào nữa. Chàng hỏi:

- Này hiền hữu quản xa, những hạt sương đâu rồi? Nay ta không còn thấy chúng nữa.

Vị kia đáp:

- Tâu điện hạ, khi mặt trời lên cao, sương tan hết và chìm xuống đất.

Nghe vậy, thái tử thất vọng bảo:

- Đời người ta cũng được tạo thành chẳng khác gì các giọt sương mai trên ngọn cỏ. Ta cần phải thoát khỏi gánh nặng bức bách của bệnh tật, tuổi già và chết chóc. Ta phải từ giã song thân và rời thế tục.

Như vậy là do nhân duyên các giọt sương mai, chàng nhận thức ba cõi sinh hữu (dục giới, sắc giới, vô sắc giới) như thể đang ở trong ngọn lửa cháy bừng. Khi chàng về cung, chàng vào yết kiến phụ vương trong Đại pháp đình nguy nga của ngài. Đảnh lễ vua cha xong, chàng đứng sang một bên và ngâm vần kệ đầu để xin phép vua cha được rời thế tục:

1. Con xin đảnh lễ đấng quân vương, Giữa ngự quan, bằng hữu, đại thần,

Hoàng thượng, con mong rời thế tục, Xin hoàng thượng chẳng chối từ con.

Kế đó vua ngâm vần kệ thứ hai để khuyên can chàng:

2. Con có mơ gì, hỡi Dũ-vân,
Cha ban tròn vẹn mọi cầu mong,

Nếu ai làm hại, cha che chở,
Con chớ làm tu sĩ ẩn thân.
Nghe thế, thái tử ngâm vần kệ thứ ba:

3. Chẳng có ai làm hại đến con,
Ước mơ con đạt được vuông tròn,
Song con muốn kiếm nơi an trú,
Mà tuổi già không phá mỏi mòn.
Bậc Đạo Sư ngâm nửa vần kệ để giải thích vấn đề này:

4. Thái tử tâu vầy với phụ vương,
Vua cha liền phán bảo cùng con:
Nửa vần kệ sau do đức vua ngâm:
"Đừng rời thế tục, này vương tử,
Dân chúng kinh thành thảy khóc thương".
Vương tử lại đáp vần kệ này:

5. Đại đế, đừng làm trẻ phải xa,
Cuộc đời không tục lụy phù hoa,
Con e say đắm nhiều tham dục
Sẽ hóa mồi ngon của tuổi già.
Khi nghe nói điều này, vua cha phân vân do dự. Sau đó, mẫu hậu được tin:

- Tâu lệnh bà, thái tử đang xin pháp hoàng thượng để xuất gia.

Bà hỏi:

- Ngươi nói gì thế?

Tin ấy khiến bà ngạt thở, liền ngự vào chiếc kiệu bằng vàng, bà bảo đi nhanh đến đại pháp đường và ngâm vần kệ thứ sáu:

6. Mẹ van con đó, hỡi con thân,
Và mẹ mong con phải ở gần,
Mẹ muốn gặp con hoài, thái tử,
Con đừng rời bỏ chốn phàm trần.
Khi nghe vậy, thái tử ngâm vần kệ thứ bảy:

7. Như đầu ngọn cỏ đọng hơi sương,
Khi mặt trời lên rực ánh dương,
Cũng vậy là đời người thế tục,
Xin đừng cản bước, mẹ hiền thương.
Chàng nói vậy xong, bà vẫn van xin chàng mãi, với mục đích ngăn cản chàng. Sau đó, bậc Đại sĩ tâu với vua cha vần kệ thứ tám:

8. Bảo người khiêng kiệu, hãy cùng nâng!

Đừng để mẹ già cứ cản ngăn
Con trẻ muốn đi vào Thánh đạo,
Xa đời sinh diệt, tấu Minh quân!
Khi vua cha nghe con nói, ngài phán:

- Này ái hậu, hãy lên kiệu về cung thường lạc của ta mà an nghỉ.

Trước lệnh của vua, đôi chân vương hậu quỵ xuống, rồi bà được đám cung nữ vây quanh dìu bà về. Khi bước vào hậu cung, đứng nhìn về phía đại pháp đường, bà băn khoăn hỏi tin tức con mình. Sai khi mẫu hậu đi rồi, Bồ-tát lại xin phép vua cha lần nữa. Vua không thể từ chối chàng được, liền phán:

- Này thái tử thân yêu, cứ làm theo ý nguyện của con và từ bỏ thế tục.

Khi vừa nghe cha chấp thuận điều này, tiểu hoàng đệ của Bồ-tát là vương tử Yudhitthila, đến đảnh lễ vua cha, và cũng xin phép theo đời xuất gia như thế, vua liền bằng lòng ngay.

Cả hai vị vương tử từ biệt vua cha và giờ đây, sau khi từ bỏ mọi dục lạc thế gian, hai vị ra đi từ đại pháp đường giữa đại chúng. Chánh hậu nhìn theo bậc Đại sĩ và than khóc:

- Thái tử đã từ giã thế tục, kinh thành Ramma này sẽ trống rỗng.

Rồi bà ngâm đôi vần kệ:

9. Nhanh lên, cầu hạnh phúc, con ôi!
Ta chắc Ram-ma trống vắng thôi,
Đại đế Sab-ba vừa chấp thuận,
Dũ-vân thái tử xuất gia rồi.
10. Thái tử, đại huynh giữa cả ngàn,
Hoàng nhi trông dáng thật như vàng,
Từ đây vương tử oai hùng đã
Đắp chiếc y vàng bỏ thế gian.
Bồ-tát không đi ngay lên đường tu hành. Không, trước tiên ngài đến từ biệt song thân, rồi cùng với tiểu đệ là vương tử Yudhitthila, ngài rời kinh thành và bảo đám đại chúng đang theo sau hai vị phải quay về, còn hai vị tiến lên vùng Tuyết Sơn. Tại đó, hai vị dựng lên một thảo am ở một chốn đầy an lạc và hành trì cuộc đời của bậc hiền nhân thanh tịnh tu tập thiền định hướng thượng. Hai vị sống suốt đời bằng các củ, quả rừng rồi được sinh lên cõi Phạm thiên.

Vấn đề này được giải thích qua vần kệ cuối cùng phát xuất từ trí tuệ tối thắng của đức Phật:

11. Vương tử Dũ-thi với Dũ-vân,
Sống đời thanh tịnh của hiền nhân,
Giã từ vương phụ và vương mẫu,
Chặt đứt làm đôi xích tử thần.

*

Khi bậc Đạo Sư đã chấm dứt Pháp thoại, Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu Như Lai từ bỏ vương quốc để đi theo đời tu hành, mà ngày xưa cũng đã làm như thế.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Thuở ấy, song thân trong hoàng tộc ngày nay là vương phụ và mẫu hậu, Ànanda là tiểu đệ Yudhitthila và thái tử Yuvanjana chính là Ta.

-ooOoo-

461. Chuyện Đại Vương Dasaratha (Tiền thân Dasaratha)

Lak-kha hiền đệ lẫn Si-ta..,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể tại Kỳ Viên về một người địa chủ có cha chết.

Khi người cha từ trần, lòng người ấy tràn ngập đau buồn bỏ dở mọi công việc của mình, ông chìm đắm trong nỗi u sầu. Vào một buổi sáng, bậc Đạo Sư nhìn xuống thế gian, nhận thấy người ấy đã đến thời kỳ thành thục để đắc quả Dự Lưu. Hôm ấy khi đã đi khất thực tại Xá-vệ, và thọ thực xong, Ngài bảo các Tỷ-kheo lui về, rồi Ngài đem theo một Tỷ-kheo trẻ, đi đến nhà người ấy. Ngài chào ông và nói với ông trong lúc Ngài ngồi đó bằng những lời ngọt ngào như mật:

- Này cư sĩ, ông đang sầu muộn phải chăng?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Con đang buồn vì cha con mất!

Bậc Đạo Sư bảo:

- Này cư sĩ, các bậc trí nhân ngày xưa hiểu rõ Tám pháp của thế giới này (được và mất, vinh và nhục, khen và chê, lạc và khổ), nên khi cha mất, các ngài không thấy đau buồn, dù chỉ mảy may.

Rồi theo lời thỉnh cầu của ông, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, tại Ba-la-nại, một vị đại vương mệnh danh Dasaratha, từ bỏ các ác đạo và cai trị theo Chánh pháp. Trong số mười sáu ngàn cung phi, vị chánh hậu sinh hạ hai vương tử và một công chúa; thái tử được đặt tên là Ràma Pandita hay hiền giả Ràma. Vị thứ hai được đặt tên Lakkhana hay Cát Tường và tên công chúa là Sità hay Thanh Lương.

Theo thời gian chánh hậu qua đời. Lúc bà từ trần, vua bị nỗi đau buồn xâm chiếm trong một thời gian, nhưng khi được triều thần thúc giục, ngài cử hành tang lễ bà xong, lại phong cho một vi vương phi khác lên làm chánh hậu. Bà này được vua hết sức sủng ái. Sau đó bà thụ thai, được vua chăm sóc rất ân cần chu đáo và sinh hạ một hoàng nam, đặt tên là vương tử Bharata.

Vua rất yêu quý vương tử ấy và bảo chánh hậu:

- Này ái khanh, ta ban cho nàng một ân huệ, nàng hãy chọn đi.

Bà nhận đặc ân trên, nhưng xin vua cho bà hoãn lại sự lựa chọn ấy một thời gian. Khi vương nhi lên bảy tuổi, bà đến yết kiến vua và tâu:

- Tâu thánh thượng, ngài đã hứa ban một đặc ân cho vương tử, con của thần thiếp, giờ đây xin ngài ban cho thần thiếp được chăng?

- Ái khanh hãy chọn đi - Vua phán.

- Tâu thánh thượng - bà bảo - xin ban vương quốc này cho con thần thiếp.

Vua tỏ vẻ bất cần đối với bà:

- Lui ra ngay, này ác nữ nhân! Ngài phán một cách giận dữ. Hai vương nhi của ta sáng rực như hai ngọn lửa hồng, ngươi muốn giết chúng đi rồi đòi ngai vàng cho con của ngươi đấy chăng?

Bà hoảng sợ chạy về cung thất nguy nga của bà, rồi các ngày tiếp theo, lại cố xin vua đặc ân ấy mãi. Vua không chấp thuận ban cho bà ân huệ ấy. Ngài nghĩ thầm: "Nữ nhân thường vong ân và phản bội, ác phụ này có thể dùng chiếu chỉ giả mạo hay hối lộ gian trá để sai giết các con ta". Vì vậy ngài cho triệu hai con đến và kể hết mọi việc cho con nghe, rồi phán:

- Này hai vương nhi, nếu các con ở đây, chắc tai họa có thể xảy ra cho các con. Vậy hãy qua vương quốc bên cạnh ta, hoặc vào rừng, rồi khi thân ta đã được hỏa táng, hãy trở về thừa kế vương vị thuộc về gia tộc của các con.

Sau đó ngài triệu các thầy tướng số đến hỏi về thọ mạng của ngài. Họ tâu rằng ngài có thể sống thêm mười hai năm nữa. Rồi ngài bảo:

- Này các con, sau mười hai năm các con phải trở về và giương cao chiếc lọng của hoàng gia.

Hai vương tử hứa lời xong và vừa đi khỏi cung điện vừa khóc lóc. Công nương Sità nói:

- Ta cũng sẽ đi cùng hai vương huynh.

Nàng vào từ biệt phụ vương, vừa ra đi vừa khóc lóc.

Cả ba anh em lên đường giữa đám đông dân chúng. Ba vị bảo dân chúng lui về, rồi tiến lên chođến khi đi tận vùng Tuyết Sơn. Tại đó, ở một nơi có nước chảy nhiều, và thuận tiện để hái quả rừng, hai vị dựng am tu và sống tại đó bằng quả cây.

Trí giả Lakkhana và Sità nói với trí giả Rama:

- Đại hiền huynh ở địa vị thân phụ của chúng em, vậy xin ở lại trong am và chúng em sẽ đi hái quả về nuôi hiền huynh.

Chàng đồng ý. Từ đó hiền giả Rama ở tại nhà, còn hai em cùng đi mang quả rừng về nuôi chàng.

Ba vị sống tại đó như vậy và nuôi thân bằng quả rừng hoang dại, song vua Dasaratha héo mòn vì nhớ các con nên từ trần vào năm thứ chín. Trong lúc cử hành tang lễ vua, hoàng hậu ra lệnh giương chiếc lọng phong vương cho con trai bà là vương tử Bharata. Nhưng triều thần bảo:

- Các vị vương tử chúa tể của chiếc lọng này đang ở trong rừng.

Nên đại chúng không cho phép việc ấy. Vương tử Bharata lại bảo:

- Ta sẽ đi tìm đại vương huynh Ràma trong rừng về và giương chiếc lọng phong vương cho ngài.

Mang theo năm biểu tượng của vương quyền (bảo kiếm, lọng trắng, vương miện, đôi hài và cái quạt bằng lông đuôi trâu rừng), chàng lên đường cùng một đoàn hộ tống đầy đủ bốn đạo quân (voi, kỵ mã, xe, bộ binh), đến nơi ba vị đang trú ngụ. Không xa đó mấy, chàng ra lệnh cắm trại, rồi cùng vài triều thần đi đến viếng vùng ẩn am, vào lúc hiền giả Lakkhana cùng Sità đã đi vào rừng.

Hiền giả Ràma đang ngồi ở cửa am, vô tư và thanh thản như một pho tượng bằng vàng ròng vững chắc. Vị vương tử đến gần ngài đảnh lễ rồi đứng một bên, kể cho ngài nghe mọi việc xảy ra ở vương quốc, vừa quỳ xuống chân ngài cùng đám triều thần vừa òa lên khóc nức nở. Hiền giả Ràma không buồn cũng không khóc, tâm trí ngài không còn xúc động nữa.

Sau khi Bharata đã hết khóc và ngồi xuống, mãi đến chiều hai vị kia mới trở về với mớ quả rừng. Hiền giả Ràma suy nghĩ: "Hai em kia còn trẻ, chúng không có trí tuệ tỉnh giác như ta. Nếu thình lình chúng được nghe tin rằng phụ vương đã băng hà, nỗi đau khổ sẽ lớn quá mức chúng chịu đựng, ai biết được tim chúng chẳng tan nát ra? Vậy ta sẽ dụ chúng bước xuống nước rồi tìm phương tiện tỏ bày sự thật. "Rồi vừa chỉ cho hai em một nơi ở phía trước có nước, ngài bảo:

- Các em đi ra ngoài lâu quá, vậy đây là cách để các em hối lỗi. Hãy bước xuống vũng nước kia và đứng đó.

Rồi ngài ngâm nửa vần kệ:

1. Lak-kha hiền đệ, lẫn Si-tà, Bước xuống ao kia cả đấy mà.

Chỉ một lời thế là đủ, hai vị bước xuống nước và đứng đó. Lát sau ngài báo tin cho hai em bằng cách ngâm nửa vần kệ tiếp:

Vương tử Bha-ra vừa nói rõ Da-sa đại đế đã băng hà.

Khi hai vị nghe tin vương phụ đã băng hà, liền ngất xỉu. Ngài lập lại tin ấy, hai vị lại ngất xỉu, đến lần thứ ba, hai vị vẫn ngất đi. Các triều thần liền đỡ họ dậy và đem họ ra khỏi nước rồi đặt họ lên đất khô ráo. Khi hai vị đã được an ủi khuyên lơn, cả hai vẫn ngồi khóc lóc, kêu gào. Lúc ấy vương tử Bharata suy nghĩ: "Vương huynh Lakkhana và vương tỷ Sità không thể nào ngăn nỗi sầu bi khi nghe tin phụ vương từ trần, song hiền giả Ràma chẳng than khóc kêu gào gì cả. Ta không biết nguyên nhân gì khiến vương huynh chẳng sầu muộn. Ta sẽ hỏi xem".

Rồi chàng ngâm vần kệ thứ hai hỏi:

2. Cho biết, Rà-ma, bởi lực gì,
Gặp buồn, huynh lại chẳng sầu bi?
Lòng huynh sầu muộn không tràn ngập,
Dù được tin vương phụ mất đi!
Sau đó, Ràma giải thích lý do ngài không cảm thấy sầu bi bằng cách đáp lời:

3. Khi chẳng làm sao giữ vật nào,
Dù cho người ấy có kêu gào,
Vậy nên người trí đầy thông tuệ
Phải tự hành mình bởi cớ sao?
4. Các đám thanh niên, kẻ trưởng thành,
Người ngu cùng với bậc thông minh,
Giàu, nghèo, kết cuộc đều cầm chắc,
Phải chết từng người giữa chúng sinh.
5. Như ta đứng trước quả cây muồi,
Hay phát sinh niềm sợ quả rơi,
Cũng vậy phát sinh lòng sợ chết,
Với phàm nhân ở khắp muôn người.
6. Nhiều kẻ vừa trông thấy buổi mai,
Có khi chiều tối đã lìa đời,
Và người được thấy khi chiều xuống,
Vừa mới sáng mai đã mất rồi.
7. Nếu người ngu dại hoặc cuồng điên, Phúc lạc đổ dồn đến tự nhiên

Khi nó tự hành bằng nước mắt, Bậc hiền làm giống kẻ kia liền.

8. Cách này đây nó tự hành mình,
Kẻ ấy gầy mòn lại tái xanh,
Nước mắt chẳng làm gì ích lợi,
Chẳng làm người chết được hồi sinh.
9. Như nhà cháy rực lửa đang hồng,
Được dập tắt liền với nước sông,
Người mạnh, người hiền, người có trí,
Những người hiểu giáo lý tinh thông,
Nỗi buồn đem rắc như bông vải,
Khi có cuồng phong thổi bão bùng.
10. Một khi sinh vật phải lìa trần,
Một kẻ khác liền được thọ thân,
Kết hợp với nhiều dây trói buộc,
Có cùng đặc tính một nguồn căn,

Phước phần mỗi kẻ đều tùy thuộc
Vào những dây liên hệ buộc ràng.
11. Người mạnh, tinh thông lý nhiệm mầu,
Quán sát đời này lẫn kiếp sau,
Hiểu bản chất này chung của chúng,
Cho nên chẳng bị nỗi buồn rầu,
Khiến cho lòng trí mình dao động,
Dù có khổ đau đến độ nào.
12. Vậy ta nên cống hiến song thân,
Phụng dưỡng các ngài phẩm vật dâng,
Ta sẽ bảo tồn di tích cũ,
Ấy là hành động của hiền nhân.
Trong các vần kệ này, ngài đã giải thích tính Vô thường của vạn vật.

Khi hội chúng nghe Pháp thoại này của hiền giả Ràma làm sáng tỏ quy luật Vô thường, họ đều tiêu tan mọi nỗi sầu muộn. Sau đó vương tử Bharata kính chào hiền giả Ràma và van xin ngài nhận lãnh vương quốc ở Ba-la-nại. Hiền giả Ràma bảo:

- Này vương đệ, hãy đem Lakkhana và Sità về với vương đệ, và chính các vương đệ hãy chăm lo cai trị đất nước.

- Tâu chúa thượng, không được, xin chúa thượng đảm nhận quốc độ.

- Này vương đệ, phụ vương đã ban lệnh cho ta nhận lãnh quốc độ sau mười hai năm. Nếu ta về bây giờ, ta sẽ không thi hành lệnh vua ban. Vậy ba năm nữa ta sẽ về.

- Thế ai sẽ trị nước trong thời gian này?

- Chính vương đệ.

- Tiểu đệ không muốn thế.

- Vậy thì cho đến khi ta về, đôi hài này sẽ làm việc đó.

Ràma bảo, rồi tháo đôi hài rơm ra, ngài trao chúng cho vương đệ. Thế là ba vị nhận lấy đôi hài, từ tạ vị hiền nhân và lên đường về Ba-la-nại cùng với đoàn người hộ tống đông đảo.

Trong ba năm liền, đôi hài ấy cai trị vương quốc. Triều thần đặt chúng lên ngai, khi hội chúng xét xử một việc gì. Nếu vụ kiện được xét xử sai, đôi hài sẽ đập vào nhau. Và khi thấy dấu hiệu ấy, sự việc kia được xét lại, đến khi việc phán xét đúng đắn thì đôi hài nằm yên.

Khi thời gian ba năm ấy đã qua, bậc trí nhân ra khỏi rừng, đi đến Ba-la-nại, và vào ngự viên. Các vương tử nghe tin ngài đến, liền cùng một đoàn hộ tống đông đảo đi đến hoa viên, và phong Sità lên làm chánh hậu, rồi làm lễ quán đảnh (rảy nước thánh) cho cả hai. Khi cử hành lễ quán đảnh như thế xong, bậc Đại Sĩ đứng trên chiếc vương xa lộng lẫy với một đám đông vây quanh tiến vào kinh thành, đi diễu quanh một vòng theo

hướng bên hữu, rồi ngự lên thượng lầu vĩ đại của cung điện nguy nga Sucandaka kia, ngài trị nước tại đó rất chân chánh trong mười sáu ngàn năm, và về sau đi lên cộng trú cùng hội chúng của chư Thiên.

Vần kệ này từ trí tuệ tối thắng giải thích phần kết thúc câu chuyện:

Trăm năm nhân với sáu mươi lần,
Một vạn năm thêm, chuyện kể rằng
Dũng sĩ Rà-ma lên ngự trị,
Cổ ngài ba ngấn, hạnh phúc tràn
*.

Khi bậc Đạo Sư chấm dứt Pháp thoại này, Ngài tuyên thuyết các Sự Thật. Bấy giờ, lúc kết thúc các Sự Thật, người địa chủ đã được an trú vào Sơ quả (Dự Lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Thời ấy, vua Suddhodana là vua Dasaratha, hoàng hậu Mahàmayà là mẫu hậu, mẹ của Ràhula là Sità, Ànanda là Bharata và Ta chính là hiền giả Ràma.

-ooOoo-

462. Chuyện Vương Tử Samvara (Tiền thân Samvara)

Quả xưa thánh thượng đã tinh tường..,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể lại trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo không giữ tinh tấn.

Chúng ta biết đây là một thiện gia nam tử ở Xá-vệ, sau khi nghe bậc Đạo Sư thuyết Pháp, người này từ bỏ thế tục. Đang khi hoàn thành mọi nhiệm vụ do các giáo sư và các vị giáo thọ đề ra, người ấy vừa học thuộc lòng các chi phần của Giới bổn Patimokka. Sau năm năm ông nói:

- Khi nào ta đã được chỉ dạy pháp môn nhập thiền định, ta sẽ vào an trú trong rừng.

Sau đó, ông từ giã các giáo sư, tiến vào một làng ở biên địa trong vương quốc Kosala. Dân chúng hài lòng với cách ăn ở của ông, nên ông dựng am lá ở đó được cung phụng đầy đủ. Vào mùa mưa, với nhiệt tâm tinh cần, nỗ lực phấn đấu, ông cố gắng đạt đến thiền định trong vòng ba tháng, song chẳng đạt được chút gì từ việc này cả. Sau đó ông suy nghĩ: "Quả thật ta là người đầy nhiệt tâm đối với các thế gian pháp nhất trong bốn hạng người được bậc Đạo Sư thuyết giảng. Ta còn làm gì nữa với đời sống trong rừng?" Rồi ông lại nghĩ thầm: "Ta sẽ trở về Kỳ Viên, trong lúc chiêm ngưỡng hảo tướng của đức Như Lai và nghe giọng Ngài thuyết Pháp dịu ngọt như mật, ta sẽ sống cả đời tại đó".

Thế là người ấy giảm sút lòng tinh tấn, và lên đường lần hồi đi đến Kỳ Viên. Các giáo sư và các vị giám hộ của ông, cùng bạn bè thân thuộc hỏi ông về nguyên nhân trở về đây. Ông bảo cho các vị kia biết, đại chúng đều chê trách ông về việc này và chất vấn ông tại sao lại làm như vậy. Sau đó đại chúng dẫn ông đến yết kiến bậc Đại Sư.

- Này các Tỷ-kheo - bậc Đạo sư hỏi - tại sao các ông dẫn một Tỷ-kheo đến đây mà kẻ ấy không muốn?

Tăng chúng đáp:

- Tỷ-kheo này đã đến đây vì ông đã giảm sút tinh tấn.

- Việc này có đúng như họ nói với Ta chăng? Bậc Đạo sư hỏi.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Người ấy đáp.

Bậc Đạo sư bảo:

- Này Tỷ-kheo, tại sao ông không còn tinh tấn nữa? Đối với một người yếu kém và lười biếng, không có quả vị cao cả nào dành cho y trong giáo pháp này, y cũng không thể đạt Thánh quả. Chỉ những kẻ nào nỗ lực tinh cần mới hoàn thành việc ấy được. Ngày xưa ông đầy đủ dũng lực, lại dễ dạy bảo và vì thế dù là nhỏ tuổi nhất trong đám cả trăm vương tử của vua Ba-la-nại, ông cũng đã chiếm được chiếc lọng trắng nhờ tuân theo đúng lời giáo huấn của các bậc hiền nhân.

Nói vậy xong, Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, vị trẻ tuổi nhất trong số một trăm vương tử của ngài tên là vương tử Samvara. Vua giao mỗi con trai ngài cho một vị cận thần đảm trách cùng với lời chỉ dẫn để dạy mỗi người những môn học cần phải học tập. Vị cận thần dạy cho vương tử Samavara là Bồ-tát, ngài thật sáng suốt, học rộng, làm tròn nhiệm vụ như người cha đối với vương tử kia. Trong khi mỗi vị vương tử được giáo dục như thế, các cận thần thường đem họ đến để vua cha thăm viếng. Ngài ban cho mỗi vị một thị trấn và truyền lệnh ra đi nhận chức.

Khi vương tử Samvara hoàn thành mọi việc học tập, chàng hỏi Bồ-tát:

- Thưa dưỡng phụ, nếu phụ vương đưa con đến một thị trấn thì con phải làm gì?

Ngài đáp:

- Này con, khi con được ban cho một thị trấn, con phải từ chối và tâu: "Tâu phụ vương, con là con út trong nhà, nếu đi nữa thì sẽ không còn ai dưới chân phụ vương, nên con muốn ở lại nơi đang sống đây dưới chân phụ vương thôi".

Rồi một ngày kia, khi vương tử Samvara đến đảnh lễ ngài và đang đứng một bên, vua hỏi chàng:

- Này vương nhi, con đã học tập xong chưa?

- Tâu phụ vương, đã xong.

- Vậy con hãy lựa một thị trấn.

- Tâu phụ vương, nếu vậy thì quanh mình phụ vương sẽ trống vắng, vương nhi xin ở lại dưới chân phụ vương, chứ không đi đâu khác.

Vua rất hoan hỷ và bằng lòng ngay.

Sau khi chàng ở lại bên mình vua cha, chàng hỏi Bồ-tát:

- Thưa dưỡng phụ, con phải làm gì nữa?

Ngài bảo:

- Hãy xin vua cha một ngự viên cũ.

Vương tử đồng ý và xin một hoa viên với số hoa quả trồng tại đó, chàng kết bạn cùng những người thế lực trong kinh thành. Chàng lại hỏi phải làm gì nữa. Bồ-tát bảo:

- Hãy xin vua cha cho phép phân phát tiền của khắp kinh thành.

Chàng làm theo và không hề bỏ quên một người nào, chàng phân phát tiền của khắp kinh thành. Chàng lại hỏi ý kiến Bồ-tát và sau khi xin vua cha chấp thuận, chàng phân phát thực phẩm trong cung điện, bọn nô tỳ, bầy ngựa và quân lính, không sót nơi nào; đối với sứ giả các nước ngoàiđến, chàng sắp đặt nơi ăn chốn ở cho họ, chàng ấn định thuế má cho các thương nhân, mọi việc gì cần thu xếp, chàng đều làm một mình cả.

Như vậy theo lời khuyên của bậc Đại sĩ, chàng kết bạn với mọi người, cả những người sống trong gia đình cho đến những người không gia đình, mọi người trong kinh thành, các triều thần của quốc độ này cho đến đám ngoại nhân, nhờ sức thu hút của chàng kết hợp bằng hữu lại với chàng như thể một sợi dây sắt: chàng được mọi người yêu mến thiết thân.

Đến khi vua lâm trọng bệnh trên vương sàng, triều thần hỏi ngài:

- Tâu chúa thượng, khi chúa thượng băng hà, chúng thần sẽ trao chiếc lọng trắng cho ai?

Ngài đáp:

- Này các hiền khanh, các vương tử của ta đều có quyền được chiếc lọng trắng, song các khanh hãy trao nó cho người nào làm hài lòng các khanh.

Vì vậy sau khi ngài băng hà, và khi lễ tang đã được cử hành xong, vào ngày thứ bảy, quần thần tụ họp lại và bảo:

- Tiên vương ra lệnh cho chúng ta trao chiếc lọng trắng cho người nào làm vừa lòng chúng ta. Vậy người mà tâm chúng ta hằng ao ước chính là vương tử Samvara.

Cho nên đại chúng giương chiếc lọng trắng che lên đầu chàng cùng với các dây tua bằng vàng, và chàng được cả vương tộc hộ tống lên ngôi.

Đại vương Samvara tuân thủ lời khuyên răn của Bồ-tát nên cai trị rất đúng Chánh pháp.

Còn chín mươi chín vị vương tử hay tin vua cha từ trần và chiếc lọng trắng đã giương lên cho vương tử Samvara. Các vị bảo:

- Nhưng nó là em út trong nhà, chiếc lọng không thuộc về nó được. Chúng ta hãy giương chiếc lọng lên cho vị huynh trưởng của chúng ta.

Họ đều tập họp mọi lực lượng lại, và gởi thư đến Samvara, buộc chàng hoàn trả chiếc lọng nếu không thì sẽ giao chiến, sau đó các vị bao vây kinh thành. Vua báo tin này với Bồ-tát và hỏi phải làm gì bây giờ. Ngài đáp:

- Này đại vương, ngài không nên gây chiến với các vương huynh. Hãy chia bạc vàng của vua cha thành một trăm phần, rồi chín mươi chín phần đến các vương huynh cùng thông điệp này: "Xin hãy nhận phần tài sản của phụ vương vì tiểu đệ không muốn gây chiến với các vương huynh".

Vua liền làm như thế.

Sau đo vị huynh trưởng, thái tử Uposatha, triệu tập các vương tử kia lại bảo:

- Này các hiền đệ, không ai có khả năng chiến thắng vị vua này được, và đây lại là em út của ta. Mặc dù trước đây, đó là kẻ thù của ta, nay không phải như vậy nữa, mà em ta gởi vàng bạc đến chúng ta, không muốn gây chiến với chúng ta. Giờ đây chúng ta không thể nào cùng một lúc giương cao chiếc lọng lên cho mọi người được, chúng ta hãy giương lọng lên cho một người thôi,

hãy để một mình em út ta làm vua, vậy khi chúng ta gặp em ta, chúng ta sẽ giao trả vàng bạc của vương tộc cho em ta, và trở về thị trấn của mình.

Sau đó tất cả các vị ấy ngưng việc vây hãm kinh thành và đi vào trong thành, không còn là thù địch nữa. Vua bảo triều thần ra nghênh tiếp các vị và đại chúng đi đón các vương tử ấy. Các vương tử cùng đoàn tùy tùng đông đảo đi bộ vào, bước lên các bậc thềm của cung điện, hết sức khúm núm trước đại vương Samvara và ngồi xuống một chỗ thấp. Còn vua Samvara ngự trên ngai vàng dưới chiếc lọng trắng trông ngài thật uy nghi cao cả và rực rỡ huy hoàng; bất cứ nơi nào ngài nhìn đến, đại chúng đều rúng động toàn thân.

Thái tử Uposatha chiêm ngưỡng cảnh nguy nga lộng lẫy của đại vương Samvara, nghĩ thầm: "Ta chắc phụ vương ta biết rõ là vương tử Samvara sẽ làm vua sau khi ngài băng hà, nên ngài đã ban cho chúng ta các thị trấn mà chẳng cho vương đệ ta vùng nào cả". Sau đó chàng ngâm ba vần kệ nói với vua:

1. Quả xưa thánh thượng đã tinh tường,
Bản chất tính tình của đại vương,
Ân đã ban nhiều vương tử khác,
Đại vương lại chẳng được ban phần.
2. Chính là vương phụ lúc sinh thời,
Hay lúc thành tiên, đến cõi trời,
Vì thấy lợi nhiều cho quốc độ,
Nên vương tộc đã thuận theo lời.
3. Hãy nói lực gì, Sam-va-ra,

Đại vương vượt hẳn cả hoàng gia,
Sao vương huynh lại không đoàn kết,
Để chiếm ngôi cao của đệ à?
Nghe vậy vua Samvara ngâm sáu vần kệ giải thích đặc tính của ngài:

4. Ta chẳng bao giờ miễn cưỡng dâng
Những gì xứng với đại hiền nhân,
Sẵn sàng ban tặng đầy trân trọng,
Đảnh lễ, ta quỳ xuống dưới chân.
5. Ta chẳng tỵ hiềm, muốn học luôn
Mọi điều đức hạnh hợp công bằng,
Các hiền nhân dạy điều lương thiện
Trong ấy các ngài thấy lạc hoan.
6. Ta vẫn thường nghe sự bảo ban
Của nhiều bậc trí, đại hiền nhân,
Tâm hồn ta hướng về lương thiện,
Ta chẳng coi thường lời dạy răn.
7. Voi chiến cùng nhiều đạo mã xa,
Bộ binh và vệ sĩ vương gia,
Ta không hề bớt phần công nhật,
Mà trả tiền lương đủ mọi nhà.
8. Quý tộc danh gia vẫn đến hầu,
Quân sư tài trí thật là cao,
Họ thường khen ngợi rằng lương thực,
Quả thật Ba-la-nại rất giàu.
9. Thịnh vượng như vậy, các lái buôn,
Từ nhiều quốc độ tới lui luôn,
Ta che chở chúng - Này vương tử,
Sự thật, hiền huynh đã tỏ tường.
Thái tử Uposatha nghe kể rõ đức tính của vua liền ngâm hai vần kệ:

10. Đạo đức vượt hơn gia tộc mình,
Và em cai trị thật công bình,
Sam-va tài trí càng cao trọng,
Phục lạc ban đều các đại huynh.
11. Vương huynh rày bảo vệ kho tàng,
Vương đệ sau này sẽ vạn an,
Tránh khỏi quân thù như Đế Thích
Mình vàng tránh các La-hầu-vương.
Vua Samvara tiếp đãi các vương huynh rất trọng thể. Các vị ở lại cùng vua một tháng rưỡi, rồi bảo vua:

- Tâu đại vương, chúng thần muốn đi xem có trộm cướp nào đặt chân lên lãnh thổ của chúng thần chăng. Cầu mong triều đại này được vạn vạn phúc!

Các vị ấy lại ra về lãnh thổ của mọi người. Còn vua theo lời dạy của Bồ-tát, nên khi mạng chung, ngài đi lên cộng trú với hội chúng ở Thiên giới.

*

Khi bậc Đạo Sư chấm dứt Pháp thoại này, Ngài nói thêm:

- Này Tỷ-kheo, xưa kia ông đã theo lời dạy bảo, tại sao nay ông lại không tiếp tục nỗ lực tinh cần?

Rồi Ngài thuyết giảng các Sự Thật. Bấy giờ, lúc kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ-kheo đã được an trú vào Sơ quả (Dự Lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Thời ấy, Tỷ-kheo này là vua Samvara, Sàriputta (Xá-lợi-phất) là thái tử Uposatha, các vị trưởng lão và cao niên là các vương huynh kia, các đệ tử của đức Phật là đám tùy tùng của các vị ấy, và Ta chính là vị cận thần đã khuyến giáo vua.

-ooOoo-

463. Chuyện Trí Giả Suppàraka (Tiền thân Suppàraka)

Những người kia mũi nhọn như dao..,

Chuyện này bậc Đại Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên, về sự viên mãn của trí tuệ tối thắng.

Một ngày nọ, chúng ta nghe kể rằng về buổi tối, các Tỷ-kheo đang đợi đức Như Lai đến thuyết Pháp cho Tăng chúng, và trong lúc ngồi tại chánh pháp đường, các vị nói với nhau:

- Này Tỷ-kheo, quả thật bậc Đạo Sư có trí tuệ vĩ đại! Trí tuệ quảng bác! Trí tuệ mẫn tiệp, Trí tuệ linh hoạt! Trí tuệ tinh xảo! Trí tuệ uyên thâm! Trí tuệ Ngài đáp ứng đúng nơi đúng lúc! Trí bao la như thế giới, như đại dương vô tận, như bầu trời trải rộng mênh mông: khắp cả xứ Diêm-phù-đề không một bậc trí nhân nào có thể sánh bằng đấng Thập Lực, như một đợt sóng nổi lên trên đại dương không thể chạm đến bờ được, hoặc nếu chạm vào bờ, sóng kia sẽ vỡ tan. Cũng vậy, không một người nào có thể đạt đến trí tuệ bằng đấng Thập Lựic, hoặc nếu kẻ ấy đến chân bậc Đạo Sư thì sẽ vỡ tan.

Bằng những lời ấy Tăng chúng tán thán Trí tuệ tối thắng của đấng Thập Lục. Bậc Đạo Sư bước vào, và hỏi:

- Này các Tỷ-kheo, các ông đang nói gì trong khi ngồi đây?

Tăng chúng thưa với Ngài. Ngài bảo:

- Không phải chỉ bây giờ Như Lai mới đầy đủ trí tuệ. Ngày xưa ngay khi trí tuệ chưa viên thành Chánh giác, Ngài cũng đã sáng suốt thông minh. Mặc dù mù lòa, Ngài cũng

biết qua các dấu hiệu của đại dương là ở trong đại dương có chôn giấu các loại ngọc này nọ.

Sau đó Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ một vị vua mệnh danh Bharu trị vì trong quốc độ Bharu. Có một thị trấn bên hải cảng được đặt tên là Bharukacha hay là Đầm Bharu. Vào thời ấy, Bồ-tát sinh ra trong gia đình một thuyền trưởng ở tại đó, ngài rất khả ái, với làn da màu vàng nâu. Cha mẹ đặt tên ngài là Suppàraka- Kumàra.

Ngài lớn lên, xuất sắc khác thường, và ngay khi chỉ mới được mười sáu tuổi, ngài đã hoàn toàn tinh thông nghệ thuật hàng hải. Sau đó khi thân phụ mất, ngài cầm đầu đám thủy thủ và miệt mài với nghề hàng hải, ngài thật thông minh sáng suốt, khi ngài lên tàu rồi thì không hề có chiếc tàu nào đến làm hại được.

Theo thời gian, ngài bị thương vì nước mặn nên đôi mắt ngài mất cả thị giác. Sau sự kiện ấy, dù ngài là thuyền trưởng của đám thủy thủ, ngài không còn đeo đuổi sự nghiệp thương mãi nữa, mà quyết định về phục vụ vua, ngài đến yết kiến vua với mục đích ấy, và vua phong cho ngài chức hội thẩm đánh giá các báu vật. Từ đó ngài định giá trị các voi báu, ngọc báu và châu báu.

Một hôm, một con voi được đem trình lên vua, da voi màu đá đen, nên có thể được làm vương tượng. Vua liếc nhìn voi rồi ra lệnh đem nó đi đến trình diện với bậc trí giả. Quân hầu liền dẫn con vật đến gặp ngài. Ngài sờ tay lên khắp mình voi và bảo:

- Con voi này không xứng đáng làm quốc tượng. Nó có đặc tính của một con vật bị dị tật ở phía sau. Khi voi mẹ sinh ra nó, đã không đủ sức mang nó lên vai, nên để nó ngồi xuống đất, vì vậy nó bị tật nguyền ở chân sau.

Họ chất vấn những người đem voi đến, và bọn ấy trả lời rằng bậc trí giả đã nói đúng sự thật. Khi vua nghe nói chuyện kia, lòng rất hoan hỷ và ra lệnh ban cho bậc trí giả tám đồng tiền vàng.

Một ngày khác, người ta đem một con ngựa dâng lên để làm vương mã. Con vật này cũng được dẫn đến bậc trí giả. Ngài lấy tay sờ khắp mình ngựa rồi nói:

- Con vật này không thích hợp để làm vương mã cho đức vua ngự. Vào ngày nó sinh ra, ngựa mẹ chết đi, nên do thiếu sữa mẹ, nó không lớn lên đầy đủ.

Lời nói này của ngài cũng đúng sự thật nữa. Khi nghe được chuyện ấy, vua rất đẹp ý, phán bảo đem tặng ngài tám đồng tiền nữa.

Vào một ngày khác, một chiếc xe được đem đến để làm vương xa. Vua cũng đưa xe này đến ngài. Ngài lấy tay rờ khắp xe và bảo:

- Chiếc xe này được làm bằng gỗ rỗng, nên không thích hợp với đức vua.

Lời nói này của ngài cũng đúng như các lời khác. Vua lại một phen hài lòng khi nghe chuyện này, nên ban thêm cho ngài tám đồng nữa. Một lần nữa có người đem dâng vua

một tấm thảm quý có giá trị lớn, vua liền đưa nó đến ngài như lần trước. Ngài sờ khắp tấm thảm, rồi bảo:

- Ở đây có một chỗ mà con chuột đã cắn một lỗ.

Họ xem kỹ và thấy chỗ đó, liền tâu với vua. Vua đẹp ý lại bảo cho ngài tám đồng tiền nữa.

Lúc bấy giờ bậc trí giả mới suy nghĩ: "Chỉ được có tám đồng vàng để xem những việc kỳ diệu như thế đấy. Đây là món tiền tặng cho thợ hớt tóc, chắc hẳn vua này là cậu bé thường hớt tóc! Tại sao ta phải phụng sự một vị vua như thế chứ? Ta sẽ trở về nhà riêng của mình". Thế là ngài trở về hải cảng Bharukaccha và sống tại đó.

Lúc ấy có vài thương nhân chuẩn bị một chiếc thuyền và đang đi tìm một thuyền trưởng. Họ suy nghĩ: "Ngài Suppàraka thông minh kia là một bậc trí giả tài ba, có ngài trên tàu thì không con tàu nào đến hại nữa. Dù ngài mù lòa, bậc trí giả Suppàraka vẫn là người tuyệt hảo". Vì thế họ đi đến ngài và mời ngài làm thuyền trưởng.

- Này các hiền hữu - ngài đáp - ta mù rồi, làm sao lái thuyền các bạn được?

- Thưa Tôn giả, quả ngài mù thật đấy - các thương nhân bảo - song ngài là người tài giỏi nhất.

Vị họ cứ năn nỉ ngài mãi không ngớt nên cuối cùng ngài chấp thuận.

- Như các bạn đã nói với ta - ngài bảo - thì ta sẽ làm thuyền trưởng của các bạn.

Sau đó, ngài bước lên chiếc thuyền của họ.

Họ lái thuyền ra giữa đại dương. Suốt bảy ngày liền, thuyền đi không gặp rủi ro nào, rồi một ngọn gió trái mùa nổi lên. Thuyền trôi dạt bốn tháng trên vùng đại dương hoang dã, cho đến lúc vào được một nơi gọi là Biển Khuramàla (Bãi Dao nhọn hoắc). Tại đây loài cá có thân như người với mõm nhọn hoắc như lưỡi dao, nhào lộn dưới nước. Các thương nhân quan sát loài cá này, vừa hỏi bậc Đại Sĩ biển này tên gì, vừa ngâm vần kệ đầu:

1. Đám người kia mũi nhọn như dao,
Vừa nhảy lên cao, lại lộn nhào,
Hãy nói, Sup-pà, cho chúng bạn,
Biển này được biết với tên nào?
Bậc Đại sĩ nghe câu nói này, liền ôn lại trong trí các kiến thức thủy thủ của ngài, rồi đáp qua vần kệ thứ hai:

2. Này các thương nhân cảng Bhar-ka,
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,
Đây là biển cá Khu-ra đó,
Thuyền của các người đã lạc qua.
Lúc bấy giờ đại dương này có nhiều kim cương. Bậc Đại sĩ suy nghĩ rằng nếu ngài bảo chúng bạnđây là biển kim cương, họ sẽ làm chìm tàu do lòng tham hốt nhiều kim

cương. Vì thế, ngài không nói gì cả, song sau khi đưa thuyền đến, ngài lấy một sợi dây thừng và thả lưới xuống như thể bắt cá. Với dây này, ngài đã hốt được một mớ kim cương và dấu trong thuyền, rồi ngài lựa những thứ ít giá trị quăng xuống biển.

Chiếc thuyền đi qua vùng biển này, đến một biển khác tên là Aggimàla (Vùng Lửa cháy). Biển này tỏa ra ánh sáng như thể một ngọn lửa đang bừng cháy, như mặt trời đúng ngọ. Các thương nhân hỏi han ngài qua vần kệ:

3. Kìa đại dương như ngọn lửa hồng,
Như vầng nhật chiếu, bạn cùng trông,
Sup-pa, xin nói cho bè bạn,
Tên gọi là gì chốn đại dương?
Bậc Đại sĩ đáp lại họ qua vần kệ tiếp theo:

4. Này các thương nhân ở Bhar-ka,
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,
Đây là biển cả Ag-gi đó,
Thuyền của các người đã lạc qua.
Bấy giờ biển này chứa đầy vàng, cũng như trước, ngài lấy lên một mớ vàng và cất lên thuyền. Qua khỏi biển này con thuyền đi đến một biển cả tên là Dadhimàla (Vũng Sữa đông), óng ánh như sữa tươi hay sữa đông. Các thương nhân lại hỏi tên của biển qua vần kệ:

5. Kìa biển trắng phau giống sữa tươi,
Trắng như nhìn vũng sữa đông rồi,
Sup-pà, xin nói cùng bè bạn,
Tên gọi là gì của biển khơi?
Bậc Đại sĩ đáp lại chúng bằng câu kệ tiếp theo:

6. Này các thương nhân ở Bhar-ka,
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,
Đây là biển cả Da-dhi đó,
Thuyền của các người đã lạc qua.
Trong biển này có rất nhiều bạc. Ngài lấy bạc theo cách như trước, rồi cất lên tàu. Chiếc thuyền đi qua biển này và đến một đại dương tên là Nilavannakusamàla (Thảm cỏ Kusa), có hình dáng một thảm cỏ kusa đen nhánh (cỏ cát tường) hay một cánh đồng lúa. Các thương nhân lại hỏi tên biển qua vần kệ:

7. Kìa, biển xanh như cỏ cát tường,
Tưởng như nhìn đám lúa nàng hương,
Sup-pà, hãy nói cho bè bạn,
Tên gọi là gì của đại dương?
Ngài đáp lời qua vần kệ tiếp theo:

8. Này các thương nhân xứ Bhar-ka,

Đi tìm vàng bạc bán đường xa,
Đại dương đây chính Ku-sa đó,
Thuyền của các người đã lạc qua.
Bấy giờ trong biển này có rất nhiều ngọc bích quý. Cũng như trước, ngài lấy một mớ ngọc và cất trên thuyền. Qua khỏi biển này, con thuyền đi đến một biển tên gọi là Nalamàla (Bãi Lau sậy), có hình dáng một bãi lau sậy hay một rừng tre. Các thương nhân hỏi tên biển qua vần kệ:

9. Kìa đại dương như một khóm lau,
Khác nào ta thấy rặng tre đâu,
Sup-pà, hãy nói cho bè bạn,
Biển cả này tên gọi thế nào?
Bậc Đại sĩ đáp lại qua vần kệ sau:

10. Này các thương nhân xứ Bhar-ka,
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,
Biển này tên gọi Na-la đó,
Thuyền của các người đã lạc qua.
Bấy giờ biển này đầy san hô với màu khóm tre, ngài lại hốt một mớ đá quý này và cất lên tàu.

Sau khi đi qua biển Nalamàla, các thương nhân đến một biển có tên là Valabhàmukha (Lòng chảo). Ở đây nước rút đi và dâng lên một phía, và như vậy nước rút đi ở mọi phía và dâng lên trên các vách đá thẳng đứng để lại một vùng như thể cái hố sâu. Một đợt sóng dâng tràn lên một phía, khác nào một bức tường: tai lại nghe một tiếng gầm thét khủng khiếp, tưởng chừng làm thủng màng tai hoặc vỡ cả tim ra. Khi thấy cảnh này, các thương nhân kinh hoảng và hỏi tên biển qua vần kệ:

11. Này nghe tiếng thét thật kinh hoàng,
Từ biển cả kia thật dị thường!
Hố thẳm, hãy nhìn nhiều đợt sóng
Dâng lên dốc đứng tựa sườn non,
Sup-pà, hãy nói cho bè bạn,
Đây gọi tên gì của đại dương?
Bồ-tát đáp lại qua vần kệ:

12. Này các thương nhân xứ Bhar-ka,
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,
Va-la-bhà đại dương này đó,
Thuyền của các người đã lạc qua.
Ngài nói tiếp:

- Này các hiền hữu, một khi thuyền vào trong biển Valabhàmukkhi này thì không thể nào trở về được. Nếu thuyền này vào đó, nó sẽ chìm và tan nát.

Bây giờ có cả bảy trăm mạng người trên thuyền này, họ đều sợ chết; nên họ đồng thanh thốt lên một tiếng kêu vô cùng thảm thiết, chẳng khác nào tiếng kêu la của những kẻ đang bị đốt cháy trong chốn địa ngục tận cùng (Vô gián Địa ngục). Bậc Đại sĩ nghĩ thầm: "Trừ ta ra, không ai có thể cứu mạng họ được. Ta quyết cứu họ bằng một lời thề chân lý". Rồi ngài nói lớn:

- Này các hiền hữu, hãy mau mau tắm cho ta bằng nước hương thơm, mặc y phục mới cho ta, dọn ra một chén nước đầy và đưa ta đứng trước con thuyền.

Cả bọn vội làm như vậy. Bậc Đại sĩ cầm chén nước đầy bằng cả hai tay, và đứng trước mũi thuyền, thực hiện một lời nguyện cầu chân lý trong khi ngâm vần kệ cuối cùng:

13. Từ khi ta nhớ rõ về thân, Trí tuệ đầu tiên phát khởi dần,

Không một người nào ta sát hại,
Là điều ta đã biết tinh tường,
Nếu lời cầu nguyện này chân chánh,
Mong ước thuyền về chốn vạn an.

Bốn tháng qua con thuyền đã du hành trong những vùng biển xa xôi nay dường như được ban cho thần lực siêu phàm, nên chỉ trong một ngày nó trở lại hải cảng Bharukaccha, vào tận trên đất liền cho đến khi dừng lại trước cửa nhà của vị thuyền trưởng kia, sau khi nhảy vọt qua một khoảng chừng một ngàn một trăm cubit (1 cubit = 45cm). Bậc Đại sĩ phân phát cho đám thương nhân tất cả vàng bạc trân châu, san hô, kim cương và bảo:

- Số châu báu này là đủ cho các bạn rồi, vậy đừng du hành đường biển nữa.

Sau đó ngài thuyết Pháp cho họ và đến khi đã làm xong các việc bố thí và các thiện sự suốt đời, ngài đi lên cộng trú với hội chúng ở Thiên giới.

*

Sau khi chấm dứt Pháp thoại này, bậc Đạo sư bảo:

- Này các Tỷ-kheo, ngày xưa Như Lai cũng rất thông thái như bây giờ vậy.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Thời bấy giờ hội chúng của đức Phật là hội chúng thương nhân và Ta chính là Trí giả Suppàraka.

-ooOoo-

Chương XII Phẩm MườI Hai Bài Kệ

464. Chuyện Tiểu Vương Điểu Kùnala (Tiền thân Culla - Kanàla)

Chuyện này sẽ được kể trong Tiền thân Kunàla, số 536, tập VII.

-ooOoo-

465. Chuyện Sàla, Cổ Thụ Cát Tường (Tiền thân Bhadda-Sàla)

Ngài là ai đứng giữa không gian..,

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc thực hành thiện sự đối với họ hàng quyến thuộc của mình.

Tại Xá-vệ, trong nhà ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc) bao giờ cũng đầy đủ thực phẩm cho năm trăm vị Tỷ-kheo và tại nhà bà Visàkhà (Tỳ-xá-khư) hay cung vua Kosala cũng vậy. Nhưng trong cung vua, dù thực phẩm đầy đủ mỹ vị cao lương, vẫn không ai tỏ ra thân thiết với Tăng chúng. Do đó Tăng chúng không bao giờ ăn uống tại cung vua mà chỉ đem thực phẩm ra về dùng tại nhà ông Cấp Cô Độc hay bà Visàkhà hay một thân hữu nào đó.

Một ngày kia, vua bảo:

- Một tặng vật vừa được mang lại, hãy đem đến cho các Tỷ-kheo.

Rồi ngài bảo đưa nó đến trai đường, song họ tâu rằng không có Tăng chúng trong trai đường. Vua hỏi:

- Thế Tăng chúng đi đâu rồi?

Họ đáp:

- Tăng chúng đang ngồi ăn uống tại nhà các thân hữu.

Vì thế, sau khi dùng điểm tâm xong, vua liền đến yết kiến bậc Đạo sư, và hỏi:

- Bạch Thế Tôn, loại thực phẩm nào là tối thắng?

Ngài đáp:

- Thưa Đại vương, thực phẩm của bằng hữu là tối thắng, ngay cả món cháo thiu được thân hữu đem cho cũng trở thành ngon ngọt.

- Như vậy, bạch Thế Tôn, Tăng chúng tìm được tình bằng hữu ở những người nào?

- Thưa Đại vương, với các thân tộc của họ hay các dòng họ Thích-ca (Sakya).

Sau đó vua suy nghĩ giá như ngài chọn một thiếu nữ dòng Thích - ca làm chánh hậu, rồi Tăng chúng sẽ là thân hữu của vua, cũng như đối với thân tộc của Tăng chúng vậy.

Vì thế ngài đứng dậy trở về cung và gửi thông điệp đến thành Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) với mục đích này: "Hãy dâng cho trẫm một cô gái của quý quốc để làm cung phi, vì trẫm mong ước được kết thân với dòng họ của quí quốc".

Khi nhận được thông điệp này, cả dòng họ Thích-ca tập họp lại và thảo luận kỹ lưỡng:

- Chúng ta hiện sống trong một vùng thuộc quyền của vua Kosala, nếu ta từ chối việc gả con gái, ngài sẽ nổi giận, còn nếu ta đem dâng con, thì phong tục dòng họ của ta sẽ bị phá vỡ, vậy ta phải làm gì đây?

Lúc ấy vương tử Mahànàma bảo:

- Xin đừng bận tâm việc này. Ta có một đứa con gái tên là Vàsabhakhattiyà. Mẹ nó là một nô tỳ, tên là Nàgamundà, nay nó chừng mười sáu tuổi, dung sắc mỹ lệ khác thường và tướng mạo tốt lành, lại thuộc dòng dõi quý tộc (Sát-đế-ly) về bên phía họ cha. Chúng ta sẽ đem gả nàng như một cô gái chính thống quý tộc.

Dòng họ Thích-ca chấp thuận, và cho mời các sứ giả vào, bảo rằng dòng họ này sẵn sàng gả con gái trong gia tộc, nên các sứ giả có thể mang nàng về nước ngay. Song các sứ giả suy nghĩ: "Các vị Thích-tử này vô cùng kiêu mạn về vấn đề dòng họ. Giả sử như các ngài gả một cô gái không thuộc dòng họ của các ngài và cứ bảo là đúng thế thì sao? Chúng ta sẽ không nhận nàng nào trừ ra người cùng ngồi ăn chung với các ngài". Vì thế các sứ thần đáp:

- Được rồi, chúng thần sẽ nhận nàng. Song chúng thần sẽ chỉ nhận một nàng cũng ngồi dùng bữa với các ngài thôi.

Dòng họ Thích - ca sắp đặt một chốn ở cho các sứ thần, rồi băn khoăn không biết phải làm gì. Mahànàmà bảo:

- Bây giờ đừng bận tâm gì chuyện ấy nữa. Ta sẽ tìm cách. Vào giờ ta dùng bữa ăn, hãy đem Vàsabhakhattiayà, được phục sức thật lộng lẫy đến đây, rồi ngay khi ta đã ăn một miếng hãy đem đến một lá thư và nói: "Tâu chúa công, có vị vua kia gởi thông điệp đến chúa công, xin chúa công nghe thông điệp ngay bây giờ".

Hội chúng đồng ý và khi ông đang dùng bữa, họ phục sức và trang điểm cho cô gái kia. Mahànàmà bảo:

- Hãy đưa ái nữ ta vào và cho con ta cùng dùng bữa với ta.

- Xin chúa công đợi một lát - họ thưa - nàng đang được trang điểm thật tề chỉnh.

Và chẳng mấy chốc họ đưa nàng vào. Nàng mong đợi được dùng cơm với vua cha, nên đặt tay vào cùng một đĩa thức ăn với cha nàng. Mahànàmà đã lấy xong một miếng và đã đưa vào mồm; ông vừa đưa tay ra lấy miếng khác thì họ đem vào một bức thư và nói:

- Tâu chúa công, có vị vua kia gởi thông điệp đến cho chúa công, xin chúa công hạ cố nghe thông điệp ấy ngay bây giờ.

Mahànàmà bảo:

- Này con yêu quý, con cứ dùng cơm đi nhé.

Rồi tay phải ông vẫn để trong đĩa, tay trái vừa cầm lá thư vừa nhìn vào đó. Trong khi ông xem bức thông điệp kia, cô gái vẫn tiếp tục ăn cơm. Khi nàng đã ăn xong, ông rửa tay và súc miệng. Các sứ thần tin chắc chắn nàng là con gái vị vương tử này, vì họ không đoán ra điều bí ẩn.

Do vậy Mahànàmà tiễn đưa con gái ra đi vô cùng trọng thể. Các sứ thần đem ngay về Xá-vệ và bảo nàng này là con gái chính thức của vương tử Mahànàmà. Vua rất hoan hỷ, ra lệnh cả kinh thành trang hoàng thật đẹp rồi đặt nàng ngồi lên một đám châu báu

và cử hành lễ quán đảnh phong làm chánh hậu. Nàng được vua rất mực sủng ái.

Chẳng bao lâu hoàng hậu có thai, nên vua ra lệnh chăm sóc nàng thật chu đáo, và sau mười tháng nàng hạ sinh một hoàng nam, có màu da hoàng đồng. Và ngày đặt tên hài nhi, vua gửi chiếu thư đến tổ mẫu của ngài hỏi:

- Vàsabhakhattiyà đã sinh ra một hoàng nam, nàng là công chúa dòng họ Thích - ca, vậy sẽ đặt tên hài nhi là gì?

Lúc bấy giờ viên cận thần mang chiếu thư ấy hơi lãng tai, song lão cũng đi trình lại với bà tổ mẫu của vua. Khi bà nghe chuyện ấy, bà bảo:

- Ngay như khi Vàsabha chưa từng sinh ra một hoàng nam, nàng cũng đã là một người tuyệt thế, và nay nàng sẽ là ái hậu của vua.

Lão điếc này không nghe rõ tiếng "ái hậu" (Vallabhà) cho đúng, mà cứ tưởng bà bảo là "Vidùdabha", nên lão về yết kiến vua, tâu với ngài rằng phải đặt tên hoàng tử là Vidùdabha. Vua tưởng đây hẳn là tên của một gia tộc cổ sơ nào đó, nên đặt tên con là Vidùdabha.

Sau đó, hoàng tử ấy lớn lên được nuôi nấng đúng như cung cách của một hoàng tử. Khi hoàng tử lên bảy tuổi, thường quan sát các vương tử kia nhân được quà voi ngựa và nhiều đồ chơi khác ra sao từ các gia tộc bên họ mẹ, cậu bảo mẹ:

- Thưa mẹ, các trẻ kia đều được quà từ bên mẹ của chúng, song không ai gửi cho con quà gì cả. Vậy mẹ có phải là con côi không?

Lúc ấy nàng đáp:

- Này con, các tổ phụ của con là các vua dòng họ Thích-ca, song các ngài ở xa lắm, vì thế chẳng gởi gì cho con cả.

Một lần nữa, lúc được mười sáu tuổi, cậu hỏi:

- Thưa mẹ, con muốn đi thăm gia tộc của tổ phụ.

Nàng bảo:

- Thôi con đừng nói đến chuyện ấy nữa, con sẽ làm gì khi đến đó?

Song dù nàng thoái thác, cậu cứ năn nỉ xin nàng mãi, cuối cùng mẹ cậu bảo:

- Thôi được, con cứ đi.

Vì vậy cậu xin vua cha chấp thuận và lên đường cùng một đám tùy tùng. Vàsabha gởi thư về nhà trước khi cậu đến với ý định này:

- Con đang sống hạnh phúc ở đây, xin các Tôn giả đừng nói cho hoàng tử biết chuyện bí mật kia.

Song dòng họ Thích-ca khi hay tin Vidùdabha đến, liền cho các vương tử trẻ tuổi đi về vùng quê. Họ bảo nhau:

- Ta không thể đón tiếp thằng bé này trịnh trọng được.

Khi hoàng tử đến Ca-tỳ-la-vệ, dòng họ Thích-ca tập họp trong nhà nghỉ của vua. Vị hoàng tử đến gần nhà nghỉ ngồi đợi. Rồi bọn kia bảo cậu:

- Đây là ngoại tổ của con, đây là quốc cửu - họ vừa chỉ rõ từng vị.

Cậu đi đảnh lễ từng người nọ đến người kia, song mặc dù cậu đã cúi đầu chào toàn gia tộc đến mỏi cả lưng, chẳng ai chịu hạ cố chào lại cậu cả, vì thế cậu hỏi:

- Sao lại chẳng có ai trong gia tộc chào lại con cả thế này?

Gia tộc Thích-ca đáp:

- Này con, các tiểu vương tử đi về quê cả rồi.

Sau đó cả gia tộc thết đãi cậu rất trọng thể.

Sau vài ngày ở lại, hoàng tử trở về nhà cùng cả đoàn tùy tùng. Vừa lúc ấy một nô tỳ chùi chiếc ghế mà cậu đã dùng trong nhà nghỉ ấy với nước sữa, vừa nói nhục mạ:

- Đây là ghế ngồi của con trai nàng Vàsabhakhattiyà, nữ tỳ ấy mà.

Một người hầu bỏ quên cây giáo đang đi tìm, nghe thoáng lời lăng mạ hoàng tử Vidùdabha. Gã hỏi:

- Như thế nghĩa là gì?

Gã được kể cho biết là Vàsabha đã do một nữ tỳ sinh ra với vương tử Mahànàmà, dòng Thích-ca. Gã liền kể chuyện này cho quân lính nghe. Thế là tiếng huyên náo vang lên, cả đám đều la lớn:

- Vàsabha là con gái của một nô tỳ, chúng bảo thế đấy!

Vị vương tử này nghe chuyện ấy: "Được rồi" - cậu nghĩ thầm: "Mặc chúng cứ đổ sữa trên ghế ta ngồi để rửa nó đi. Khi ta lên ngôi, ta sẽ rửa chỗ ngồi bằng máu trong tim chúng".

Khi cậu trở về Xá-vệ, quần thần kể mọi chuyện với vua. Vua nổi cơn thịnh nộ với dòng họ Thích-ca vì đã đưa con gái của một nô tỳ về làm hoàng hậu của ngài, ngài truất hết các khoản tiền đã cấp phát cho Vàsabha và con trai nàng, chỉ còn những thứ vừa đủ với hạng gia nô mà thôi.

Vài ngày sau, bậc Đạo sư đến cung vua, và ngồi xuống tọa sàng. Vua đến gần Ngài đảnh lễ và nói:

- Bạch Thế Tôn, trẫm nghe rằng thân tộc của Ngài đưa con gái của một nô tỳ về cho trẫm làm hoàng hậu. Trẫm đã truất hết phần trợ cấp của chúng, và chỉ cho chúng những thứ dành cho nô tỳ mà thôi.

Bậc Đạo sư đáp:

- Tâu đại vương, dòng họ Thích-ca đã làm việc trái đạo! Nếu họ dâng con gái, đáng lẽ ra họ phải dâng một công chúa thuộc dòng huyết thống của họ kia. Song, thưa đại vương, Ta nói điều này, Vàsabha là con gái của vị vương tử, và trong cung điện của một vị vua

quý tộc Sát-đế-ly, nàng đã nhận lễ quán đảnh; còn Vidùdabha cũng là vương tử của một vị vua quý tộc Sát-đế-ly. Các bậc trí nhân ngày xưa đã bảo: Dòng họ mẹ nào có quan trọng, dòng họ cha mới là chuẩn mực. Với một người vợ nghèo khó, một người lượm củi, họ đã đưa lên địa vị chánh hậu, và vị vương tử do bà ấy sinh ra được nắm vương quyền tại Ba-la-nại, rộng mười hai dặm đã trở thành vua Kattha-Vàhana, hiệu là Tiều phu.

Do đó, Ngài kể cho vua nghe chuyện tiền thân Katthahàri (số 7 - Chuyện Nàng lượm củi).

Khi vua nghe bài thuyết giáo này, lòng rất hoan hỷ nhủ thầm: "Dòng họ cha là tiêu chuẩn đo lường một con người". Rồi vua lại ban những gì phù hợp cho hai mẹ con nàng như trước.

Lúc bấy giờ viên đại tướng quân của vua, là một người có tên gọi Bandhula. Vợ ông ta là Mallikà không sinh sản gì, nên ông sai đưa nàng đến tận Kusinàra, bảo nàng trở về với gia đình nàng. Nàng nói:

- Ta sẽ đi khi nào ta đã kính bái bậc Đạo sư.

Nàng đi đến Kỳ Viên vái chào đức Như Lai rồi đứng đợi một bên. Ngài hỏi:

- Bà đi đâu bây giờ?

Nàng đáp:

- Bạch Thế Tôn, chồng của con bảo đưa con về nhà.

Bậc Đạo sư hỏi:

- Vì cớ gì?

- Bạch Thế Tôn, vì con không sinh sản, con không có con trai.

Ngài đáp:

- Nếu chỉ có vậy, thì chẳng có lý do gì bà phải đi cả. Hãy về lại.

Nàng rất hoan hỷ kính chào bậc Đạo sư rồi trở về nhà. Chồng nàng hỏi tại sao nàng lại trở về, nàng đáp:

- Đấng Thập Lực bảo đưa thiếp trở lại, thưa phu quân!

Vị đại tướng nói:

- Thế thì đấng Thập Lực ắt hẳn đã thấy rõ lý do tốt lành rồi.

Chẳng bao lâu đó nàng thụ thai. Khi nàng bắt đầu những cơn thèm ăn của người mang thai, nàng bảo cho ông biết. Ông hỏi:

- Thế nàng muốn gì?

Nàng đáp:

- Thưa phu quân, thiếp muốn đi tắm và uống nước hồ ở thành Vesàli (Tỳ-xá-ly), nơi mà các hoàng gia thường lấy nước để làm lễ quán đảnh phong vương.

Vị đại tướng hứa sẽ cố gắng chìu ý. Cầm lấy cây cung của ông mạnh bằng cả ngàn cây cung khác, ông đưa bà vợ lên xe rời thành Xá-vệ và lái xe đến Tỳ-xá-ly.

Lúc bấy giờ gần cổng thành có một người của bộ tộc Licchavi tên là Mahàli đã từng được học cùng một vị sư phụ với đại tướng Bandhula của vua Kosala. Người này mù, vẫn thường khuyên các người Licchavi về những thế sự cũng như thánh sự. Khi nghe tiếng xe chạy lóc cóc trên ngưỡng cửa, ông nói:

- Đây là tiếng xe của đại tướng Bandhula! Ngày hôm nay các người Licchavi có mối lo sợ.

Bên hồ có một đội quân canh gác nghiêm ngặt, bên trong lẫn bên ngoài, ở trên lại có lưới sắt, không một con chim nào tìm chỗ lọt vào được. Song vị đại tướng, vừa xuống xe đã tung thanh kiếm ra khiến quân canh bỏ chạy và ông liền xông qua lưới sắt, vào trong hồ cho bà vợ tắm và uống nước, rồi sau khi chính ông cũng tắm xong, ông đưa Mallikà lên xe, rời thành và trở về bằng đường lối đã đến. Quân canh đi thưa chuyện với các người Licchavi. Lúc ấy các vương tử của bộ tộc Lichavi nổi giận, năm trăm vị leo lên năm trăm cổ xe, đi bắt tướng quân Bandhula. Họ báo tin ấy cho Mahàli, ông bảo:

- Đừng đi, vì kẻ kia sẽ giết hết các ngài đấy.

Song họ bảo:

- Không, chúng ta muốn đi.

- Vậy khi nào các ngài đến một nơi mà bánh xe lún xuống tận trục thì phải trở về. Nếu các ngài không trở về lúc ấy các ngài hãy trở về nơi mà các ngài nghe tiếng sấm sét. Nếu các ngài không trở về lúc ấy thì các ngài hãy trở về nơi mà các ngài thấy một cái lỗ ở phía trước các xe. Đừng đi xa nữa.

Song các người ấy không trở lại theo lời ông mà cứ đi tới mãi. Mallikà nhìn thấy họ và bảo:

- Thưa phu quân, có các cỗ xe xuất hiện kìa.

- Vậy hãy nói cho ta biết - ông bảo - khi nào tất cả bọn chúng trông giống như một cỗ xe mà thôi.

Khi tất cả bọn chúng đứng thành một hàng giống như một chiếc xe, nàng bảo:

- Thưa phu quân, thiếp thấy chúng giống như thể cái đầu của một cỗ xe mà thôi.

- Vậy hãy cầm lấy dây cương.

Vị tướng quân bảo và trao dây cương vào tay bà. Ông đứng dậy trên cỗ xe và giương chiếc cung ra. Bánh xe kia lún vào đất đến tận trục xe. Bộ tộc Licchavi đến tận nơi, thấy thế nhưng không trở lui về. Vị tướng quân kia tiến lên một đoạn nữa và bật dây cung

lên liền phát ra một tiếng ầm như sấm dậy. Nhưng đám kia vẫn chưa trở lui về mà cứ đuổi theo nữa. Bandhula đứng trên xe và bắn tên ra, mũi tên làm vỡ đầu cả năm trăm cỗ xe và xuyên qua cả năm trăm vương tử ở nơi có buộc dây đai rồi chôn vùi xuống đất. Các vị này không biết họ đã bị thương nên cứ tiếp tục đuổi theo nữa và la lớn:

- Dừng lại! Này, dừng lại!

Bandhula dừng xe lại, bảo:

- Các người chết cả rồi! Ta không đánh với người chết đâu!

Họ bảo:

- Sao, chúng ta thế này mà chết à?

Bandhula bảo:

- Hãy mở dây đai của người đầu tiên ra.

Bọn kia mở dây đai người ấy, ngay lúc mở dây ra, người kia liền ngã xuống chết luôn. Lúc ấy vị tướng quân bảo cả bọn:

- Các người đều bị như vậy cả, hãy về nhà đi, sắp đặt mọi việc gì cần sắp đặt, dặn dò vợ con gia tộc, rồi hãy cởi giáp bào ra.

Họ làm theo như vậy, xong đâu đó, cả bọn đều trút hơi thở cuối cùng.

Về sau, tướng Bandhula đưa Millikà về Xá-vệ. Bà sinh ra những cặp song nam liên tiếp mười sáu lần, chúng đều lớn lên dũng mãnh anh hùng, thành đạt trọn vẹn trong mọi việc. Mỗi người lại có cả ngàn quân tùy tùng và khi chúng theo cha vào chầu vua, riêng phần chúng đã đứng chật cả sân chầu.

Một ngày kia, một số người thua kiện vì bị vu cáo, thấy Bandhula đi đến, liền lên tiếng kêu than vang dậy, và bảo cho ông biết các quan tòa đã hỗ trợ một chuyện vu cáo. Vì thế Bandhula vào triều, xử lại vụ án rồi cho phần mỗi người như cũ. Đám đông hò reo tán thưởng. Vua hỏi việc gì và khi nghe vậy, ngài rất hoan hỷ. Ngài chuyển các quan tòa kia đi xa, giao cho Bandhula trọng trách xử án, từ đó ông xử rất công minh. Sau đó các quan tòa kia trở nên nghèo khó, ví họ không còn nhận hối lộ nữa, nên họ phỉ báng Bandhula đến tận tai vua, kết tội vị tướng quân này muốn nhắm chiếm ngai vàng; vua nghe lời họ, không sao tránh khỏi hoài nghi. Song vua suy nghĩ đắn đo: "Nếu lão ấy bị chết tại đây thì ta sẽ bị trách cứ".

Ngài liền ra lệnh cho một số người cướp phá các vùng thị trấn ở biên địa, rồi mời Bandhula đến và bảo:

- Biên thùy đang gặp khói lửa, khanh hãy cùng các công tử đi bắt bọn cướp kia.

Vua cũng đưa đi một số chiến sĩ dũng cảm, tài ba, rồi căn dặn họ giết cả vị tướng quân cùng ba mươi hai công tử kia, cắt lấy đầu đem về.

Khi ông lên đường, bọn cướp đánh thuê ấy biết tin đại tướng đến, liền bỏ chạy. Vị tướng quân định cư lập nghiệp cho dân khu vực ấy rồi dẹp yên thành phố xong lên

đường về. Sau đó khi ông đến gần kinh đô, các tùy tướng kia lại cắt đầu ông cùng các công tử.

Ngày hôm ấy Mallikà mời hai vị Đại đệ tử cùng với năm trăm vị Tỷ-kheo. Từ sáng sớm đã có thư đưa vào cho bà báo tin chồng bà và các công tử đã mất đầu. Khi nghe vậy bà không nói với ai một lời, bà nhét thư vào áo, và lo dọn bữa cơm mời chúng Tỷ-kheo. Khi các gia nhân của bà đã cúng dường cho các Tỷ-kheo xong, lại mang vào một chén đựng bơ tươi, vô ý làm vỡ cái chén ấy ngay trước Tăng chúng. Lúc ấy vị tướng quân Chánh pháp (Sàriputta) bảo:

- Chén bát được làm ra để đánh vỡ, xin bà đừng buồn phiền việc ấy.

Vị phu nhân đưa lá thư từ trong nếp áo ra đáp:

- Đây đệ tử được bức thư báo tin phu quân và ba mươi hai con trai của đệ tử đã bị cắt đầu. Nếu đệ tử không buồn phiền việc ấy, có lẽ nào lại buồn phiền khi cái chén bị đánh vỡ?

Vị Tướng quân Chánh pháp bấy giờ bắt đầu nói:

- Không được thấy, không được biết là đời người dưới đây...v.v...(Kinh tập, Kinh Mũi tên, kệ 574).

Rồi từ chỗ đứng dậy, ngài thuyết pháp và ra về.

Phu nhân liền triệu tập ba mươi hai nàng dâu lại bảo:

- Phu quân của các con mặc dù vô tội, đã thọ lãnh nghiệp quả đời trước. Các con đừng sầu bi, cũng đừng tạo ác nghiệp nặng hơn tội của vua.

Phu nhân khuyên nhủ như vậy. Bọn thám tử mật của vua nghe lời này, trình với vua rằng họ chẳng oán hận. Sau đó, vua ân hận đi đến nhà phu nhân cầu xin Mallikà và các con dâu của bà tha thứ và ban một điều ước. Bà đáp:

- Xin nhận.

Bà cử hành tang lễ xong, tắm rửa rồi đến yết kiến vua. Bà nói:

- Tâu Chúa thượng, Chúa thượng đã ban cho thần thiếp một ân huệ. Thần thiếp xin điều gì ngoài chuyện này: đó là xin Thánh thượng cho phép thần thiếp cùng ba mươi hai con dâu trở về nhà cha mẹ của mình.

Vua chấp thuận. Bà liền đưa mỗi nàng dâu về nhà cũ, xong chính bà cũng về nhà cha mẹ mình ở thành Kusinàra. Rồi vua phong chức đại tướng cho một vị Dìgha-Kàràyana, con trai của một bà chị đại tướng Bandhula. Song vị này đi đâu cũng vạch tội vua và bảo:

- Vua đã giết cậu ta.

Mãi lâu sau vụ giết hại vị tướng quân vô tội Bandhula ấy, vua cứ bị hối hận giày vò nên tâm hồn không còn thanh thản, ngài không cảm thấy hứng thú khi được làm vua nữa. Thời ấy, bậc Đạo Sư ở gần một thị trấn của dòng họ Thích-ca tên là Ulumpa. Vua đến đó

đóng trại không xa hoa viên ấy, và cùng vài cận thần đi đến tinh xá để đảnh lễ bậc Đạo Sư. Vua đem trao năm biểu tượng của vương quyền cho Kàràyana, rồi một mình đi vào Hương phòng. Mọi việc tiếp theo được mô tả như trong Kinh Dhammacetiya (Pháp Trang nghiêm, Trung bộ, số 89).

Khi vua bước vào Hương phòng của đức Phật, Kàràyana cầm lấy năm biểu tượng của vương quyền ấy và tôn Vidùdabha lên làm vua, chỉ để lại đó cho vua cũ một con ngựa và một nữ tỳ, rồi đi đến Xá-vệ.

Sau buổi đàm thoại vui vẻ với bậc Đạo Sư, vua trở về chẳng thấy binh sĩ đâu cả, ngài hỏi người nữ tỳ, và biết được mọi việc đã xảy ra. Rồi ngài đi đến kinh thành Vương Xá, quyết định đem theo người cháu trai cùng ngài đi bắt sống Vidùdabha. Khi vua đến kinh thành thì trời đã tối, cổng thành đã đóng, nên ngài nằm nghỉ trong một túp lều, bị đuối sức vì dãi dầu sương gió, ngài băng hà tại đó.

Khi đêm vừa sáng dần, cô nữ tỳ bắt đầu gào khóc:

- Trời ơi! Đại vương Kosala đã vô phương cứu chữa rồi!

Có người nghe tiếng kêu than liền đưa tin đến vua xứ ấy (tức Ajàtasattu). Vua này liền cử hành tang lễ cho cậu mình rất trọng thể.

Sau khi vua Vidùdabha an vị trên ngai vàng, nhớ lại mối thù xưa của mình và quyết định đi sát hại tất cả dòng họ Thích-ca. Với mục đích trên, vua lên đường cùng với đám đông binh sĩ. Sáng tinh sương hôm ấy, bậc Đạo Sư nhìn xuống cõi trần, thấy việc tàn sát kia đang hăm dọa thân tộc Ngài, Ngài nghĩ thầm: "Ta phải cứu độ thân tộc ta".

Vào buổi sáng, Ngài ra đi khất thực, và sau khi dùng bữa xong trở về an nghỉ với dáng nằm như sư tử trong Hương phòng của Ngài. Vào buổi chiều, sau khi đã bay qua không gian đến một nơi gần Ca-tỳ-la-vệ, ngồi dưới một gốc cây đổ bóng thưa thớt; gần đó, một cây đa khổng lồ rợp bóng sừng sững trên biên thùy vương quốc của vua Vidùdabha. Khi thấy bậc Đạo Sư, vua Vidùdabha đến gần đảnh lễ Ngài và nói:

- Bạch Thế Tôn, tại sao Thế Tôn lại ngồi dưới gốc cây thưa thớt như vậy trong bầu trời nóng nực này?

Ngài đáp:

- Thưa Đại vương, cứ để mặc Ta. Bóng cây của thân tộc Ta khiến cho Ta mát mẻ.

Vua suy nghĩ: "Chắc hẳn bậc Đạo Sư đến đây để che chở cho thân tộc Ngài".

Vì thế vua đảnh lễ bậc Đạo Sư rồi lại trở về Xá-vệ. Còn bậc Đạo Sư đứng dậy đi đến Kỳ Viên. Lần thứ hai vua nhớ lại mối hận thù của mình đối với dòng họ Thích-ca, lần thứ hai vua lên đường, cũng thấy bậc Đạo Sư ngồi đúng chỗ cũ, nên vua lại ra về.

Lần thứ tư vua ra đi, và bậc Đạo Sư, khi xem xét kỹ những nghiệp quả quá khứ của dòng họ Thích- ca, nhận thấy rằng không thể nào tránh được hậu quả của ác nghiệp kia trong việc họ đã thả thuốc độc xuống dòng sông, nên Ngài không đi đến đó lần thứ tư nữa. Lúc ấy vua Vidùdabha giết hết dòng họ Thích-ca, bắt đầu bằng những hài nhi

còn bú, lấy máu trong tim chúng và rửa cái ghế ngồi, rồi ra về.

Vào ngày mà bậc Đạo Sư ra đi lần thứ ba đã trở về, sau khi du hành khất thực, và đã dùng bữa xong, Ngài đang nằm nghỉ trong Hương phòng, Tăng chúng từ mọi nơi tụ tập trong Chánh pháp đường. Khi ngồi lại với nhau, Tăng chúng bắt đầu nói đến công hạnh của bậc Đạo Sư:

- Này các Hiền giả, bậc Đạo Sư chỉ cần xuất hiện và khiến cho vua lui về, là giải quyết cho thân tộc Ngài khỏi nỗi sợ chết. bậc Đạo Sư thật là một người bạn lành, hay cứu giúp gia tộc.

Bậc Đạo Sư đi vào, hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì trong khi ngồi tại đó. Tăng chúng thưa lại với Ngài. Sau đó, Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo. không phải chỉ bây giờ Như Lai mới hành động vì lợi ích của các người thân tộc, mà ngày xưa Như Lai cũng đã làm như thế.

Cùng với lời này, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, khi vua Brahmadatta trị vì Ba la nại, và thực hành Thập vương pháp (Mười đức tính của vua hiền), ngài nghĩ thầm: "Khắp cõi Diêm-phù-đề này, vua chúa đều sống trong các cung điện có nhiều cột trụ chống đỡ. Vậy một cung điện được nhiều cột trụ chống đỡ chẳng kỳ diệu gì, song nếu ta xây một cung điện chỉ có một trụ chống đỡ thì sao?...Lúc ấy ta sẽ thành vị đế vương bậc nhất giữa các vị vua!" Do vậy ngài triệu tập các nhà kiến trúc lại, bảo họ xây cất cho ngài một cung điện nguy nga chỉ dựng trên một cột trụ thôi. Họ thưa:

- Xin tuân lệnh.

Rồi họ đi sâu vào rừng. Tại đó, họ ngắm nghía nhiều cây thẳng tắp, cao lớn xứng đáng làm cây cột trụ duy nhất của một cung điện sang trọng như thế. Họ bảo nhau:

- Đây có đủ các cây loại này, song đường sá gồ ghề, ta chẳng bao giờ chở chúng theo được, vậy ta phải thỉnh ý đức vua về chuyện đó.

Khi họ tâu như vậy, vua đáp:

- Hãy dùng cái móc hay neo mà kéo chúng về, thế càng nhanh nữa.

Song họ thưa:

- Chẳng cái móc nào làm được việc này cả.

Vua phán:

- Vậy thì hãy tìm một cây trong thượng uyển của trẫm.

Các nhà xây dựng đi vào vườn ngự, tại đó họ nhìn thấy một cây Sàla dáng vương giả cao quý, thẳng tắp, cành là sum suê, vẫn được dân làng, thị trấn tôn sùng, ngay cả hoàng tộc cũng thườngđến chiêm bái, và dâng lễ vật. Họ liền tâu lại với vua. Ngài phán:

- Trong vườn ngự của trẫm kia, các khanh đã tìm ra cho trẫm một cây đại thọ. Tốt lắm! Vậy hãy đi đẵn nó xuống ngay.

Họ đáp:

- Xin tuân lệnh.

Họ đến khu vườn ngự, đôi tay cầm đầy các tràng hoa thơm và các hương liệu khác, sau đó treo lên cây một tràng hoa năm chùm, cuộn quanh thân cây một sợi dây thừng, buộc vào đó một bó hoa thơm, rồi vừa thắp hương đèn, vừa chiêm bái vừa khấn rõ:

- Từ nay đến bảy ngày nữa, chúng tôi sẽ đẵn cây xuống theo lệnh vua truyền. Cầu xin các Thần cư ngụ trên cây này hãy đi nơi khác, và đó không phải lỗi chúng tôi.

Vị thần sống trên cây nghe nói vậy, nghĩ thầm:

"Những người xây dựng này quyết đốn cây xuống và phá hoại chỗ cư ngụ của ta. Nay đời ta chỉ kéo dài bao lâu còn nơi cư trú này, có các thân quyến thuộc của ta cư trú thật đông, cũng sẽ bị phá hủy. Sự hủy hoại thân ta không quan trọng bằng sự tiêu giết đám con cháu ta. Vậy ta phải bảo vệ sinh mạng chúng."

Thế là vào lúc nửa đêm, với trang phục huy hoàng, uy nghi, vị Thần cây bước vào cung thất lộng lẫy của vua, chiếu ánh sáng rực rỡ khắp phòng và đứng khóc cạnh chiếc gối của vua. Ngài rất kinh hãi khi thấy vị thần, liền thốt lên vần kệ đầu:

1. Ngài là ai, đứng giữa không gian,
Mình khoác xiêm y tựa thánh thần,
Sao nỗi kinh hoàng kia phát khởi,
Mắt ngài sao đẫm lệ tuôn tràn?
Nghe vậy, vị chúa tể Thần cây ngâm hai vần kệ:

2. Ở trong quốc độ, hỡi quân vương,
Người biết danh cây: Đại Cát Tường,
Đã sáu mươi ngàn năm vẫn đứng,
Toàn dân đều cúng bái ta luôn.
3. Dù chúng dựng xây lắm thị thành,
Lâu đài vương xá, các cung đình,
Tuy nhiên, chúng chẳng hề phiền nhiễu,
Cũng chẳng gây tai hại thần linh,
Vì chúng tôn sùng ta đến thế,
Xin ngài, Chúa thượng cũng tôn vinh!
Tiếp theo, vua ngâm hai vần kệ khác:

4. Song một thân cây vĩ đại này,
Trẫm chưa hề thấy tự xưa nay,
Chu vi đẹp cả chiều cao nữa,
Hùng mạnh, một cây vững chắc thay.

5. Trẫm muốn xây nên mỹ lệ cung,
Chỉ cần độc nhất trụ làm chân,
Trẫm muốn đặt ngài vào chỗ đó,
Đời ngài không ngắn ngủi đâu Thần.
Nghe vậy, vị Thần chúa ngâm hai vần kệ:

6. Vì ngài mong muốn đẵn cây thần
Xin hãy chặt ta nhỏ mỗi phần,
Và xẻ thân này từng mảnh một,
Hoặc đừng gì cả, tấu Anh quân.
7. Hãy chặt trước tiên lấy đỉnh đầu,
Kế là phần giữa, gốc về sau,
Nếu ngài đốn được ta như thế,
Cái chết chẳng còn tạo khổ sầu.
Sau đó, vua lại ngâm hai vần kệ:

8. Trước hết chân tay, kế mũi tai,
Khi người lâm nạn chửa tàn hơi,
Cuối cùng thủ cấp này rơi xuống,
Cái chết này đau đớn rụng rời.
9. Cát Tường cổ thụ! Chúa sơn lâm!
Lạc thú gì ngài cảm thấy chăng?
Sao, lý do gì ngài ước muốn
Thân cây được xẻ nhỏ từng phần?
Đại thọ Cát tường liền đáp lời qua hai vần kệ:

10. Vì lý do nào cao cả thay,
Cớ sao ta muốn xẻ thân này,
Phân ra từng mảnh, tâu Hoàng thượng,
Xin lắng nghe lời ta nói đây.
11. Quanh ta phồn thịnh đám thân bằng,
Sinh trưởng nhờ nơi trú vẹn toàn,
Nếu ta ngã mạnh, đè tan chúng,
Nỗi đớn đau kia sẽ ngập tràn.
Vua nghe vậy xong, lòng đầy hoan hỷ: "Vị thần này thật cao cả thay, ngài không muốn quyến thuộc mình phải mất nơi trú ẩn do việc ngài mất chốn cư ngụ của riêng ngài. Thế là ngài hànhđộng vì lợi ích của thân tộc mình."

Và vua ngâm kệ cuối cùng:

12. Cát tường cổ thụ, Chúa rừng xanh!
Tư tưởng ngài cao cả thật tình,
Ngài muốn giúp thân bằng quyến thuộc,

Vậy trẫm cho ngài thoát hãi kinh!
Vị Thần chúa, sau khi thuyết giáo vua xong, liền ra đi. Còn vua an trú vào lời khuyên nhủ của ngài, bố thí và làm nhiều thiện sự khác cho đến khi vua mạng chung, đi lên cộng trú với các hội chúng ở cõi Trời.

*

Sau khi chấm duat Pháp thoại này, bậc Đạo Sư bảo:

- Này các Tỷ-kheo, như thế là Như Lai vẫn hành động vì lợi ích của thân bằng quyến thuộc mình.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy Ànanda là vua kia, các đệ tử của đức Phật là các thần trú thân trong các cây con của cây Sàla, và Ta chính là Cổ thụ Cát tường, vị Thần chúa.

-ooOoo-

466. Chuyện Thương Nhân Trên Biển Cả (Tiền thân Samudda - Vànijà)

Người thì gieo hạt, kẻ đi cày...,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể trong khi trú tại Kỳ Viên về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) khi ông bị đọa xuống địa ngục, kéo theo năm trăm gia đình bị đọa luôn.

Bấy giờ, lúc hai Đại đệ tử là Sàriputta (Xá-lợi-phất) và Moggallàna (Mục-kiền-liên) đưa các Tỷ- kheo đã theo vị ấy trở về cùng mình, Đề-bà-đạt-đa không thể nào chịu đựng khổ đau, nên đã khạc ra máu và sắp từ giã cõi đời, ông tự nhủ: "Trong chín tháng ròng ta đã nghĩ xấu về đức Như Lai, song trong tâm của đức Như Lai không hề có một ác ý đối với ta, trong tám mươi vị trưởng lão cũng không ai làm gì hại ta, bởi chính vì những hành động của ta mà ta thành kẻ bơ vơ lạc lõng, ta đã bị bậc Đạo Sư từ bỏ rồi, các Trưởng lão, Tôn giả La-hầu trưởng tộc, cùng tất cả hoàng tộc dòng họ Thích-Ca, nên ta muốn đến gặp bậc Đạo Sư và hòa giải với Ngài. "Vì thế ra hiệu cho các đệ tử, ông bảo họ mang ông trên chiếc cáng, rồi du hành suốt ngày đêm đến kinh thành xứ Kosala.

Trưởng lão Ànanda thưa với bậc Đạo Sư:

- Họ bảo rằng Đề-bà-đạt-đa đang đi đến làm hòa với đức Thế Tôn.

- Này Ànanda, Đề-bà-đạt-đa không được gặp ta đâu.

Khi ông đã đến thành Xá-vệ, Tôn giả lại thưa trình với bậc Đạo Sư, và đức Thế Tôn cũng trả lời như trước. Khi ông đến cổng Kỳ Viên và tiến về hồ Kỳ Viên, tội ác đã đến tột đỉnh; một cơn sốt nổi lên trong người khiến ông muốn tắm và uống nước, vì thế ông ra lệnh cho họ đưa mình ra khỏi cái cáng để có thể uống nước. Khi ông vừa bước xuống và đứng trên mặt đất thì, trước khi ông có thể giải khát cho mình, quả đất rộng há miệng ra, một ngọn lửa phát xuất từ địa ngục tận cùng Avìci (A-tỳ hay Vô gián) bao phủ lấy ông. Trong lúc biết các ác nghiệp của mình đã lên đến cực điểm, cùng nhớ lại các công đức của Như Lai, ông ngâm vần kệ này:

Nắm xương này đem đến Tối thượng Nhân,
Bậc Toàn tri, đây trăm tướng tốt lành,
Bậc điều ngự tâm người, hơn Thiên chủ,
Tâm trí ta bay về Ngài Giác Ngộ.
Song chính ngay trong hành động tìm nơi an trú này mà ông bị đọa vào ngục A-tỳ và có năm trăm gia đình của các đồ đệ ông, những gia đình đã theo ông phỉ báng đấng Thập Lực (Dasabala) gièm

pha ngài, nên cũng tái sinh vào ngục A-tỳ. Như thế ông xuống địa ngục A-tỳ, kéo theo mình cả năm trăm gia đình.

Vì vậy một ngày kia, Tăng chúng nói chuyện trong Chánh pháp đường:

- Này Hiền hữu Tỷ-kheo, Đề-bà-đạt-đa ác độc vì tham lợi dưỡng đã vô cớ khởi lên lòng sân hận với bậc Chánh Đẳng Giác và không biết đến nỗi kinh hoàng trong tương lai, nên cùng với năm trăm gia đình đọa xuống địa ngục. Bậc Đạo Sư bước vào hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì. Hội chúng liền thưa lại Ngài. Ngài bảo:

- Này cácTỷ-kheo, Đề-bà-đạt-đa vì ham lợi dưỡng và danh vọng nên không nhìn thấy những mối kinh hoàng trong tương lai, và ngày xưa cũng như bây giờ, vì không nhìn thấy những nỗi khủng khiếp trong tương lai mà kẻ ấy cùng các đệ tử tham muốn lạc thú hiện tại, nên phải chịu hoàn toàn hủy diệt.

Nói vậy xong, Ngài kể cho Tăng chúng nghe một chuyện quá khứ.

*

Một thời, khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba la nại, gần thành Ba la nại có một thị trấn lớn của các người thợ mộc, gồm một ngàn gia đình, những thợ mộc từ thị trấn này thường tự xưng là họ đóng giường, ghế, nhà cửa và thường sau khi nhận tiền trước của dân chúng, lại tỏ ra không có năng lực để làm gì được cả. Dân chúng thường trách mắng bất cứ người thợ mộc nào tình cờ họ gặp mặt và gây trở ngại cho bọn họ. Vì thế bọn người mắc nợ này gặp phiền nhiễu đến độ không thể nào sống yên ở đấy được nữa. Bọn họ bảo nhau:

- Chúng ta hãy đi ra xứ khác và kiếm một nơi nào đó ẩn thân.

Thế là họ vào rừng, đẵn cây, làm thuyền lớn phóng xuống sông đẩy thuyền ra khỏi thị trấn khoảng chừng ba phần tư dặm, thì kéo thuyền vào bờ. Sau đó vào nửa đêm, họ trở về thị trấn tìm gia đình mình đưa lên thuyền rồi xuôi dòng tiến ra biển cả. Họ gặp thuận buồm xuôi gió cho đến khi cập vào một hòn đảo nằm giữa đại dương.

Lúc bấy giờ trên đảo ấy đã mọc lên nhiều loại cây rừng có trái như lúa gạo, cây mía, chuối, xoài, mận, mít, dừa và đủ các loại khác nữa. Trước bọn ấy đã có một người bị đắm tàu và chiếm lấy đảo này. Sống tại đó, ăn lúa gạo và thưởng thức cây mía cùng các loại cây khác, nhờ thế gã trở thành lực lưỡng cường tráng, gã sống trần truồng, râu tóc dài ra. Bọn thợ mộc suy nghĩ: "Nếu đảo có loài quỷ ở thì bọn ta chắc phải chết hết; vì vậy ta muốn thám hiểm xem sao."

Sau đó bảy thanh niên dạn dĩ lực lưỡng, trang bị năm thứ vũ khí, rời thuyền đi thám hiểm đảo này.

Ngay lúc ấy người sống sót trên đảo vừa ăn sáng xong, uống nước mía và trong lúc sảng khoái nằm dựa lưng trên một nơi xinh tươi, mát mẻ dưới bóng cây trên bãi cát lấp lánh như một cái đãi bạc, gã suy nghĩ: "Những người sống ở cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ) không thể có được niềm hạnh phúc này, những người cày cấy kia, còn hòn đảo này đối với ta tuyệt hơn cả cõi Diêm-phù-đề nữa." Gã liền vui mừng trong niềm cực lạc ấy.

*

Bậc Đạo Sư ngâm vần kệ đầu để giải thích người sống trên hoang đảo này ca hát vì niềm hoan lạc như thế nào:

1. Người thì gieo hạt, kẻ đi cày,
Sống với mồ hôi ở cuối mày,
Chúng chẳng hưởng vùng ta được sống,
Hơn xa Ấn Độ chính nơi này!
*

Những người đi thám thính hòn đảo bắt gặp tiếng hát của gã, bảo nhau:

- Hình như ta nghe tiếng người, ta hãy đến làm quen với người đó.

Theo tiếng hát họ đi đến gặp người kia, nhưng vẻ bề ngoài của gã làm họ kinh hãi. Họ kêu lên:

- Có phải quỷ đó chăng?

Rồi họ tra mũi tên vào cây cung. Khi người kia thấy họ, gã sợ bắn bị thương nên la to:

- Ta không phải quỷ đâu, ta là người đấy, các ông ơi, xin tha mạng cho ta.

- Sao? - Họ bảo - Người ta lại trần truồng và không có gì bảo vệ như người ư?

Họ hỏi đi hỏi lại mãi, cũng chỉ nhận được câu trả lời ấy, rằng gã là con người. Cuối cùng họ đến gần gã và mọi người trò chuyện vui vẻ với nhau, những kẻ mới đến hỏi gã làm sao đến đó được. Gã kể cho họ nghe sự thật về việc này. Gã bảo:

- Do thiện nghiệp của các bạn mà các bạn đã đến đây, đảo này là phần thưởng của các bạn. Đây là đảo tuyệt hảo. Ở đây các bạn không cần làm việc với đôi tay để sinh sống, gạo mía và các loại cây khác ở đây có vô tận, tất cả đều mọc hoang. Các bạn sống ở đây không còn lo ngại gì nữa.

Họ hỏi:

- Có gì khác cản trở cuộc sống của ta ở đây chăng?

- Không sợ gì cả trừ một điều: đảo này có loài quỷ dữ, lũ quỷ này sẽ nổi giận khi thấy phân thải ra từ cơ thể các bạn; vậy khi bạn muốn đại tiện, hãy đào lỗ trong cát chôn đi. Đó là mối nguy hiểm duy nhất, ngoài ra không còn gì nữa, chỉ nhớ luôn luôn cẩn thận điều này.

Sau đó họ lên cư ngụ trên đảo này. Song giữa đám một ngàn gia đình này, có hai người cai thợ, mỗi người dẫn đầu năm trăm gia đình trong đó, một kẻ ngu si tham ăn món thượng hạng, người kia khôn ngoan và không thích chiếm phần ưu thắng trong mọi sự đời.

Theo thời gian họ tiếp tục sống tại đó, tất cả đều thành lực lưỡng cường tráng. Sau đó bọn họ suy nghĩ: "Lâu nay chúng ta không vui chơi gì cả, ta muốn làm một ít rượu mạnh với nước mía". Vì thế

họ làm rượu mạnh, và say sưa, ca hát, nhảy múa, vui đùa. Sau đó họ vô ý đi đại tiện bừa bãi khắp nơi mà không chôn dấu đi, nên họ đã làm cho hòn đảo hôi hám thật ghê tởm. Các thần linh tức giận vì bọn người này làm nơi giải trí vui chơi thành ô uế.

Các thần bàn tính kỹ lưỡng:

- Chúng ta sẽ dâng nước biển trên đảo để rửa sạch đảo này chăng? Nay là nửa tháng tối trời, cuộc hội họp của ta phải đình hoãn lại. Được rồi, vào ngày thứ mười lăm kể từ nay, vào ngày đầu tiên trăng tròn, vào giờ trăng mọc, chúng ta sẽ dâng nước biển lên và tận diệt chúng

Như vậy các thần đã định ngày. Lúc này một vị Thần công chính trong đám ấy suy nghĩ: "Ta không muốn các người này chết trước mắt ta." Vì thế do lòng từ mẫn, vào lúc bọn người đang ngồi trước cửa trò chuyện vui vẻ, sau buổi cơm chiều, vị này làm cho toàn hòn đảo sáng lòa, với phục sức đầy vẻ huy hoàng, đứng trên không hướng về phía Bắc và nói với bọn họ như vầy:

- Này các thợ mộc, các thần linh nổi cơn thịnh nộ vì các ông. Đừng sống ở đây nữa, vì trong nửa tháng kể từ nay các thần sẽ dâng nước biển lên giết hết các ông đó. Vậy phải trốn khỏi nơi này.

Rồi Ngài ngâm vần kệ thứ hai:

2. Trong hai tuần nữa thấy tròn trăng,
Từ biển này dâng ngọn sóng thần
Tràn ngập đảo to này: Hãy vội
Di cư để khỏi hại người dân.

Cùng với lời khuyên này vị ấy trở về nơi ở của mình. Khi vị ấy đi rồi, một vị thần bạn là một hung Thần, suy nghĩ: "Có lẽ dân chúng sẽ theo lời vị ấy khuyên mà trốn hết, còn ta muốn cản trở việc chúng đi, để làm cho chúng phải tiêu diệt hoàn toàn." Vì vậy vị Thần này trang điểm thật huy hoàng, tỏa ra một luồng ánh sáng lớn, bao trùm khắp hòn đảo ấy, và đến gần đại chúng, đứng trên không hướng về Nam, trong khi ông hỏi:

- Có một vị thần vừa đến đây chăng?

Họ đáp:

- Thưa có.

- Vị ấy nói gì với ông?

Họ đáp:

- Tâu Thần chúa biển cả, những việc như vầy như vầy.

Lúc ấy vị Thần bảo:

- Vị Thần này không muốn các ông sống ở đây, nên đã nói thế trong cơn thịnh nộ. Vậy đừng đi nơi khác, mà cứ ở lại đây.

Cùng với những lời này, vị Thần ngâm hai vần kệ:

3. Theo nhiều dấu hiệu đã nêu rằng
Dân chúng nghe tin đợt sóng thần
Sẽ chẳng hề tràn lên đảo lớn,
Vui lên đừng sợ, chớ đau buồn.
4. Các ông gặp chốn rộng nơi đây,
Các thức uống ăn lại đủ thay,
Ta thấy chẳng gì nguy, cứ hưởng
Đến đời sau, lạc thú như vầy.
Sau khi nói vậy qua hai vần kệ để làm nhẹ nỗi lo âu của dân chúng, Thần này ra đi. Khi ông đi rồi, người thợ mộc ngu si cất cao giọng lên, và không để ý đến lời nói của vị Thần công chính, gã kêu lên:

- Xin quý ngài nghe theo ta.

Gã nói với mọi người thợ mộc bằng cách ngâm vần kệ thứ năm:

5. Từ hướng Nam, Thần ấy hét vang,
Chúng ta nghe: "Vạn sự bình an",
Từ Thần này nói là thật,
Sợ hãi, hay không phải hoảng hồn,
Vị Bắc thần kia nào có biết,
Vui lên đừng sợ, chớ lo buồn!
Khi nghe gã nói, năm trăm người thợ mộc tham hưởng lợi lạc muốn nghe theo lời khuyên của gã ngu si đó. Song lúc ấy người thợ mộc khôn ngoan không chịu nghe theo gã, và vẫn nói với đám thợ mộc, vừa ngâm bốn vần kệ:

6. Khi nói ngược nhau, nhị hải Thần,
Một kêu sợ hãi, một an toàn,
Nghe lời ta dặn, e giây lát
Tất cả người đây chết cả đoàn.
7. Ta cùng xây một đại thương thuyền,
Thuyền lớn, hành trang cất hết lên,
Nếu vị Nam thần này nói thật,
Thần kia nói nhảm nhí quàng xiêng;
8. Khi cần, thuyền sẽ ích cho ta,

Ta chẳng rời ngay đảo ấy mà,
Song nếu Bắc thần kia nói đúng,
Thần Nam chỉ nói chuyện điên rồ,
Ta cùng lúc ấy lên thuyền cả,
Nơi có bình an, sẽ vội qua,
9. Đừng xem ưu, liệt, chuyện vừa nghe,
Ai để lọt tai cả mọi phe,
Xét kỹ, rồi theo phần chính giữa,
Bến bình an nhất, kéo neo về.
Sau đó người ấy lại nói:

- Này bây giờ, chúng ta hãy nghe theo lời cả hai vị Thần ấy. Ta hãy đóng thuyền, rồi nếu lời của vị thần thứ nhất là đúng sự thật, ta sẽ leo lên thuyền và ra đi; và nếu lời vị thần thứ hai đúng thì ta sẽ cất thuyền chỗ khác và ở lại đây.

Khi người ấy nói vậy xong, người thợ mộc ngu si bảo:

- Anh cứ đi mà xem con cá sấu nằm trong chén trà! Anh thật quá ư chậm trí! Vị Thần thứ nhất nói như vậy vì tức giận chúng ta, còn vị thứ hai nói vì thương yêu chúng ta. Nếu ta rời hòn đảo tuyệt hảo này, thì ta sẽ đi đâu nữa? Song nếu anh cần phải đi thì cứ đi mà đóng thuyền, bọn ta không cần thuyền, bọn ta ở đây!

Người thợ mộc khôn ngoan cùng những người theo phe mình, đóng một con thuyền, đặt mọi hành trang lên thuyền, rồi cả bọn đứng vào thuyền. Sau đó vào ngày trăng tròn, đúng lúc trăng mọc, từ đại dương dâng lên một ngọn sóng bao phủ khắp hòn đảo đến tận đầu gối, khi người khôn ngoan ấy thấy đợt sóng dâng lên thì vội thả thuyền ra. Bọn người theo phe người thợ ngu si gồm năm trăm gia đình, cứ ngồi bảo nhau:

- Một ngọn sóng đã dâng lên trên đảo. Nhưng nó sẽ không cao hơn đâu.

Sau đó sóng biển dâng cao lên thắt lưng, rồi cao bằng đầu người, cao tận ngọn cây dừa, rồi bảy cây dừa, rồi phủ lên khắp hòn đảo. Con người nhiều mưu trí ấy, biết đủ phương cách, không than lam các tài vật, nên đã ra đi an toàn; còn người thợ ngu si tham của cải, không thấy nỗi kinh hoàng trong tương lai nên đã bị tiêu hủy cùng năm trăm gia đình nọ.

*

Và ba vần kệ nữa đầy tính cách giáo hóa, để làm sáng tỏ vấn đề trên, là kệ phát xuất từ Trí tuệ Tối thắng:

10. Do nghiệp làm, như giữa đại dương, Nên người trí hiểu điều sâu kín, Chẳng phạm ngày sau lỗi cỏn con.

11. Kẻ ngu, khờ dại nuốt tham lam,
Chẳng hiểu tương lai hiểm họa tràn,
Chìm ngập trước nhu cầu hiện tại,

Như người tận số giữa trùng dương.
12. Hãy làm xong việc trước khi cần,

Đừng để túng cùng phải khổ thân, Ai đúng thời làm điều thiết yếu, Chẳng hề lâm cảnh ngộ đau buồn.

*

Khi bậc Đạo Sư đã chấm dứt Pháp thoại này, Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu tiên, mà cả ngày xưa nữa, Đề-bà-đạt-đa đã bị mắc vào bẫy dục lạc hiện tại mà không nhìn thấy tương lai, nên đã gặp hủy diệt cùng đồng bọn của kẻ ấy.

Nói xong, Ngài nhận diện Tiền thân:

- Thời bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa là người thợ mộc ngu si, Kokàlika là vị ác Thần đứng ở phương Nam, Sàriputta (Xá-lợi-phất) là vị Thần đứng ở phương Bắc và ta chính là người thợ mộc có trí khôn ngoan kia

-ooOoo-

467. Chuyện Dục Tham (Tiền thân Kàma)

Người nào mong ước việc trong lòng...,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú ngụ tại Kỳ Viên về một Bà-la-môn trú ở Xá-vệ, lúc ấy đang đốn cây bên bờ sông Aciravatì để trồng trọt cày cấy. Bậc Đạo Sư nhìn thấy rõ nghiệp duyên của vị này (về khả năng tu tập) khi Ngài đến Xá-vệ để khất thực, Ngài liền bước ra khỏi con đường đang đi để nói chuyện ân cần với ông. Ngài hỏi:

- Này Bà-la-môn, ông đang làm gì đó?

Người ấy đáp:

- Thưa Sa-môn Gotama, tôi đang đốn cây ở một khoảng trống để trồng trọt.

Ngài bảo:

-Tốt lành thay, này Bà-la-môn, ông tiếp tục công việc đi.

Cứ nhu vậy bậc Đạo Sư đi đến nói chuyện với ông khi các thân cây đốn xong lại được mang đi nơi khác, và người kia dọn sạch mẫu đất của mình, và Ngài lại đến vào lúc cày cấy, hoặc lúc đào những hố vuông nhỏ để lấy nước. Bấy giờ vào ngày gieo hạt, vị Bà-la-môn hỏi:

- Thưa Tôn giả Gotama, hôm nay là ngày Lễ hạ điền (Lễ Cày bừa) của tôi. Khi bắp chín, tôi sẽ cúng dường nhiều cho Tăng chúng được đức Phật cầm dầu.

Bậc Đạo Sư nhận lời cúng dường của ông và ra đi. Một ngày khác Ngài lại đến và thấy người Bà- la-môn đang ngắm đám bắp ấy. Ngài hỏi:

- Này Bà-la-môn, ông đang làm gì đó?

- Thưa Tôn giả Gotama, tôi đang ngắm đám bắp.

- Này Bà-la-môn, tốt lắm!

Bậc Đạo Sư nói rồi đi thẳng.

Lúc ấy Bà-la-môn suy nghĩ: "Tôn Giả Gotama vẫn thường đi qua đường này lắm thay! Chắc chắn Ngài cần thực phẩm. Được ta sẽ cúng dường thức ăn cho Ngài."

Vào ngày ý tưởng này xuất hiện trong trí ông, khi về nhà, ông cũng thấy bậc Đạo Sư đến nữa. Từ đó trong lòng vị Bà-la-môn khởi lên một niềm tín thành kỳ diệu.

Dần dần, bắp đã chín, vị Bà-la-môn quyết định ngày mai sẽ gặt. Nhưng khi ông ngủ trên giường thì ở khoảng đất trên sông Aciravatì, mưa trút xuống như chĩnh đổ: lũ lụt kéo đến mang theo cả mùa màng ra biển, vì thế không còn sót một cây nào. Khi cơn lũ đã rút, vị Bà-la-môn thấy hoa màu bị tàn phá, nên không còn sức mà đứng nữa, tay ông cứ ôm ngực vì quá đau khổ, ông vừa khóc vừa về nhà, nằm xuống kêu than. Buổi sáng bậc Đạo Sư đã thấy vị Bà-la-môn này tràn ngập khổ đau, Ngài suy nghĩ: "Ta sẽ là nơi nương tựa của người Bà-la-môn."

Thế là hôm sau, khi đã đi khất thực quanh Xá-vệ rồi, Ngài trở về từ nơi thọ dụng thức ăn, bảo các Tỷ-kheo lui về tinh xá rồi chính Ngài cùng một tiểu thị giả đi với Ngài đến nhà ông. Khi vị Bà-la- môn nghe Ngài đến, thì lòng hoan hỷ, nghĩ thầm: "Chắc hẳn vị hiền hữu của ta đến để nói chuyện thân mật." Ông mời Ngài ngồi; bậc Đạo Sư bước vào ngồi trên một tọa sàng đã định sẵn và hỏi:

- Này Bà-la-môn, tại sao ông nản lòng? Việc gì xảy ra khiến ông bất mãn?

- Thưa Sa-môn Gotama, từ lúc tôi đến đây trên bờ sông Aciravati, Ngài cũng đã biết tôi làm gì rồi. Tôi đã đi đây đó, và hứa cúng dường Ngài khi hoa màu chín, nay cơn lụt đã cuốn trôi hết mọi hoa lợi ra biển, chẳng còn lại gì cả. Bắp ngô bị thiêu hủy cả đến trăm cỗ xe, vì thế tôi đang sầu khổ lắm đây.

- Này, của mất mát có thể trở lại nhờ than khóc không?

- Thua Sa-môn Gotama, nó không trở lại được.

- Nếu vậy tại sao sầu khổ? Sự giàu sang của người đời hay thóc lúa, khi còn đó thì chúng có mặt, và khi mất rồi thì thôi. Chẳng có vật hữu hình nào không chịu hoạt diện, thôi ông đừng sầu muộn vì nó nữa.

An ủi ông như thế xong, Ngài nhắc lại Kinh Tham dục (Kinh Tập IV, kệ 766) vì thích hợp với hoàn cảnh này. Khi Ngài kết thúc bài Kinh Tham dục ấy, vị Bà-la-môn buồn khổ đã được an trú vào Sơ quả Dự lưu. Sau khi làm tan biến nỗi buồn của ông, bậc Đạo Sư đứng dậy từ chỗ ngồi và trở về tinh xá. Cả thị trấn đều nghe tin bậc Đạo Sư đã đi tìm Bà-la-môn đang bị đau đớn hành hạ như thế nào rồi an ủi ông và an trú ông vào quả Dự Lưu ra sao. Tăng chúng nói đến việc ấy tại Chánh pháp đường:

- Này các Hiền giả, đấng Thập Lực đã kết bạn với một vị Bà-la-môn, ngày càng thân thiết, đã tạo cơ hội thuyết Pháp cho ông, đang lúc ông gặp cơn đau khổ xé nát cõi lòng.

Ngài an ủi cho vơi niềm đau khổ rối an trú ông vào quả Dự Lưu.

Bậc Đạo Sư bước vào, và hỏi:

- Náy các Tỷ-kheo, các ông đang nói chuyện gì khi ngồi lại đây?

Tăng chúng thưa lại với Ngài. Ngài đáp:

- Đây không phải là lần đầu tiên, này các Tỷ-kheo, mà ta chữa lành nỗi đau buồn của kẻ ấy, song ngày xưa, đã lâu lắm, Ta cũng làm như vậy.

Và cùng với những lời này. Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thời, vua Brahmadatta trị vì ở Ba la nại có hai vương tử. Ngài phong chức phó vương cho thái tử, còn vị thứ hai làm đại tướng quân. Sau đó khi vua Brahmadatta băng hà, triều thần phải phong vương cho thái tử bằng nghi lễ quán đảnh. Song chàng bảo:

- Ta chẳng màng giang sơn quốc độ, hãy để vương đệ ta trị nước.

Đại chúng van xin cầu khẩn thái tử, song chàng chẳng muốn chuyện đó, nên vị vương đệ được quán đảnh phong vương. Thái tử cũng không màng ngôi vị phó vương hay chức tước gì cả, khi triều thần xin chàng ở lại, sinh sống trên mảnh đất trù phú này, chàng đáp:

- Không, ta không làm gì được trong kinh thành này cả.

Rồi chàng ra đi, rời khỏi Ba la nại, chàng đến vùng biên địa và sống với một gia đình thương gia giàu có, làm việc bằng đôi tay của mình. Những người này sau một thời gian biết được chàng là thái tử, nên không để cho chàng làm việc nữa, họ hầu hạ chàng như thể một vương tử phải được cung phụng vậy.

Bấy giờ, sau một thời gian, triều thần đến làng đó để vẽ họa đồ đồng ruộng. Lúc ấy người lái buôn nói với vương tử.

- Tâu Điện hạ, vì công lao chúng thần phụng dưỡng ngài, mong ngài gửi về vương đệ của ngài một bức thư để xin dùm cho chúng thần được miễn giảm thuế chăng?

Chàng đồng ý làm việc ấy và viết như sau: "Ta đang sống với một gia đình thương nhân nọ, ta xin vương đệ vì ta mà miễn thuế cho họ."

Vua chấp thuận, và làm y theo như vậy. Từ đó dân làng và dân cả vùng ấy đến gặp chàng bảo:

- Hãy xin cho chúng thần được miễn thuế, rồi chúng thần sẽ đóng thuế cho ngài. Chàng làm thỉnh nguyện thư cho họ, và xin cho họ miễn thuế. Sau đó dân chúng trả thuế cho chàng. Lúc ấy, lợi tức

và danh tiếng chàng rất lớn, cùng với lợi danh này, lòng tham của chàng cũng khởi lên, vì thế dần dần chàng đòi cả thị trấn, chàng đòi chức phó vương cũ và vương đệ chàng

cứ ban cho chàng tất cả. Lúc ấy lòng tham của chàng cứ tăng trưởng, chàng không hài lòng với chức vị phó vương, và quyết định chiếm lại ngai vàng. Nhắm mục đích ấy, chàng lên đường cùng với một đám người, đóng tại ngoại ô kinh thành và gửi thư vào vương đệ chàng:

- Hãy trao quốc độ cho ta, không thì giao chiến!

Vị vương đệ suy nghĩ: "Ngày trước kẻ ngu si này đã từ chối ngai vàng, địa vị phó vương và tất cả; nay lại bảo: Muốn đánh chiếm lại. Nếu ta giết anh ta trong chiến trận thì đó là điều ô nhục cho ta, vậy ta cần gì làm vua nữa?" Vì thế chàng gửi chiếu chỉ:

-Tiểu đệ không muốn gây binh đao, xin vương huynh cứ lấy ngai vàng.

Vương huynh chấp thuận việc ấy và phong vương đệ làm phó vương.

Từ đó chàng cai trị vương quốc. Nhưng chàng tham lam như vậy, nên một vương quốc chưa làm chàng thỏa mãn mà chàng muốn hai vương quốc, rồi ba, tuy thế, vẫn thấy lòng tham vô tận.

Thời bấy giờ, Sakka (Đế Thích) Thiên chủ nhìn ra ngoài. Ngài suy nghĩ: "Ai là người chăm lo phụng dưỡng cha mẹ đây? Ai là người bố thí và làm điều thiện đây? Ai là người bị tham dục chi phối." Ngài suy nghĩ: "Kẻ ngu si này không hài lòng trị vì ở Ba la nại. Được, ta sẽ dạy cho y một bài học."

Vì vậy ngài giả dạng một thanh niên Bà-la-môn, đứng ở cửa cung rồi đưa tin rằng có một thanh niên lanh lợi đang đứng ở cửa. Chàng được phép vào chầu, liền tung hô chúc tụng vạn tuế vua xong xuôi, vua hỏi:

- Tại sao công tử đến đây?

Chàng đáp:

- Tâu Đại vương, tiểu sinh có chuyện cần tâu với Đại vương, song tiểu sinh muốn được giữ cẩn mật.

Nhờ thần lực của Đế Thích Thiên chủ, ngay lúc ấy mọi người rút lui cả. Sau đó chàng thanh niên nói:

- Tâu Đại vương, tiểu sinh biết ba kinh thành trù phú, đông dân, quân đội, chiến mã đều hùng cường, tiểu sinh nhờ quyền lực của mình sẽ làm chủ ba kinh thành ấy, và sẽ dâng tặng Đại vương. Song Đại vương không được trì hoãn mà phải đi liền lập tức.

Vua đầy lòng tham nên đồng ý ngay.

Song vì thần lực của Đế Thích ngăn cản, nên vua không hỏi: "Thế công tử là ai, từ đâu đến? Công tử sẽ nhận lại cái gì?" Đế Thích Thiên chủ nói vậy xong, trở về cõi Trời Ba mươi ba.

Sau đó vua triệu quần thần lại, và bảo họ:

- Một thanh niên vừa đến đây, hứa sẽ lấy và dâng cho trẫm thống trị ba vương quốc! Các khanh hãy đi tìm kẻ ấy. Ra lệnh đánh trống khắp kinh thành, triệu tập quân sĩ,

không được trì hoãn, vì trẫm sắp chiếm ba vương quốc kia đấy.

Quần thần đáp:

- Tâu Đại vương, thế Đại vương có tiếp đãi thanh niên ấy, hoặc hỏi xem chàng ở đâu chăng?

-Không, không, trẫm không tiếp đãi chàng, cũng không hỏi chàng ở đâu cả, vậy cứ đi tìm chàng!

Quần thần đi tìm, song không thể tìm ra chàng khắp kinh thành này. Nghe vậy, vua buồn bực:

- Quyền cai trị ba kinh thành đã mất rồi.

Vua lại suy nghĩ liên miên: "Ta bị tước mất vinh quang tột bậc, chắc chắn thanh niên ấy bỏ đi, bực tức ta lắm vì chẳng ban cho chàng tiền lộ phí, cũng chẳng cấp nơi cư trú."

Sau đó trong cơ thể vua nóng như thiêu đốt, trong khi cơ thể nóng bừng như vậy thì ruột vua mắc bệnh kiết lỵ ra máu; thức ăn đưa vào lại chảy ra hết, các y sĩ không thể nào chữa trị được, nên vua kiệt sức. Bệnh trạng vua được đồn đãi khắp kinh thành.

Lúc ấy, Bồ-tát từ Takkasilà đã trở về nhà cha mẹ ở Ba la nại, sau khi đã tinh thông mọi ngành học thuật. Ngài được tin về vua, liền đi đến cung môn, với ý định chữa bệnh vua nên gửi vào một tờ sớ tâu rằng có một thanh niên đang sẵn sàng trị bệnh cho đức vua. Vua phán:

- Các đại danh y lừng lẫy khắp gần xa còn chưa chữa nổi căn bệnh của trẫm, chứ một thanh niên làm gì được? Thôi trả tiền lộ phí cho gã rồi bảo gã ra về.

Thanh niên ấy đáp:

- Ta không cần chi phí chữa bệnh, song ta sẽ chữa lành vua, ngài chỉ cần trả tiền cho ta món thuốc chữa bệnh mà thôi.

Khi vua nghe vậy, liền chấp thuận cho chàng vào. Chàng thanh niên kính lễ vua:

- Tâu Đại vương, chớ sợ gì! Chàng bảo - thần sẽ trị lành bệnh Đại vương, song xin Đại vương nói cho thần nghe nguyên cớ căn bệnh của Ngài.

Vua nổi thịnh nộ đáp:

- Ngươi hỏi thế để làm gì chứ? Cứ làm món thuốc chữa trị đi.

Chàng bảo:

- Tâu Đại vương, đây là phương cách của y sĩ, trước tiên phải biết vì sao sinh bệnh tật, sau đó mới làm thuốc chữa cho thích hợp.

Vua phán bảo:

- Thôi được rồi, chú bé.

Và vua bắt đầu kể nguồn gốc căn bệnh, từ lúc thanh niên hứa hẹn rằng chàng ta sẽ giành lấy và dâng lên vua quyền thống trị ba kinh thành.

- Như vậy, này bé con, căn bệnh sinh ra từ lòng tham, chú có giỏi thì chữa đi.

Chàng đáp:

- Sao, tâu Đại vương, có chiếm được các kinh thành ấy nhờ buồn phiền chăng?

- Không đâu, bé con.

- Nếu vậy thì tại sao Đại vương lại buồn phiền? Mọi vật dù vô tri hay có tri giác, đều phải hủy diệt, bỏ lại tất cả, ngay cả thân xác của mình. Dù cho Đại vương có cai trị cả bốn kinh thành đi nữa. Đại vương cũng không thể cùng một lúc ăn bốn mâm cơm, ngủ bốn tọa sàng, mặc bốn bộ y phục. Đại vương không nên làm nô lệ cho tham dục, vì khi tham dục tăng trưởng thì ta không thể thoát được bốn cảnh khổ.

Sau khi đã khuyến giáo như vậy xong, bậc Đại Sĩ thuyết pháp qua các vần kệ sau:

1. Người nào mong muốn việc trong lòng,
Khi ước nguyện kia được vẹn toàn,
Chắc chắn tâm tràn đầy hỷ lạc,
Vì nay đã đạt được cầu mong.
2. Người nào ước vọng việc trong lòng,
Khi ước vọng kia được vẹn tròn,
Ước vọng tràn vào tâm trí mãi,
Như đang cơn khát gặp oi nồng.
3. Trong loại bò trâu có mọc sừng,
Sừng kia càng lớn, cứ to dần,
Cũng như tâm địa người vô trí
Chẳng biết chút gì, chẳng biệt phân,
Trong lúc người kia càng lớn tuổi,
Thì niềm khát vọng cứ gia tăng.
4. Đem hết lúa ngô ở cõi đời,
Bò trâu, nô lệ, ngựa, cho người,
Vẫn chưa đầy đủ, này nên biết,
Và giữ đường công chính mãi thôi.
5. Một vua chinh phục cả phàm trần,
Trần thế trải mình tận đại dương,
Ở phía bên này chưa thỏa mãn,
Vật ngoài khơi vẫn thấy thèm thuồng.
6. Dục tham ấp ủ ở trong tim,
Tri túc chẳng hề phát khởi lên,
Người tránh dục tham tìm đúng thuốc,

Người nào tri túc, trí như nguyền.
7. Tối ưu là trí tuệ đầy tràn,
Tham dục không hề đốt cháy tan,
Chẳng có bao giờ người trí tuệ
Lại làm nô lệ của lòng tham.
8. Thiểu dục, phá tan mọi dục tham,
Chẳng ham chiếm đoạt cả trăm phần,
Người kia cũng giống như lòng biển,
Chẳng bị đốt thiêu bởi dục tầm,
Như thợ giày luôn bào guốc, dép,
Hợp làn da bọc ở bàn chân.
9. Cứ mỗi dục tham được bỏ đi,
Một niềm hạnh phúc đến liền khi,
Người nào muốn hưởng tròn an lạc,
Phải bỏ mọi tham dục tức thì.
Nhưng trong khi Bồ-tát ngâm các vần kệ này, tâm ngài chuyên chú vào chiếc lọng trắng của vua, nên khởi lên nỗi hỷ lạc của thiền định đạt được qua ánh sáng trắng (một pháp thiền Kasina). Riêng phần vua được bình phục khỏe khoắn, liền hoan hỷ đứng lên từ chỗ ngồi, và nói với ngài:

- Trong khi các y sĩ kia không thể chữa lành trẫm, thì một thanh niên hiền trí làm cho trẫm khỏe mạnh nhờ phương thuốc trí tuệ.

Rồi vua ngâm vần kệ thứ mười:

10. Tám khúc chàng ngâm đáng tám ngàn,
Ngàn vàng mỗi khúc, Đại La-môn,
Xin chàng nhận số vàng, vì lẽ
Lời nói chàng nay thật dịu dàng.
Nghe vậy bậc Đạo Sư ngâm vần kệ thứ mười một:

11. Dù có ngàn, muôn, triệu, triệu lần
Ngàn vàng, ta cũng chẳng mơ màng,
Như lời kệ cuối vừa ngâm ấy,
Tham dục tâm ta đã lụi tàn.
Vua càng hân hoan hơn nữa, liền ngâm vần kệ cuối cùng để tán thán bậc Đại Sĩ:

12. Quả thiếu sinh này thiện trí nhân,
Am tường mọi kiến thức trần gian,
Dục tham kia chính là sinh mẫu
Của khổ đau, chàng mới vạch trần.
Bồ-tát lại bảo:

- Tâu Đại vương, ngài phải biết tinh cần và bước vào chánh đạo.

Thuyết giáo cho vua xong, ngài bay qua không gian đến Tuyết Sơn, và sống suốt đời làm một ẩn sĩ tu hành. Ngài chuyên chú hành trì Tứ Vô lượng tâm và được sinh lên cõi Phạm thiên.

*

Khi Pháp thoại này chấm dứt, bậc Đạo Sư bảo:

- Này các Tỷ-kheo, ngày xưa cũng như bây giờ, Ta đã làm Bà-la-môn này lành bệnh.

Nói xong, Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, Bà-la-môn này là vị vua kia và Ta chính là chàng thanh niên hiền trí.

-ooOoo-

468. Chuyện Đại vương Janasandha (Tiền thân Janasandha)

Chúa tể Ja-na nói thế này...,

Chuyên này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú ngụ tại Kỳ Viên về việc giáo hóa Quốc vương Kosala.

Có một thời, dân chúng bảo rằng vua mê đắm quyền lực buông mình vào các ác dục, không trị nước công minh, và ngày càng xao lãng việc đến yết kiến đức Phật. Một ngày kia, vua nhớ đến đấng Thập Lực liền suy nghĩ: "Ta phải đến viếng Ngài." Vì vậy, sau khi điểm tâm, vua ngự lên chiếc vương xa lộng lẫy, tiến về tinh xá, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống. Đức Phật hỏi:

- Thưa Đại vương, thế nào? Đã lâu Đại vương không đến đây?

Vua đáp:

- Bạch Thế Tôn, trẫm quá bận việc nên không có dịp đến đây hầu cận Thế Tôn.

Đức Phật bảo:

- Thưa Đại vương, xao lãng việc đến gặp các bậc Chánh Đẳng Giác như Ta thật là không đúng, Ta là một vị Phật ở ngay một tinh xá trước mặt, có thể khuyến giáo Đại vương. Một vị vua phải cai trị sáng suốt, trong mọi phận sự quân vương, đối với thần dân như cha mẹ đối với con, từ bỏ mọi ác đạo, không bao giờ quên lãng Thập vương pháp (Mười Đức hạnh của một vị vua). Khi một vị vua chân chính, đám triều thần vây quanh cũng chân chính noi gương. Thật thế, nếu theo lời giáo huấn

của Ta mà Đại vương đã phải cai trị chân chính thì cũng không lạ gì. Nhưng còn những bậc hiền tài ngày xưa, ngay cả thời chưa có một bậc Đạo Sư để giáo hóa vua chúa, mà nhờ tri kiến riêng của chính mình, các vua đó đã được an trú vào việc thực hành ba thiện nghiệp, thuyết Pháp cho một đám đông dân chúng và cùng các đoàn tùy tùng lên cộng trú với các hội chúng ở cõi Trời.

Cùng với các lời này, theo sự thỉnh cầu của vua, bậc Đạo Sư kể một chuyện quá khứ.

*

Một thời, khi vua Brahmadatta trị vì Ba la nại, Bồ-tát sinh ra làm vị vương tử của chánh hậu. Cha mẹ ngài đặt tên ngài là vương tử Janasandha.

Bấy giờ đến tuổi trưởng thành và trở về từ Takkasilà, nơi ngài đã hoàn tất việc học tập, vua ra lệnh đại xá cho các tù nhân, và phong ngài chức Phó vương. Sau đó khi vua cha băng hà, ngài lên ngôi vua và ra lệnh xây sáu bố thí đường: tại bốn cổng thành, giữa thành và tại cung môn. Cứ mỗi ba ngày, ngài phân phát sáu trăm ngàn đồng tiền và làm chấn động toàn cõi Diêm-phù-đề vì việc đại bố thí của ngài: ngài mở cửa ngục ra thả hết, phá bỏ những pháp trường, ngài che chở cho mọi người bằng bốn thiện pháp (bố thí, thân ái, công bình, thiện trị); ngài giữ Ngũ giới, hành trì ngày trai giới và cai trị rất công chính. Thỉnh thoảng ngài hội họp quần thần lại và thuyết Pháp cho họ:

- Các khanh hãy bố thí, thực hành giới đức chân chánh, đi theo công việc và nghề nghiệp của mình, tự giáo hóa mình trong lúc còn tuổi thanh niên, lo làm cho giàu có, đừng cư xử như một tên lừa đảo trong làng hoặc như một con chó, đừng quá khắt khe hoặc thô ác, hãy làm bổn phận với cha mẹ, sống trong gia đình, hãy tôn trọng các bậc trưởng thượng.

Như vậy ngài khuyến khích quần chúng giữ chánh mạng.

Vào một ngày trai giới trăng tròn kia, sau khi đã hành trì ngày trai giới trọn vẹn, ngài tự nhủ: "Ta sẽ thuyết Pháp cho đại chúng để luôn luôn làm tăng trưởng lợi lạc cho họ và khiến họ tinh cần trong cuộc sống." Sau đó ngài ra lệnh đánh trống lên, bắt đầu với đám cung phi, sau đó toàn thể dân chúng trong thành tụ tập lại. Tại sân chầu ngài ngự trên một sàng tọa lộng lẫy đặt riêng biệt, dưới một ngôi đình được tô điểm toàn châu báu, và thuyết Pháp bằng những lời này:

- Hỡi dân chúng trong kinh thành, trẫm sẽ tuyên thuyết cho các người nghe những việc gì làm cho các người đau khổ và những việc gì không làm cho các người đau khổ. Hãy tỉnh giác, chú tâm nghe và khéo tác ý.

*

Bậc Đạo Sư mở miệng ra, đó chính là viên bảo châu giữa tất cả các chiếc miệng ở đời, chứa đầy Chân lý, và với giọng ngọt ngào như mật, ngài giải thích lời nói này với vua Kosala:

1. Chúa tể Ja-na nói thế này,
Có mười điều đúng thật như vầy,
Nếu người quên việc thi hành chúng,
Thì kẻ đó liền chịu khổ ngay!
2. Không tạo, chẳng tích trữ đúng thời,
Lòng kia giày xéo khổ đau hoài,
Về sau hối tiếc vì suy nghĩ:
"Không kiếm giàu sang thuở trước rồi!"
3. Với người không học, sống gian lao!

Suy nghĩ, ăn năn, nó khổ sầu:
Kiến thức mà nay cần sử dụng,
Nó không thèm học trước đi nào!
4. Hai lưỡi ngày xưa, chẳng thật thà,
Vọng ngôn, ý ngữ chẳng nhân từ:
Xưa ta độc ác và cay nghiệt,
Nay thấy nhân duyên khổ đó mà.
5. Xưa ta sát hại thật hung tàn,
Chẳng một người nào được phát ban,
Vì việc đáng khinh này, (tự nhủ),
Nay ta phải chịu lắm buồn than.
6. Nó nghĩ, xưa ta lắm thiếp thê,
Ta đành mắc nợ đám người kia,
Vì ta bỏ chúng theo nàng khác,
Việc ấy, nay ta hối tiếc ghê!
7. Xưa đã chứa đầy thức uống ăn,
Nay buồn, nó hối tiếc vô ngần,
Nghĩ rằng nó chẳng bao giờ cả
Thuở trước đem ban bố một lần.
8. Nó khổ vì khi có thể làm,
Nó không lo phụng dưỡng chăm nom
Mẹ cha nay đã thành già yếu,
Tuổi trẻ ngày nay đã lụi tàn.
9. Vì đã khinh thường vị giáo sư,
Những người khuyên bảo hoặc ông cha
Cố làm nó đạt tròn tâm nguyện,
Việc ấy gây đau khổ xót xa.
10. Đối với Sa-môn quá hững hờ,
Nhiều nhà tu khổ hạnh ngày xưa
Sống đời thánh thiện và thông thái,
Khiến nó ăn năn tự bấy giờ.
11. Khổ hạnh thực thi thật tốt lành,
Thiện nhân thường vẫn được tôn vinh,
Trước kia nó chẳng làm điều đó,
Nay phải buồn khi kể chuyện mình.
12. Mười điều nhờ trí tuệ khôn ngoan,
Người thực hiện cho được vẹn toàn,
Đối với mọi người làm phận sự,
Sẽ không hề phải chịu ăn năn.

*

Như vậy, cứ mỗi tháng hai lần, bậc Đại Sĩ thuyết giáo theo đường lối ấy cho đại chúng. Và đại chúng được an trú vào Giáo pháp của ngài và hoàn thành Mười thiện pháp này, nên được sinh lên Thiên giới.

*

Khi bậc Đạo Sư đã chấm dứt Pháp thoại này, Ngài bảo:

- Thưa Đại vương, như vậy các bậc trí nhân ngày xưa, dù chưa được dạy bảo mà chỉ do trí tuệ riêng của mình, đã thuyết Pháp và an trú đại chúng vào con đường đưa đến thiên giới.

Cùng với những lời này, Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, các đệ tử của đức Phật là dân chúng và Ta chính là vua Janasandha.

-ooOoo-

469. Chuyện Đại Hắc Thiên Cẩu (Tiền thân Mahà Kanha)

Chó săn đen sẫm buộc năm dây...,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú ngụ tại Kỳ Viên về sự sống vì lợi lạc cho cõi đời.

Chuyện kể rằng, một ngày kia, trong lúc các Tỷ-kheo ngồi tại Chánh pháp đường, họ nói chuyện với nhau. Một vị bảo:

- Này các Hiền giả, bậc Đạo Sư bao giờ cũng thực hành từ tâm đối với đại chúng nên đã rời bỏ nơi an trú của Ngài và sống chỉ vì lợi lạc của người đời. Ngài đã đạt Tối thượng trí, song Ngài tự nguyện mang y bát di du hành cả mười tám dặm đường hoặc nhiều hơn nữa. Vì năm vị Trưởng lão ấy (các Tôn giả Kondannas), Ngài đã chuyển Bành xe Pháp; vào ngày mồng năm trong nửa tháng ấy Ngài thuyết Kinh Anattalakkana (Vô Ngã Tướng) và làm cho các vị kia đều đắc Thánh quả A-la- hán. Ngài lại đến Uruvela (Ưu-lâu-tần-loa), và trước các Đạo Sĩ khổ hạnh bện tóc này (các Tôn giả Kassapa), Ngài thị hiện cho ba ngàn rưỡi vị thấy các phép thần thông, cùng thuyết giáo cho các vị ấy gia nhập Tăng chúng; và tại Gayàsìsa (một ngọn núi gần Gayà, nay là Brahmàmayoni), Ngài đã thuyết Pháp về Lửa, khiến cho cả ngàn nhà tu khổ hạnh trong số này đắc Thánh quả A-la-

hán. Với Mahà-Kassapa (Đại Ca-diếp), sau khi Ngài đi cả ba dặm đường để gặp vị ấy và thuyết ba Pháp thoại, Ngài đã truyền Đại giới cho vị ấy. Rồi một mình sau buổi thọ trai, Ngài ra đi đến bốn mươi lăm dặm đường để đưa một thiện gia nam tử là Pukkusa vào Tam quả Bất Lai. Ngài lại phải đi xa cả hai ngàn dặm để gặp Mahà-Kappina (Đại Kiếp tân-na) và làm cho vị này đắc Thánh quả. Rồi một mình Ngài vào buổi chiều đi ba mươi dặm đường để đưa con người độc ác tàn bạo đó là Angulimàla (Tướng cướp đeo vòng ngón tay) vào Thánh quả. Ngài đi ba mươi dặm nữa, và đưa Álavaka (một con quỷ ăn thịt người) vào Sơ qủa Dự lưu cùng cứu hoàng tử thoát nạn (khỏi bị quỷ kia ăn thịt). Ngài an trú trên cõi Trời Ba mươi ba suốt ba tháng và giảng toàn bộ Giáo pháp cho tám

trăm triệu Thiên tử. Ngài lên cõi Phạm thiên và phá tan tà thuyết của Phạm thiên Baka (số 405. TT Phạm thiên Baka), cùng làm cho mười ngàn vị Phạm thiên đắc Thánh quả. Mỗi năm Ngài du hóa trong ba khu vực, và đối với những ai có đủ căn cơ hiểu đạo, Ngài truyền dạy Tam quy, Ngũ giới và các quả vị khác nhau tùy mức độ khả năng. Ngài còn hành đạo vì lợi lạc của loài Rắn rồng (Nàga) hoặc Kim sí điểu (garula) hoặc nhiều loài khác nữa, theo nhiều phương tiện khác nhau.

Với những lời như trên, các Tỷ-kheo tán thán công đức trong đời sống của đấng Thập Lực vì lợi lạc của cõi trần gian này. Bậc Đạo Sư bước vào và hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì trong lúc ngồi tại đây. Tăng chúng thưa với Ngài. Ngài bảo:

-Này các Tỷ-kheo, ngày nay ta đã đạt Thắng trí viên mãn và sống vì lợi ích của chúng sinh thì cũng chẳng lạ gì, ví ngay cả xưa kia, khi Ta còn tham dục, Ta cũng đã sống vì lợi lạc của chúng sinh.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, trong thời đức Phật Chánh Đẳng Giác Kassapa (Ca-diếp) có một vị vua mệnh danh là Usìnara. Một thời gian rất lâu sau khi đức Phật Ca-diếp tuyên thuyết Tứ Đế (Bốn Sự Thật) và giải thoát cho nhiều hội chúng khỏi khổ ách, cuối cùng đã nhập vào hội chúng chư Phật an trú trong Niết-bàn (Đại diệt độ) thì Đạo pháp đã suy tàn. Tăng chúng tìm kế sinh nhai bằng hai mươi mốt cách phi pháp, họ kết giao với các Tỷ-kheo ni và sinh ra nhiều con cái. Các Tỷ-kheo xao lãng phận sự của Tỷ-kheo. Tỷ-kheo ni cũng xao lãng phận sự của Tỷ-kheo ni, nam cư sĩ và nữ cư sĩ cũng vậy, các Bà-la-môn không còn giữ phận sự của Bà-la-môn, phần đông dân chúng theo Mười ác đạo, vì vậy khi mạng chung, họ đều phải vào các đọa xứ thật đông đảo.

Lúc ấy Sakka (Đế Thích) Thiên chủ, nhận thấy không có vị Thiên tử nào mới xuất hiện, ngài nhìn ra cõi trần gian, và thấy loài người bị đọa vào các cõi dữ như thế nào, còn Giáo pháp của đức phật đã suy tàn. Ngài tự hỏi: "Ta phải làm gì? - ta nghĩ ra rồi!" Ngài tự nhủ: "Ta sẽ đe dọa loài người làm cho đại chúng kinh hãi và khi đại chúng đã kinh hãi, ta sẽ trấn an đại chúng và thuyết Pháp, ta sẽ chấn hưng Đạo pháp đã suy tàn, ta sẽ làm Đạo pháp tồn tại một ngàn năm nữa!"

Cùng với quyết định này, ngài biến vị Thần lái xe của Ngài là Màtali thành một con Chó săn đen đủi khổng lồ, loài chó thuần chủng, có bốn nanh lớn như quả chuối, hình thù gớm ghiếc, với cái bụng bự như đàn bà sắp sinh con. Ngài cột con Chó bằng sợi xích năm vòng, cột tràng hoa đỏ lên mình nó và dẫn nó đi bằng một sợi dây. Chính ngài mặc y phục màu vàng, buộc tóc ra đằng sau, quấn tràng hoa đỏ rồi cầm một cây cung khổng lồ với dây cung màu san hô, lắc lư trong tay một cái lao có đầu mũi gắn hạt kim cương, ngài giả dạng một sơn nhân đi xuống, một địa điểm cách kinh thành một dặm.

- Trần gian đang bị tiêu diệt! Trần gian đang bị tiêu diệt!

Ngài thét lớn ba lần để đe dọa mọi người và khi vào đến kinh thành, ngài lại thét lên như vậy. Dân chúng thấy con Chó săn liền kinh hoảng bỏ chạy vào thành tâu trình với

vua mọi việc. Vua vội vã truyền lệnh đóng các cổng kinh thành. Song Thiên chủ Đế Thích nhảy qua bức thành cao mười tám cubit (1 cubit = 45cm) cùng con Chó săn, đứng bên trong kinh thành. Dân chúng hoảng hốt chạy vào nhà đóng cửa thật chặt. Con Chó đen khổng lồ rượt theo người nào nó gặp phải và dọa nạt họ, cuối cùng vào đến tận cung vua. Trong cơn khủng khiếp, dân chúng đi ẩn náu khắp sân chầu, vào tận cung điện và đóng cửa lại.

Còn vua cùng các vương phi đi lên thượng lầu. Hắc thiên cẩu đưa chân đặt vào của sổ và rống lên thật kinh hoàng! Tiếng rống vang dội từ địa ngục lên đến tận trời xanh cao ngất: cả vũ trụ vang rền tiếng rống đó. Có ba tiếng rống lớn từng vang dậy khắp cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ) là: Tiếng rống của vua Punnaka trong chuyện Tiền thân Punnaka, tiếng rống của Long vương Sudassana trong chuyện Tiền thân Bhùridatta và tiếng rống này trong Tiền thân Mahà-Kanha, hay chuyện Đại Hắc thiên cẩu.

Vua thu hết can đảm đến gần cửa sổ, kêu lớn vào Thiên chủ:

- Này thợ săn kia, sao con Chó của ngươi rống lên thế?

- Vì nó đói.

Vua bảo:

- Được, trẫm sẽ ra lệnh đem thức ăn cho nó.

Thế là vua ra lệnh đem thức ngự thiện của ngài cùng thức ăn trong cả cung điện. Con Chó hình như chỉ ngoạm một miếng là hết tất cả, xong lại gào thét. Vua hỏi nữa.

- Con chó còn đói. Thiên chủ đáp.

Sau đó vua bảo đem thức ăn của voi, ngựa ra cho nó. Nó cũng ăn trọn lập tức; vua lại phải lấy hết thức ăn trong kinh thành ra cho nó; con Chó cứ nuốt trửng hết như trên rồi gào thét nữa. Vua bảo:

- Đây không phải chó. Chắc chắn là con quỷ dữ. Ta muốn xem nó từ đâu đến.

Lòng kinh hãi, vua ngâm vần kệ đầu hỏi:

1.Chó săn đen sẫm buộc năm dây,
Nanh trắng nhe ra cả miệng này,
Oai vệ gây kinh hoàng dữ dội,
Nó làm gì được với người đây?
Nghe vậy Đế Thích Thiên chủ ngâm vần kệ thứ hai:

2. Chó đen chẳng đến để săn mồi,
Song nó làm công dụng trị người,
Đại đế U-si này, phải biết.
Khi ta thả lỏng nó ra thôi.
Lúc ấy vua bảo:

- Sao, thợ săn, chó này sẽ xé xác hết mọi người hay chỉ xé những kẻ thù của ngươi thôi?

- Tâu Đại vương, chỉ những kẻ thù của tiểu thần thôi.

- Vậy ai là kẻ thù của ngươi?

- Tâu Đại vương, những kẻ nào thích gian tà và theo đường ác.

Vua bảo:

- Hãy tả bọn chúng ra cho ta nghe.

Vị Thiên chủ liền tả bọn chúng qua các vần kệ:

3. Giả làm Tăng chúng, bát trong tay,
Mình khoác chiếc y, cạo tóc này,
Lại muốn theo nghề cày ruộng đất,
Thì ta sẽ thả Chó đen ngay.
4. Khi nào Ni chúng Giáo đoàn này,
Đắp một chiếc y, cạo tóc vầy,
Lại thấy đua chen đời thế tục,
Thì ta sẽ thả Chó đen đây.
5. Khi nhà tu lại muốn cho vay
Nặng lãi, môi trên chẫu thật dài,
Cả miệng răng hôi, đầu tóc bẩn,
Thì ta sẽ thả Chó đen này.
6. Giáo sĩ không kinh thánh, lễ đàn,
Lại dùng hết cả mọi tài năng
Tế đàn vì chí ham tiền của,
Lúc ấy ta liền thả Chó săn.
7. Nay đã già nua, nhị lão thân
Đến thời tàn tạ hết ngày xuân,
Nó không cấp dưỡng dù dư sức,
Chống nó, ta liền thả Chó săn!
8. Kẻ nào đối với mẹ cha già

Nay đến lúc tàn, xuân đã qua, Kêu:"Các người kia, đồ ngốc dại!" Chống y, ta thả Chó săn ra.

9. Khi đàn ông tán vợ người ta,
Vợ của thầy hay của bạn nhà,
Em của cha mình hay vợ cậu,
Thì ta liền thả Chó đen ra.
10. Khi mộc trên vai, kiếm dưới tay,
Làm quân cường đạo, vũ trang đầy,
Chiến trường giết hại, và ăn cướp,
Ta sẽ thả ra Hắc cẩu này.

11. Con trai bà góa dưỡng da ngà,
Vô dụng không tài giỏi việc nhà,
Lực lưỡng, chỉ gây trò đánh lộn,
Thì ta sẽ thả Chó săn ra.
12. Khi tâm người chứa rẫy ý tà,
Những kẻ dối gian, chẳng thật thà,
Quanh quẩn vào ra trong thế giới,
Thì ta sẽ thả Chó đen mà.
- Những người này là kẻ thù của ta, tâu Đại vương!

Ngài làm thể như sắp thả Chó xổ ra xé những kẻ nào làm các hành động của cừu nhân. Song trong lúc cả đám đông đang kinh hoàng, ngài cầm lấy dây xích chó, làm như thể buộc chặt nó vào chỗ đó, rồi ngài trút bỏ bộ dạng thợ săn, dùng thần lực bay lên đứng trên không, sáng rực rỡ, và bảo:

- Này Đại vương, ta là Đế Thích Thiên chủ, vì thấy trần gian sắp bị hủy diệt nên ta đến đây. Quả thật bây giờ người chết đọa vào các cõi khổ đầy rẫy, vì chúng làm toàn chuyện độc ác, còn thiên giới thì trống vắng. Từ nay ta sẽ biết cách trừng trị bọn gian ác, song các người phải cố gắng tinh cần.

Rồi sau khi thuyết Pháp trong bốn vần kệ đáng ghi nhớ và hướng dẫn dân chúng vào các công đức thiện sự như bố thí, ngài tăng cường uy lực của Giáo Pháp đang suy tàn để Giáo pháp được tồn tại thêm một ngàn năm nữa, rồi ngài cùng Thần Màtali trở lại cõi của ngài.

*

Khi bậc Đạo Sư chấm dứt Pháp thoại này. Ngài nói thêm:

-Này các Tỷ-kheo, như vậy ngày xưa cũng như nay, Ta đã sống vì lợi lạc của cõi đời.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời đó, Ánanda là Màtali và ta là Đế Thích Thiên chủ.

-ooOoo-

470. Chuyện Phú Ông Keo Kiệt (Tiền thân Kosiya)

Chuyện phú ông keo kiệt sẽ được kể trong số 535. Tiền thân Thực phẩm Thiên giới (Sudhàbhojana), Tập VI.

-ooOoo-

471. Chuyện Con Dê (Tiền thân Mendaka)

Chuyện con dê sẽ được kể trong số 546, Tiền thân Đường Hầm Lớn (Mahà Ummagga). Tập VII.

-ooOoo-

472. Chuyện Vương Tử Liên Hoa (Tiền thân Mahà - Paduma)

Vua chẳng nên trừng phạt tội hình...,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể trong khi trú tai Kỳ Viên về Ciddamànavikà (người đã vu cáo đức Phật về việc thông gian).

Khi đấng Thập Lực mới đạt Vô thượng Chánh Đẳng Giác, sau đó chúng đệ tử này càng đông đảo, vô số chư Thiên và loài người đã được sinh lên Thiên giới, hạt duyên lành gieo rắc khắp nơi, nên Ngài được uy danh lừng lẫy và lễ vật cúng dường cao trọng. Bọn ngoại đạo tà giáo chẳng khác nào bầy đom đóm sau buổi bình minh, họ chẳng còn danh vọng, lợi dưỡng cúng dường nữa; họ liền ra giữa đường hét lớn vào đám dân chúng:

- Nay sao, Sa-môn Gotama là bậc Giác Ngộ à? Chúng ta cũng là những bậc Giác Ngộ. Chỉ có các lễ vật cúng dường cho vị ấy mới mang lại kết quả lớn sao? Những vật cúng dường cho chúng ta cũng mang lại kết quả lớn cho các ngươi. Vậy các ngươi hãy cúng dường cho chúng ta, phục vụ chúng ta nữa chứ?

Song dù họ kêu gào mãi, họ cũng chẳng hưởng được danh vọng lợi dưỡng nào cả. Sau đó họ bí mật họp nhau lại, và bàn bạc vấn kế:

- Làm thế nào ta có thể gây ô nhục cho sa môn Gotama trước mặt công chúng để chấm dứt danh vọng lợi dưỡng cúng dường của ông ấy đây?

Lúc bấy giờ tại Xá-vệ có một cô gái kia tên là Cincamànavikà, vẻ đẹp tuyệt trần, dáng kiều diễm mảnh mai, như một nữ thần, ánh sáng như tỏa ra từ thân thể nàng. Có người bày mưu kế ác độc như sau:

- Nhờ Cincamànavikà giúp sức, ta có thể gây ô nhục cho Sa-môn Gotama và chấm dứt danh vọng lợi dưỡng mà ông đang hưởng.

- Phải lắm, cả bọn đồng ý. Ta phải làm cách ấy đấy.

Khi nàng ấy đến chỗ tu hành của bọn ngoại đạo tà giáo, đảnh lễ họ rồi đứng yên, bọn tà đạo sư không nói gì với nàng cả. Nàng hỏi:

- Con có lỗi gì chăng? Con đã chào các Tôn giả ba lần rồi.

Nàng lại bảo:

- Thưa các Tôn giả, tại sao các vị không nói gì với con?

Họ đáp:

- Này chị, chị có biết Sa-môn Gotama đang du hành qua đây và làm hại chúng ta, làm mất hết mọi danh vọng và lợi dưỡng cúng dường mà chúng ta đã được hưởng trước kia chăng?

- Thưa các Tôn giả, con không biết việc đó, nhưng con có thể làm gì được?

- Này chị, nếu chị muốn chúng ta được tốt lành thì hãy tự mình gây ô nhục cho Sa-môn Gotama để chấm dứt danh vọng lợi dưỡng mà vị ấy đang hưởng.

Nàng đáp:

- Thưa các Tôn giả, được lắm, xin để việc ấy cho con đừng lo lắng gì nữa.

Nói vậy xong nàng từ giã ra đi.

Sau đó nàng dùng mọi xảo thuật của nữ nhân để đánh lừa người đời. Khi dân chúng ở Xá-vệ nghe Pháp xong và ra về từ Kỳ Viên, nàng lại thường đi về phía Kỳ Viên, khoác chiếc y nhuộm màu đỏ yên chi, tay cầm vòng hoa thơm ngát. Khi có ai hỏi nàng:

- Đi đâu vào giờ này?

Nàng thưởng trả lời:

- Các vị có liên quan gì đến việc tôi đi, tôi về mà hỏi?

Nàng cứ ở lại ban đêm trong am thất của bọn tà đạo sư ấy, sát gần Kỳ Viên, rồi đến sáng sớm mai, khi các cư sĩ cận sự của Tăng chúng từ kinh thành đến đảnh lễ Tăng chúng buổi sáng, nàng thường hay gặp gỡ họ như thể nàng đã ở lại ban đêm tại Kỳ Viên rồi đi về kinh thành. Nếu có ai hỏi nàng đã ở lại nơi đâu, nàng liền trả lời:

- Tôi ở lại nơi đâu thì có việc gì đến các vị?

Song sau chừng sáu tuần lễ, nàng đáp:

- Tôi ở ban đêm tại Kỳ Viên với Sa-môn Gotama trong Hương phòng.

Các người ngoại đạo bắt đầu thắc mắc không biết việc ấy có đúng chăng. Sau chừng ba bốn tháng, nàng lại quấn nhiều lớp vải quanh bụng, làm vẻ như thể nàng đang có thai, và khoác áo choàng đỏ ra ngoài. Rồi nàng tuyên bố là nàng có thai với Sa-môn Gotama khiến cho đám người ngu si mù quáng tin theo lời. Sau chừng tám chín tháng nàng cột quanh người những miếng gỗ cuộn thành bó, khoác áo đỏ phủ lên, lấy xương hàm của bò đập vào tay chân thân thể cho sưng phồng to, và làm ra dáng mệt mỏi.

Một buổi chiều khi đức Như Lai đang ngồi trên bảo tọa thuyết Pháp, nàng bước vào giữa hội chúng, đứng trước mặt đức Như Lai và nói:

- Này Đại sa-môn, quả thực Ngài đang thuyết Pháp cho nhiều hội chúng; giọng nói của Ngài thật êm ái, nhưng Ngài đã làm cho tiện thiếp có thai và ngày sanh đã gần kề, tuy thế Ngài không sắpđặt phòng bảo sanh cho thiếp, Ngài không cho thiếp bơ tươi hay dầu ăn gì cả. Những việc tự Ngài không muốn làm, Ngài cũng không nhờ một người cư sĩ nào làm thay thế, như vua Kosala, Ông Cấp Cô Độc hay nữ cận sự Visàkhà. Tại sao Ngài không bảo một người trong các vị ấy làm những việc cần cho thiếp? Ngài biết cách hưởng dục lạc, song lại không biết cách chăm sóc cái kết quả sẽ phát sinh từ đó!

Thế là nàng ta phỉ báng đức như Lai giữa đại chúng như một người cố ném bùn làm vấy bẩn mặt trăng. Đức Như Lai ngưng thuyết giảng và thét lên như tiếng rống sư tử vang dội khắp nơi:

- Này chị, những điều chị vừa nói đúng hay sai, chỉ mình Ta và chị biết thôi.

Nàng đáp:

- Đúng thế, quả thực vậy, việc này xảy ra như thế nào, chỉ mình Ngài và thiếp biết thôi.

Ngay lúc ấy chiếc ngai vàng của Sakka (Đế Thích) Thiên chủ nóng rực lên. Khi xem xét kỹ, ngài thấy rõ lý do: "Nàng Cincamànavikà đang vu cáo đức Như Lai về một việc không có thực." Ngài quyết định làm sáng tỏ vấn đề này, liền cùng bốn Thiên thần đi đến đó. Các Thiên thần giả dạng bầy chuột đồng lập tức cắn sợi dây cột bó gỗ kia, rồi một cơn gió thổi tốc lên chiếc y đỏ nàng mặc, bó gỗ lộ ra và rơi xuống chân nàng, các ngón chân nàng đều bị đứt lìa cả. Đại chúng la lớn:

- Một con mụ phù thủy đang vu cáo bậc Chánh Đẳng Giác.

Đại chúng liền khạc nhổ lên đầu nàng, lấy gậy gộc, đất đá xua đuổi nàng ra khỏi Tinh xá Kỳ Viên. Khi nàng đi khuất tầm mắt của đức Như Lai, đại địa liền há miệng ra thành một đường nứt khổng lồ, đám lửa từ dưới địa ngục thấp nhất bốc lên khiến nàng bị bao vây giữa đám lửa như thể trong chiếc hồng y hôn lễ mà đám bạn sẽ phủ lên nàng, rồi nàng rơi xuống tầng địa ngục thấp nhất, và tái sinh tại đó. Danh vọng và lợi dưỡng của đám tà sư vẫn tiêu tan, còn danh và lợi dưỡng của đấng Thập Lực lại tăng trưởng dồi dào hơn nữa.

Ngày hôm sau, Tăng chúng bàn luận trong Chánh pháp đường:

- Này hiền hữu Tỷ-kheo, cô ả Cincamànavikà đã vu cáo đức Phật Chánh Giác với công đức cao cả xứng đáng mọi lễ vật cúng dường, và cô ả đã bị đọa đày khủng khiếp!

Bậc Đạo Sư đi vào và hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì khi ngồi tại đây. Đại chúng trình với Ngài. Ngài bảo:

- Không phải chỉ bây giờ nữ nhân này mới vu cáo Ta rồi bị tiêu diệt thảm khốc, mà ngày xưa cũng vậy.

Nói xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa, khi vua Brahmadatta. trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sinh làm vương tử của chánh hậu. Vì thấy dung mạo của Bồ-tát đầy đủ phước lành như đóa sen nở, vua đặt tên Ngài là Paduma-Kumara nghĩa là vương tử Liên Hoa. Khi lớn lên ngài được dạy đầy đủ mọi ngành học thuật. Lúc đó bà chánh hậu qua đời, vua lại sắc phong một vương hậu khác và phong cho ngài làm phó vương.

Sau đó vua sắp sửa lên đường đi dẹp loạn ở biên địa liền phán bảo vương hậu:

- Này ái khanh, hãy ở lại đây trong lúc trẫm đi dẹp loạn biên cương.

Song nàng đáp:

- Tâu Chúa thượng, không được đâu, thiếp không muốn ở lại mà thiếp xin đi theo hầu Chúa thượng.

Vua liền chỉ cho nàng thấy nỗi nguy hiểm ở chiến trường và nói thêm:

- Nàng hãy ở lại đây đừng lo buồn vì cho đến khi trẫm hồi cung, trẫm sẽ giao phó thái tử Paduma trọng trách chăm sóc mọi việc cần làm cho ái khanh rồi trẫm sẽ đi.

Nói vậy xong vua lên đường.

Khi ngài đã đánh tan kẻ thù, bình định đất nước, ngài trở về cắm trại ngoài kinh thành. Bồ-tát biết tin vua cha trở về liền trang hoàng kinh thành thật rực rỡ, rồi canh phòng cẩn mật cung điện, xong xuôi một mình ngài lên đường đón phụ vương. Vương hậu quan sát diện mạo khôi ngô của ngài, liền đem lòng say mê ngài. Khi giã từ vương hậu, ngài bảo:

- Tâu mẫu hậu, vương nhi có thể làm gì cho mẫu hậu được chăng?

Nàng bảo:

- Chàng gọi thiếp là mẫu hậu ư?

Rồi nàng đứng lên nắm hai tay ngài bảo:

- Chàng hãy nằm trên vương sàng của thiếp.

- Để làm gì? Ngài hỏi.

- Chúng ta hãy tận hưởng lạc thú ái ân cho đến khi đức vua trở về.

- Tâu mẫu hậu, mẫu hậu là mẹ của thần nhi, và mẫu hậu đang còn có phụ vương đây. Chưa bao giờ thần nhi nghe chuyện một nữ nhân, một kế mẫu, lại phá bỏ đạo lý đi theo dục lạc xác thịt như thế. Làm sao thần nhi có thể phạm tội lỗi ô uế như vậy với mẫu hậu được?

Nàng nài nỉ ngài hai ba lần, ngài vẫn từ chối, nàng liền bảo:

- Thế ngươi không chịu làm như ta bảo ư?

- Quả thật thần nhi không chịu!

- Vậy thì ta sẽ tâu trình vua cha ra lệnh chém đầu ngươi đi!

Bồ-tát bảo:

- Xin cứ làm như ý mẫu hậu.

Rồi Ngài bỏ đi, để nàng lại đó, lòng đầy hổ thẹn nhục nhã. Rồi trong lúc qua kinh hoàng, nàng suy nghĩ: "Nếu vương tử đi nói chuyện với vua cha trước ta thì ta sẽ không sống nổi đâu. Vậy chính ta phải lo nói trước với ngài."

Thế là nàng không đụng tới các món ngự thiện, mà khoác vào chiếc hoàng y lấm lem, lại lấy móng tay cào sướt cả người, rồi ra lệnh cho cung nữ:

- Hễ giờ nào đức vua hỏi vương hậu ở đâu thì hãy tâu là lệnh bà bị bệnh.

Rồi nàng nằm xuống, giả vờ đau ốm.

Lúc bấy giờ vua uy nghi diễu quanh kinh thành theo hướng bên hữu rồi vào cung thất. Khi ngài không thấy nàng, ngài hỏi:

- Chánh hậu đâu rồi?

Chúng đáp:

- Muôn tâu, lệnh bà đang bị bệnh.

Ngài liền vào nội cung, hỏi nàng:

- Ái hậu có việc gì bất an chăng?

Nàng cứ làm như thể không nghe gì cả. Vua hỏi đến đôi ba lần nàng mới đáp:

- Tâu Đại vương, ngài hỏi làm gì thế? Xin Đại vương hãy im lặng: phụ nữ xuất giá đều phải chịu cảnh như thân thiếp cả.

- Ai đã làm phiền lòng ái hậu? Vua bảo: - Nói nhanh lên rồi trẫm sẽ hạ lệnh chém đầu nó.

- Thế Đại vương đã để lại kẻ nào thay Đại vương trong kinh thành này, khi Đại vương ra đi?

- Vương tử Paduma.

Nàng nói tiếp:

- Và thế là vương tử vào phòng của thiếp, thiếp liền hỏi: "Này vương nhi đừng làm vậy, ta là mẫu hậu của vương nhi".

Nhưng vương tử kêu lên: "Không ai là đức vua ở đây trừ ta. Vậy ta sẽ đưa nàng về cung thất của ta và hưởng ái ân với nàng".

Rồi vương tử nắm lấy tóc thiếp cứ kéo nhổ ra mãi, và do thiếp không chiều theo ý vương tử nên vương tử đánh đập thiếp trọng thương rồi bỏ đi.

Vua không cần điều tra sự việc mà nổi cơn thịnh nộ lên như con mãnh xà, liền ra lệnh cho quân sĩ:

- Bây đãu đi trói vương tử Paduma rồi đem lại đây cho trẫm.

Họ liền đi đến cung thất của ngài, đông đảo lũ lượt kéo qua kinh thành, trói ngài lại, đánh đập, cột chặt hai tay ngài ra sau lưng, quấn quanh cổ ngài một vòng hoa đỏ của một tên tử tội, rồi dẫn ngài đến cung, vừa đi vừa đánh đập. Ngài biết rõ việc này là do vương hậu gây ra, nên trong khi ngài vừa đi, ngài vừa kêu lớn:

- Này các ngươi, ta không làm tội gì chống lại đức vua cả. Ta vô tội.

Cả kinh thành vang dội tin dữ: "Chúng bảo vua sắp hành hình thài tử theo lệnh một nữ nhân đấy!"

Dân chúng ùa tới quỳ dưới chân thái tử mà kêu khóc vang lừng:

- Chúa công ơi! Ngài không đáng bị trừng phạt như thế này!

Cuối cùng họ đem ngài đến trước vua. Vừa chợt thấy mặt ngài, vua không đè nén được những gìđang chất chứa trong lòng, liền kêu lớn:

- Kẻ này không phải là vua, song đã làm thế công việc của vua cha rất hoàn hảo, đó là vương nhi của ta, tuy vậy nó đã xúc phạm vương hậu. Bây hãy lôi cổ nó đi, đem thả xuống vực của bọn trộm cướp cho nó chết đi.

Nhưng vương tử tâu:

- Tâu phụ vương, con không hề phạm tội ấy. Xin đừng giết con vì lời của một nữ nhân.

Vua vẫn không nghe theo ngài, rồi toàn thể mười sáu ngàn cung phi ở chốn hậu cung đồng cất tiếng khóc than vang dội:

- Ôi vương tử Paduma thân yêu, vương tử Paduma hùng dũng, ngài không đáng bị đối xử như thế này.

Kế đó tất cả các tướng quân và các lãnh chúa, cùng các vị đại thần đều kêu lớn:

- Tâu Chúa thượng, vương tử là người hiền thiện và đức hạnh, vẫn giữ đúng truyền thống của dòng dõi ngài, là bậc kế vị trên ngai. Xin đừng giết ngài theo lời một nữ nhân mà không chịu nghe tâu trình gì cả. Phận sự một minh quân là phải hành động hết sức cẩn trọng.

Nói vậy xong, hội chúng liền ngâm bảo vần kệ:

1. Vua chẳng nên trừng phạt tội hình
Mà không nghe lý lẽ phân minh,
Cũng không tự xét suy cho kỹ
Mọi mặt, dù to, nhỏ thật tình.
2. Tướng quân trừng phạt lỗi lầm sai
Trước lúc đem ra xử hẳn hòi,
Giống kẻ sinh ra mù cặp mắt,
Ăn toàn xương xẩu lẫn đàn ruồi.
3. Ai phạt kẻ không có tội gì,
Để người có tội lọt qua đi,
Khác gì hơn một người mù mắt
Bụi trên đường cái quá gồ ghề.
4. Người xét xem toàn thể sự tình
Trong việc dù to, nhỏ thật rành,
Cai trị nước nhà theo cách ấy
Xứng ngôi chúa tể giữa quần sinh.
5. Người nào ở địa vị cao sang
Xử sự không nên quá dễ dàng,
Cũng chẳng nên làm khe khắt quá,
Song song thực hiện cả đôi đàng.

6. Quá dễ dàng hay bị miệt khinh,
Khắt khe thường nổi trận lôi đình,
Giữa hai điều ấy cần thông hiểu
Và giữ đường trung chính hợp tình.
7. Người đang nổi giận, hỡi Quân vương,
Cũng nói nhiều như kẻ bất lương,
Và thế là đừng vì phụ nữ,
Giết vương nhi nối dõi tông đường.
Song dù nói hết mọi cách, quần thần vẫn không thuyết phục được vua theo lời họ. Bồ-tát cũng vậy, đã dùng hết mọi lời lẽ van xin nhưng không làm vua cha nghe theo ngài; không, vua thật ngu si mù quáng phán bảo:

- Lôi cổ nó đi thả xuống vực sâu dành cho bọn trộm cướp.

Rồi vua ngâm vần kệ thứ tám:

8. Cả nước này đang đứng một bên,
Bên kia ái hậu một mình riêng,
Với nàng, tuy vậy, ta khăng khít,
Thả nó vào hang, hãy cút liền!
Nghe các lời lẽ ấy, không ai giữa đám mười sáu ngàn phi tần đứng yên được trong khi toàn thể thần dân đưa tay lên vò đầu bứt tóc và kêu than khóc lóc. Vua phán:

- Đừng để bọn này cản trở việc quẳng tên kia xuống vực sâu.

Rồi giữa đám quần thần, và dân chúng vây quanh than khóc, vua cứ ra lệnh tóm lấy vương tử quẳng lộn nhào xuống vực sâu.

Lúc ấy vị thần trú ngụ ở trên đồi ấy dùng uy lực nhân từ an ủi vương tử, bảo:

- Hỡi Paduma, xin ngài đừng sợ hãi.

Vị thần đưa cả hai tay ra đón lấy ngài, ôm chặt ngài vào lòng mình, truyền qua thân thể ngài một niềm xúc động kỳ diệu, đem ngài vào nơi cư trú của bầy rắn gồm tám loại, dưới quyền của vị Xà vương. Vị rắn chúa đón Bồ-tát vào hang rắn, song lại chia cho ngài một nửa giang sơn vinh hiển, và ngài ở đó một năm tròn. Rồi sau đó ngài bảo:

- Ta muốn trở về cõi nhân gian.

Chúng hỏi:

- Đến nơi đâu?

- Đến Tuyết Sơn, nơi ta muốn sống đời tu hành.

Xà vương chấp thuận, mang ngài đi đến tận nơi có loài người đi qua lại, trao cho ngài đủ mọi vật dụng cần thiết của đời tu hành, rồi trở về chốn cũ.

Thế là ngài tiến lên vùng Tuyết Sơn, đi theo cuộc đời đạo hạnh, tu tập năng lực Thiền định đem đến an lạc, ngài ở đó nuôi sống mình bằng các thứ củ quả rừng.

Lúc bấy giờ có một người kiểm lâm ở Ba la nại, đi đến chốn ấy, và nhận ra bậc Đại Sĩ. Gã bảo:

- Tâu Chúa công, có phải chăng ngài là thái tử Paduma vĩ đại?

Ngài đáp:

- Chính phải, thưa tôn ông.

Kẻ kia đảnh lễ ngài và ở lại chơi vài ngày. Sau đó y trở về Ba la nại, trình với vua:

- Tâu Chúa thương, thái tử đã theo cuộc đời tu hành ở vùng Tuyết Sơn, hiện đang sống trong am lá. Hạ thần đã đến tận đó ở với ngài và trở về đây.

Vua hỏi:

- Ngươi chính mắt trông thấy thái tử chăng?

- Tâu Chúa thượng, chính phải.

Vua liền cùng đám đông tùy tùng đến đó, đóng trại ở ven rừng rồi cùng vài cận thần đi đến đảnh lễ bậc Đại Sĩ lúc ấy đang ngồi ở ngưỡng cửa am trong mọi vẻ uy nghi rực rỡ, còn vua ngồi xuống một bên; các cận thần cũng đảnh lễ ngài với lời lẽ rất thân ái, xong cùng ngồi một bên cả. Về phần bậc Đại Sĩ, ngài mời vua dùng trái rừng và đàm đạo rất vui vẻ với vua. Sau đó vua hỏi:

- Này vương nhi, con bị ta thả xuống vực sâu, làm cách nào mà còn sống sót được?

Và vua ngâm vần kệ thứ chín để hỏi chuyện đó:

9. Con bị thả vào miệng vực sâu,
Bên sườn núi dựng, dốc đèo cao,
Chẳng ai cứu giúp, rừng dừa rậm,
Con vẫn bình an bởi cách nào?

Sau đây là những câu kệ còn lại gồm năm vần xen kẽ nhau: ba vần do Bồ-tát ngâm và hai vần do vua ngâm.

Vương tử:

10. Một mãnh xà kia đủ lực hùng
Sinh ra sống dưới đất trong rừng,
Bắt con cuộn lấy trong mình rắn,
Con được bình an, thoát tử thần.

Vua cha:

11.Cha sẽ đưa con, hỡi thiếu nhi,
Quay về cung điện của cha đi,
Con làm gì nữa trong rừng núi,
Hạnh phúc con nay sẽ trị vì.

Vương tử:

12. Kẻ nào đã nuốt móc mồi câu,
Khi kéo móc ra, máu đỏ trào,
Kéo được móc rồi là hạnh phúc,
Lòng con hỷ lạc tuyệt thanh cao.
Vua cha:

13. Sao con nói đến móc mồi câu?
Con nói vậy sao đến máu đào?
Con lại nói sao về rút móc?
Cha nay muốn biết việc kia nào?
Vương tử:

14. Dục tham là chính móc mồi câu,
Con nói ngựa voi, chính máu đào,
Con rút ra nhờ lìa thế tục,
Cha cần biết chuyện ấy, muôn tâu.
- Tâu Đại vương, như vậy việc làm vua không có nghĩa gì đối vối con cả. Song Đại vương phải chú tâm đừng vi phạm Thập vương pháp mà phải từ bỏ các ác nghiệp và trị dân thật chân chính.

Bậc Đại Sĩ khuyến giáo vua cha qua những lời đó. Vua vừa than khóc vừa từ giã ra đi, và trên đường về kinh, vua hỏi các cận thần:

- Vì ai mà ta phải chia lìa với một người con đức độ như thế?

Hội chúng đáp:

- Chính vì vương hậu.

Vua liền ra lệnh bắt vương hậu thả xuống vực sâu dành cho bọn trộm cướp, rồi vào thành cai trị theo đúng Chánh pháp.

*

Khi bậc Đạo Sư chấm dứt Pháp thoại này, Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, như vậy nữ nhân này đã vu cáo Ta thuở xưa, và phải chịu hủy diệt thương đau.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân bằng cách ngâm vần kệ cuối cùng:

15. Kế mẫu ta là ả Cin-ca,
Đề-bà-đạt, ấy chính vua cha,
Ta là thái tử Liên Hoa nọ,
Còn vị thần non thuở ấy là
Xá-lợi-phất giờ đây Trưởng lão,
Thiện xà chúa nọ A-nan-đà,
Và này Tăng chúng, Ta tuyên bố

Kết thúc Tiền thân ấy của ta.
-ooOoo-

473. Chuyện Bạn - Thù (Tiền thân Mitàmitta)

Làm sao người trí phải tinh cần...,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể trong khi trú tại Kỳ Viên về một vị triều thần chánh trực của vua Kosala.

Tương truyền rằng vị quan này rất có công với vua, và sau đó vua ban tặng ông vinh hiển tột bực. các vị quan khác không thể nào chịu đựng việc ấy được, nên vu cáo với vua đã làm những việc xúc phạm đến vua. Ngài cho điều tra về vị ấy và thấy ông không có lỗi gì cả, liền suy nghĩ: "Ta không thấy người này phạm lỗi gì cả, làm sao ta biết được đó là bạn hay thù?" Rồi vua lại nghĩ: "Không có ai ngoài đức Như Lai có đủ khả năng quyết đoán vấn đề này; vậy ta đi tham vấn ngàixem sao."

Thế là sau khi điểm tâm xong, vua đến viếng bậc Đạo Sư và thưa:

- Bạch Thế Tôn, làm sao ta có thể phân biệt một người nào là bạn hay thù của ta?

Lúc bấy giờ bậc Đạo Sư đáp:

- Thưa Đại vương, những người khôn ngoan ngày xưa đã suy nghĩ về vấn đề này và đã hỏi các bậc hiền trí, rồi theo lời khuyến giáo của các vị ấy mà tìm ra chân lý, lánh xa các cừu nhân và chú tâm đến các bạn lành.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của vua, ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, khu vua Brahmadatta trị vì ở Ba la nại, Bồ-tát là vị cận thần khuyến giáo vua về thế sự cũng như thánh sự.

Thời ấy, đám triều thần kia vu cáo một vị quan chính trực. Vua thấy vị ấy không có lỗi gì liền hỏi bậc Đại Sĩ:

- Này, bằng cách nào ta có thể phân biệt bạn và thù?

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ nhất:

1. Làm sao người trí phải tinh cần,
Phân biệt làm sao được thực chân,
Những việc làm nào tai mắt thấy
Tỏ rằng kẻ ấy chính cừu nhân?
Lúc ấy bậc Đại Sĩ ngâm măn vần kệ này để giải thích các dấu hiệu của một kẻ thù:

2. Khi ngài thăm, nó chẳng tươi cười,
Nó chẳng tỏ ra muốn đón mời
Nó chẳng quay nhìn theo cách ấy,
Và trả lời không có với ngài.

3. Kẻ thù ngài, nó lại tôn vinh,
Bạn thiết của ngài, nó miệt khinh,
Nó cản người khen ngài tốt đẹp,
Những người phỉ báng, nó hoan nghênh.
4. Nó chẳng hề tâm sự mảy may,
Chuyện ngài tâm sự, nó phơi bày,
Việc ngài làm, chẳng hề khen tốt,
Cũng chẳng hề khen trí tuệ ngài.
5. Khi ngài hạnh phúc nó không mừng,
Ô nhục ngài mang, nó thỏa lòng,
Nếu được món ngon, không nghĩ tới
Tên ngài, trong dạ chẳng buồn thương,
Cũng không kêu lớn: ô này bạn,
Ta ước bạn ta cũng có phần!
6. Mười sáu điều trên, cớ rõ ràng
Cho ngài thấy được một cừu nhân,
Nếu người có trí nào nghe thấy,
Sẽ biết kẻ thù để nhận chân.
7. Làm sao người trí phải tinh cần
Phân biệt làm sao được thực chân,
Các việc làm nào tai mắt thấy
Tỏ ra người ấy chính thân bằng?
Khi được hỏi qua lời kệ trên, vị quan liền ngâm các vần kệ còn lại:

8. Kẻ ấy nhớ người lúc vắng xa,
Mừng vui khi bạn trở về nhà,
Trong lòng hoan hỷ lên cao độ,
Chàng cất tiếng liền đón rước ta.
9. Chàng chẳng tôn vinh kẻ chống ngài,
Chỉ ưa phụng sự bạn ngài thôi,
Những ai phỉ báng, chàng ngăn cản,
Ai tán tụng ngài, lại thấy vui.
10. Chàng kể nhiều tâm sự với ngài,
Chuyện ngài tâm sự, chẳng phơi bày,
Đề cao những việc ngài làm được.
Khen ngợi tài năng bạn thật hay.
11. Chàng khổ lòng khi bạn ố danh

Chàng vui khi nghe bạn được an lành
Nếu được gì cao lương mỹ vị,
Chàng liền nghĩ đến bạn thân mình,

Cảm thương ngài quá, chàng kêu lớn:
Ta ước ao phần bạn được dành!
12. Mười sáu điều trên ấy chứng minh,
Rõ ràng xác định bạn thân tình,
Nếu người có trí nào nghe thấy,
Có thể nói ngay bạn chí thành.
Vua hoan hỷ nghe lời thuyết giảng của bậc Đại Sĩ, nên ban tặng ngài vinh quang tột đỉnh.

*

Sau khi chấm dứt Pháp thoại này, bậc Đạo Sư bảo:

- Thưa Đại vương, như vậy vấn đề này nảy sinh từ ngàn xưa và các bậc trí nhân dạy bảo: Nhờ ba mươi hai biểu hiện trên mà Ta có thể biết được bạn hay thù.

Cùng với các lời này Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy Ànanda là vua và Ta chính là vị triều thần hiền trí.

[Hết Tiểu Bộ Kinh, Tập VII]

-ooOoo-

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.